CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP
GRAND GAIN

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Cơ sở
"NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP – ĐỊA ĐIỂM 2"

Quy mô: Sản xuất, gia công giày, dép với quy mô 3.600.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn với quy mô 144.970 m^2/năm.

Địa chỉ thực hiện: Lô F3-F7, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Lô F3-F7, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, thành phố Đồng Nai).

ĐỒNG NAI, THÁNG 5 NĂM 2026

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG của Cơ sở

"NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP – ĐỊA ĐIỂM 2"

Quy mô: Sản xuất, gia công giày, dép với quy mô 3.600.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn với quy mô 144.970 m^2/năm.

Địa chỉ thực hiện: Lô F3-F7, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Lô F3-F7, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, thành phố Đồng Nai).

CHỦ CƠ SỞ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VI TA
	GIÁM ĐỐC
	Trần Thị Thanh Thuý

ĐỒNG NAI, THÁNG 5 NĂM 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT 3
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 7
1.1. Tên chủ cơ sở: 7
1.2. Tên cơ sở. 7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở: 8
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở. 14
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 37
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 43
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 43
2. 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 46
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 49
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 49
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 67
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường. 75
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 77
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 78
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 79
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác 87
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. 87
3.9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp. 87
3.10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học. 88
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 89
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 89

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 91

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 94

4.4. Các nội dung về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường. 95

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....98

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường: 98

5.2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải: 98

5.3. Kết quả quan trắc định kỳ đối với khí thải. 98

CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 99

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....99

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật. 101

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....102

CHƯƠNG VII: NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH 103

CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 104

PHỤ LỤC BÁO CÁO 106

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	:	Nhu cầu oxy sinh học
BCT	:	Bộ Công thương
BNN & MT	:	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên Môi trường
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CTR	:	Chất thải rắn
CTNH	:	Chất thải nguy hại
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
GPMT	:	Giấy phép môi trường
HCDV	:	Hành chính dịch vụ
XLNTSH	:	Xử lý nước thải sinh hoạt
KCN	:	Khu công nghiệp
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TT	:	Thông tư
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	:	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Công suất sản xuất 9
Bảng 1. 2. Sản phẩm tại cơ sở 14
Bảng 1. 3. Khối lượng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.....15
Bảng 1. 4. Khối lượng hóa chất phục vụ sản xuất.....18
Bảng 1. 5. Điện năng tiêu thụ hiện tại của cơ sở.....36
Bảng 1. 6. Tổng hợp nhu cầu sử dụng và xả thải nước của cơ sở.....37
Bảng 1. 7. Tọa độ vị trí thực hiện.....37
Bảng 1. 8. Các hạng mục công trình của cơ sở 39
Bảng 1. 9. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở.....40
Bảng 3. 1. Bảng thống kê lượng nước thải phát sinh 50
Bảng 3. 2. Nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải sinh hoạt 51
Bảng 3. 3. Số lượng và kích thước các bể tự hoại tại cơ sở 55
Bảng 3. 4. Thông số của hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 40m^3/ngày.....57
Bảng 3. 5. Danh mục máy móc của hệ thống xử lý nước thải sản xuất 40 m^3/ngày.....57
Bảng 3. 6. Các thông số bể của hệ thống xử lý nước thải 61
Bảng 3. 7. Danh mục máy móc của hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m^3/ngày.....61
Bảng 3. 8. Lượng hóa chất sử dụng của các hệ thống xử lý nước thải.....67
Bảng 3. 9. Tải lượng nồng độ hơi dung môi phát sinh.....72
Bảng 3. 10. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở.....75
Bảng 3. 11. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở 76
Bảng 3. 12. Chất thải nguy hại phát sinh phát sinh hiện tại 77
Bảng 3. 13. Biện pháp khắc phục sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải.....80
Bảng 3. 14. Biện pháp khắc phục kỹ thuật sự cố vận hành Thiết bị xử lý khí thải.....82
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giới hạn giá trị xả thải.....92
Bảng 4. 2. Giới hạn cho phép về tiếng ồn 94
Bảng 4. 3. Giới hạn cho phép về độ rung.....95
Bảng 4. 4. Khối lượng CTNH phát sinh đề nghị cấp phép.....95
Bảng 4. 5. Khối lượng CTR công nghiệp phát sinh đề nghị cấp phép.....96

Bảng 6. 1. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường 99

Bảng 6. 2. Thông số quan trắc, vị trí lấy mẫu khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm 100

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. 1. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất mặt giày 9
Hình 1. 2. Sơ đồ quy trình sản xuất đế giày 10
Hình 1. 3. Sơ đồ quy trình sản xuất giày hoàn chỉnh 11
Hình 1. 4. Vị trí của công ty trong quy hoạch của KCN 38
Hình 1. 5. Hình ảnh vị trí nhà xưởng sản xuất của công ty 38
Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa 49
Hình 3. 2. Hình ảnh hệ thống thoát nước mưa tại công ty 50
Hình 3. 3. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải 53
Hình 3. 4. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải bằng bể tự hoại 3 ngăn 54
Hình 3. 5. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải sản xuất, công suất 40 m^3/ngày đêm 55
Hình 3. 6. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải, công suất 70 m^3/ngày đêm 59
Hình 3. 7. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 40 m^3/ngày đêm và Hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m^3/ngày đêm.....64
Hình 3. 8. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi, hơi dung môi 69
Hình 3. 9. Hình ảnh hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn in.....71
Hình 3. 10. Sơ đồ công nghệ xử lý hơi dung môi từ công đoạn dán keo 73
Hình 3. 11. Cơ cấu tổ chức ban chỉ huy ứng phó sự cố tại dự án.....86

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Sản xuất giày dép Grand Gain.

- Địa chỉ văn phòng: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai).

- Người đại diện: Ông CHU CHE LIANG – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan).

- Hộ chiếu nước ngoài: 360188189 Ngày cấp: 27/09/2021 Nơi cấp: Cơ quan ngoại giao Đài Loan.

- Điện thoại: 02713.889007

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh:

+ Giấy chứng nhận đầu tư số 1087575231 chứng nhận lần đầu ngày 12/09/2014, chứng nhận thay đổi lần 5 ngày 25/06/2025 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cũ cấp.

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, mã số doanh nghiệp 3801083966, đăng ký lần đầu ngày 12/09/2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 09/09/2025.

- Mã số thuế: 3801083966.

1.2. Tên cơ sở.

- Tên cơ sở: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP – ĐỊA ĐIỂM 2**

Quy mô: Sản xuất, gia công giày, dép với quy mô 3.600.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn với quy mô 144.970 m^2/năm.

- Địa điểm thực hiện: Lô F3 - F4, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Lô F3 - F4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai) (Thuê lại nhà xưởng của công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh).

❖ **Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng:**

- Giấy phép xây dựng số 57/GPXD ngày 15/01/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) cấp cho công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh được phép xây dựng công trình.

❖ **Các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở:**

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 45/TD-PCCC ngày 21/02/2020 do Công an tỉnh Bình Phước cũ cấp.

- Văn bản đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy số 185/TĐ-PCCC & CNCH ngày 12/07/2021 do Công an tỉnh Bình Phước cũ cấp.

- Văn bản đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy số 231/TĐ-PCCC & CNCH ngày 19/12/2024 do Công an tỉnh Bình Phước cũ cấp.

- Văn bản đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy số 36/TĐ-PCCC ngày 06/03/2024 do Công an tỉnh Bình Phước cũ cấp.

- Văn bản đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy số 06/TĐ-PCCC ngày 08/01/2025 do Công an tỉnh Bình Phước cũ cấp.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: VP 13462, ngày 28/5/2025 của công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh đã được văn phòng đăng ký đất đai cấp.

❖ **Quy mô của cơ sở:** Tổng vốn để thực hiện dự án là **1.406.693.610.000 VNĐ** *(Một ngàn bốn trăm lẻ sáu tỷ, sáu trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm mười ngàn đồng)*. Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, dự án được phân loại thuộc **nhóm B** theo quy định pháp luật về đầu tư công.

❖ Yếu tố nhảy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2022 và được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026: Cơ sở không có yếu tố nhảy cảm.

❖ **Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:** Sản xuất, gia công các loại giày dép; mua bán các loại vải và hàng may sẵn.

❖ **Phân nhóm dự án đầu tư:**

- Căn cứ theo Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Dự án thuộc mục số 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025, dự án có tiêu chí **phân loại như dự án nhóm III**, thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp tỉnh thẩm định cấp giấy phép môi trường.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 1087575231 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) cấp đăng ký lần đầu ngày 12/9/2014, chứng nhận thay đổi lần thứ 5, ngày

25/06/2025, Cơ sở được thực hiện **sản xuất, gia công giày, dép với quy mô 3.600.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn với quy mô 144.970m^2/năm**.

Cụ thể công suất sản xuất như sau:

Bảng 1. 1. Công suất sản xuất

		Đơn vị	Số lượng
1	Sản xuất, gia công giày, dép	Đôi/năm	3.600.000
2	Bán buôn vải, hàng may sẵn	m^2/năm	144.970

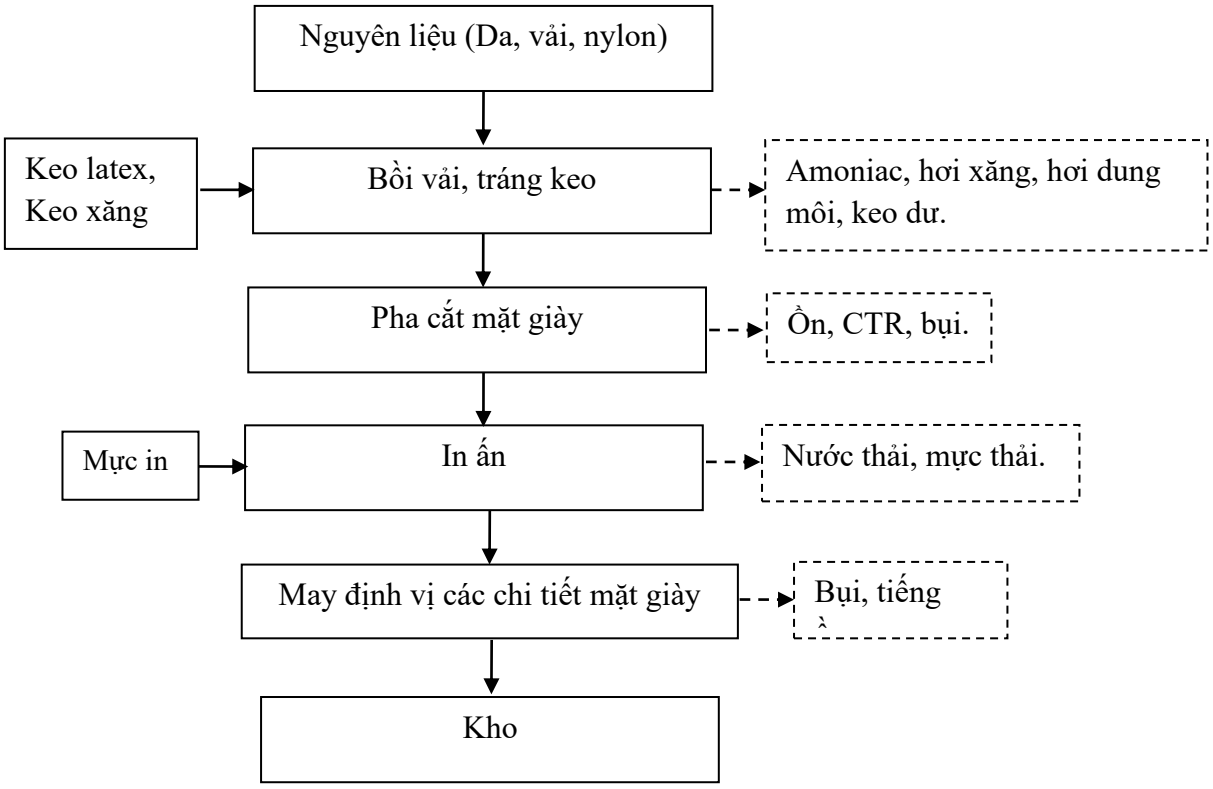
Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.

Công nghệ sản xuất giày da của cơ sở được chia làm 02 công đoạn: công đoạn sản xuất mặt giày và công đoạn sản xuất đế giày.

1.3.2.1. Quy trình sản xuất mặt giày

Sơ đồ công nghệ sản xuất cụ thể như sau:



Hình 1. 1. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất mặt giày

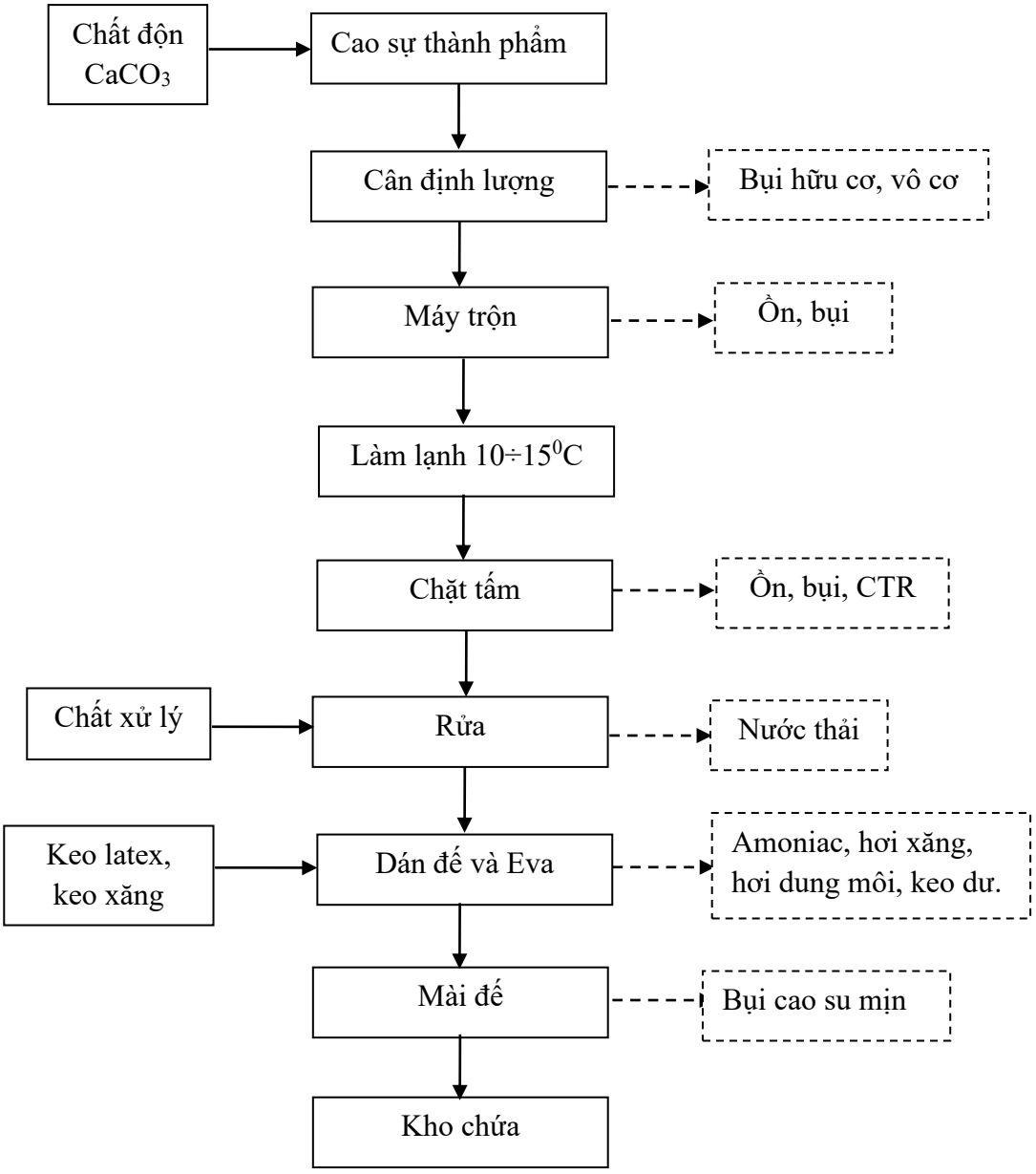
**** Thuyết minh quy trình công nghệ***

Nguyên vật liệu gồm vải, bạt, các loại da, da giả được đưa từ kho sang bồi vải, tráng keo sau đó chuyển sang pha chặt. Tại bộ phận này, các máy chặt thủy lực sẽ cắt nguyên liệu thành các chi tiết của mũ giầy theo các dao chặt với kích thước khác nhau. Sau khi chặt, các chi tiết được xếp bó, chuyển sang trung tâm phân phối. Từ đây các chi tiết này

được chuyển sang bộ phận may và được gắn định vị để tạo điều kiện may ghép nối thành đôi mặt giày. Sản phẩm mặt giày được đưa vào kho để tiếp tục chuyển đến phân xưởng hoàn chỉnh.

1.3.2.2. Quy trình sản xuất đế giày.

Chi tiết quy trình sản xuất đế giày như sau:

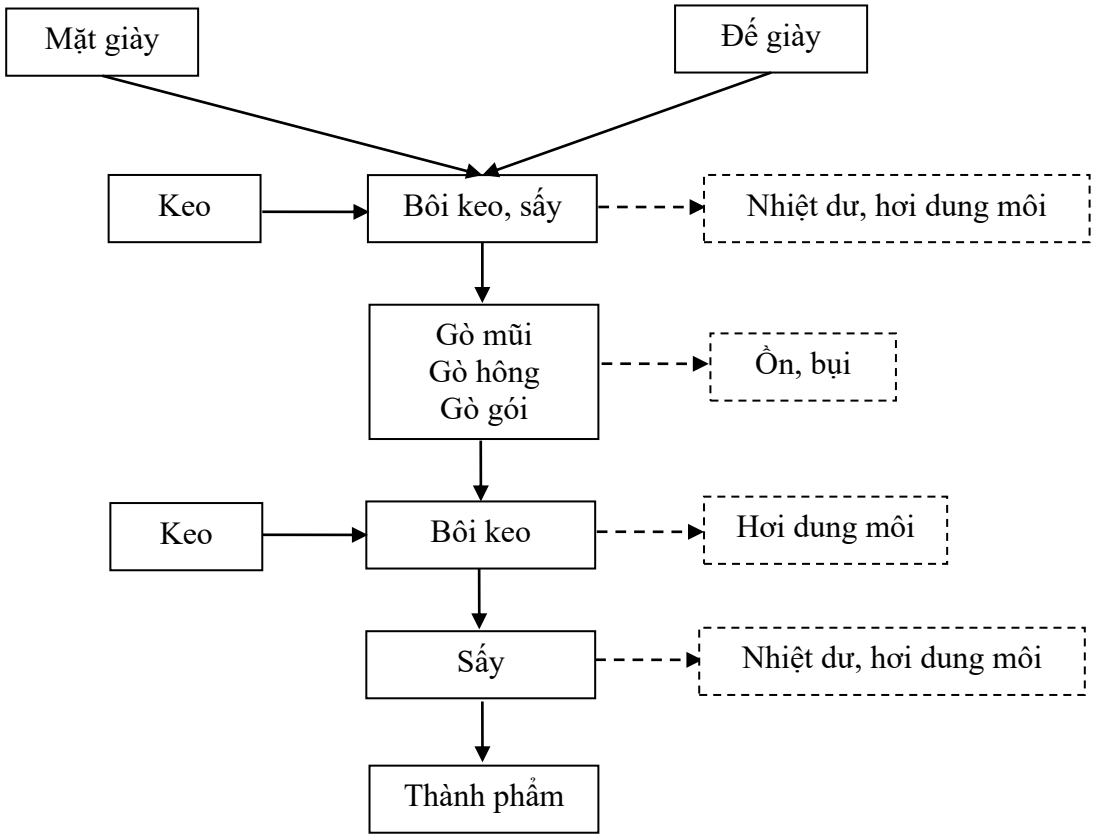


Hình 1. 2. Sơ đồ quy trình sản xuất đế giày

*** Thuyết minh quy trinh công nghệ:**

Căn, đong nguyên vật liệu, hóa chất, các chất độn, chất phụ gia chuyển hỗn hợp vào máy trộn tạo thành chất dẻo quánh, sau đó qua máy cán để tạo thành những tấm nhựa hoặc cao su dẻo, làm nguội ở nhiệt độ 10÷15^{0}C, các tấm bán thành phẩm này sau khi chặt tấm được rửa sạch các bụi bẩn. Sau khi để ổn định thành phần nhựa đế sẽ được dán với Eva sau đó mài cạnh rồi chuyển vào kho chứa.

1.3.2.3. Quy trình sản xuất giày hoàn chỉnh



Hình 1. 3. Sơ đồ quy trình sản xuất giày hoàn chỉnh

*** Thuyết minh quy trình sản xuất**

Tại bộ phận gò hoàn chỉnh, phần đế giày và mặt giày được ghép nối nhờ keo dán và bím giày theo trình tự sau: đế, đế giữa được quét keo phía mép dưới sau đó qua băng chuyền sấy khô keo. Mặt giày, form giày và đế giữa được đưa lên máy gò thủy lực đế ghép hai phần lại. Lúc này, giày được định hình theo form giày và tiếp tục chuyển đến bộ phận bôi keo lần 2 tại phần đế giữa phía dưới giày và mép dưới của giày, chuyển lên băng tải sấy khô.

Phần đế dưới được ghép nối với phần mặt giày nhờ keo dán và máy ép thủy lực. Sau đó, giày lại được đưa sang bộ phận quét keo dán và tiếp tục được sấy khô keo để ghép nối phần bên ngoài gắn kết phần đế và mũ nhờ keo dán. Tại bộ phận hấp giày: giày được bôi keo, chuyển vào thùng hấp, tại đây giày được gia nhiệt bằng hơi nước do lò hơi cung cấp, nhiệt độ môi trường hấp khoảng 120÷140^{0}C, áp suất 2atm. Lúc này, xảy ra quá trình lưu hóa cao su giày và keo, thời gian lưu hóa từ 1 đến 1,5 giờ, sau đó giày được đưa ra ngoài, tháo form, kiểm tra, tẩy rửa vết bẩn và ghép thành từng đôi cùng cỡ, đóng gói, nhập kho.

Công đoạn hoàn chỉnh sản phẩm sử dụng nhiều loại hóa chất, keo dán, ngoài ra còn có các nguồn nhiệt: sấy, lưu hóa nên khả năng gây ô nhiễm môi trường ở bộ phận này thường cao hơn các phân xưởng khác. Theo định mức sử dụng keo dán trên một đơn vị sản phẩm có khoảng 40 đến 50 gam keo/đôi giày khi ở công đoạn hoàn thành chiếm 70%

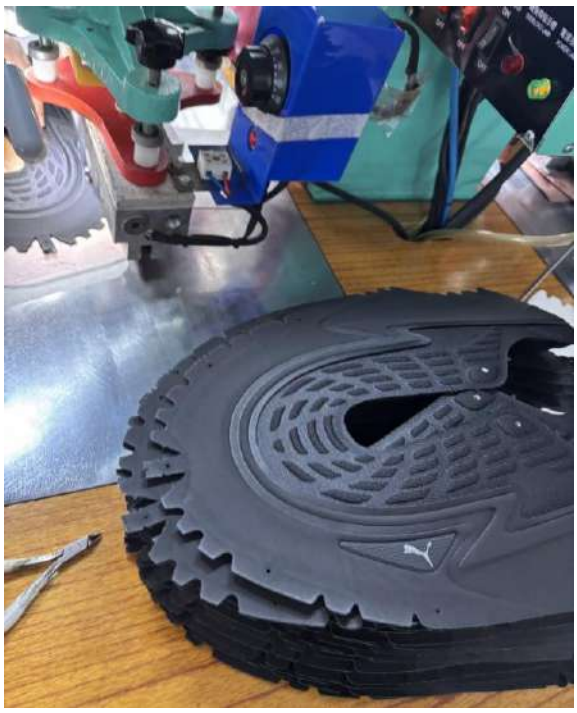
lượng keo tiêu tốn. Vì vậy, ô nhiễm dung môi hữu cơ ở công đoạn này rất cần phải được lưu ý. Keo dán dùng ở đây là keo dung môi nên chất ô nhiễm môi trường chủ yếu là toluen, xyken, xăng, các chất tẩy rửa như axeton, MEK,…

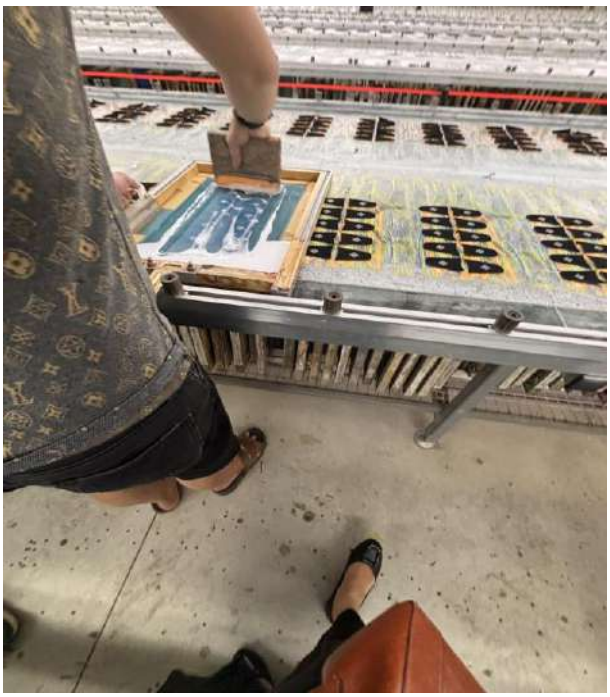
Ngoài ra, ở phân xưởng này còn phát sinh bụi cao su có kích thước mịn do mài cạnh đế, mài viền hoặc ở các khâu dán đế, ép đế, kiểm tra sản phẩm,…các khí độc hại khác như NO_x, SO_2, CO. Có thể nói ở phân xưởng hoàn chỉnh hội tụ đầy đủ các yếu tố gây ô nhiễm môi trường.

Một số hình ảnh các công đoạn sản xuất của nhà máy:





















1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở không thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 17/6/2015. Cụ thể như sau:

Bảng 1. 2. Sản phẩm tại cơ sở

		Đơn vị	Số lượng
1	Sản xuất, gia công giày, dép	Đôi/năm	3.600.000
2	Bán buôn vải, hàng may sẵn	m^2/năm	144.970

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

Một số hình ảnh sản phẩm của dự án





1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.

1.4.1. Nguyên nhiệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng của cơ sở.

Khối lượng cụ thể của từng loại nguyên liệu, nhiên liệu và hóa chất phục vụ cho quá trình sản xuất như sau:

Bảng 1. 3. Khối lượng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất

STT	Tên nguyên liệu	Số lượng (tấn/năm)	Xuất xứ	Dùng cho công đoạn sản xuất
1	Mút xốp EVA	9	Trung Quốc, Việt Nam	Đế trung, mặt giày
2	Chỉ từ sợi xơ tổng hợp	38	Trung Quốc	May giày
3	Vải không dệt	38	Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Đế trung, mặt giày
4	Vải lưới	131	Đài Loan, China	Mặt giày
5	Băng dính nhám	1	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
6	Dây đai	31	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
7	Dây thun, Dây luồn	31	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
8	Nhãn Vải	1	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
9	Vải dán mút xốp	31	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
10	Vải dán cao su	3	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
11	Thùng carton	19	Việt Nam	Đóng gói
12	Băng keo dán thùng	16	Trung Quốc, Mỹ	Đóng gói
13	Giấy đóng gói	6	Việt Nam	Đóng gói
14	Hộp giày	563	Việt Nam	Đóng gói
15	Đế giày EVA	1063	Trung Quốc, Việt Nam	Dán giày
16	Đế giày cao su	938	Trung Quốc, Việt Nam	Dán thành hình
17	Keo nóng chảy	19	Đài Loan	Dán thành hình
18	Tấm TPU	125	Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Mặt giày
19	Nút giày bằng kim loại	4	Trung Quốc, Hàn Quốc	Nút xỏ dây giày
20	Miếng trang trí	106	Trung Quốc, Việt Nam	Trang trí mặt giày
21	Da động vật	188	Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Mặt giày
22	Vải PU giả da	313	Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Mặt giày

STT	Tên nguyên liệu	Số lượng (tấn/năm)	Xuất xứ	Dùng cho công đoạn sản xuất
23	Miếng đệm giày	0	Trung Quốc, Việt Nam	Lót giày
24	Nhãn giấy	219	Trung Quốc, Pháp, Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan, Việt Nam	Dán bên ngoài hộp giày/ Treo lên giày
25	Bọc gót giày bằng nhựa (cảng bào)	9	Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Giữ form cho gót giày
26	Bọc gót giày bằng keo nóng chảy	88	Trung Quốc	Giữ form cho gót giày
27	Tấm cao su	63	Trung Quốc, Việt Nam	Đế trung
28	Vải dệt kim	1	Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Mặt giày
29	Dây giày	625	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
30	Vải dệt thoi	38	Trung Quốc, Pháp, Hàn Quốc, Việt Nam	Mặt giày
31	Miếng vải ghép mặt giày	94	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
32	Đế trung	0	Trung Quốc, Việt Nam	Đế trung
33	Giấy lót giày	1	Trung Quốc	Đóng gói
34	Tem chuyển in	125	Việt Nam	In logo lên mặt giày, lưỡi giày
35	Miếng chống mốc	2	Singapore	Đóng gói
36	Cao su tổng hợp (Polybutadiene)	1	Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Malay, Thái Lan, Trung Quốc	Sản xuất đế giày
37	Chất xúc tiến lưu hóa cao su đã điều chế	1	Đài Loan, Trung Quốc	Sản xuất đế giày
38	Cao su tổng hợp (styren butadien)	2500	Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Việt Nam	Sản xuất đế giày
39	Tấm cao su (Rubber sheet)	131	Đài Loan	Sản xuất đế giày
40	Thuốc màu (Titanium Dioxide Rutile Tioxide R-FC5)	688	Tây Ban Nha, Malaysia	Sản xuất đế giày
41	Chất chống lão hóa	6	Trung Quốc	Sản xuất đế giày
42	Silic Dioxide	94	Trung Quốc	Sản xuất đế giày
43	Stearic Acid	31	Indonesia, Malaysia	Sản xuất đế giày

STT	Tên nguyên liệu	Số lượng (tấn/năm)	Xuất xứ	Dùng cho công đoạn sản xuất
44	Kẽm oxit	1188	Đài Loan, Trung Quốc	Sản xuất đế giày
45	Hóa chất Polyethylene glycol PEG 4000	16	Đài Loan, Hàn Quốc	Sản xuất đế giày
46	Chất hỗ trợ gia công	128	Trung Quốc	Sản xuất đế giày
47	Kẽm stearic (Zince Stearate)	125	Đài Loan	Sản xuất đế giày
48	Chất kết dính	156	Đài Loan	Sản xuất đế giày
49	Sáp parrafin	16	Ý	Sản xuất đế giày
50	Canxi carbonat	13	Đài Loan	Sản xuất đế giày
51	Cao su tự nhiên đã định chuẩn kỹ thuật	13	Lào, Việt Nam, Campuchia, Thái Lan	Sản xuất đế giày
52	Dầu khoán điều chỉnh độ cứng mềm	294	Đài Loan, Malaysia	Sản xuất đế giày
53	Ethylene-Vinyl Acetate Copolymer	138	Ả Rập, Hàn Quốc, Đài Loan	Sản xuất đế giày
54	Synthetic Rubber	106	Trung Quốc, Singapo, Nga	Sản xuất đế giày
55	Butadiene Synthetic Rubber	84	Trung Quốc	Sản xuất đế giày
56	Cao su tổng hợp (Acrylonitrile-butadien)	450	Đài Loan, Hàn Quốc	Sản xuất đế giày
57	Hạt nhựa Copolyme etylen-vinyl axetat	7	Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Ả Rập	Sản xuất đế giày
58	Axit Stearic	19	Indonesia, Malaysia, Đài Loan	Sản xuất đế giày
59	Muối axit stearic	25	Đài Loan, Indonesia	Sản xuất đế giày
60	Kẽm oxit	38	Malaysia, Đài Loan	Sản xuất đế giày
61	Cao su tổng hợp Hydrocarbon	47	Đài Loan, Hàn Quốc, Mỹ	Sản xuất đế giày
62	Chế phẩm chống oxy hóa	16	Trung Quốc	Sản xuất đế giày
63	Chất tạo bọt	44	Trung Quốc	Sản xuất đế giày
64	Bột talc	213	Hàn Quốc	Sản xuất đế giày
65	Hạt nhựa Polyolefin Elastomer, trọng lượng riêng dưới 0,94	213	Ả Rập, Thái Lan, Đài Loan, Việt Nam, Mỹ	Sản xuất đế giày
66	Hạt Nhựa Ethylene Alpha-Olefin Copolymer	31	Hàn Quốc, Singapore	Sản xuất đế giày

STT	Tên nguyên liệu	Số lượng (tấn/năm)	Xuất xứ	Dùng cho công đoạn sản xuất
	Tafmer,có trọng lượng riêng dưới 0,94			
67	Cao su Butadien	6	Anh	Sản xuất đế giày
68	Hạt nhựa polyme từ styren (copolyme hydrogenated styrene butadien) mã CAS no: 66070-58-4 (98.9-99.8%) , dạng hạt , trọng lượng riêng 0.9-0.98, dùng để sản xuất đế giày, mới 100%	1	Tây Ban Nha	Sản xuất đế giày

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

Bảng 1. 4. Khối lượng hóa chất phục vụ sản xuất

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
1	1024	Chất xử lý	Thành hình	Methyl ethyl ketone	37	75
				Polyurethane resin	11	
				Ethyl acetate	65	
2	1026A	Chất xử lý	Thành hình	Methyl acetate	30	244
				Ethyl acetate	50	
				Acetone	40	
3	111PD/111 PD（A）	Chất xử lý	Thành hình và đế	Dimethyl Sulfoxide	15	75
				Polyurethane resin	4	
				Methyl acetate	30	
				Ethyl acetate	37	
				Methyl ethyl ketone	38	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
4	111YCN	Chất xử lý	Thành hình	Acetone	25	469
				Methyl ethyl ketone	50	
				Tetrahydrofuran	30	
				Ethyl acetate	5	
				Polyurethane resin	5	
5	111YNN	Chất xử lý	Thành hình	Acetone	37	1753
				Ethyl acetate	35	
				Methyl cyclohexane	35	
6	116NN	Chất xử lý	Thành hình	Polyurethane resin	15	3122
				Ethyl acetate	55	
				Methyl ethyl ketone	40	
7	228C1	Chất xử lý	Xử lý chống thấm vải	Acetone	85	188
				Organic acid	5	
				Ethyl acetate	15	
8	258H8	nước chiếu xạ	Xử lý chiếu xạ đế và thành hình	Methyl cyclohexane	15	4667
				Ethyl acetate	40	
				UV curable resin	10	
				Methyl ethyl ketone	45	
9	311A5	Chất xử lý	Vệ sinh đế và eva	Methyl cyclohexane	65	2578
				Methyl Ethyl Ketone (MEK)	65	
10	311FT6	Chất xử lý	Xử lý da thành	Methyl ethyl ketone	60	1519

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
			hình	Polyurethane Resin	30	
				Ethyl acetate	20	
				Methyl acetate	20	
				Dimethyl Carbonate (DMC)	20	
11	311HMVN	Chất xử lý	Xử lý đế và thành hình	Methyl ethyl ketone	85	2531
				Polyurethane Resin	3	
				Ethyl acetate	20	
				Dimethyl sulfoxide	20	
12	320NUV	nước xử lý miễn chiếu xạ	Đế	Methyl cyclohexane	65	28
				Butyl acetate	8	
				Resin	5	
				Methyl ethyl ketone	40	
13	351F	chất đông cứng	Pha nước xử lý	Phenol, 4-isocyanato-, phosphorothioate	30	468
				Ethyl acetate	85	
14	364	chất đông cứng	Pha miễn chiếu xạ	Aliphatic isocyanate	30	2
				Butyl acetate	15	
				Methyl cyclohexane	75	
15	577NT3	keo	Keo may	Chloroprene rubber	18	2288
				Methyl methacrylate (MMA)	6	
				Dimethyl Carbonate (DMC)	20	
				Methyl Ethyl Ketone (MEK)	8	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				Methyl cyclohexane	45	
				Diacetone Alcohol (DAA)	5	
				Chloroprene rubber	18	
16	VN6001L	keo nước	Keo lót mặt giày	Polyurethane	55	
				Water	55	
17	633BF	Chất xử lý	Vệ sinh	Methyl Cyclohexane	98	3184
18	VN6608	keo nước	Keo thành hình và đế	Polyurethane	55	
				Water	55	
19	740K9	Chất xử lý	Xử lý thành hình và đế	Methyl acetate	70	19
				Methyl cyclohexane	35	
				m-Toluic acid	2	
				Gallic acid	1	
20	933M	Chất xử lý	Vệ sinh	Acetone	40	11906
				Sec butyl acetate	55	
				Methyl acetate	40	
21	A-106	Keo chống thấm	Thành hình	Solvent	20	994
				Methylcyclohexane	30	
				Water white rosin	40	
				Thermoplastic elastomer resin	40	
22	A-808	Chất xử lý	Đế	Etidronic Acid	40	51413

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				nonionic surfactant	40	
				Axit orthophosphoric	40	
23	A586W	keo dạng nước	Thành hình	Polyurethane resin	50	250
				Water	54	
24	Acrylate	Keo trải bàn hệ nước	In sơn	frosted powder	10	2456
				Cyclohexanone	60	
25	BJ-039	Keo cao su	Đế	Amnonia	40	14450
				Latax	60	
26	Bright Gold OIL	Dầu bóng hệ dầu	In sơn	Resin	70	6
				Water	100	
27	C-138A	Keo lập thể đàn hồi cao hệ nước	In sơn	Water	100	169
				Resin	70	
28	C-2A	Chất xử lý	Đế	Emulsifier	40	42797
				Sodium	20	
				caustic soda	60	
29	C-2B	Chất xử lý	Đế	Axit orthophosphoric	60	42797
				Sodium	30	
				Etidronic Acid	40	
30	C-998A	Keo lập thể hệ nước	In sơn	Resin	70	45
				Water	100	
31	CL-12	chất đông cứng hệ	Pha keo	Ethyl acetate	22	115

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
		nước		Hydrophilic aliphatic polyisocyanate	82	
32	CXF-03YSX	mực tróc	In sơn	Acrylic resin	40	388
				$CaCO_3$	50	
				Water	100	
				Silicon Additive	2	
33	EVA-102	mực trắng	In sơn	Cyclohexanone	100	313
				Titanium oxide	40	
				Polyurethane Resin	50	
34	EVA-203	mực vàng	In sơn	N,N diethylformamide(DEF)	20	90
				Pigment Yellow 14	20	
				Polyurethane Resin	60	
35	EVA-206	mực màu chanh	In sơn	Pigment Yellow 81	20	34
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
				Polyurethane Resin	60	
36	EVA-209	mực màu vàng trung	In sơn	N,N diethylformamide(DEF)	100	11
				Transparent Yellow Pigment	20	
				Polyurethane Resin	60	
37	EVA-302	mực màu đỏ đô	In sơn	N,N diethylformamide(DEF)	15	45
				2254 Red 2254	15	
				Polyurethane Resin	70	
38	EVA-304	mực màu đỏ	in sơn	Polyurethane Resin	70	11

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				Cyclohexanone	15	
				2254 Red 2254	14,5	
39	EVA-308	mực màu hồng đào	in sơn	Pink Pigment	20	23
				N,N diethylformamide (DEF)	100	
				EVA Resin	70	
40	EVA-401	mực màu tím	in sơn	Solvent Violet 13	20	11
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
				Polyurethane Resin	60	
41	EVA-404	mực màu xanh	in sơn	Polyurethane Resin	60	79
				N,N diethylformamide(DEF)	10	
				Ultramarine Pigment	30	
42	EVA-408	mực màu xanh nhạt	in sơn	Polyurethane Resin	60	56
				N,N diethylformamide(DEF)	10	
				Blue 29	30	
43	EVA-500	mực màu đen	in sơn	Polyurethane Resin	70	135
				Carbon black	15	
				N,N diethylformamide(DEF)	15	
44	EVA-702	mực màu vàng dạ quang	in sơn	N,N diethylformamide(DEF)	100	56
				Fluorescent Yellow Pigment	15	
				Polyurethane Resin	70	
45	EVA-704	mực màu cam dạ	in sơn	Polyurethane Resin	70	45

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
		quang		Fluorescent Orange Pigment	15	
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
46	EVA-705	mực màu xanh dạ quang	in sơn	Polyurethane Resin	70	23
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
				Fluorescent Green Pigment	15	
47	EVA-708	mực màu đỏ dạ quang	in sơn	Fluorescent Rose Pigment	15	23
				Polyurethane Resin	70	
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
48	Hardener	Chất làm cứng hệ nước	in sơn	Auxiliary	100	188
				Resin	70	
49	HM-401(S)	Keo nóng chảy	may	Polyolefin	60	2913
				Petroleum resins	50	
50	JW-043	Chất xử lý	thành hình	Methyl ethyl ketone	95	516
				Polyurethane resin	12	
51	M-110	Chất xử lý	vệ sinh	dung môi(Methyl acetate)	40	1663
				Butanone	40	
				Isophorone	40	
				Sec butyl acetate	30	
52	M9K	Chất xử lý	vệ sinh	Methyl acetate	60	4241
				Ethyl acetate	45	
53	MPU-500	mực màu đen	in sơn	Polyurethane Resin	70	45

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				Cabon Black	15	
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
54	NP-585	keo dạng nước	thành hình	Water	55	363
				Polyurethane resin	51	
55	VNP-585	keo dạng nước	thành hình	Nước/Water	55	
				Polyurethane resin	51	
56	NP-58F	Chất xử lý	Thành hình và đế	Polyurethane resin	52	88
				Water	55	
57	NP-71KN	keo tính dầu	Thành hình và đế	Methyl acetate	21	1097
				Ethyl acetate	30	
				Methyl ethyl ketone	8	
				Acetone	30	
				dimethyl carbonate	20	
				Nhựa Polyurethane	18	
58	NP-72KN	keo tính dầu	Thành hình và đế	NhỰA PU	22	20166
				Methyl acetate	21	
				Ethyl acetate	42	
				Methyl ethyl ketone	35	
59	NUV-24N (NP8-24N)	Chất xử lý	Thành hình và đế	Modified Ethylene-Vinyl acetate polymer	3,5	141
				Methyl ethyl ketone	20	
				N-Butyl Acetate	10	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				Methyl cyclohexane	70	
60	NUV-90N	miễn chiếu xạ	chiếu xạ	Methyl cyclohexane	65	94
				Methyl ethyl ketone	20	
				Ethyl acetate	20	
				Modified Ethylene-Vinyl acetate polymer	5	
61	P103	Chất xử lý	Thành hình và đế	Tetrahydrofuran	46	103
				Ethyl acetate	57	
62	P116	keo tinh dầu	Thành hình và đế	Polyurethane resin	17	1950
				Ethyl acetate	8	
				Methyl ethyl ketone	85	
63	P431	Chất xử lý	Thành hình và đế	Methyl ethyl ketone	20	224
				Benzoic acid	3	
				Ethyl acetate	60	
64	PL55-1	Chất xử lý	keo bù thành hình	Resin	20	1022
				Ethyl acetate	20	
				Methyl ethyl ketone	90	
65	Printing ink - Matting agent	Chất tạo mờ hệ nước	in sơn	Rosted powder	10	59
				Cyclohexanon	60	
66	PU-111	Keo lập thể hệ dầu	in sơn	Color powder	30	1995
				Diluent	100	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				RESIN	60	
67	PU-193	chất nhanh khô	in sơn	N,N diethylformamide(DEF)	75	40
				MEK	25	
68	PU-500	Mực in màu đen hệ dầu	in sơn	Resin	60	75
				Diluent	100	
				Color powder	25	
69	R-316	keo nóng chảy	in sơn	Polyurethane Resin	70	18
				Hot-melt Powder	20	
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
70	RFE	Chất dông cứng	pha keo	Ethyl acetate	80	42
				Thionophosphoric acid-tris-(P-isocyanatophenyl ester)	30	
71	RN	Chất dông cứng	pha keo	Ethyl acetate	76	1091
				Polyisocyanate	33	
72	S-005	Chất chống nghẹt bảng	in sơn	RESIN	70	794
				Water	100	
73	S-04	Dung môi	in sơn	N,N diethylformamide (DEF)	40	29
				Isophorone	60	
74	S-101	Dầu bóng tạo mờ hệ nước	in sơn	RESIN	70	13
				Water	100	
75	S-106	Dầu bóng tạo mờ hệ	in sơn	RESIN	70	79

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
		nước		Water	100	
76	S-108	Chất tạo mờ hệ nước	in sơn	RESIN	70	38
				Water	100	
77	S-14	Dung môi	in sơn	MEK	100	39
78	TPU-116 SOLVENT-BASED 3D Binder	dầu bóng	in sơn	Polyurethane Resin	85	45
				Solid Powder	6	
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
79	TPU-7#	Màu bạc	in sơn	Silver Pigment	20	124
				Polyurethane Resin	45	
				N,N diethylformamide(DEF)	50	
80	UV-33	Chất xử lý	Thành hình và đế	Ethyl acetate	35	3739
				Methyl cyclohexane	35	
				Methyl ethyl ketone	35	
				Ethyl Alcohol	5	
81	UV-56	Chất xử lý	Thành hình và đế	Methyl ethyl ketone	35	1553
				Ethyl acetate	35	
				Methyl acetate	15	
				Methyl cyclohexane	10	
				2-Methoxy-1-Methylethyl Acetate	25	
				Modified Acrylate Resin	5	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
82	WPU-102	mực in màu gốc	in sơn	Water	100	388
				PYK-028 Silicon additive	1	
				Impranil DL 1116 Water Polyurethane Resin	40	
				White Pigment	45	
83	PU-102	Mực in màu trắng hệ dầu	in sơn	Color powder	30	295
				Diluent	100	
				Resin	60	
84	WPU-102FS	mực màu trắng chống chói	in sơn	Impranil DL 1116 Water Polyurethane Resin	45	388
				White Pigment	40	
				PYK-028 Silicon Additive	1	
				Nước/Water	100	
85	WPU-106	Dầu bóng tạo mờ hệ nước	in sơn	Resin	70	81
				Auxiliary	100	
86	WPU-110	dầu bống	in sơn	Water Polyurethane Resin	90	138
				Silicon	1	
				Additive	1	
				Water	100	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
87	WPU-111	dầu bóng chống chói	in sơn	Impranil DL 1116 Water Polyurethane Resin	80	75
				E-1011 Matting Powder SiO2。nH2O	5	
				PYK-028	1	
				Silicon Additive	4	
				Water / nước	100	
88	WPU-118	dầu bóng siêu bóng	in sơn	Water Polyurethane Resin	90	411
				Silicon Additive	1	
				Water	100	
89	WPU-131	Mực in vàng dạ quang hệ nước	in sơn	Color powder	25	525
90	WPU-133	Mực in đỏ dạ quang hệ nước	in sơn	Color powder	25	191
91	WPU-134	Mực in cam dạ quang hệ nước	in sơn	Color powder	25	729
92	WPU-138A	Keo lập thể đàn hồi cao hệ nước	in sơn	RESIN	70	158
				WATER	100	
93	WPU-140	Mực in xanh lá dạ quang hệ nước	in sơn	Color powder	25	256
94	WPU-148	Mực in xanh lam dạ quang hệ nước	in sơn	RESIN	30	56
				Color powder	25	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				WATER	100	
95	WPU-159	Mực in đào dạ quang hệ nước	in sơn	Color powder	25	771
96	WPU-160	Mực in tím dạ quang hệ nước	in sơn	Color powder	25	169
97	WPU-203	Mực in màu vàng nguyên hệ nước	in sơn	COLOR POWDER	17	539
				RESIN	30	
				WATER	100	
98	WPU-21#	mực in hệ nước	in sơn	Water Polyurethane Resin	80	238
				Water	100	
				Silicon Additive	1	
				Silver Pigment	15	
99	WPU-3038	Mực in đào tím chịu bóng hệ nước	in sơn	WATER	100	824
				COLOR POWDER	17	
				RESIN	30	
100	WPU-3073	Mực in đỏ chịu bóng hệ nước	in sơn	RESIN	30	945
				WATER	100	
				COLOR POWDER	17	
101	WPU-404	Mực in màu xanh đậm hệ nước	in sơn	COLOR POWDER	17	420
				WATER	100	
				RESIN	30	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
102	WPU-408	Mực in màu xanh thúy hệ nước	in sơn	Color powder	17	356
103	WPU-500	mực in	in sơn	Water Polyurethane Resin	80	169
				Black Pigment	15	
				Silicon Additive	2	
				WATER	100	
104	WPU-500	Mực in màu đen hệ nước	in sơn	COLOR POWDER	7	412
				WATER	100	
				RESIN	30	
105	WPU-500FS	mực màu đen chống chói	in sơn	Silicon Additive	2	525
				Black Pigment	25	
				water	100	
				Water Polyurethane Resin	70	
106	WPU-68	mực in màu bạc	in sơn	Silver Pigment	15	100
				Water Polyurethane Resin	80	
				Silicon Additive	1	
				Water	100	
107	WPU-805	mực in màu gôc21	in sơn	Silicon Additive	1	110
				Pearl Gold Pigment	15	
				Water	100	
				Water Polyurethane Resin	80	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
108	WPU-955B2	dầu bóng lập thể	in sơn	Impranil DL 1116 Water Polyurethane Resin	90	550
				HDK N20 CN Solid Powder	6	
				PYK-028	1	
				Silicon Additive	1	
				WATER	100	
109	WT-623	dầu bóng lập thể hệ nước	in sơn	Water Polyurethane Resin	90	5200
				Silicon Additive	2	
				Solid Powder	6	
				WATER	100	
110	001AB	Chất xử lý	xử lý thành hình và đế	Acetone	85	4658
				Ethyl acetate	18	
				Organic acid	2,1	
111	289	Chất xử lý	vệ sinh đế và eva	Methyl ethyl ketone	99	3741
				Dimethyl carbonate	20	
112	311BSVN	Chất xử lý	xử lý thành hình và đế	Methyl ethyl ketone	85	4434
				dimethyl sulfoxide	20	
				Ethyl acetate	15	
				Polyurethane Resin	3	
113	320NT8	Chất xử lý	chiếu xạ	Methyl cyclohexane	71	1538
				Methyl ethyl ketone	28	
				Butyl acetate	15	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				Resin	5	
114	348	chất đông cứng	pha keo dầu	Aromatic polyisocyanate	30	2297
				Ethyl acetate	80	
115	367S1	chất đông cứng hệ nước	pha keo nước	Ethyl acetate (EAC)	18	1819
				Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer	86	
116	98NH1	keo dầu	keo thành hình và đế	Methyl ethyl ketone	52	33788
				Polyurethane Resin	18	
				Ethyl acetate	30	
				Methyl acetate	30	
				Dimethyl Carbonate (DMC)	22	
117	PL52	keo tăng cường	keo bù thành hình	Ethyl acetate	65	13425
				Methyl ethyl ketone	45	
				Polyurethane Resin	18	
118	1016AB	Chất xử lý	Thành hình và đế	Trichloroisocyanuric Acid	3	1495
				Ethyl acetate	6	
				Acetone	94	
119	1070	Chất dông cứng	pha keo	Ethyl acetate	83	11
				Polyisocyanate	22	
120	122KN	Chất xử lý	Thành hình và đế	Acetone	40	201
				Methyl ethyl ketone	30	
				Polyurethane resin	22	
				Ethyl acetate	20	

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

1.4.2. Điện, nước sử dụng của cơ sở.

a. Lượng điện tiêu thụ

Nhà máy sử dụng điện từ mạng lưới cấp điện chung của KCN Đồng Xoài II, bố trí tại đầu nhà xưởng, đảm bảo luôn cung cấp nguồn điện 22kV ổn định và đầy đủ. Nguồn điện sử dụng trong công ty khi đi vào hoạt động chủ yếu phục vụ các mục đích sau:

- Phục vụ cho hoạt động của các máy móc vận hành dây chuyền sản xuất;

- Phục vụ cho nhu cầu của nhân viên, chiếu sáng xung quanh.

Bảng 1. 5. Điện năng tiêu thụ hiện tại của cơ sở

STT	Tháng	Số điện (kWh)
1	Tháng 1/2026	352.542
2	Tháng 2/2026	385091
3	Tháng 3/2026	205.908

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

b. Lượng nước tiêu thụ

* Nguồn nước: Nguồn nước cấp cho hoạt động của cơ sở từ nguồn nước thủy cục trong KCN Đồng Xoài II được cấp bởi Công ty Cổ phần Quang Minh Tiến cung cấp.

* Nhu cầu sử dụng:

- *Nước cấp cho sinh hoạt:*

Số lượng công nhân viên là 500 người. Theo QCVN 01:2021/BXD thì nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt là 80 lít/người. ngày thì lượng nước sử dụng là **40**m^3/ngày.

- *Nước cấp cho sản xuất:*

Hiện tại, Công ty sử dụng nước cho hoạt động in, vệ sinh thiết bị, dụng cụ khoảng **30**m^3/ngày.

- Lưu lượng nước tưới cây, rửa đường:

Với diện tích là 5.246,3m^2 bao gồm cây xanh và các tuyến đường giao thông nội bộ, tiêu chuẩn cấp nước là 3 l/m^2

$$Q = (5.246,3x3)/1000 = 15,74 \approx \mathbf{16}\ m^3/ngày$$

→ Như vậy, tổng lượng nước sử dụng hiện tại (không tính lượng nước rửa đường, tưới cây và PCCC) là **70**m^3/ngày.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng và xả thải của cơ sở như sau:

Bảng 1. 6. Tổng hợp nhu cầu sử dụng và xả thải nước của cơ sở

TT	Hạng mục	Lượng nước sử dụng (m^3/ngày)	Nước thải phát sinh (m^3/ngày)	Ghi chú
I	**Nước sản xuất**	**30**	**30**	
1	Hoạt động, rửa đế giày, rửa bảng in, vệ sinh thiết bị, dụng cụ in	30	30	Thải 100%
II	**Nước sinh hoạt**	**40**	**40**	
	Nước cấp cho sinh hoạt: 500 người	40	40	Thải 100%
	Tổng cộng	**70**	**70**	

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Thông tin về hiện trạng hoạt động của cơ sở

1.5.1.1. Vị trí địa lý.

Nhà máy sản xuất Giày dép của Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain được thực hiện trên diện tích 26.231,3m^2 (Thuê lại nhà xưởng của công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh) tại Lô F3 - F4, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Lô F3 - F4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai).

Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:

- Phía Bắc giáp đường quy hoạch N8 của KCN.
- Phía Nam lô đất trống của KCN;
- Phía Đông giáp đường N12 của KCN.;
- Phía Tây giáp đường N1 của KCN

Ranh giới toàn bộ của cơ sở được khống chế bởi các điểm tọa độ như sau:

Bảng 1. 7. Tọa độ vị trí thực hiện

Điểm	Hệ tọa độ VN 2000	
	X	Y
1	1273869	565562
2	1273814	565314
3	1273712	565337
4	1273767	565585



Hình 1. 4. Vị trí của công ty trong quy hoạch của KCN



Hình 1. 5. Hình ảnh vị trí nhà xưởng sản xuất của công ty

1.5.2.2. Hiện trạng sử dụng đất của cơ sở

Nhà máy thực hiện tại Lô F3 - F4, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Lô F3 - F4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai) (Thuê lại nhà xưởng của công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh) có diện tích 26.231,3 m^2.

Các hạng mục đã xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng. Các hạng mục công trình cụ thể như sau:

Bảng 1. 8. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Các hạng mục của dự án	Diện tích (m^2)	Tỉ lệ %
I	**Các hạng mục chính**	**14.400**	
1	Nhà xưởng 1	7.600	28,97
2	Nhà xưởng 2	6.800	25,92
II	**Các hạng mục phụ**	**1.651,27**	
3	Nhà văn phòng	600	2,29
4	Nhà bảo vệ 1	25	0,10
1	Nhà máy nén khí	36	0,14
2	Nhà vệ sinh	181,08	0,69
5	Trạm biến áp	17,1	0,07
6	Nhà máy phát điện	40,47	0,15
7	Nhà bảo vệ 2	31,62	0,12
8	Nhà vệ sinh 1	195	0,74
9	Nhà xe	525	2,00
III	**Hạng mục bảo vệ môi trường**	**311,62**	
10	Bể xử lý nước thải	60	0,23
11	Nhà rác	76	0,29
12	Bể nước PCCC	175,62	0,67
IV	**Cây xanh**	**5.313,7**	20,26
V	**Đường giao thông nội bộ, đất trống**	**6.51766**	24,85
	TỔNG CỘNG	**26231,3**	

Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

1.5.2.4. Hiện trạng máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của cơ sở

Máy móc thiết bị tại công ty đã được lắp đặt hoàn chỉnh. Danh mục máy móc được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 1. 9. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
1	Thiết bị cắt ghép cao tần thủy lực học (Loại I)	24	Trung Quốc	100%
2	Thiết bị cắt ghép cao tần thủy lực học (loại II)	16	Trung Quốc	100%
3	Thiết bị cắt lạng da (leather)	16	Trung Quốc	100%
4	Hệ thống dây chuyền chuyển nguyên liệu gia công theo trục dọc và tới lui	2	Trung Quốc	100%
5	Thiết bị cắt tỉa góc cạnh (loại I)	4	Trung Quốc	100%
6	Thiết bị cắt	2	Trung Quốc	100%
7	Thiết bị may 3 kim	4	Trung Quốc	100%
8	Thiết bị cắt tỉa góc cạnh (Loại II)	4	Trung Quốc	100%
9	Thiết bị xử lý da bằng nhiệt	4	Trung Quốc	100%
10	Thiết bị cắt cao su và da tốc độ cao	2	Trung Quốc	100%
11	Thiết bị ủi da phần trước của giày	4	Trung Quốc	100%
12	Thiết bị nén khí tự động	4	Trung Quốc	100%
13	Thiết bị sơn xịt giày	4	Trung Quốc	100%
14	Máy làm sạch và đánh bóng phần trước của giày (loại I)	4	Trung Quốc	100%
15	Máy dán giày bằng động khí học	2	Trung Quốc	100%
16	Thiết bị pha trộn keo dán	4	Trung Quốc	100%
17	Máy làm sạch và đánh bóng phần trước của giày (loại II)	4	Trung Quốc	100%
18	Máy may công nghiệp vắt sổ một kim với hệ thống tự động cắt chỉ (loại II)	16	Trung Quốc	100%
19	Máy may công nghiệp vắt sổ zic zắc	16	Trung Quốc	100%
20	Máy may công nghiệp may hai đường chỉ	8	Trung Quốc	100%
21	Thiết bị ép dán tự động	8	Trung Quốc	100%
22	Máy may công nghiệp vắt sổ một kim (loại I)	128	Trung Quốc	100%
23	Máy may công nhiệp vắt sổ hai kim	64	Trung Quốc	100%
24	Máy cắt tỉa góc cạnh (loại II)	8	Trung Quốc	100%
25	Thiết bị ép dán keo bằng nhiệt	24	Trung Quốc	100%
26	Thiết bị đúc khuôn phần đế giày bằng nhiệt	8	Trung Quốc	100%
27	Thiết bị đục lỗ thủy lực học (loại II)	4	Trung Quốc	100%
28	Thiết bị chuyển tải	24	Trung Quốc	100%
29	Thiết bị tự động bấm lỗ xâu dây	8	Trung Quốc	100%
30	Thiết bị may đế giày	8	Trung Quốc	100%

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
31	Thiết bị may công nghiệp vắt sổ đế trụ tròn	8	Trung Quốc	100%
32	Thiết bị vận chuyển loại 1	8	Trung Quốc	100%
33	Thiết bị đục lỗ thủy lực học (loại I)	8	Trung Quốc	100%
34	Thiết bị vận chuyển loại 2	8	Trung Quốc	100%
35	Thiết bị ghép tự động phần hông cạnh và phần đế gót chân giày	14	Trung Quốc	100%
36	Thiết bị đúc khuôn phần đế trong giày	3	Trung Quốc	100%
37	Thiết bị đúc khuôn phần sau với túi khí (loại I)	5	Trung Quốc	100%
38	Thiết bị đúc khuôn phần sau với túi khí (loại II)	5	Trung Quốc	100%
39	Máy làm bóng bằng hơi nước nóng	4	Trung Quốc	100%
40	Máy ghép phần mũi giày loại 9-Pincer bằng thủy lực học	4	Trung Quốc	100%
41	Máy ghép phần mũi giày loại 7-Pincer bằng thủy lực học	4	Trung Quốc	100%
42	Máy ghép phần eo giày bằng điện	3	Trung Quốc	100%
43	Máy ghép phần đế giày bằng thủy lực học	6	Trung Quốc	100%
44	Máy mài vát bằng đá nhám	5	Trung Quốc	100%
45	Máy vẽ vạch dấu	8	Trung Quốc	100%
46	Thiết bị hút bụi và làm sạch không khí	9	Trung Quốc	100%
47	Máy công nghiệp chuyên dụng ghép nén giày	8	Trung Quốc	100%
48	Máy ghép phần đế lót chống trượt bằng thủy lực học	6	Trung Quốc	100%
49	Thiết bị ghép đế giày	6	Trung Quốc	100%
50	Máy dập nén phần đệm lót chân	5	Trung Quốc	100%
51	Thiết bị làm sạch, mịn, bóng da (leather)	3	Trung Quốc	100%
52	Hệ thống băng chuyền nguyên liệu kim và đinh	6	Trung Quốc	100%
53	Thiết bị dập ép nén tự động	7	Trung Quốc	100%
54	Thiết bị trộn keo dán bằng khí nén	2	Trung Quốc	100%
55	Thiết bị may chuyên dụng	3	Trung Quốc	100%
56	Thiết bị làm nguội tốc độ cao (loại I)	2	Trung Quốc	100%
57	Thiết bị làm nguội tốc độ cao (loại II)	4	Trung Quốc	100%
58	Hệ thống băng chuyền (loại I)	2	Trung Quốc	100%
59	Hệ thống băng chuyền (loại II)	4	Trung Quốc	100%
60	Thiết bị cắt tỉa da (leather)	6	Trung Quốc	100%

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
61	Thiết bị mài góc trục dọc	4	Trung Quốc	100%
62	Thiết bị cán đế giày với túi khí	4	Trung Quốc	100%
63	Thiết bị máy công nghiệp chuyên dụng ghép nén giày	8	Trung Quốc	100%
64	Thiết bị ghép nén cho phần mũi và phần đế giày hình chữ U	2	Trung Quốc	100%
65	Thiết bị làm sạch bên trong giày	2	Trung Quốc	100%
66	Thiết bị xử lý phần lót bằng sóng siêu âm	2	Trung Quốc	100%
67	Thiết bị khử trùng tia cực tím (loại I)	2	Trung Quốc	100%
68	Thiết bị hút bụi bẩn trong không khí	6	Trung Quốc	100%
69	Thiết bị chuyên dụng mài các mặt nhám	6	Trung Quốc	100%
70	Thiết bị hút bụi không gây ồn (loại I)	8	Trung Quốc	100%
71	Thiết bị hút bụi vệ sinh (Loại II)	4	Trung Quốc	100%
72	Thiết bị làm nguội tự động tốc độ cao (2,5m)L	2	Trung Quốc	100%
73	Thiết bị cắt tỉa góc	2	Trung Quốc	100%
74	Thiết bị cắt với tay robot thủy động lực	4	Trung Quốc	100%
75	Thiết bị cắt tỉa góc cạnh	4	Trung Quốc	100%
76	Hệ thống băng chuyền xây cố định	2	Trung Quốc	100%
77	Thiết bị khử trùng tia cực tím (loại II)	2	Trung Quốc	100%
78	Thiết bị máy nén khí	4	Trung Quốc	100%

1.5.2.5. Hiện trạng nhân lực, thời gian sản xuất của cơ sở.

Hiện tại, cơ sở sản xuất làm việc khoảng 310 ngày/năm. Với tổng số công nhân viên của cơ sở là 500 người. Mỗi ngày có 01 ca làm việc, mỗi ca làm việc 8 tiếng.

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

**** Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:***

Theo Quyết định số 450/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 13/04/2022 về việc phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tầm nhìn và mục tiêu cụ thể như sau:

- Về mục tiêu đến năm 2030: Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, carbon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu bền vững 2030 của đất nước. Do đó, dự án đầu tư là phù hợp với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia

- Về tầm nhìn đến năm 2050: Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành và an toàn của nhân dân; đa dạng sinh học được giữ gìn, bảo tồn, bảo đảm cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội hài hòa với thiên nhiên, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, carbon thấp được hình thành và phát triển, hướng tới mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050.

Theo quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với quan điểm phát triển kinh tế phù hợp với đặc tính sinh thái vùng, ít chất thải, hướng đến nền kinh tế xanh. Tại dự án sử dụng các máy móc, thiết bị mới hạn chế phát sinh chất thải và áp dụng các biện pháp thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định.

**** Sự phù hợp về phân vùng môi trường***

Theo quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 14/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

- Mục tiêu lập quy hoạch: là vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Tập trung phát triển mạnh khoc học, công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, công nghiệp chế biến.

- Quan điểm quy hoạch: Việc lập quy hoạch vùng Đông Nam Bộ phải đảm bảo phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của chiến lượng phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2021-2030. Đảm bảo giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng dân cư. Quá trình lập quy hoạch cần kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và đảm bảo sinh kế bền vững của người dân.

**** Sự phù hợp về bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh.***

Theo Quyết định 779/QĐ-UBND ngày 27/2/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-20230, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 01/07/2014 của UBND tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai) về phê duyệt đồ án quy hoạch vùng tỉnh Bình Phước, trong đó đề cập: "Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật như giao thông, cấp nước, cấp điện thông tin liên lạc, xử lý chất thải công nghiệp và đô thị".

Theo Nghị quyết số 1/2022/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo Phụ lục I Ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17/01/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 có đề cập như sau: Phát triển công nghiệp nhanh và bền vững theo hướng ưu tiên các ngành có giá trị gia tăng cao như: chế biến, phụ trợ, năng lượng tái tạo, vật liệu, công nghệ thông tin, ... Chú trọng nâng cao trình độ công nghệ. Mở rộng và phát triển mới các khu, cụm công nghiệp.

Theo Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

+ Về mục tiêu đến năm 2030: Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai) trở thành công nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, là "điểm đến hấp dẫn" của Vùng Đông Nam Bộ, có quy mô kinh tế khá dựa trên xây dựng đồng bộ nền tảng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển các cụm ngành có tiềm năng tạo nhiều việc làm có thu nhập và nguồn thu ngân sách; nâng cao chất lượng cuộc dống cho người dân, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn, cùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới với đô thị; tăng cường kết nối vùng thông qua phát triển hạ tầng trọng yếu; hoàn thành chính quyền điện tử, từng bước chuyển dần sang chính quyền số; đảm bảo quốc phòng – an ninh vững chắc; xây dựng tổ chức Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

+ Tầm nhìn đến năm 2050: phấn đấu xây dựng tỉnh Bình Phước trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, phát triển giàu mạnh và văn minh, trở thành một trong những cực tăng trưởng kinh tế quan trọng của Vùng Đông Nam Bộ, tương đương các tỉnh có trình độ phát triển khá của cả nước; không gian phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn; xây dựng đô thị theo hướng sinh thái, hiện đại và bền vững; xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, dân tộc, con người phát triển toàn diện, môi trường sống trong lành. Là "điểm đến hấp dẫn" của Vùng Đông Nam Bộ.

Do đó, việc thực hiện cơ sở "Nhà máy sản xuất giày dép – địa điểm 2, Quy mô: Sản xuất, gia công giày, dép với quy mô 3.600.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn với quy mô 144.970 m^2/năm tại KCN Đồng Xoài II là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch khác có liên quan.

**** Sự phù hợp về với quy hoạch phát triển của KCN Đồng Xoài II.***

Dự án nằm hoàn toàn trong KCN Đồng Xoài II với diện tích 84,7ha đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 26/8/2009, do Công ty Cổ phần Quang Minh Tiến làm chủ đầu tư hạ tầng, đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Công ty Cổ phần Quang Minh Tiến đã được UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép môi theo Quyết định số 19/GPMT-UBND ngày 02/03/2023 cho dự án "Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài II, module 1, 2, 3; diện tích 84,7ha" tại phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Hiện nay, KCN có các doanh nghiệp đang hoạt động với các ngành nghề như: Thương mại, dịch vụ; Sản xuất đồ dùng gia đình; Sản xuất bao bì, may mặc, văn phòng phẩm; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt (không có công đoạn nhuộm); Sản xuất va li, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên nệm; Sản xuất các sản phẩm từ cao su đã qua công đoạn sơ chế (không tái chế); Sản xuất giày dép (không thuộc da); Chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (không ngâm tẩm).,… được đầu tư xây dựng với quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ, bảo đảm điều kiện để phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường bền vững.

Bảng 2. 1. Danh sách các doanh nghiệp đầu tư vào KCN Đồng Xoài II

TT	Tên Công ty	Ngành nghề	Vị trí	Diện tích (m^2)
1	Công ty TNHH Shyang Ying	Sản xuất và gia công giày	Lô A2, B1	202.215,8
2	Công ty TNHH Sản xuất Giày Dép Grand Gain	Sản xuất và gia công giày	Lô D1	81.077,9
3	Công ty TNHH MTV Dệt may giày dép Cheng Feng Việt Nam	Sản xuất bao công bán thành phẩm giày dép, túi xách	Lô A1	8.746,4
4	Công ty TNHH Gỗ Tân Vĩnh Nghĩa Bình Phước	Sản xuất sản phẩm từ gỗ	Lô C1, C2	84.903,3
5	Công ty TNHH Great Material Handling Viet Nam	Sản xuất sản phẩm từ gỗ	Lô F1, F2	36.396,6
6	Công ty CP Vinaestate	Kinh doanh bất động sản	Lô HC1-1, HC1-2	11.090

7	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dự án Lê Minh	Sản xuất sản phẩm từ gỗ	Lô E1, E2	52.391,5
8	Công ty TNHH E Chang Viet Nam	Dệt, may	Lô F9-1	7.789,3

(Nguồn: Công ty CP Quang Minh Tiến, 2024)

Các doanh nghiệp thứ cấp đầu tư sản xuất vào KCN Đồng Xoài II đảm bảo hạ tầng cho các doanh nghiệp thứ cấp như: nguồn cung cấp nước, điện, đường thoát nước mưa, nước thải... Trong quá trình hoạt động của KCN và các doanh nghiệp thứ cấp đều phát sinh nước thải, KCN sẽ thu gom nước thải về HTXLNT tập trung để xử lý, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh mỗi doanh nghiệp sẽ tự hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom và xử lý. Các nhà máy hiện hữu gần ***Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain sản xuất ngành nghề không gây ô nhiễm nên tác động qua lại giữa dự án với các cơ sơ đang hoạt động rất ít, không đáng kể.***

Hoạt động sản xuất của Dự án "Nhà máy sản xuất giày dép – địa điểm 2, Quy mô: Sản xuất, gia công giày, dép với quy mô 3.600.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn với quy mô 144.970 m^2/năm" do ***Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain*** làm chủ đầu tư thuộc ngành nghề được phép thu hút đầu tư trong KCN Đồng Xoài II (Sản xuất giày dép (không thuộc da)) do ***Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain*** đã được Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1087575231 chứng nhận lần đầu ngày 12/09/2014, chứng nhận thay đổi lần 5 ngày 25/06/2025.

KCN Đồng Xoài II đã được quy hoạch và xây dựng hoàn thiện về cơ sở hạ tầng, trong đó được thu hút nhóm ngành đầu tư của Dự án. Do đó, dự án hoàn toàn phù hợp về mặt quy hoạch kinh tế xã hội.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 1087575231 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/09/2014, thay đổi lần 5 ngày 25/06/2025.

Do đó, vị trí thực hiện của dự án phù hợp với quy hoạch của tỉnh.

2. 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hạ tầng kỹ thuật KCN Đồng Xoài II có diện tích 84,7 ha với đầy đủ các phân khu chức năng và tổ chức các hệ thống kỹ thuật hạ tầng, thu hút đầu tư các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh như sau:

- Thương mại, dịch vụ
- Sản xuất đồ dùng gia đình.
- Sản xuất bao bì, may mặc, văn phòng phẩm
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
-Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
- Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt (không có công đoạn nhuộm)

- Sản xuất va li, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên nệm

- In ấn và dụng cụ liên quan đến in

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm liên quan đến xi măng và thạch cao

- Sản xuất gia công, lắp ráp các sản phẩm điện, điện tử, thiết bị quang học

- Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm cơ khí

- Sản xuất các sản phẩm từ giấy

- Sản xuất các sản phẩm từ cao su đã qua công đoạn sơ chế (không tái chế)

- Sản xuất giày dép (không thuộc da)

- Chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (không ngâm tẩm).

Cở sở hoạt động sản xuất gia công bán thành phẩm giày dép, quần áo, túi xách vì vậy phù hợp với ngành nghề thu hút của KCN Đồng Xoài II.

- Vị trí thực hiện cơ sở là KCN Đồng Xoài II, KCN đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu, KCN đã được Giấy xác nhận số 20/GXN-STNMT ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường giai đoạn 1 của Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Xoài II, diện tích 84,7 ha – Công ty Cổ phần Quang Minh Tiến tại phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 80/GP-UBND ngày 31/12/2021 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty Cổ phần Quang Minh Tiến.

KCN Đồng Xoài II đầu tư, xây dựng trạm xử lý nước thải với 04 modul tổng cộng suất xử lý nước thải là 2.000 m^3/ngày.đêm đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải của các nhà máy thành viên. Lưu lượng nước thải lớn nhất hiện nay của địa điểm 2 nhà máy sản xuất sản xuất giày dép của ***Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain*** phát sinh từ nhà máy là 70m^3/ngày.đêm. Do đó việc thoát nước thải vào HTXLNT của KCN Đồng Xoài II là hoàn toàn phù hợp.

Trong nước thải KCN Đồng Xoài II có chứa một lượng chất rắn lơ lửng nhất định (gồm cả hữu cơ và vô cơ), các chất này có thể làm tăng độ đục của nguồn nước, làm tắc nghẽn hoặc gây quá tải cho suối Dinh (suối Sông Rinh).

Như đã đề cập ở trên lượng nước thải lớn nhất hiện nay phát sinh từ KCN là 597m^3/ngày đêm, tuy nhiên báo cáo đánh giá với lưu lượng 1.500m^3/ngày.đêm tương đương 0,0173 m^3/s là lưu lượng xả nước thải lớn nhất của KCN ứng với công suất tối đa của 03 modul đã được xây dựng hiện nay; lưu lượng dòng chảy của suối Dinh là 0,2345m^3/s (mùa khô), 4 - 5 m^3/s (mùa mưa). Do đó việc xả nước thải vào nguồn nước sẽ làm cho lưu lượng dòng suối sau khi tiếp nhận tăng lên không đáng kể. Vậy, tác động của việc xả nước thải của KCN đến chế độ thủy văn Suối Dinh làm lưu lượng dòng chảy tăng không đáng kể. Bên cạnh đó, chế độ xả nước thải của KCN Đồng Xoài II xả

vào suối Dinh theo hình thức xả mặt, ven bờ, do đó các tác động đến lòng suối hầu như là không có. Nhìn chung, chất lượng nước mặt suối Dinh vẫn còn tương đối tốt chỉ bị tác động nhỏ bởi nước thải sinh hoạt của các hộ dân ven suối. Đặc tính quan trọng nhất của suối là mực nước biến đổi thất thường. Vào mùa mưa lũ, nước dâng cao, nước đục, chảy xiết đôi khi làm thay đổi dòng sau trận lũ, lòng suối trải rộng. Sau trận mưa lũ, mực nước lại hạ nhanh chóng, tốc độ nước giảm, độ trong tăng lên. Thêm vào đó, Suối Dinh có chiều rộng hẹp, nhiều cỏ dại, xác thực vật… điều này làm hạn chế tốc độ dòng chảy. Với ưu thế về chiều dài và lưu lượng dòng chảy nên việc tiếp nhận thêm lượng nước thải từ KCN Đồng Xoài II sẽ không gây tác động đến chế độ thủy văn dòng chảy của suối Dinh Đối với mương đào dẫn nước thải của Khu công nghiệp ra suối Dinh, do kết cấu của nền đất khu vực là đất sét nên ít bị thấm nước thải, mặt khác nước thải đã được xử lý đạt cột A của QCVN 40:2011/BTNMT hệ số Kq = 0,9, Kf = 1,1 trước khi thải ra môi trường nên không ảnh hưởng tới nguồn nước xung quanh.

- Để đảm bảo và duy trì chất lượng nước của lưu vực suối Dinh, công tác quản lý phải có sự thống nhất, đồng bộ giữa các cấp trong tỉnh cũng như sự kết nối giữa các vùng, miền có hưởng lợi từ lưu vực khai thác. Bên cạnh đó, từng công dân, từng cơ sở sản xuất, kinh doanh, các Xí nghiệp… phải có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường nước nói riêng

→ Dự án phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.

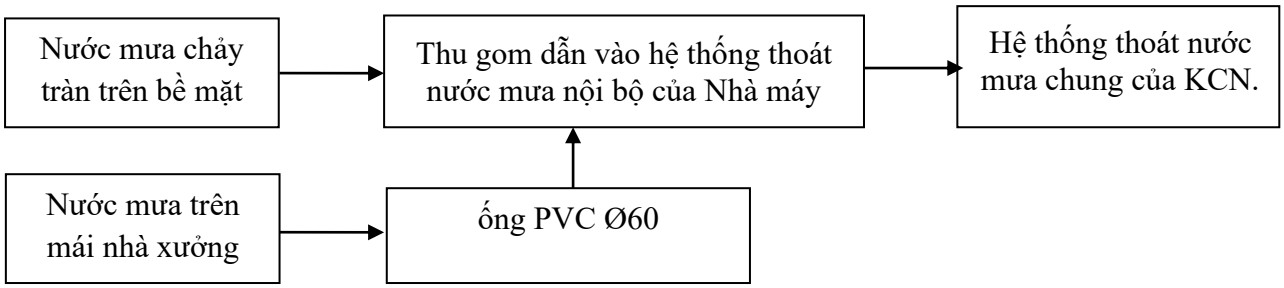
- Nguồn số 01: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt được thu gom và dẫn theo đường cống Bê tông cốt thép có kích thước 400 x 400 mm được bố trí dọc theo nhà xưởng sản xuất và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN.

- Nguồn số 02: Nước mưa trên mái các tòa nhà được thu gom và dẫn theo đường ống nhựa Ø60, rồi tiếp tục chạy về đường mương Bê tông cốt thép có kích thước 400 x 400mm được bố trí dọc theo nhà xưởng sản xuất và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN..

Công ty đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa để phục vụ cho quá trình hoạt động của công ty. Hệ thống thoát nước mưa được bố trí dọc theo các nhà xưởng và tách riêng hoàn toàn với tuyến thoát nước thải. Công ty sử dụng hố gas 1.200x1.200 và hệ thống đường ống để thu gom nước mưa như sau:

+ Tuyến đường ống BTCT kích thước 400 x 400mm thoát nước mưa chảy tràn trên bề mặt dọc theo khuôn viên nhà xưởng sản xuất.
+ Tuyến mương BTCT kích thước 400 x 400mm và ống PVC Ø60 thoát nước mưa trên mái các nhà xưởng.
+ Tuyến đường ống BTCT D600 thoát nước mưa đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN.

Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn như sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa

- Nước mưa được thu gom và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN tại 02 điểm:

+ 02 điểm nằm trên đường N12.
  - Điểm 1: có tọa độ X (m): 1273860; Y (m): 401960
  - Điểm 2: có tọa độ X (m): 1273862; Y (m): 401943

+ 01 điểm nằm trên đường N1.

• Điểm 1: có tọa độ X (m): 1273881; Y (m): 401685





Hình 3. 2. Hình ảnh hệ thống thoát nước mưa tại công ty

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

❖ ***Nguồn phát sinh nước thải***

- Nguồn số 01: Khu vực văn phòng, nhà vệ sinh, nhà nghỉ ca, nhà bảo vệ phát sinh nước thải sinh hoạt.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa đế giày.

- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa bảng in và thiết bị in.

❖ ***Đánh giá tác động***

Lượng nước thải phát sinh tại nhà máy được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 3. 1. Bảng thống kê lượng nước thải phát sinh

TT	Hạng mục	Lượng nước sử dụng (m^3/ngày)	Nước thải phát sinh (m^3/ngày)
I	**Nước sản xuất**	**30**	**30**
1	Hoạt động, rửa đế giày, rửa bảng in, vệ sinh thiết bị, dụng cụ in	30	30
II	**Nước sinh hoạt**	**40**	**40**
	Nước cấp cho sinh hoạt: 500 người	40	40
	Tổng cộng	**70**	**70**

a) Nước thải sinh hoạt.

Tổng số lao động cho toàn nhà máy là 500 người. Lượng nước thải phát sinh do hoạt động sinh hoạt là 40 m^3/ngày.đêm.

Đặc trưng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt có chứa các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, các hợp chất dinh dưỡng (N,P), dầu mỡ động thực vật, vi khuẩn… các chất này gây hiện tượng phú dưỡng hóa nguồn nước làm ảnh hưởng đến chất lượng nước gây tác hại cho đời sống các sinh vật thuỷ sinh nếu không được xử lý mà thải trực tiếp ra ngoài.

Bảng 3. 2. Nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải sinh hoạt

Stt	Thông số	Đơn vị	Nước thải chưa qua xử lý	Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN (mg/l)
1	pH	-	-	**5-9**
2	SS	mg/l	100 - **350**	
3	BOD_5	mg/l	110 - **400**	
4	COD	mg/l	250 - **1.000**	
5	Tổng N	mg/l	20 - **85**	
6	Tổng P	mg/l	4 - **15**	
7	Coliform	MNP/100ml	$10^6 \div 10^7 – 10^7 \div 10^9$	

(Nguồn: Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp, Lâm Minh Triết)

Nhận xét: Các chỉ tiêu ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý sơ bộ vượt giới hạn cho phép của KCN, do đó phải có biện pháp xử lý phù hợp lượng nước thải này trước khi đấu nối vào HTXLNT của KCN.

b) Nước thải rửa đế giày:

Lượng nước thải từ quá trình vệ sinh đế giày ước tính bằng 100% lượng nước cấp tương đương khoảng 15 m^3/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu của nước thải này là nhiệt độ, cặn lơ lửng, các hợp chất vô cơ khác.

c) Nước thải rửa bản in và thiết bị in:

Lượng nước thải từ quá trình rửa bản in và thiết bị in ước tính bằng 100% lượng nước cấp tương đương khoảng 15 m^3/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu của nước thải này là hàm lượng chất rắn lơ lửng và mực in còn lại.

Tác động:

Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động của dự án không được xử lý đạt quy định của KCN và nước thải tại đầu ra của Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN không được xử lý đạt quy định trước khi thải vào nguồn tiếp nhận sẽ gây một số tác động như sau:

- Nước thải có độ pH cao: Nếu độ pH cao sẽ làm mất khả năng tự làm sạch của nguồn

nước tiếp nhận do các loại vi sinh vật có tự nhiên trong nước bị kìm hãm phát triển. Ngoài ra, khi nước thải có tính kiềm sẽ có tính ăn mòn, làm mất cân bằng trao đổi chất tế bào, ức chế sự phát triển bình thường của quá trình sống, pH của nước thải có giá trị 9 - 12 sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tồn tại và phát triển của các loài thủy sinh.

- Tác động của các chất rắn lơ lửng: Các chất rắn lơ lửng khi thải ra môi trường nước sẽ nổi lên trên mặt nước tạo thành lớp dày, lâu dần lớp đó ngã màu xám, không những làm mất vẻ mỹ quan mà quan trọng hơn chính lớp vật nổi này sẽ ngăn cản quá trình trao đổi oxy và truyền sáng, dẫn nước đến tình trạng kỵ khí. Mặt khác một phần cặn lắng xuống

❖ ***Công trình thu gom nước thải.***

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại với lưu lượng khoảng 40m^3/ngày (24 giờ) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy, công suất 70m^3/ngày (24 giờ) để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02, số 03: Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa đế giày và từ công đoạn rửa bảng in và thiết bị in với lưu lượng khoảng 30 m^3/ngày (24 giờ) được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của nhà máy, công suất 40 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý. Nước thải sau xử lý sau đó tiếp tục dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy, công suất 70m^3/ngày (24 giờ) để tiếp tục xử lý .

❖ ***Công trình thoát nước thải sau xử lý:***

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau xử lý đạt quy chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài II được đấu nối vào hệ thống thu gom của KCN tại 1 điểm xả trên đường N1.

❖ ***Điểm xả nước thải sau xử lý:***

- Vị trí điểm xả thải :

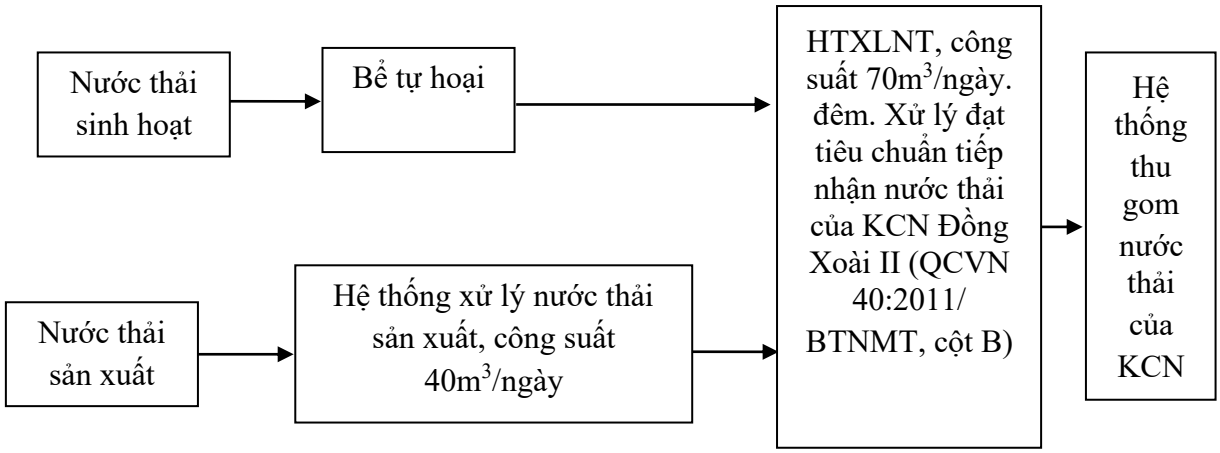
Hố ga đấu nối vào HTXLNT tập trung của KCN Đồng Xoài II nằm trên đường N1 tại tọa độ: X(m): 1273815; Y(m): 401702 (Tọa độ VN 2000, Kinh tuyến:107^{o}45’, múi chiếu 3^o).

- Phương thức xả thải : Tự chảy

- Chế độ xả thải: Xả liên tục

- Loại công trình điểm xả: Hố ga bằng bê tông cốt thép với kích thước 1000mm x 1000mm.

❖ ***Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải.***



Hình 3. 3. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải

3.1.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

❖ ***Bể tự hoại 3 ngăn.***

- Số lượng: 04 bể.

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → (1).

- Công suất thiết kế: tổng thể tích 140m^3

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

+ ***Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 40m^3/ngày***

Toàn bộ lượng nước thải sản xuất phát sinh tại nhà máy được thu gom để đưa về HTXLNT sản xuất, công suất 40m^3/ngày.đêm để xử lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải sản xuất → Hố thu gom → Bồn trộn đều (4 bồn) → Bồn phản ứng → Bồn đông tụ → Bồn lắng (4 bồn) → Bồn dòng chảy → (2).

- Công suất thiết kế: 40m^3/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Polymer (-), Polymer (+), NaOH, H_2SO_4, PAC.

- Chế độ vận hành: liên tục.

+ ***Hệ thống xử lý nước thải, công suất 70m^3/ngày***

(1) và (2) → Bể thu gom/tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Nước thải sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài II sẽ được đấu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN bằng đường ống HDPE D200 thông qua 01 điểm đấu nối nước thải trên đường N1.

- Công suất thiết kế: 70 m^3/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Chlorine.

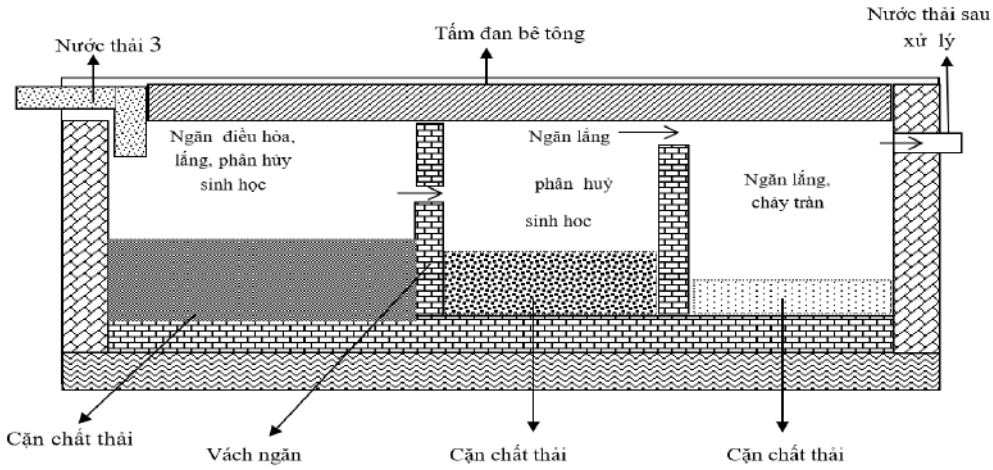
- Chế độ vận hành: liên tục.

Chi tiết các công trình xử lý như sau:

+ *Bể tự hoại.*

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công ty được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau bể tự hoại sẽ được chảy vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 70m^3/ngày.

Bể tự hoại sẽ được xây bằng bê-tông cốt thép, chìm dưới đất và có hệ thống ống dẫn



Hình 3. 4. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải bằng bể tự hoại 3 ngăn

** Nguyên lý hoạt động của hầm tự hoại 3 ngăn*

Bể xử lý được chia làm 03 ngăn với các chức năng xử lý như sau:

- Ngăn 1: Có vai trò là ngăn chứa và lắng các chất ô nhiễm, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải để giúp các ngăn phía sau đảm bảo hiệu suất xử lý. Mặt khác dưới tác dụng của hệ vi sinh vật yếm khí trong bể các chất ô nhiễm cũng được phân giải.

- Ngăn 2&3: Là các ngăn hướng dòng, khi nước thải vào các ngăn này sẽ chuyển động theo chiều từ dưới lên trên và tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí hình thành trong lớp bùn ở đáy bể nên các chất bẩn được các vi sinh vật này hấp thụ và chuyển hoá, đồng thời cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). Ở ngăn 3 có thêm vật liệu lọc, có chức năng ngăn cặn lơ lửng trôi ra theo nước thải và xử lý các chất ô nhiễm nhờ các vi sinh vật kỵ khí phát triển trên bề mặt của lớp vật liệu lọc.

Số lượng bể tự hoại tại cơ sở như sau:

Bảng 3. 3. Số lượng và kích thước các bể tự hoại tại cơ sở

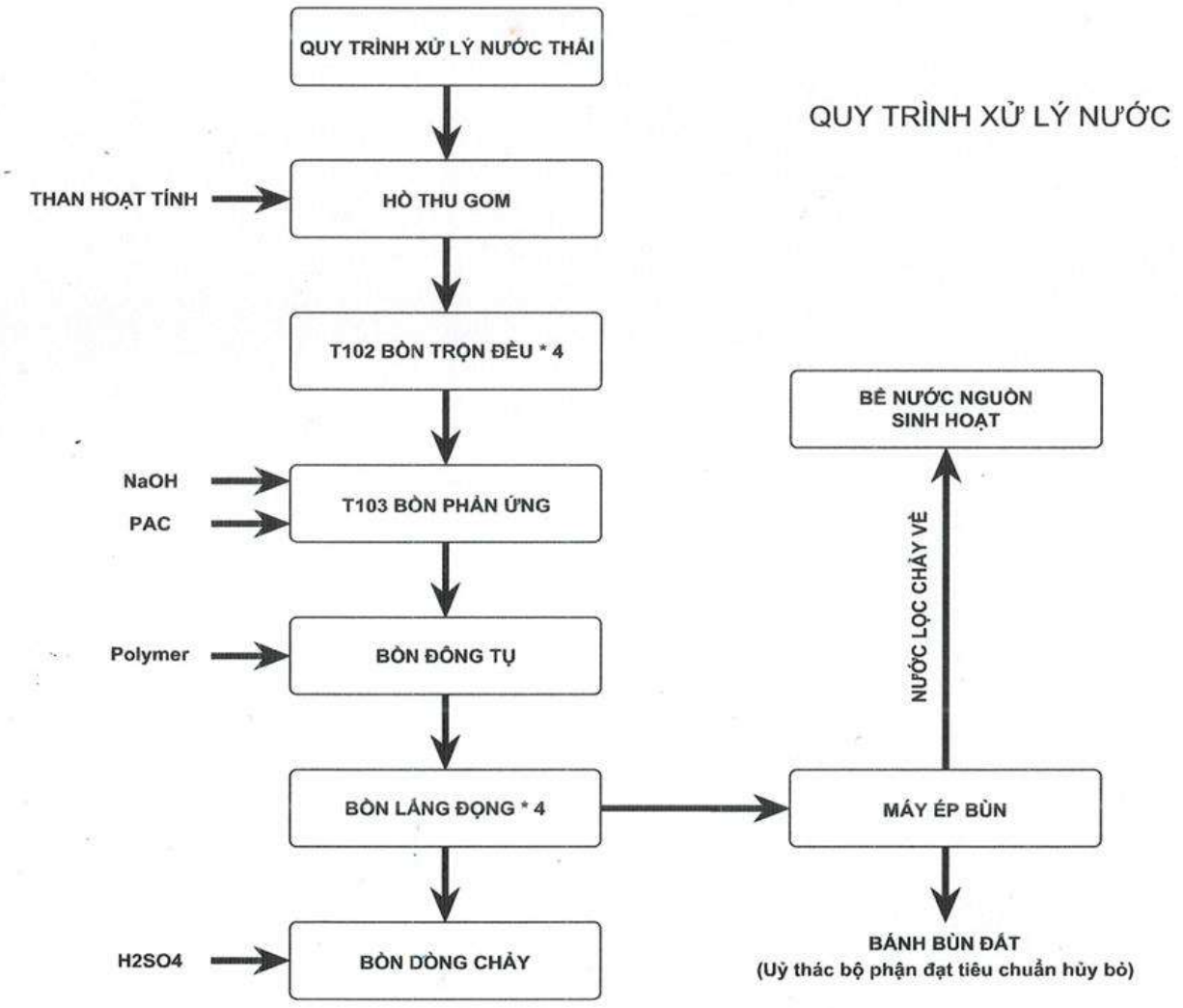
TT	Khu vực	Số bể	Quy mô
1	Bể tự hoại 3 ngăn	04 bể trong đó: - 3 bể có kích thước: LxBXH=12,2x3,4x1,8(m)/bể - 1bể có kích thước: LxBXH=9,2x2,4x1,8 (m).	140 m^3

Thường xuyên (1 tháng/lần) kiểm tra bể tự hoại, đối với các bể đầy sẽ được đơn vị có chức năng hút đi xử lý theo quy định.

❖ ***Hệ thống xử lý nước thải sản xuất***

Do, tính chất và thành phần nước thải sản xuất có hàm lượng chất rắn lơ lửng, COD, BOD_5, độ màu, Cr^{3+},.. cao. Nên công ty đã đầu tư 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 40m^3/ngày để xử lý sơ bộ trước khi vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy.

Quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 5. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải sản xuất, công suất 40 m^3/ngày đêm

Thuyết minh công nghệ:

Đối với nước thải sản xuất: Nước thải từ từ công đoạn rửa đế giày và từ công đoạn rửa bảng in và thiết bị in. Nước thải được tập trung về Bể thu gom để giữ lại cặn, xác bã lớn có thể gây ảnh hưởng đến bơm và các thiết bị khác, hoặc làm tắc nghẽn đường ống khi đi qua các bể xử lý sau.

Sau đó nước thải được đưa qua Bồn trộn đều nhằm điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tạo chế đọ làm việc ổn định và liên tục. Trong Bồn trộn đều, hệ thống phân phối khí được sử dụng để cấp khí nhằm ổn định chất lượng nước thải, tránh trường hợp xảy ra quá trình tạo mùi hôi, lắng cặn ở đáy bể.

Nước thải từ Bồn trộn đều sẽ được bơm sang Bồn phản ứng trong bể châm hóa chất NaOH hoặc PAC vào nhằm mục đích bảo đảm độ pH trong nước thải với giá trị tối ưu cho việc phản ứng xảy ra trong quá trình xử lý hóa học trong bề này và các bề sau.

Sau đó nước thải chảy sang Bồn đông tụ (keo tụ), tại đây diễn ra quá trình keo tụ, tạo điều kiện thuận lợi để các chất keo tụ tiếp xúc với cặn bẩn làm tăng khối lượng riêng các hạt cặn bẩn, đồng thời trong bể có thiết bị khuấy trộn nhằm tăng cường hiệu quả của quá trình. Tại bể keo tụ nước thải được châm hóa chất keo tụ polymer. Motor khuấy trộn tốc độ cao được lắp trong ngăn nhằm tạo tiếp xúc tốt giữa hóa chất và nước.

Sau đó nước thải chảy tràn qua Bể tạo bông, nơi các hạt cặn bẩn đã keo tụ bắt dính lại với nhau để hình thành các hạt bông cặn lớn hơn, tạo điều kiện cho quá trình lắng được hiệu quả hơn. Có nhiệm vụ giảm hàm lượng SS, một phần COD, độ màu có trong nước thải. Polymer được châm vào để làm chất trợ keo tụ, tăng khả năng kết dính các bông cặn, nhằm xử lý hiệu quả chất lơ lửng, dầu mỡ có trong nước thải. Motor khuấy trộn có tốc độ thấp nhằm tránh sự phá vỡ của bông cặn.

Sau đó nước thải tiếp tục qua Bồn lắng đọng (Bồn lắng), chất ô nhiễm độc hại thường có diện tích lớn hơn. Do đó, việc xử lý bằng hóa chất là rất hiệu quả trong việc loại bỏ các chất độc hại có trong nước thải. Nước sạch sẽ chảy tràn vào hệ thống sinh học và bùn lắng sẽ được bơm vào bể chứa bùn.

Phần nước trong sau lắng theo máng thu nước chảy về Bồn dòng chảy để ổn định lưu lượng trước khi vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để xử lý tiếp.

Các hạng mục cơ bản của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 3. 4. Thông số của hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 40m^3/ngày

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước			
			Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao hiệu dụng (m)	Thể tích xây dựng (m^3)
1	Hố thu gom	02	1,9	1,0	1,2	2,3/hố
2	Bồn trộn đều	04	V = 5000 l/bồn			-
3	Bồn phản ứng	01	V = 3000 l			-
4	Bồn đông tụ (keo tụ)	01	V = 3000 l			-
5	Bồn lắng đọng	04	V = 3000 l/bồn			-
6	Bồn dòng chảy	01	V = 3000 l			-

Bảng 3. 5. Danh mục máy móc của hệ thống xử lý nước thải sản xuất 40 m^3/ngày

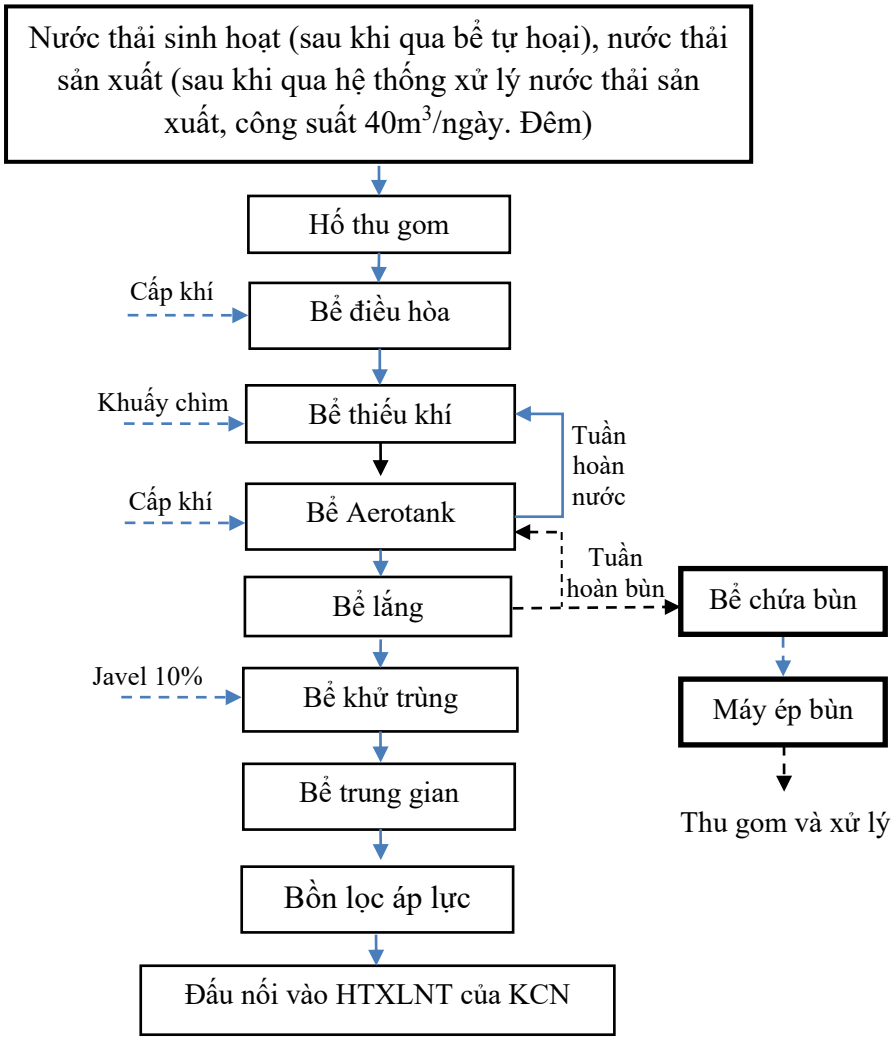
STT	Tên thiết bị	Mô tả	Số lượng	Đơn vị	Xuất xứ
1	Bơm nước thải	Loại: bơm chìm trong nước Công suất :1Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Lưu lượng: 12m^3/h Cột áp: 8m	3	Máy	TAIWAN
2	Máy thổi khí	Công suất 3Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Lưu lượng: 1,75m^3/min Cột áp: 4m	3	Máy	TAIWAN
3	Bồn chứa hoá chất NaOH	1000L, Đứng	1	Bồn	PE, Việt Nam
4	Bồn chứa hoá chất H_2SO_4	1000L, Đứng	1	Bồn	PE, Việt Nam
5	Bồn chứa hoá chất PAC	1000L, Đứng	1	Bồn	PE, Việt Nam
6	Bồn chứa hoá chất Polymer	1000L, Đứng	1	Bồn	PE, Việt Nam
7	Bơm hóa chất NaOH	Loại màng Công suất: 1.5m^3/hr,6 bars	2	Máy	USA
8	Bơm hóa chất H_2SO_4	Loại màng Công suất: 1.5m^3/hr,6 bars	2	Máy	USA
9	Bơm hóa chất PAC	Loại màng Công suất: 1.5m^3/hr,6 bars	1	Máy	USA
10	Bơm hóa chất Polymer	Loại màng Công suất: 1.5m^3/hr,6 bars	1	Máy	USA
11	Khuấy keo tụ	Công suất: 1Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Tỉ số truyền: 1/30	1	Máy	TAIWAN
12	Khuấy tạo bông	Công suất: 1Hp, 3 pha, 380V, 50HZ	1	Máy	TAIWAN

STT	Tên thiết bị	Mô tả	Số lượng	Đơn vị	Xuất xứ
		Tỉ số truyền: 1/15			
13	Bơm hút bùn hóa lý	Loại: bơm chìm trong nước Công suất :1Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Lưu lượng: 12m^3/h Cột áp: 8m	1	Máy	TAIWAN
14	Máy ép bùn khung bản	Số lượng tấm ép: 20 tấm Kích thước tấm ép: 630 x 630 x 60mm Tổng dung tích tấm ép: 170L Tổng diện tích tấm ép: 11m^2 Khung sắt SS400 Sơn Epoxyl	1	Máy	-
15	Bơm bùn loại màng	Lưu lượng - 24 M^3/h Áp suất: 8,3 Bar Kích thước đầu vào và ra 1-1/2" Màng: loại màng	1	Máy	USA
16	Tủ điện điều khiển MCP	CB, Công tắc tơ, Rele nhiệt,…	1	Tủ	TAIWAN

❖ ***Hệ thống xử lý nước thải, công suất 70m^3/ngày.***

Nước thải sinh hoạt (sau khi qua bể tự hoại, tách dầu), nước thải sản xuất (sau khi qua hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 40m^3/ngày. Đêm) được dẫn về hệ thống xử lý nước thải, công suất 70m^3/ngày.

Quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 6. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải, công suất 70 m³/ngày đêm

Thuyết minh công nghệ:

Nước thải được tập trung về Bể thu gom để giữ lại cặn, xác bã lớn có thể gây ảnh hưởng đến bơm và các thiết bị khác, hoặc làm tắc nghẽn đường ống khi đi qua các bể xử lý sau.

Sau đó nước thải được đưa qua Bể điều hòa nước thải sản xuất nhằm điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tạo chế đọ làm việc ổn định và liên tục. Trong bể điều hòa, hệ thống phân phối khí được sử dụng để cấp khí nhằm ổn định chất lượng nước thải, tránh trường hợp xảy ra quá trình tạo mùi hôi, lắng cặn ở đáy bể.

Nước thải tại bể điều hòa sẽ được chảy qua Bể thiếu khí. Bể thiếu khí luôn được xáo trộn có các vi sinh vật đi dưỡng hoạt động trong môi trường tủy nghì chuyển hóa N. Từ đó chúng sẽ tiếp nhận và chuyển chất ô nhiễm lơ lửng và hoà tan thành thức ăn. Bể sinh học thiếu khi này có tác dụng tăng cường quá trình oxy hóa amoni và chất hữu cơ đồng thời với quá trình khử nitrat. Phương trình như sau:

$$NH_3 \rightarrow NO_3 \rightarrow NO_2 \rightarrow NO \rightarrow N_2O \rightarrow N_2 \text{ (gas)}$$

Trong đó: Chủng vi sinh hoạt động chủ yếu là Anammox

$$NH_4^+ + NO^- \rightarrow N_2\ (gas) + 2H_2O$$

Bể Aerotank là công trình đơn vị quyết định hiệu quả xử lý của hệ thống vi phần lớn những chất gây ô nhiễm trong nước thải là những chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học.

Các vi sinh hiểu khi lơ lửng trong nước với mật độ vi sinh cao. Các vi sinh hiểu khi sẽ tiếp nhận oxy và chuyển hóa chất hữu cơ thành thức ăn. Trong môi trường hiểu khỉ nhờ O2 cấp vào, vi sinh hiếu khí tiêu thụ các chất hữu cơ để phát triển, tăng sinh khối và làm giảm tải lượng ô nhiễm trong nước thải xuống mức thấp nhất.

Ngoài ra, để đảm bảo hàm lượng oxy cũng như chất dinh dưỡng luôn đù cho vi sinh vật tồn tại, phát triển. Oxy sẽ được cấp liên tục vào bể 24/24, còn dinh dưỡng sẽ được cấp định kỳ (Nếu như nồng độ chất dinh dưỡng trong nước thải thiếu).

- Vi sinh vật phát triển bằng cách phân đôi. Thời gian cần để phân đôi tế bào thường dao động từ dưới 20 phút đến hằng ngày.

- Quá trình chuyển hóa cơ chất. Oxi hóa và tổng hợp tế bào:

$$\text{Chất hữu cơ} + O_2 \rightarrow CO_2 + H_2O + \text{tế bào mới} + \text{sản phẩm trung gian}$$

Nước thải sau bể Aerotank tiếp tục tự chảy sang bể lắng sinh học.

Ở Bễ lắng sinh học nước được phân phối ở đáy và thu nước ở bề mặt bể. Quá trình hoạt động của bể là quá trình liên tục, bùn sinh ra trong quá trình lắng một phần sẽ được đưa về bể Aerotank, bùn dư sẽ được xả về bể chứa bùn, còn phần nước sẽ được đưa vào bể qua ống phân phối trung tâm. Nước sau khi lắng sẽ tràn vào máng răng cưa và tự chảy sang Bể chứa nước và tiếp tục qua Bể khử trùng.

Sau khi qua hệ thống AO, chất lượng nước thải phải đáp ứng yêu cầu chất lượng nước thải đầu ra (trừ coliform). Để tránh những tình huống bất ngờ, chẳng hạn như lưu lượng đỉnh điểm hoặc đột ngột quá tải, một hệ thống lọc hấp phụ than hoạt tính được thiết kế để loại bỏ các chất hữu cơ phát sinh hoặc các kim loại nặng còn lại. Than hoạt tính có tỷ lệ loại bỏ COD khoảng 50%. Sau một thời gian sử dụng, sẽ tiến hành rửa ngược bồn lọc cát/than nhằm tránh gây tắc nghẽn. Nước thải rửa lọc sẽ được tuần hoàn về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

Bể khử trùng với thời gian lưu nước trong bể là 60 phút. Dùng Javel 10% bơm định lượng một lượng chính xác hóa chất đủ để loại bỏ các loại vi sinh vật gây bệnh trong nước trước khi thải ra môi trường.

Nước thải sau khi qua khử trùng được bơm qua bồn lọc áp lực nhằm loại bỏ cặn lơ lửng không lắng được ở bể lắng. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận của KCN.

Các hạng mục cơ bản của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 3. 6. Các thông số bể của hệ thống xử lý nước thải

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Bể thu gom	Bể	1	Vật liệu: bê tông cốt thép L x W x H = 3000 x 2000 x 4000 (mm)
2	Bể điều hoà	Bể	1	Vật liệu: bê tông cốt thép L x W x H = 7000 x 6100 x 4000 (mm)
3	Bể Anoxic	Bể	1	Vật liệu: bê tông cốt thép L x W x H =7000 x 5000 x 4000 (mm)
4	Bể Aerotank	Bể	1	Vật liệu: bê tông cốt thép L x W x H = 12000 x 7000 x 4000 (mm)
5	Bể lắng sinh học	Bể	1	Vật liệu: bê tông cốt thép L x W x H = 5300 x 5300 x 4000 (mm)
6	Bể khử trùng	Bể	1	Vật liệu: bê tông cốt thép L x W x H = 3600 x 1500 x 4000 (mm)
7	Bồn lọc áp lực	Bồn	1	Vật liệu: Composite D x H = 450 x 1625 (mm)
8	Bể chứa bùn	Bể	1	Vật liệu: bê tông cốt thép L x W x H = 3400 x 2000 x 2000 (mm)
9	Nhà điều hành	Nhà	1	Vật liệu: Gạch L x W x H = 3400 x 2000 x 2000 (mm)

Bảng 3. 7. Danh mục máy móc của hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m^3/ngày

STT	Hạng mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	SL
I. BỂ THU GOM				
1	Bơm thu gom	- Dạng bơm chìm - Điện áp: 0.4 kW/380V/50Hz - Qmax: 320 LPM - Hmax: 9m - Xuất xứ: Taiwan	Bộ	2
2	Phao báo mức nước dạng cơ	- Dạng trái nổi - Điện áp: 220v - Xuất xứ: Taiwan	Bộ	2
3	Lưới chắn rác	- Kích thước: 500x700 mm -Vật liệu: SUS304 - Xuất xứ: ETC	Cái	1
4	Xích kéo bơm	- Vật liệu: M4, Inox SS304 - Xuất xứ: Việt Nam	m	8
II. BỂ ĐIỀU HÒA				

STT	Hạng mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	SL
1	Bơm điều hòa	- Dạng bơm chìm - Điện áp: 0.4 kW/380V/50Hz - Qmax: 320 LPM - Hmax: 9m - Xuất xứ: Taiwan	Bộ	2
2	Phao báo mức nước dạng cơ	- Dạng trái nổi - Điện áp: 220v - Xuất xứ: Taiwan	Bộ	1
3	Hệ thống phân phối khí	- Đĩa phân phối khí: RSD 270 - Số lượng: 6 cái - Xuất xứ: Taiwan	Hệ	1
4	Xích kéo bơm	- Vật liệu: M4, Inox SS304 - Xuất xứ: Việt Nam	m	8
III. BỂ ANOXIC				
1	Máy khuấy trộn chìm	- Dạng chìm - Điện áp: 0.4 kW/380V/50Hz - Xuất xứ:Taiwan	Bộ	2
2	Hệ thống thanh trượt	-Vật liệu: Inox SUS 304 - Xuất xứ: Việt Nam	Hệ	2
3	Xích kéo bơm	-Vật liệu: M4, Inox SS304 - Xuất xứ: Việt Nam	m	8
4	Bơm định lượng hóa chất trung hòa pH	- Điện áp: 45 W/220V/50Hz - Qmax: 7.9 GPH - Pmax: 30 PSI Xuất xứ: USA	Bộ	1
5	Bồn chứa hóa chất	- Dung tích: 500 L - Vật liệu: nhựa Xuất xứ: Việt Nam	Bồn	1
IV. BỂ AEROTANK				
1	Máy thổi khí	- Đặt trên cạn - Q = 1.93 m^3/min - P = 30 KPa - Hãng sản xuất: Taiwan - Motor: 2.2 kW/380V/50Hz	Cái	2
2	Hệ thống phân phối khí	- Đĩa phân phối khí tinh: RSD 270 - Số lượng: 12 cái Xuất xứ: Taiwan	Hệ	1
3	Bơm tuần hoàn	- Dạng bơm chìm - Điện áp: 0.4 kW/380V/50Hz		

STT	Hạng mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	SL
		- Qmax: 320 LPM - Hmax: 9m Xuất xứ: Taiwan	Bộ	2
4	Xích kéo bơm	-Vật liệu: M4, Inox SS304 - Xuất xứ: Việt Nam	m	8
5	Bùn vi sinh hoạt tính và chế phẩm vi sinh	- Bùn vi sinh hoạt tính dạng lỏng - Chế phẩm vi sinh hiếu khí, thiếu khí. Xuất xứ: Việt Nam	Hệ	1
V. BỂ LẮNG				
1	Bơm tuần hoàn bùn	- Dạng bơm chìm - Điện áp: 0.4 kW/380V/50Hz - Qmax: 320 LPM - Hmax: 9m Xuất xứ: Taiwan	Bộ	2
2	Xích kéo bơm	-Vật liệu: M4, Inox SS304 - Xuất xứ: Việt Nam	m	8
3	Ống lắng trung tâm và máng răng cưa thu nước	- Vật liệu: SS304, dày 1.2 mm Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1
VI. BỂ KHỬ TRÙNG				
1	Bơm định lượng hóa chất khử trùng	- Điện áp: 45 W/220V/50Hz - Qmax: 7.9 GPH - Pmax: 30 PSI Xuất xứ: Bluewhite - USA	Bộ	1
2	Bồn chứa hóa chất khử trùng	- Dung tích: 500 L - Vật liệu: nhựa - Xuất xứ: Việt Nam	Bồn	1
3	Bơm lọc áp lực	- Lưu lượng: 10 - 70 L/p - Cột áp: 20 - 43,3 m - Công suất: 0,74 kW - Điện áp: 380V, 3 phase, 50 Hz - Xuất xứ: Pentax - Italy	Cái	2
4	Bồn lọc áp lực	- Kích thước: D xH = 450 x 1625 mm - Vật liệu: composite - Van cơ điều chỉnh hướng dòng chảy - Vật liệu lọc: than hoạt tính, sỏi đỡ - Việt Nam	Cái	1

Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải







Hình 3. 7. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 40 m^3/ngày đêm và Hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m^3/ngày đêm

❖ ***Quy trình vận hành và chế độ vận hành các hệ thống xử lý nước thải***

Thông tin và nội dung vận hành

- Thông tin vận hành:
  - Chỉ số SV30: Là khả năng lắng bùn, dùng 1 cốc múc nước trong bể Aerotank, để lắng tĩnh 30 phút, sau đó đọc thể tích lượng bùn lắng.

- Chỉ số pH: chỉ số pH tại bể sinh học tốt nhất từ 6,5 - 8, nếu thấp hơn thì châm thêm Soda.
- Lượng hóa chất đã sử dụng: kiểm tra bồn hóa chất, đảm bảo đủ hóa chất sử dụng.
- Trạng thái các thiết bị xử lý: xem thiết bị có hỏng hóc, bất thước hay không.

- Công việc trong ca trực:
  - Kiểm tra hóa chất.
  - Kiểm tra xem phao có bị kẹt hay không, kiểm tra tủ điện xem có nhảy Relay nhiệt hay không, có bị sập CB hay không, có báo lỗi hay không.
  - Múc 1 ly nước tại bể Aerotank, để sau 30 phút, đọc chỉ số SV30, nên duy trì ở mức 20-50%. Nếu bùn dư thì xả về bể chứa bùn, nếu bùn thiếu thì kiểm tra lại.
  - Đo pH, nếu pH từ 6.5 – 8 là bình thường.
  - Lấy 1 mẫu nước sau xử lý, quan sát bằng mắt thường xem có thay đổi gì hay không, có mùi lạ hay không.
  - Nước thải đạt tiêu chuẩn thì cảm quan nước trong, trắng, không có mùi lạ.
- Kiểm tra thiết bị:
  - Kiểm tra các bơm hoạt động có ồn hay không.
  - Kiểm tra máy thổi khí có ồn không, có mùi lại hay không.
  - Kiểm tra các van, rắc co có bị xì hay không.
  - Kiểm tra phao.
  - Kiểm tra các cùm, support của đường ống có rung lắc hay không.
- Kiểm tra chất lượng bùn vi sinh, nồng độ bùn vi sinh:
  - Kiểm tra tỉ lệ bùn: Sử dụng ống định mức có chia vạch (có thể sử dụng ly nhựa dạng miệng rộng đáy hẹp), thông thường thể tích là 500ml. Đổ đầy hỗn hợp bùn hoạt tính và nước thải tại các bể Aerotank và Anoxic, để lắng tự nhiên trong vòng 30 phút (gọi là SV30 – Sludge volume during 30 minutes). Hệ thống nên duy trì SV 30 từ 20-50%. Tỷ lệ chính xác cần dựa vào số liệu phân tích kiểm tra nước thải sau xử lý.
  - SV30 từ 20-50% là mức thông thường cho nước thải, tỷ lệ thực tế cho từng công trình phụ thuộc vào tính chất cụ thể của nước thải, chế độ vận hành, chất lượng nước thải đầu ra. Nhân viên vận hành cần linh hoạt điều chỉnh

duy trì tỷ lệ tốt nhất.

Vận hành hệ thống điện điều khiển

- Chuẩn bị trước khi khởi động:
  - Chuyển tất cả các Switch bên ngoài tủ điện về vị trí "OFF".
  - Kiểm tra tình trạng sẵn sàng của tất cả thiết bị làm việc: Máy bơm, máy thổi khí, máy khuấy, van, ...
- Khởi động hệ thống:
  - Mở CB chính: Thông thường 3 đèn hiển thị ở 3 pha được cung cấp điện sẽ bật sáng.
  - Mở tất cả các CB còn lại Ở chế độ TỰ ĐỘNG (Bình thường) Bật tất cả các Switch ngoài tủ điện sang "AUTO" : tất cả các thiết bị đang làm việc theo chương trình tự động định trước.
  - Ở chế độ THỦ CÔNG (hiếm khi chỉ sử dụng khi chạy thử các thiết bị): Những thiết bị cần phải được bật bằng tay, xoay công tắc chuyển mạch tương ứng tới vị trí "MAN".
- Tắt hệ thống:
  - Chuyển tất cả các Switch ngoài tủ điện sang vị trí "OFF".
  - Tắt CB chính
  - Tắt CB thành phần.

Quy trình bảo trì

- Hệ thống điện (Bảo trì 3-4 tháng/lần)
  - Kiểm tra toàn bộ mạch điện, dây dẫn đến các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải như: Bơm nước thải, bơm bùn, máy thổi khí,…
  - Kiểm tra toàn bộ mạch đèn và mạch ổ cắm tại nhà điều hành.
  - Bảo trì tất cả các CB, công tắc của tủ điện điều khiển cho các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải còn đang hoạt động tốt không.
- Các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. (bảo trì 3-4 tháng/lần)
  - Kiểm tra hoạt động của các bơm bùn, bơm nước thải, máy thổi khí, máy khuấy, bơm định lượng, quạt hút,… có hoạt động bình thường không.
  - Vệ sinh lưới lọc bụi của máy thổi khí, thay nhớt, tra dầu mỡ,

❖ ***Nhu cầu hóa chất của hệ thống XLNT***

Nhu cầu hóa chất tiêu thụ trong quá trình vận hành hệ thống XLNT như sau:

Bảng 3. 8. Lượng hóa chất sử dụng của các hệ thống xử lý nước thải

STT	Hóa chất	Xuất xứ	Lượng tiêu thụ (kg/ngày)
1	H_2SO_4	Việt Nam	3.0
2	NaOH	Việt Nam	7.0
3	PAC	Việt Nam	8.0
4	Polymer(-)	Việt Nam	0.2
4	Polymer(+)	Việt Nam	0.1
5	NaOCl	Việt Nam	12.0

❖ ***Định mức tiêu hao năng lượng:***

Dựa theo máy móc, thiết bị sử dụng điện phục vụ cho HTXLNT tổng lượng điện năng tiêu thụ của toàn bộ máy móc trong các hệ thống xử lý nước thải khoảng 5.000 VND cho $1m^3$

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển và bốc dở nguyên liệu, sản phẩm.

Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển và bốc dở nguyên liệu, sản phẩm có tính chất phân tán, tác động không liên tục và nồng độ không cao. Để giảm thiểu nguồn ô nhiễm này trong suốt quá trình hoạt động, chủ cơ sở sẽ có một số biện pháp sau:

- Bê tông hóa và thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu vực kho để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.

- Định kỳ bảo dưỡng và kiểm tra xe vận chuyển.

- Không chở quá tải trọng quy định.

- Không cho xe nổ máy trong khi chờ nhập, xuất nguyên liệu, sản phẩm, ...

- Trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, mắt kính chuyên dùng, găng tay…cho công nhân làm việc tại công đoạn nhập nguyên liệu vào nhà máy.

- Trồng cây xanh trong các khu vực nhà máy, trên các tuyến đường nội bộ vì cây xanh có vai trò điều hoà vi khí hậu và khống chế bụi rất hiệu quả.

- Vệ sinh quét dọn thường xuyên khuôn viên nhà máy để thu gom bụi.

3.2.2. Bụi phát sinh từ quá trình cắt, may liệu

**** Đánh giá tác động.***

Hoạt động của các công đoạn cắt, may sẽ phát sinh bụi. Theo Assessment of Sources of Air, Water and Land Pollution, của Alexander P.Economopoulos thì lượng bụi phát sinh từ các công đoạn này là 14g/tấn nguyên liệu. Như vậy, với khối lượng nguyên liệu

là 3.266 tấn/năm, tải lượng ô nhiễm bụi sản xuất là 45.724g bụi/năm, 3.810,33g bụi/tháng, ngày làm việc 16h.

Tải lượng, nồng độ hơi dung môi phát sinh như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Số lượng
1	Tải lượng theo lý thuyết (Alt)	g/tấn nguyên liệu	14
2	Khối lượng nguyên liệu (đế các loại, mút xốp) sử dụng (B)	Tấn/năm	3.266
		Tấn/tháng	272,17
3	Thời gian làm việc (t)	Ngày/tháng	26
		Ca/ngày	2
		Giờ/ca	8
4	Vận tốc gió (v) (ước tính)	m/s	0,5
5	Chiều dài khu vực bị ảnh hưởng (L)	m	150
6	Chiều cao khu vực bị ảnh hưởng (H)	m	2
7	Tải lượng (A) $A\ (mg/s) = \frac{A_{lt} \times B \times 10^6}{t \times 3.600}$	mg/s	970,91
8	Lưu lượng (Q) $Q\ (m^3/s) = v \times L \times H$	m^3/s	150
9	Nồng độ (C) $C = A/Q$	mg/m^3	6,47
	Nồng độ bụi theo QCVN 02:2019/BYT		**8**

Nhận xét: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình cắt, may trong quá trình sản xuất của nhà máy nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT. Tuy nhiên tại công đoạn này, phát sinh bụi nhiều, vẫn có ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân sản xuất trực tiếp trong nhà máy và ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Do đó công ty sẽ có các biện pháp giảm thiểu hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe của công nhân viên và cảm quan trong xưởng sản xuất của nhà máy.

**** Biện pháp giảm thiểu.***

- Trang bị kính, khẩu trang chuyên dụng và các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân làm việc trực tiếp làm việc.

Vệ sinh thường xuyên máy móc và xưởng sản xuất để trách tích tụ bụi.

Tự động hóa sản xuất, tránh lao động gắng sức phải hít thở nhiều bụi và khí thải.

Xưởng sản xuất được làm nền bê tông và thường xuyên được vệ sinh, tránh phát sinh bụi trong quá trình hoạt động sản xuất và phát tán bụi ra ngoài môi trường.

3.2.3. Hơi dung môi phát sinh từ quá trình in.

**** Đánh giá tác động.***

Công ty sử dụng mực in có thành phần:

STT	Tên thành phần	Cộng thức hóa học	Tỷ lệ (%)
1	Nước	H_20	30-45
2	Polyurethan gốc nước	$(C_9H_6N_2O_2.C_6H_{14}O_3)_x$	32-52
3	Chất màu	-	0-15
4	Phụ gia	-	0-15

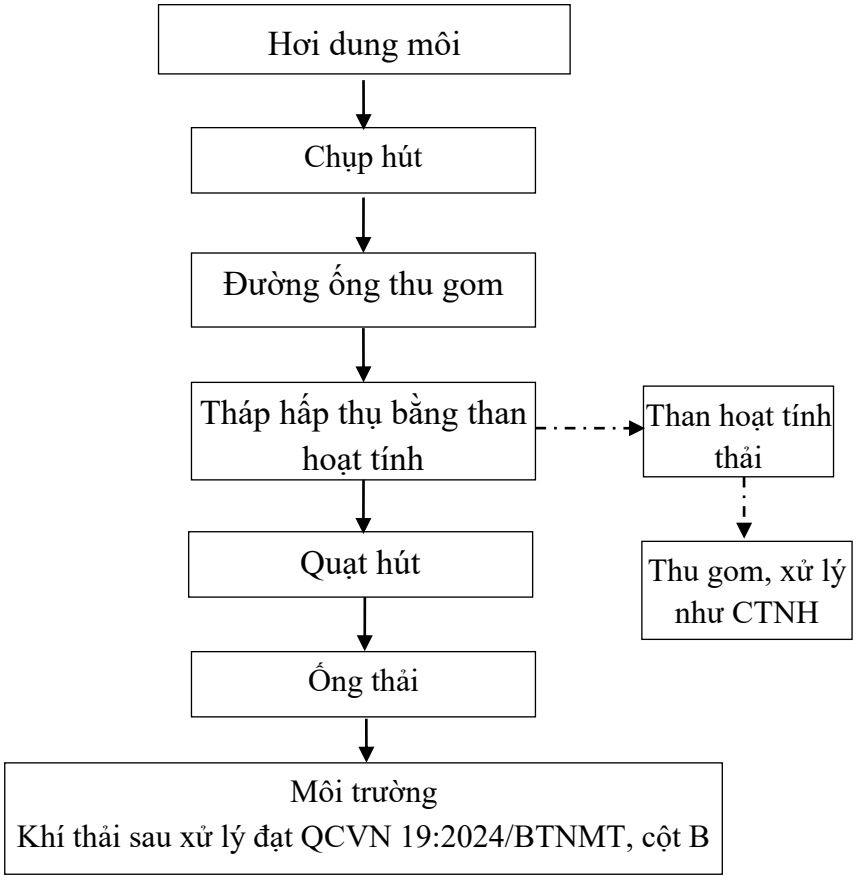
Theo bảng thành phần hoá học của mực in sử dụng cho thấy không có thành phần dung môi độc hại, nguy hiểm cho sức khoẻ của người lao động.

Tuy nhiên trong quá trình in logo công ty cũng sẽ có các biện pháp để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến sức khoẻ của công nhân.

**** Biện pháp giảm thiểu.***

Đối với hơi dung môi, bụi phát sinh từ công đoạn in tại xưởng 1, công ty đã lắp đặt 02 hệ thống xử lý, công suất 40.000m^3/h/hệ thống.

Quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 3. 8. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi, hơi dung môi

Thuyết minh quy trình:

Hơi dung môi từ công đoạn in lắp đặt chụp hút tại các vị trí phát sinh để thu gom triệt để khí thải dẫn về tháp hấp phụ bằng than hoạt tính.

Tại khu vực máy in toàn bộ hơi dung môi được thu gom vào hệ thống ống dẫn bằng thép mạ kẽm có kích thước từ D300-D700, sau đó đấu nối chung tại một điểm nút và tiếp tục được dẫn qua tháp hấp thụ có chứa than hoạt tính, các chất gây mùi hôi trong khí thải sẽ giữ trên bề mặt vật liệu hấp thụ là than hoạt tính và dòng khí sạch được dẫn ra ngoài, ống thoát cao 8m. Hệ thống xử lý khí thải đảm bảo xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMTcột B trước khi phát thải qua ống thải.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải

STT	Thiết bị, hạng mục	Tính chất, công suất	Số lượng
1	Buồng chứa than hoạt tính	-Hộp chứa than: Hộp chữ nhật, kích thước DxRx C = 3,0 x1,5 x 1,8m; -Chất liệu: CT3 sơn chống rỉ, độ dày 3mm.	2
2	Đường ống thu gom	- Chiều dài đường ống: 150m; - Ống khí: D 300-700mm - Chất liệu: thép mạ kẽm	1
3	Chụp hút	- Kích thước: LxWxH: 1,2x0,6x0,3m - Vật liệu: tole mạ kẽm	56
3	Ống khói	- Kích thước: Ø800; Chiều cao 8m - Vật liệu: thép mạ kẽm	2
4	Quạt hút	Công suất: 50HP (37,5kw) Lưu lượng: 40.000 m^3/giờ/quạt	2

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

Hình ảnh hệ thống xử lý.



Hệ thống đường ống thu gom



Hệ thống xử lý công đoạn in số 2



Hệ thống xử lý công đoạn in số 1

Hình 3. 9. Hình ảnh hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn in

3.2.4. Hơi dung môi phát sinh từ quá trình dán keo.

**** Đánh giá tác động.***

Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dán keo. Lượng keo và nước xử lý công ty sử dụng 193,3 tấn/năm. Keo có thành phần chủ yếu gồm: là methyl acetate, Acetone, Methyl ethyl ketone (MEK), ethyl acetate, Methyl cyclohexane… Thành phần có chứa các chất dung môi này khi ở nồng độ nhỏ không có độc tính mạnh, nhưng nếu làm việc trong môi trường lâu dài có thể sẽ gây khó chịu, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân viên.

Theo Assessment of Sources of Air, Water and Land Pollution, của Alexander P.Economopoulos, hệ số ô nhiễm khí thải phát sinh là 0,35 kg VOC/tấn hóa chất sử dụng. Tải lượng nồng độ hơi dung môi phát sinh như sau:

Bảng 3. 9. Tải lượng nồng độ hơi dung môi phát sinh

STT	Thông số		Đơn vị	Số lượng
1	Tải lượng theo lý thuyết (A_{lt})		kg/tấn hóa chất	0,35
2	Khối lượng nguyên liệu (keo, nước xử lý) sử dụng (B)		Tấn/năm	193,3
			Tấn/tháng	16,11
3	Thời gian làm việc (t)		Ngày/tháng	26
			Ca/ngày	2
			Giờ/ca	8
4	Vận tốc gió (v) (ước tính)		m/s	0,5
5	Chiều dài khu vực bị ảnh hưởng (L)		m	190
6	Chiều cao khu vực bị ảnh hưởng (H)		m	2
7	Tải lượng (A) $A\ (mg/s) = \frac{A_{lt} \times B \times 10^6}{t \times 3.600}$		mg/s	3,77
8	Lưu lượng (Q) $Q\ (m^3/s) = v \times L \times H$		m^3/s	190
9	Nồng độ (C) C=A/Q		mg/m^3	30
10	Nồng độ hơi dung môi theo QĐ 3733/2002/QĐ BYT	Cyclohexan	mg/m^3	**500**
		Methyl acetate	mg/m^3	**100**
		Ethyl acetate	mg/m^3	**-**
		Methyl ethyl ketone (MEK)	mg/m^3	**150**

Nhận xét: Nồng độ hơi dung môi phát sinh từ quá trình dán keo, quét nước xử lý trong quá trình sản xuất của nhà máy theo tính toán đều nằm trong giới hạn cho phép theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT.

Tuy nhiên tại công đoạn này, phát sinh hơi dung môi độc hại, vẫn có ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân sản xuất trực tiếp trong nhà máy. Do đó công ty sẽ có các các biện pháp giảm thiểu hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân viên.

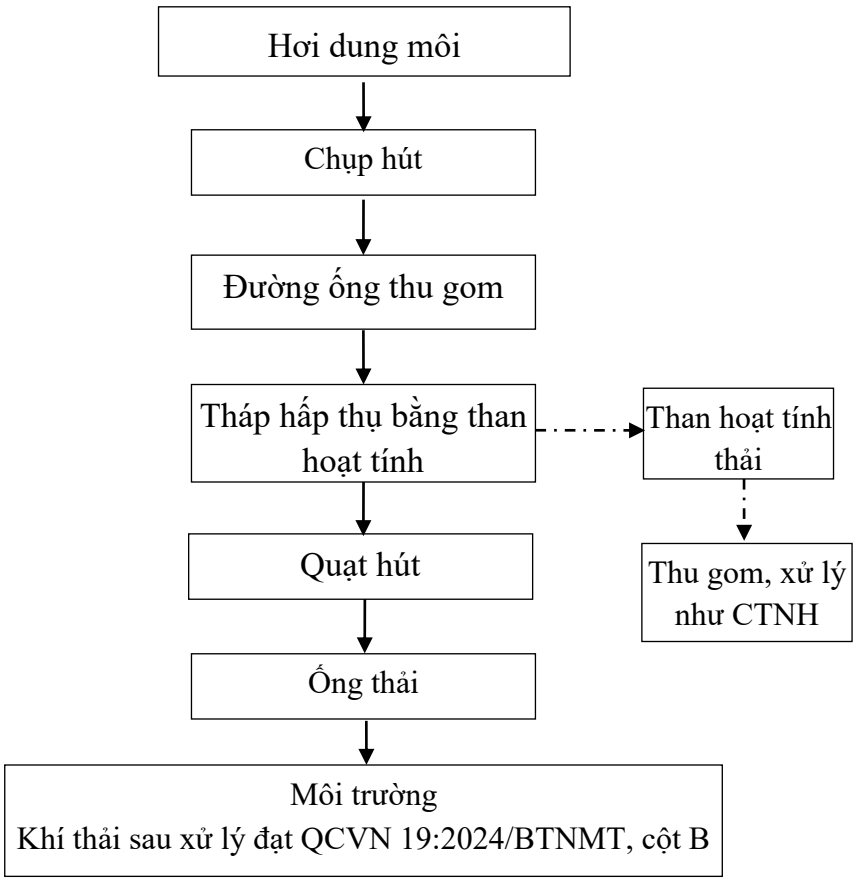
**** Tác động:*** Hơi hóa chất ở nồng độ cao có thể gây ức chế thần kinh trung ương và gây khó chịu cho mắt, cổ họng. Tiếp xúc với da có thể gây bỏng hóa chất nhẹ. Lượng hơi hóa chất phát sinh sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe của công nhân tại khu vực sản xuất. Tiếp xúc với với nồng độ cao sẽ gây ho, chóng mặt, buồn ngủ, lơ mơ, nhức đầu, nôn mửa, đau họng, yếu người và mất ý thức.

Lâu dài: khí thải ra có thể gây ngộ độc, ảnh hưởng đến tuyến nội tiết, rối loạn các chức năng tiêu hóa và có thể gây ung thư, có ảnh hưởng đến bệnh lý hiếm muộn hay không thì chưa có nghiên cứu về vấn đề này. Để đảm bảo sức khỏe và chất lượng môi trường, công ty đã thực hiện một số biện pháp để giảm thiểu sự phát thải từ quá trình hoạt động ít ảnh hưởng đến con người và môi trường xung quanh.

**** Biện pháp giảm thiểu.***

Đối với hơi dung mô phát sinh từ công đoạn dán keo tại xưởng 2, công ty sẽ tiến hành lắp đặt 04 hệ thống xử lý, công suất 7.500m^3/h/hệ thống sau khi Giấy phép môi trường được cấp.

Quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 3. 10. Sơ đồ công nghệ xử lý hơi dung môi từ công đoạn dán keo

Thuyết minh quy trình:

Khí thải chứa VOC từ công đoạn dán keo lắp đặt chụp hút tại các vị trí phát sinh để thu gom triệt để khí thải dẫn về tháp hấp phụ bằng than hoạt tính.

Tại khu vực máy dán keo, in toàn bộ mùi và hơi hóa chất được thu gom vào hệ thống ống dẫn bằng thép mạ kẽm có kích thước từ D300-D400, sau đó đấu nối chung tại một điểm nút và tiếp tục được dẫn qua buồng hấp thụ có chứa than hoạt tính, các chất gây mùi hôi trong khí thải sẽ giữ trên bề mặt vật liệu hấp thụ là than hoạt tính và dòng khí sạch được dẫn ra ngoài, ống thoát cao 10m. Hệ thống xử lý khí thải đảm bảo xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMTcột B trước khi phát thải qua ống thải.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải

STT	Thiết bị, hạng mục	Tính chất, công suất	Số lượng
1	Buồng chứa than hoạt tính	-Hộp chứa than: Hộp chữ nhật, kích thước DxRx C = 1,8 x1,2 x 1,2m; -Chất liệu: CT3 sơn chống rỉ.	4
2	Đường ống thu gom	- Chiều dài đường ống: 1.000m; - Ống khí: D 300-400mm - Chất liệu: thép mạ kẽm	1
3	Ống khói	- Kích thước: Ø400; Chiều cao 14m - Vật liệu: thép mạ kẽm	4
4	Quạt hút	Công suất: 10HP, 380V/50Hz Lưu lượng: 7.500 m^3/giờ.	4

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

Quy trình vận hành và chế độ vận hành của các thiết bị xử lý khí thải

(1) Chế độ vận hành: Tự động

(2) Quy trình vận hành:

- Bước 1: Kiểm tra toàn bộ các thiết bị trước khi vận hành.

- Bước 2: Bật thiết bị bơm và quạt hút để hút khí thải.

- Bước 3: Kiểm tra toàn bộ thiết bị để xác nhận các thiết bị vận hành bình thường.

(3) Bảo dưỡng:

a. Thiết bị quạt hút

- Định kỳ 03 tháng/lần dừng thiết bị để bảo dưỡng bơm:

+ Vệ sinh bụi bẩn bên trong và bên ngoài

+ Tra dầu mỡ trục quay của moto, cánh quạt, ổ bi.

+ Kiểm tra đầu nối dây điện.

b. Thiết bị đường ống.

- Kiểm tra hàng ngày đường ống đảm bảo không có điểm rò rỉ khí, bụi. Đường ống nguyên vẹn, không bị biến dạng.

- Vệ sinh đường ống 01 lần/tháng

c. Tủ than hoạt tính: Kiểm tra tình trạng vệ sinh định kỳ 1 tháng/lần. Thay than hoạt tính định kỳ 1 năm/lần

d. Dây cuaroa: Định kỳ 01 năm thay 01 lần.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.

3.3.1. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt.

- Nguồn phát sinh

Rác thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người lao động chủ yếu từ khu vực văn phòng, nhà vệ sinh,..

- Thành phần, khối lượng rác thải sinh hoạt.

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại rau, quả, thức ăn thừa, bao bì, giấy văn phòng,….Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh, theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, mỗi người thải ra khoảng 0,8kg/người/ngày. Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh với số công nhân làm việc là 500 người → Lượng rác thải phát sinh: 0,8 x 500 = 400kg/ngày.

Bảng 3. 10. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của công nhân viên và công nhân trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị	400
	Tổng khối lượng	**400**

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

- Thiết bị lưu chứa: Đã bố trí 10 thùng chứa, dung tích 120 lít có nắp đẩy, 5 thùng dung tích 30 lít đặt tại khu văn phòng, nhà vệ sinh, phòng khách.

- Khu lưu chứa: khoảng 15m^2 (có mái che)

- Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu chứa có tường bao, nền xi măng chống thấm, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Chuyển giao xử lý:

Hiện tại dự án đang ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom (hợp đồng đính kèm Phụ lục), với tần suất 1 lần/ ngày.

3.3.1.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hiện nay tại cơ sở được liệt kê theo bảng sau:

Bảng 3. 11. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	TT-R	8.925
2	Chất thải từ vỏ cây gỗ loại bỏ (pallet thải)	Rắn	09 01 02	TT-R	1.000
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	18 01 06	TT-R	5.000
4	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH	Rắn	11 04 03	TT-R	415.670
5	Chất thải từ sợi dệt chưa qua xử lý hoặc đã qua xử lý	Rắn	10 02 10	TT-R	10.000
6	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	Rắn	12 06 11	TT	100
7	Sản phẩm vô cơ khác (bao gồm sản phẩm lỗi, bụi từ HTXL bụi)	Rắn	19 03 03	TT-R	25.000
8	Sản phẩm hữu cơ khác	Rắn	19 03 04	TT-R	100
9	Vải, sợi	Rắn	12 08 09	TT-R	7.500
10	Nhựa và cao su	Rắn	12 08 06	TT-R	2.750
Tổng					**476.045**

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

- Thiết bị lưu chứa:

Chất thải/phế liệu được phân loại tại nguồn và được chứa trong các thùng chứa trong mỗi xưởng. Cuối ngày, công nhân phụ trách chuyển chất thải từ các vị trí tập trung trong các xưởng về nhà chứa chất thải thông thường có diện tích 50m^2

Nhà chứa chất thải thông thường có mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm và có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

- Chuyển giao xử lý: Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn sản xuất ước tính như sau:

Bảng 3. 12. Chất thải nguy hại phát sinh phát sinh hiện tại

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	18 02 01	KS	13750
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	KS	150
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	KS	1191
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	Rắn	18 01 03	KS	3314
5	Mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	08 02 01	KS	2815,5
6	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	KS	1782
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	10
8	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	08 03 01	KS	1750
9	Chất thải lây nhiễm (chất thải y tế)	Rắn/lỏng	13 01 01	NH	50
10	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	11450
11	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	NH	75
12	Các loại dầu thủy lực thải khác	Lỏng	17 01 07	NH	90
13	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	08 01 01	KS	3475
14	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	KS	12300

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
15	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	NH	5
16	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài…)	Rắn	07 03 08	KS	750
Tổng					**52.957,5**

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

- Thiết bị lưu chứa: Đã trang bị các thùng lưu giữ có nắp đậy.
- Kho lưu chứa:
  + Diện tích kho: 26m^2
  + Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao và mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng rơi vãi, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để hạn chế ảnh hưởng đến mức thấp nhất đến sức khỏe người lao động, trong quá trình hoạt động hiện hữu và lắp đặt máy móc thiết bị, Chủ dự án áp dụng các biện pháp sau nhằm khống chế các tác động của nguồn ô nhiễm này.

Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và chấn động ngay tại máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn:

+ Bố trí các máy móc gây ồn trong một khu vực chung và cách lý với khu vực khác, gắn các bộ phận giảm rung cho tất cả các thiết bị.

+ Lên lịch bảo trì, sửa chữa, kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị, máy móc và tiến hành bảo dưỡng, hiệu chỉnh máy móc định kỳ.

+ Máy nén khí được bố trí riêng, cách ly với khu vực tập trung đông công nhân (được bố trí kế bên ngoài nhà xưởng), giúp hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn của máy nén khí khi vận hành. Ngoài ra, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn ngay từ khi lắp đặt: Đổ bệ bê tông, lắp đế cao su chống ồn. Định kỳ hằng năm bảo dưỡng, kiểm định máy nén khí theo quy định.

Các biện pháp hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn cho công nhân:

+ Biện pháp chống ồn hiệu quả nhất là tự động hóa quá trình vận hành, hạn chế tối đa số lượng lao động làm việc ở những khâu có độ ồn cao và liên tục.

+ Trang bị nút chống ồn cho công nhân vận hành sản xuất tại khu vực có độ ồn cao.

+ Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng phương

tiện bảo hộ lao động cho công nhân.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

** Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:*

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

** Đối với bể tự hoại*

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoạibảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.

Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

** Đối với hệ thống xử lý nước thải*

- *Phương án phòng ngừa sự cố*

- Để tránh sự cố quá tải, khi thiết kế hệ thống XLNT đã tính toán hệ số an toàn (công suất thiết kế cao hơn lưu lượng nước thải tính toán 1,2 lần, nồng độ các chất ô nhiễm dùng làm thông số thiết kế cũng ở mức cao)

- Bể được xây dựng bằng bê tông cốt thép chắc chắn để tránh tình trạng rò rỉ, nứt vỡ.

- Các máy móc, thiết bị của hệ thống XLNT như máy bơm, dây cua roa, thiết bị điện trong tủ điều khiển của các hệ thống,… đều được trang bị 01 thiết bị dự phòng nhằm thay thế ngay khi các thiết bị này hư hỏng, không làm gián đoạn quá trình xử lý.

- Có nhân viên chuyên môn chịu trách nhiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải.. Nhân viên vận hành có trách nhiệm theo dõi hoạt động của hệ thống hàng ngày, thường xuyên kiểm tra các bể để kịp thời phát hiện sự cố rò rỉ, những vết nứt trên thành bể để kịp thời sửa chữa.

- Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình xử lý nước thải, kịp thời nhận thấy những hoạt động bất thường của thiết bị, sửa chữa những hư hỏng.

- *Ứng phó sự cố theo các kịch bản khác nhau:*

Kịch bản 1: Sự cố quá tải

Trường hợp nước thải phát sinh vượt quá công suất xử lý của hệ thống hoặc các sự cố kỹ thuật dẫn đến chất lượng nước thải sau xử lý không đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận của Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng, dừng hoạt động xả nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, đồng thời dừng hoạt động sản xuất có phát sinh nước thải gây ra sự cố để tim nguyên nhân và có biện pháp sửa chữa, khắc phục kịp thời.

Kịch bản 2: Sự cố mất điện

Khi có sự cố mất điện thì nhà máy ngưng sản xuất nên không phát sinh nước thải.

Kịch bản 3: Sự cố rò rỉ đường ống dẫn nước thải

Huy động toàn bộ nguồn lực để khắc phục, sửa chữa kịp thời những đoạn đường ống bị hư hỏng, xuống cấp gây ra sự cố. Trường hợp cần thiết phải dừng hoạt động sản xuất và hoạt động xả nước thải để khắc phục sự cố.

Đối với các sự cố với quá trình xử lý, biện pháp ứng phó sự cố như sau:

Bảng 3. 13. Biện pháp khắc phục sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải

STT	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Bơm	- Do mất điện. - Do phao trong bể chứa nước ở mức cạn. - Đường ống đẩy của bơm bị chặn hoặc bị rò rỉ. - Bơm bị hỏng.	- Kiểm tra lại nguồn điện cấp cho bơm. - Giữ nguyên hiện trạng. - Kiểm tra các van và đường ống đẩy, nếu van đóng thì phải mở van, ống rò rỉ thì dừng hệ thống sửa chữa. - Trường hợp khi kiểm tra tất cả các nguyên nhân trên mà vẫn không tìm được nguyên nhân thì ngắt bơm và đem sửa chữa.
2	Máy thổi khí	- Do mất điện. - Hỏng van 1 chiều - Đường ống đẩy của máy thổi khí bị chặn hoặc bị rò rỉ. - Máy thổi khí bị hỏng.	- Kiểm tra lại nguồn điện cấp cho máy thổi khí. - Tháo vệ sinh van 1 chiều , nếu không được mang đi thay thế - Kiểm tra các van và đường ống đẩy, nếu van đóng thì phải mở van, ống rò rỉ thì dừng hệ thống sửa chữa. - Trường hợp khi kiểm tra tất cả các nguyên nhân trên mà vẫn không tìm được nguyên nhân thì ngắt máy nén khí và đem sửa chữa.
3	Lỗi đèn vàng trên tủ điện	- Do thiết bị bị kẹt ở cánh động cơ, đuôi nhiệt nhảy - Hiện tượng quá dòng	- Kéo thiết bị lên kiểm tra, loại bỏ rác làm kẹt cánh động cơ - Chỉnh lại đuôi nhiệt, xiết đầu nối dây

STT	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
			điện
4	Lỗi đèn vàng rơ le nhiệt	- Do động cơ quá tải dòng điện	- B1: Tăng cường độ dòng điện bằng núm điều chỉnh - B2: Ấn nút reset
5	Bùn	**Lớp bùn phủ bị chảy ra ngoài theo dòng thải:**	
		Do chất hữu cơ quá tải	Giảm tải lượng hữu cơ
		Do pH thấp	Thêm độ kiềm
		Do sự tăng trưởng của vi khuẩn sợi	Thêm dinh dưỡng, dùng Clo hay H_2O_2 tạt lên lớp bùn nổi
		Do thiếu hụt dinh dưỡng	Thêm dinh dưỡng
		Do độc tính	Xác định nguồn, bổ sung tiền xử lý
		Do sục khí quá nhiều	Giảm sục khí
		Một lượng lớn các hạt rắn nhỏ rời khỏi bể lắng:	
		Do bùn già	Giảm tuổi bùn, gia tăng dòng thải
		Do sự xác trộn quá mức	Giảm sự xác trộn, kiểm soát lưu lượng thổi khí
		Một lượng lớn các bông bùn li ti bị cuốn trôi khỏi bể lắng	
		Do tốc độ tăng trưởng của bùn	Tăng tuổi bùn
		Do bùn hoạt tính mới, yếu	Giảm nước thải
		Bùn lắng tốt, nhưng lại nổi lên bề mặt trong thời gian ngắn	
		Do sự khử nitrat hóa	Tăng tốc độ tuần hoàn, điều chỉnh thời gian lưu bùn để hạn chế sự khử nitrat
		Bùn nổi trên bề mặt bể lắng thứ cấp	
		Do vi sinh vật dạng sợi chiếm số lượng lớn trong bùn	- Giảm F/M - Tăng thời gian hồi lưu bùn và giảm hoặc dừng việc thải bùn - Bổ sung thiếu hụt dinh dưỡng để đạt tỉ số BOD:N:P = 100:5:1 - Tăng pH đến 7
		Do quá trình Denitrat hóa xảy ra trong bể lắng thứ cấp, các bóng khí Nito xâm nhập vào hạt bùn và kéo bùn nổi lên trên bề mặt nước	- Tăng tốc độ bùn hồi lưu (tăng tải trọng thủy lực của bể lắng và giảm thời gian lưu). Tăng thời gian lưu bùn. - Tăng F/M - Giảm lưu lượng nước thải nếu sự tăng tốc độ và thời gian hồi lưu bùn không có hiệu quả

3.6.2. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải

❖ *Phương án phòng ngừa*

Để giảm thiểu các sự cố về hệ thống xử lý khí thải khi đi vào vận hành, Nhà máy đã bố trí nhân lực để giám sát hoạt động của hệ thống nhằm kịp thời phát hiện những tiềm ẩn nguy cơ phát sinh sự cố.

Đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra đối với các thiết bị xử lý khí thải.

Tự động hóa hoạt động của hệ thống xử lý khí thải nhằm hạn chế nguy cơ xảy ra sự cố. Có báo cáo theo dõi hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống

Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các đường ống thu gom, các thiết bị xử lý, kịp thời sửa chữa và thay thế khi phát hiện các dấu hiệu hỏng hóc.

Có kế hoạch xử lý và khắc phục khi xảy ra sự cố về hệ thống xử lý khí thải; luôn đảm bảo số lượng vật tư thay thế dự phòng.

Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các đường ống thu gom, các thiết bị xử lý, kịp thời sửa chữa và thay thế khi phát hiện các dấu hiệu hỏng hóc với tuần suất 6 tháng/lần.

Vận hành các thiết bị xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật hoặc yêu cầu của nhà sản xuất.

Tại các hệ thống xử lý khí đều được trang bị các thiết bị dự phòng (như các quạt hút khí thải, thiết bị điện trong tủ điều khiển của các hệ thống.....) trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Nhà máy sẽ yêu cầu ngưng hoạt động sản xuất cục bộ tại khu vực phát sinh khí thải để tiến hành kiểm tra khắc phục, trong trường hợp không khắc phục được trong khoảng thời gian 30-45 phút, cán bộ vận hành hệ thống sẽ tiến hành thay thế thiết bị để đảm bảo khả năng sản xuất của nhà máy.

❖ *Biện pháp ứng phó*

Bảng 3. 14. Biện pháp khắc phục kỹ thuật sự cố vận hành Thiết bị xử lý khí thải

STT	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Không thu gom được khí thải phát sinh	- Lỗi các máy hút khí hoạt động không ổn định hoặc ngừng hoạt động. - Do đường ống khí thải vào	- Thay bơm hút, thổi khí trong trường hợp các bơm hoạt động không ổn định.
2	Sự cố nồng độ bụi vượt quá tiêu chuẩn	- Vận tốc dòng khí trong hệ thống quá lớn khiến cho thời gian dòng khí tiếp xúc với dung dịch hấp phụ và vật liệu hấp phụ quá ngắn.	- Theo dõi chất lượng và thực hiện thay than hoạt tính 1 lần/năm để đảm bảo hiệu quả hoạt động của các hệ thống xử lý khí thải hấp phụ bằng than hoạt tính.
3	Sự cố các chỉ số vượt quá tiêu chuẩn	- Lỗi thiết kế màng hấp phụ (than hoạt tính) chưa đủ độ dày hấp phụ, - Lỗi sử dụng màng hấp phụ lâu mà	

STT	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
		chưa thay thế.	

Trường hợp thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động, chủ dự án sẽ dừng hoạt động sản xuất của dây chuyền, máy móc gắn với thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, đồng thời tìm nguyên nhân để sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sẽ thông báo cho các cơ quan liên quan để được hướng dẫn giải quyết.

3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với kho (khu vực) chứa chất thải

- Kho lưu giữ chất thải phải có mái che, xung quanh có gờ bao đề phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường. Kho chứa chất thải sẽ có đường thoát nước dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

- Kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

3.6.4. Công trình, phương án phòng cháy, chữa cháy

a. Kế hoạch PCCC chung cho toàn bộ dự án

Hệ thống PCCC đã được đầu tư đồng bộ bao gồm:

- Bể nước ngầm chữa cháy, trụ nước chữa cháy.

- Hệ thống chữa cháy vách tường: hộp chữa cháy, van, vòi…

- Họng nước chữa cháy, máy bơm, hệ thống báo cháy tự động, phương tiện chữa cháy xách tay, hệ thống chống sét.

Cơ sở đã lắp đặt đầu báo cháy khói tại khu vực văn phòng, nút nhấn khẩn cấp được đặt xung quanh cơ sở.

Đường nội bộ bao quanh rộng 6m rải nhựa, xe chữa cháy có thể hoạt động thuận tiện trong mọi điều kiện thời tiết. Khi xảy ra sự cố cháy nổ, xe chữa cháy có thể tiếp cận từ nhiều hướng.

Thường xuyên kiểm tra an toàn cháy nổ tại khu vực sản xuất; khu lưu giữ hóa chất, các kho vật liệu, kho thành phẩm, khu lưu giữ rác thải,…

Xây dựng các phương án phòng chống cháy nổ và nội quy an toàn cháy nổ. Bảng nội quy được treo ở vị trí dễ thấy, có nhiều người qua lại nhất.

Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain đã thành lập Đội PCCC cơ sở gồm có cán bộ, công nhân viên nhà máy. Lực lượng PCCC cơ sở đã được tập huấn nghiệp vụ về PCCC, được phân chia như sau:

- Thường trực chữa cháy trong giờ làm việc: 100 người/ca.

- Thường trực chữa cháy trong giờ làm việc: 100 người/ca

- Ngoài ra còn có thể huy động thêm cán bộ, công nhân viên đang có mặt tại thời điểm xảy ra cháy.

Định kỳ 1 lần/năm phối hợp với Cơ Quan Cảnh sát PCCC tỉnh diễn tập các tình huống cháy nổ có thể xảy ra.

b. Biện pháp phòng ngừa cháy nổ đối với một số khu vực có nguy cơ cao

Phòng chống cháy nổ do rò rỉ gas:

Quá trình sử dụng gas phải thường xuyên kiểm tra độ kín. Nếu phát hiện có rò rỉ gas phải thực hiện các thao tác sau:

+ Tắt ngay bếp và các nguồn lửa khác xung quanh khu vực đặt bình. Chú ý không đóng hoặc ngắt các công tắc, thiết bị điện để tránh phát sinh tia lửa.

+ Đóng ngay van bình gas.

+ Thông gió để phát tán làm giảm nồng độ hơi gas.

+ Bịt chặt chỗ rò, có thể bằng cách trát xà phòng vào chỗ rò sau đó quấn băng keo hoặc dùng dây cao su buộc chặt lại.

+ Nếu không khắc phục được rò rỉ cần mang ngay bình ra nơi trống, thoáng gió, xa cống rãnh, xa nguồn lửa và khu dân cư.

+ Cảnh giới cấm lửa tại khu vực bình rò rỉ, thông báo cho các cửa hàng, đại lý hoặc các cơ quan PCCC biết để có biện pháp xử lý.

***-** Đối với khu vực kho nguyên liệu, hóa chất*

+ Hệ thống thông gió của nhà kho được tuân theo các quy định TCVN 3288:1979;

+ Kho hóa chất được đặt tại nơi khô ráo, không thấm, dột, có hệ thống chống sét, định kỳ kiểm tra hệ thống này theo quy định hiện hành;

+ Thường xuyên kiểm tra định kỳ hàng năm về an toàn và biện pháp đảm bảo an toàn;

+ Kho chứa hóa chất nguy hiểm phải quy hoạch khu vực sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không xếp trong cùng một kho các hóa chất có khả năng phản ứng

với nhau, hoặc có phương án chữa cháy khác nhau;

+ Bên ngoài kho, xưởng có biển cấm để ở nơi dễ thấy nhất;

+ Khi xếp hóa chất trong kho phải đảm bảo yêu cầu an toàn cho người lao động và hàng hóa;

+ Các phương tiện chiếu sáng và thiết bị điện khác sẽ được bố trí trong kho lưu trữ tại vị trí cần thiết và luôn được bảo trì bởi nhân viên kỹ thuật. Các trang bị điện sẽ được nối đất và lắp đặt bộ ngắt mạch phòng khi rò điện, bảo vệ quá tải.

- *Phòng chống cháy nổ do chập điện*

Chủ dự án đã, đang và sẽ áp dụng các biện pháp sau:

+ Các thiết bị điện phải tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng, phải có thiết bị bảo vệ khi quá tải. Những khu vực nhiệt độ cao, dây điện phải đi ngầm hoặc được bảo vệ kỹ.

+ Hệ thống dẫn điện, chiếu sáng được thiết kế riêng biệt, tách rời khỏi các công trình khác nhằm dễ dàng trong sửa chữa, chống chập mạch dẫn đến cháy nổ theo phản ứng dây chuyền.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống dây điện trong toàn khu vực hoạt động của nhà máy. Hộp cầu dao phải kín, cầu dao tiếp điện tốt.

+ Tuân thủ quy trình sắp xếp hàng hoá trong kho nguyên liệu và kho sản phẩm.

c. Phương án chữa cháy trong trường hợp xảy ra cháy:

Khi phát hiện cháy phải báo động khẩn trương cho toàn cơ sở biết bằng các phương thức: bấm còi báo động, thông báo trên loa cho nhân viên toàn nhà máy được biết.

Điện báo cho lực lượng chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo số 114, gọi điện cho lực lượng y tế theo số 115 khi được yêu cầu.

Cắt điện toàn bộ khu vực cháy

Hướng dẫn công nhân thoát nạn, di chuyển tài sản ra khỏi vùng nguy hiểm.

Nhanh chóng sử dụng bình chữa cháy xách tay, họng nước chữa cháy vách tường phun vào khu vực cháy ngăn chặn không cho đám cháy phát triển, dập tắt đám cháy. Sau khi lực PCCC chuyên nghiệp triển khai xong thì phối hợp với cán bộ cơ sở trong công tác chữa cháy cũng như cứu nạn, cứu hộ.

3.6.5. Công trình, phương án phòng chống, ứng phó sự cố do hóa chất

a. Biện pháp phòng ngừa sự cố hoá chất

Các biện pháp pháp phòng ngừa sự cố hóa chất của Công ty cụ thể như sau:

- Các loại hóa chất sử dụng khi nhập về và lưu kho đều được công ty kiểm tra đảm bảo có bao bì phù hợp, an toàn, không phát tán, rò rỉ ra môi trường xung quanh.

- Trong quá trình bốc xếp hóa chất vào kho chứa, yêu cầu công nhân không được quăng quật, kéo lê thùng chứa dễ gây ra tràn đổ và cháy nổ.

- Tại mỗi xưởng và kho có hoạt động liên quan đến hóa chất công ty bố trí bảng hướng dẫn cụ thể về qui trình thao tác an toàn và đặt ở vị trí dễ đọc.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho cán bộ, công nhân

- Đối với các kho chứa hóa chất và chất thải nguy hại chủ cơ sở đã xây dựng đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Khu vực lưu giữ hóa chất có hệ thống an toàn, phòng cháy chữa cháy.

+ Khu vực lưu giữ hóa chất được bố trí gọn gàng ngăn nắp.

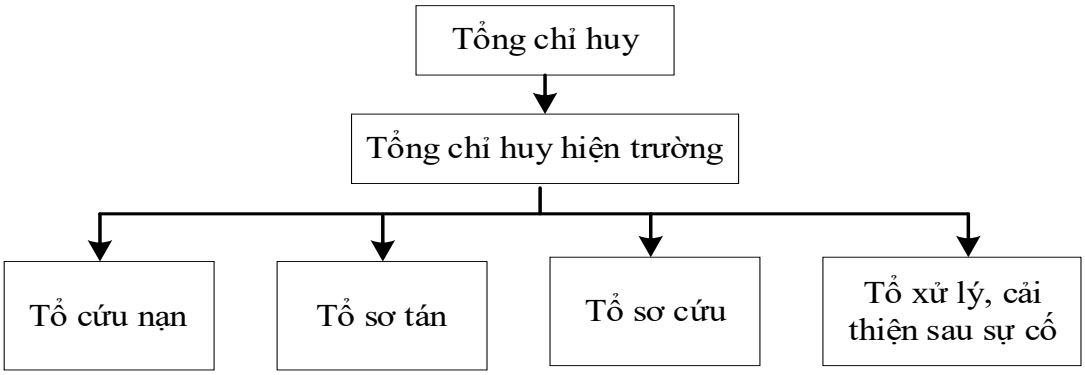
+ Kho hóa chất phải khô ráo không thấm, dột, phải có hệ thống thu lôi chống sét, phải định kỳ kiểm tra hệ thống này theo các qui định hiện hành.

+ Bên ngoài kho, xưởng phải có biển "Cấm lửa", "cấm hút thuốc", chữ to, màu đỏ; biển ghi ký hiệu chất chữa cháy. Các biển này phải rõ ràng và để ở chỗ dễ thấy nhất.

Công ty đã lập hồ sơ biện pháp ứng phó sự cố hoá chất, tổ chức tập huấn ứng phó sự cố hoá chất xảy ra trong nhà máy.

b. Biện pháp ứng phó sự cố hoá chất

Công ty đã thành lập ban chỉ huy ứng phó sự cố với 10 thành viên chính, nhiệm vụ của ban chỉ huy ứng phó sự cố là ứng phó các sự cố xảy ra trong nhà máy nói chung và ứng phó sự cố hoá chất nói riêng, cơ cấu tổ chức như nhau:



Hình 3. 11. Cơ cấu tổ chức ban chỉ huy ứng phó sự cố tại dự án

Trách nhiệm của tổ chức ứng phó sự cố với các tình huống khẩn cấp như sau:

- Tổng chỉ huy: khi xảy ra sự cố nghiệm trọng, tổng chỉ huy phụ trách đưa ra các quyết định, điều hành các hành động ứng phó sự cố.

- Tổng chỉ huy hiện trường: phụ trách chỉ huy xử lý ứng phó tại hiện trường sự cố, bao gồm: tìm hiểu tình hình sự cố, lập và thực hiện kế hoạch UPSC thích hợp, triệu tập và chỉ huy các tổ UPSC, phân nhiệm vụ để kiểm soát sự cố.

- Tổ cứu nạn: tại mỗi xưởng sản xuất đều có thành viên của tổ UPSC đã được qua đào tạo, tiến hành cứu nạn tại hiện trường khi xảy ra sự cố, trường hợp sự cố lớn thì sẽ cần huy động thêm các nhân viên gần nơi xảy ra sự cố để tiến hành cứu nạn.

- Tổ sơ tán: đảm nhận vai trò thông báo, tổ chức sơ tán nhân viên trong khu vực xảy ra sự cố đến nơi an toàn và thông báo tình hình sơ tán nhân viên đến tổng chỉ huy hiện trường.

- Tổ cấp cứu: do nhân viên phòng y tế đảm nhiệm, phối hợp với tổ cứu nạn di chuyển người bị thương và tiến hành sơ cứu, thống kê số người bị thương và hình hình cho chỉ huy. Trường hợp tình hình bị thương xảy ra nghiêm trọng sẽ đưa đến cơ sở y tế gần nhất để ứng cứu.

- Tổ xử lý, cải thiện sau sự cố: tìm hiểu nguyên nhân sự cố, viết báo cáo, đánh giá tình hình ứng phó sự cố, đề xuất giải pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tương tự xảy ra.

Trường hợp 1: Xảy ra sự cố hoá chất ở mức độ nhẹ

- Khi hoá chất bị tràn, đổ với lượng ít (mức độ sự cố nhẹ), tiến hành rửa những nơi trên cơ thể bị tiếp xúc với hoá chất (khi bị hoá chất dính vào người).

- Tiến hành sử dụng dụng cụ phù hợp để thu hồi, không dùng tay trần chạm trực tiếp vào hoá chất rơi vãi.

- Dọn dẹp khu vực lưu giữ hoá chất.

Trường hợp 2: Xảy ra sự cố hoá chất ở mức độ trung bình

- Khi hoá chất bị rò rỉ ở mức độ lớn, tiến hành phun nước để giảm nồng độ hơi khí độc trong phòng, dùng cát khô để khoanh vùng vị trí rò rỉ hoá chất.

- Tiến hành ứng cứu, khắc phục theo quy trình đã đề ra.

Trường hợp 3: Xảy ra sự cố hoá chất ở mức độ nặng

- Khi xảy ra sự cố xảy ra với mức độ nặng, hơi hoá chất rò rỉ ra không khí với nồng độ lớn gặp phải ngọn lửa gây cháy nổ thì quy trình xử lý tương tự với quy trình ứng phó sự cố cháy nổ.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Không có.

3.9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp.

Không có.

3.10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

Không có.

CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải phát sinh từ Dự án được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài II để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

Đã thỏa thuận đấu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài II.

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

**** Nước thải sinh hoạt***

- Nước thải sinh hoạt từ văn phòng, nhà vệ sinh, nhà nghỉ ca, nhà bảo vệ được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn (có 8 bể tự hoại 3 ngăn). Nước thải sau bể tự hoại theo đường ống nhựa PVC D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 70m^3/ngày để xử lý.

**** Nước thải sản xuất***

Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa đế giày và từ công đoạn rửa bảng in và thiết bị in được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của nhà máy, công suất 40 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý. Nước thải sau xử lý sau đó tiếp tục dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy, công suất 70m^3/ngày (24 giờ) để tiếp tục xử lý .

b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

+ ***Bể tự hoại 3 ngăn.***

- Số lượng: 04 bể.

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → (1).

- Công suất thiết kế: tổng thể tích 140 m^3

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

+ ***Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 40 m^3/ngày (24 giờ).***

Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sản xuất → Hố thu gom → Bồn trộn đều (4 bồn) → Bồn phản ứng → Bồn đông tụ → Bồn lắng (4 bồn) → Bồn dòng chảy → (2).

- Công suất thiết kế: 40m^3/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Polymer (-), Polymer (+), NaOH, H_2SO_4, PAC.

- Chế độ vận hành: liên tục.

+ ***Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 70m^3/ngày***

(1) và (2) → Bể thu gom/tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Nước thải sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài II sẽ được đấu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN bằng đường ống HDPE D200 thông qua 01 điểm đấu nối nước thải trên đường N1.

- Công suất thiết kế: 70 m^3/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Chlorine.

- Chế độ vận hành: liên tục.

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

d. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tiến hành điều chỉnh công suất vận hành để giảm lượng nước thải phát sinh. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài hơn 01 ngày, dừng hoạt động sản xuất để khắc phục. Chỉ tiến hành sản xuất trở lại sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại bình thường.

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, cống thoát nước tránh tình trạng tắc cống.

- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Đồng Xoài II để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài II.

4.1.2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo điểm k, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của

Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Hơi dung môi phát sinh từ dây chuyền in tại nhà xưởng 1.

- Nguồn số 02: Hơi dung môi phát sinh từ dây chuyền dán keo tại nhà xưởng 2.

4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

4.2.2.1. Vị trí xả khí thải, lưu lượng xả khí thải, phương thức xả khí thải

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: $107^0 45'$, múi chiếu 3^0	
			X(m)	Y(m)
1	Dòng khí thải số 01	Tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính của dây chuyền in tại nhà xưởng 1 (hệ thống số 1) (nguồn số 1)	1273861	565560
2	Dòng khí thải số 02	Tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính của dây chuyền in tại nhà xưởng 1 (hệ thống số 2) (nguồn số 1)	1273811	565309
3	Dòng khí thải số 03	Tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính của dây chuyền dán keo tại nhà xưởng 2 (hệ thống số 1) (nguồn số 2)	1273532	565247
4	Dòng khí thải số 04	Tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính của dây chuyền dán keo tại nhà xưởng 2 (hệ thống số 2) (nguồn số 2)	1273523	565215
5	Dòng khí thải số 05	Tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính của dây chuyền dán keo tại nhà xưởng 2 (hệ thống số 3) (nguồn số 2)	1273732	565347
6	Dòng khí thải số 06	Tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính của dây chuyền dán keo tại nhà xưởng 2 (hệ thống số 4) (nguồn số 2)	1273761	565572

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Sản xuất giày dép Grand Gain, địa chỉ tại Lô F3 - F4, KCN Đồng Xoài II.

4.2.2.2. Lưu lượng xả khí thải

- Dòng khí thải số 01 và số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 40.000 m^3/giờ/hệ thống.

- Dòng khí thải số 03 đến số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 7.500m^3/giờ/hệ thống

❖ **Phương thức xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01 và số 02: Khí thải được xả ra môi trường qua 02 ống thải (chiều cao 8 m, đường kính 0,8 m), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 03 đến số 06: Khí thải được xả ra môi trường qua 04 ống thải (chiều cao 14 m, đường kính 0,4 m), xả liên tục khi hoạt động.

❖ **Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường:** đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B, cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giới hạn giá trị xả thải

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	**Dòng khí thải số 01 đến số 06**				
1	Lưu lượng	-	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu từ: benzen, toluen, etylbenzen, xylen, etyl Axetat, butyl Axetat)	$mg/N.m^3$	≤ 80		
3	Bụi	$mg/N.m^3$	≤ 80		

4.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với khí thải

a. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Nguồn số 01: Hơi dung môi phát sinh từ dây chuyền in được thu gom và dẫn về 02 hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính (dòng khí thải số 01 và số 02).

- Nguồn số 02: Hơi dung môi phát sinh từ dây chuyền dán keo được thu gom và dẫn về 04 hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính (dòng khí thải số 03 đến số 06).

b. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

b.1. Hệ thống xử lý hơi dung môi từ dây chuyền in (nguồn số 01)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống thu gom → Buồng hấp thụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 02 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 40.000 m^3/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính

b.2. Hệ thống xử lý hơi dung môi từ dây chuyền dán keo (nguồn số 02)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống thu gom → Buồng hấp thụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 04 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 7.500 m^3/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

d. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải và định kỳ bổ sung/thay thế vật liệu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

4.2.4. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

4.2.4.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường và điểm b, khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.2.4.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ dây chuyền in (dòng khí thải số 01 và số 02): Công suất thiết kế 40.000 m^3/giờ/hệ thống.

- Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ dây chuyền dán keo (dòng khí thải số 03 đến số 06): Công suất thiết kế 7.500 m^3/giờ/hệ thống.

4.2.4.3. Vị trí lấy mẫu: 06 vị trí tương ứng với 06 ống thoát khí thải.

4.2.4.4. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

*** Nguồn phát sinh**: Trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở, tiếng ồn phát sinh từ các nguồn như sau:

- Nguồn số 1: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng 1.
- Nguồn số 2: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng 2.
- Nguồn số 3: Khu vực hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính tại nhà xưởng 1.
- Nguồn số 4: Khu vực hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính tại nhà xưởng 2.
- Nguồn số 5: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 6: Khu vực đặt máy nén khí.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Tại Lô F3 - F4, KCN Đồng Xoài II.

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: $107^0 45'$, múi chiếu 3^0	
		X (m)	Y (m)
1	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng 1.	1273818	565479
2	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng 2.	1273767	565468
3	Khu vực hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính tại nhà xưởng 1.	1273838	565447
4	Khu vực hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính tại nhà xưởng 2.	1273773	565406
5	Khu vực hệ thống xử lý nước thải	1273731	565341
6	Khu vực đặt máy nén khí.	1273835	565424

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4. 2. Giới hạn cho phép về tiếng ồn

Ban ngày (06:00 ~ trước 18:00)	Tối (18:00 ~ trước 22:00)	Ban đêm (22:00 ~ trước 06:00)	Tần suất quan trắc định kỳ
70	65	60	-

Bảng 4. 3. Giới hạn cho phép về độ rung

Ban ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Ban đêm (22:00 ~ trước 06:00)	Tần suất quan trắc định kỳ

4.4. Các nội dung về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

4.4.1. Chủng loại, khối lượng phát sinh chất thải

a. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh.

Bảng 4. 4. Khối lượng CTNH phát sinh đề nghị cấp phép

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	18 02 01	KS	13750
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	KS	150
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	KS	1191
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	Rắn	18 01 03	KS	3314
5	Mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	08 02 01	KS	2815,5
6	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	KS	1782
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	10
8	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	08 03 01	KS	1750
9	Chất thải lây nhiễm (chất thải y tế)	Rắn/lỏng	13 01 01	NH	50
10	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	11450
11	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	NH	75
12	Các loại dầu thủy lực thải khác	Lỏng	17 01 07	NH	90
13	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	08 01 01	KS	3475

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
	khác				
14	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	KS	12300
15	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	NH	5
16	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài…)	Rắn	07 03 08	KS	750
Tổng					**52.957,5**

Đối với chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh:

Bảng 4. 5. Khối lượng CTR công nghiệp phát sinh đề nghị cấp phép

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	TT-R	8.925
2	Chất thải từ vỏ cây gỗ loại bỏ (pallet thải)	Rắn	09 01 02	TT-R	1.000
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	18 01 06	TT-R	5.000
4	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH	Rắn	11 04 03	TT-R	415.670
5	Chất thải từ sợi dệt chưa qua xử lý hoặc đã qua xử lý	Rắn	10 02 10	TT-R	10.000
6	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	Rắn	12 06 11	TT	100
7	Sản phẩm vô cơ khác (bao gồm sản phẩm lỗi, bụi từ HTXL bụi)	Rắn	19 03 03	TT-R	25.000
8	Sản phẩm hữu cơ khác	Rắn	19 03 04	TT-R	100
9	Vải, sợi	Rắn	12 08 09	TT-R	7.500
10	Nhựa và cao su	Rắn	12 08 06	TT-R	2.750
Tổng					**476.045**

c. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 400 kg/ngày.

4.4.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải

a. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

- Kho lưu chứa:

+ Công ty xây dựng 01 kho chất thải nguy hại với diện tích 26 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có kết cấu tường bao, có mái che, nền chống thấm, có rãnh rốn thoát nước, gờ chắn, biển cảnh báo, dán nhãn, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy,... theo đúng quy định của Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

b. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng,... đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

- Kho lưu chứa:

+ Công ty đã xây dựng 01 kho chứa chất thải rắn thông thường với diện tích 50 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Vách bao quanh, cách biệt với khu lưu giữ chất thải nguy hại và có cửa ra vào, mái che, nền chống thấm, gờ chắn, biển cảnh báo,...

c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy và thùng sắt.

- Kho lưu chứa:

+ 01 Khu vực lưu chứa có diện tích 15 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: nền bê tông chống thấm, có bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Công ty mới hoạt động khoảng 30% công suất hoạt động nên chưa thực hiện quan trắc. Dự kiến tháng 6/2026 công ty mới thực hiện quan trắc.

5.2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải:

Công ty mới hoạt động khoảng 30% công suất hoạt động nên chưa thực hiện quan trắc. Dự kiến tháng 6/2026 công ty mới thực hiện quan trắc.

5.3. Kết quả quan trắc định kỳ đối với khí thải.

Công ty mới hoạt động khoảng 30% công suất hoạt động nên chưa thực hiện quan trắc. Dự kiến tháng 6/2026 công ty mới thực hiện quan trắc

CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Nước thải phát sinh tại cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo điểm k, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

Khí thải phát sinh tại cơ sở thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo Điều 31 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

Việc lập kế hoạch lấy mẫu chất thải để đo đạc, phân tích đánh giá hiệu suất, đánh giá sự phù hợp của toàn bộ công trình xử lý chất thải được thực hiện theo đúng những quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT- BTNMT ngày 28/02/2025. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường chính của Công ty sẽ được thực hiện ngay sau khi Giấy phép môi trường của công ty được cấp.

Chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 6. 1. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường

TT	Nội dung	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất của hệ thống
1	06 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi dung môi từ dây chuyền in và dây chuyền dán keo.	Sau khi có giấy phép môi trường	3-6 tháng	60% - 80%

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- ***Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường.***

- Đối với khí thải:

Căn cứ khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý bụi, khí thải (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra). Kế hoạch vận hành hệ thống xử lý khi thải như sau:

Bảng 6. 2. Thông số quan trắc, vị trí lấy mẫu khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm

Stt	Vị trí lấy mẫu	Thông số lấy mẫu	Số mẫu	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	06 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi dung môi từ dây chuyền in và dây chuyền dán keo.	Lưu lượng, bụi, Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu từ: benzen, toluen, etylbenzen, xylen, etyl Axetat, butyl Axetat)	03 mẫu đầu ra sau xử lý trong 3 ngày liên tục	Ít nhất 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành thử nghiệm	QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

- **Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải**

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu khí thải, nước thải trước khi thải ra môi trường được trình bày như sau:

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, công ty sẽ thuê đơn vị quan trắc có chức năng tiến hành lấy mẫu, phân tích. Công ty dự kiến đơn vị sau (Tùy vào tình hình thực tế đơn vị quan trắc có thể thay đổi):

- Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi Trường Phương Nam, Vimcerts 039.

+ Địa chỉ: 1358/21/5G Quang Trung, P.14, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 039 theo Quyết định số 308/QĐ-BTNMT ngày 22/02/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

+ Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm mã số VILAS 682 theo Quyết định số 93.2020/QĐ-VPCNCL ngày 13/02/2020 của Văn phòng công nhận chất lượng phòng thí nghiệm của Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.

❖ *Quan trắc nước thải.*

Dự án đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng Xoài II, do vậy không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

❖ *Giám sát chất thải rắn thông thường*

- Tần suất: giám sát thường xuyên liên tục, có thực hiện báo cáo 1 năm/1 lần.
- Thông số: số lượng, loại.
- Tiêu chuẩn so sánh: Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

❖ *Giám sát chất thải nguy hại*

- Tần suất: giám sát thường xuyên liên tục, có thực hiện báo cáo 1 năm/1 lần
- Tần suất báo cáo: 1 năm/1 lần
- Thông số: số lượng, loại.
- Tiêu chuẩn so sánh: Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

❖ *Giám sát khí thải:*

+ **Giám sát bụi sau hệ thống xử lý bụi:**

- Vị trí giám sát: 06 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi dung môi.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi, Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu từ: benzen, toluen, etylbenzen, xylen, etyl Axetat, butyl Axetat)

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

6.2.3. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.

❖ *Quan trắc nước thải.*

Dự án đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng Xoài II, do vậy không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

❖ *Giám sát khí thải:*

Theo quy định tại Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc các đối tượng được quy định tại Phụ lục XXIX (ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ); do đó, dự án sẽ không lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục khí thải

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường theo hàng năm khoảng 220.000.000 đồng/năm

CHƯƠNG VII: NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH

Cơ sở không thuộc dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg.

CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

8.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

8.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Cam kết đảm bảo việc xử lý chất thải của cơ sở đáp ứng các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường của Việt Nam trong quá trình hoạt động của cơ sở, bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Khí thải được xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT, - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

- Chất thải rắn, chất thải nguy hại: thu gom, phân loại đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Cam kết thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường:

- Cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung trong giấy phép môi trường đã được cấp.

- Cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cam kết thực hiện báo cáo công tác BVMT trong hoạt động sản xuất theo Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 66 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- Cam kết công khai thông tin môi trường theo Quy định tại Điều 102, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết vận hành hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, trạm xử lý nước thải, thiết bị, hệ thống xử lý khí thải theo quy định, đảm bảo nước thải, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

- Cam kết tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng chống cháy nổ trong quá trình hoạt động của cơ sở theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Cam kết tuân thủ các yêu cầu quy định tại Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg ngày 10/9/2019 của Chính phủ.

- Cam kết bồi thường thiệt hại và khắc phục các sự cố môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do quá trình hoạt động của cơ sở.

- Công ty chúng tôi cam kết sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các quy chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 3801083966

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 09 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 09 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GRAND GAIN FOOTWEAR MANUFACTURING CO.,LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô D1 đến D14, Khu công nghiệp Đồng Xoài II, Phường Đồng Xoài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *02713.889007* Số Fax: *02713.889863*

Thư điện tử: Website:

3. Vốn điều lệ : 611.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu trăm mười một tỷ tám trăm triệu đồng

Tương đương 27.400.000 USD (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm ngàn đô la mỹ)

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	BRIGHT SCENERY INTERNATI ONAL LTD	Anguilla	201 Rogers Office Building, Edwin Wallace Rey Drive George Hill, Anguilla	226.263.200.000	36,983	2393318	
2	UNION GRAND LTD	Samoa	Portcullis Trustnet Chambers, P.O.Box 1225, Apia, Samoa	215.839.400.000	35,279	60534	
3	HOPING SEED CO.,LTD	Anguilla	201 Rogers Office Building, Edwin Wallace Rey Drive George Hill, Anguilla	169.697.400.000	27,737	2410743	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: CHU CHE LIANG Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *31/03/1961* *Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)*

Hộ chiếu nước ngoài: *360188189*

Ngày cấp: *27/09/2021* Nơi cấp: *Cơ quan Ngoại giao Đài Loan*

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, Phường Đồng Xoài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Nguyễn Duy Hải

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Đăng ký lần đầu, ngày 11 tháng 06 năm 2024

1. Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH - CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Lô F3-F7, khu công nghiệp Đồng Xoài II, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: *02713889007* Fax:

Email: Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: CHU CHE LIANG Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *31/03/1961* Dân tộc: Quốc tịch: *Trung Quốc (Đài Loan)*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *360188189*

Ngày cấp: *27/09/2021* Nơi cấp: *Cơ quan ngoại giao Đài Loan*

Địa chỉ thường trú: *No. 78-1 Shizheng south 2nd road, Xitun district, Taichung city, Đài Loan, Trung Quốc, Trung Quốc (Đài Loan)*

Địa chỉ liên lạc: *Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 3801083966
Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Lô D1 đến D14, Khu công nghiệp Đồng Xoài II, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trịnh Ngọc Linh

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 1087575231.

Chứng nhận lần đầu: Ngày 12 tháng 9 năm 2014.

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm: Ngày 25 tháng 06 năm 2025.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024 và các quy định hiện hành;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư và Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 11/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước ban hành kèm Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1087575231 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp điều chỉnh lần thứ tư ngày 22/10/2020;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH sản xuất giày dép Grand Gain nộp ngày 17/06/2025.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP; mã số dự án 1087575231 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp điều chỉnh lần thứ tư ngày 22/10/2020; được đăng ký điều chỉnh lần thứ năm: Điều chỉnh thông tin nhà đầu tư; địa điểm và diện tích thực hiện dự án; mục tiêu và quy mô dự án; thông tin tổ chức kinh tế thực hiện dự án;

Nhà đầu tư:

- UNION GRAND LTD; Quyết định thành lập số 65034 do Samoa cấp ngày 15/7/2014; trụ sở đăng ký tại Portcullis Trustnet Chambers, P.O.Box 1225, Apia, Samoa.

Đại diện bởi: Ông Chu Che Liang; sinh ngày 31/03/1961; quốc tịch Trung Quốc; hộ chiếu số 360188189 cấp ngày 27/9/2021 tại Bộ Ngoại giao Trung Quốc; địa chỉ thường trú tại số No. 78 – 1, Shizheng S.2nd rd, Xitun Dist,Taichung City 40756, Taiwan; chỗ ở hiện nay tại No. 78 – 1, Shizheng S.2nd rd, Xitun Dist,Taichung City 40756, Taiwan; điện thoại: 0912.971.127; email: leo.chang@dasheng.com.tw; chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị.

- HOPING SEED CO., LTD; Quyết định thành lập số 2410743 cấp ngày 24/08/2016 tại Anguilla; trụ sở đăng ký tại 201 Rogers Office Building, Edwin Wallace Rey Drive George Hill, Anguilla, B.w.i.

Đại diện bởi: Ông Chu Che Liang; sinh ngày 31/03/1961; quốc tịch Trung Quốc; hộ chiếu số 360188189 cấp ngày 27/9/2021 tại Bộ Ngoại giao Trung Quốc; địa chỉ thường trú tại số No. 78 – 1, Shizheng S.2nd rd, Xitun Dist,Taichung City 40756, Taiwan; chỗ ở hiện nay tại No. 78 – 1, Shizheng S.2nd rd, Xitun Dist,Taichung City 40756, Taiwan; điện thoại: 0912.971.127; email: leo.chang@dasheng.com.tw; chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị.

- BRIGHT SCENERY INTERNATIONAL LTD; Quyết định thành lập số 2393318 cấp ngày 22/5/2016 tại Anguilla; trụ sở đăng ký tại 201 Rogers Office Building, Edwin Wallace Rey Drive George Hill, Anguilla, B.w.i.

Đại diện bởi: Bà Chu Li Jung; sinh ngày 09/06/1967; quốc tịch Trung Quốc; hộ chiếu số 352927684 cấp ngày 15/10/2019 tại Bộ Ngoại giao Trung Quốc; địa chỉ thường trú tại No.10, Ln.191, Sec.1, Minsheng Rd, Daya Dist, Taichung City 42866 Taiwan; chỗ ở hiện nay tại No.10, Ln.191, Sec.1, Minsheng Rd, Daya Dist, Taichung City 42866 Taiwan; điện thoại: 0923.836.793; email: mandy@dasheng.com.tw; chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH sản xuất giày dép Grand Gain; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801083966 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước (Sở Tài chính) cấp lần đầu ngày 12/9/2014, cấp thay đổi lần thứ tám ngày 31/5/2023.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC *(Mã ngành cấp 4)*	Mã ngành CPC *(nếu có)*
1	Sản xuất giày dép *Chi tiết: Sản xuất, gia công, các loại giày dép.*	1520	
2	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép *Chi tiết: Mua bán các loại vải và hàng may sẵn.*	4641	

3. Quy mô dự án:

- Giai đoạn 1: Sản xuất và gia công giày, dép với quy mô 5.760.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn (thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu) với quy mô 228.600 m²/năm. (Địa điểm 01)

- Giai đoạn 2:

Sản xuất và gia công giày, dép với quy mô 9.360.000 đôi/ năm; Mua bán các loại vải và hàng may sẵn với quy mô: 373.570 m²/ năm. Trong đó:

+ Địa điểm 01: Sản xuất và gia công giày, dép với quy mô 5.760.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn (thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu) với quy mô 228.600 m²/năm.

+ Địa điểm 02: Sản xuất và gia công giày, dép với quy mô 3.600.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn (thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu) với quy mô 144.970 m²/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án:

- Địa điểm 01: Lô D1 đến D14, Khu công nghiệp Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Địa điểm 02: Lô F3-F7 Khu công nghiệp Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. (Thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh).

5. Diện tích thực hiện dự án:

- Địa điểm 01: Diện tích mặt đất sử dụng: 81.037 m².

- Địa điểm 02: Diện tích nhà xưởng và các công trình phụ trợ thuê lại của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh: 31.525 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án:

-Vốn góp để thực hiện dự án là 1.406.693.610.000 VNĐ (một ngàn bốn trăm lẻ sáu tỷ, sáu trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm mười ngàn đồng), tương đương 63.000.000 (sáu mươi ba triệu đô la Mỹ).

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 611.800.000.000 VNĐ (sáu trăm mười một tỷ tám trăm triệu đồng), tương đương 27.400.000 USD (hai mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 43,49% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ (tỷ đồng)	Tương đương USD (triệu đô)			
01	UNION GRAND., LTD	215,8394	9,62	35,1	Tiền mặt	Đã góp đủ
02	HOPING SEED CO., LTD	169,6974	7,62	27,8		
03	BRIGHT SCENERY INTERNATIONAL., LTD	226,2632	10,16	37,1		
Tổng		**611,8**	**27,4**	**100**		

- Vốn huy động: 794.893.610.000 VNĐ (bảy trăm chín mươi tư tỷ, tám trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm mười nghìn đồng), tương đương 35.600.000 USD (ba mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đô la Mỹ).

7. Thời hạn hoạt động của dự án:

- Địa điểm 01: đến ngày 28 tháng 12 năm 2059.
- Địa điểm 02: đến ngày 05 tháng 03 năm 2035 (theo hợp đồng thuê xưởng số: GGLM/B/20250319 ký ngày 19/3/2025)

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ góp vốn: Đã góp đủ 611.800.000.000 VNĐ (sáu trăm mười một tỷ tám trăm triệu đồng), tương đương 27.400.000 USD (hai mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đô la Mỹ).
- Tiến độ huy động vốn: Huy động đủ đến tháng 04/2026.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư:

- Địa điểm 01: Tiến độ đưa dự án vào hoạt động: Tháng 01/2019
- Địa điểm 02:

+ Nhận bàn giao nhà xưởng, thực hiện các thủ tục pháp lý và vận hành thử nghiệm: từ tháng 3/2025 đến tháng 03/2026.

+ Hoạt động chính thức: Từ tháng 4/2026.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Theo quy định hiện hành.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Theo quy định hiện hành.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư, môi trường, xây dựng, đất đai, lao động, thuế, các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký

đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quản lý ngoại hối để góp vốn thực hiện dự án đầu tư.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực, chính xác của nội dung hồ sơ nộp để thực hiện thủ tục hành chính tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và các đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1087575231 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp điều chỉnh lần thứ tư ngày 22/10/2020.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 05 (năm) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Hoàng Hữu Vũ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---o0o---
越南社會主義共和國
獨立 - 自由 - 幸福

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG
廠房租賃契約書
Số 編號 : GGLM/B/20250319

- *Căn cứ Bộ Luật dân sự số: 91/2015/QH13 do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực ngày 01/01/2017.*
  根據越南社會主義共和國國民議會於 2015 年 11 月 24 日頒布並於 2017 年 1 月 1 日生效的第 91/2015/QH13 號民法典 。
- *Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 28/11/2023 có hiệu lực ngày 01/08/2024.*
  根據越南社會主義共和國國民議會於 2023 年 11 月 28 日頒布並於 2024 年 08 月 1 日生效的第 *29/2023/QH15* 號房地產業務法。
- *Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CT766180 ngày 31/12/2019 của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dự án Lê Minh;*
  根據黎明專案開發投資有限公司的土地使用權及土地附屬資產證書第 CT766180 日期 2019 年 12 月 31 日。
- *Căn cứ Hợp đồng đặt cọc thuê nhà xưởng ngày 16/7/2019 và Phụ lục Hợp đồng ngày 25/10/2021 giữa Công ty TNHH Sản Xuất Giày Dép Grand Gain và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dự án Lê Minh.*
  根據富盛製鞋責任有限公司與黎明專案開發投資有限公司於 2019 年 7 月 16 日簽訂的廠房租賃押金合同及 2021 年 10 月 25 日簽訂的附錄合同 。
- *Căn cứ Hợp đồng thuê nhà xưởng số GGV20220422 ký ngày 22/04/2022 giữa Công ty TNHH Sản Xuất Giày Dép Grand Gain và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dự án Lê Minh.*
  根據富盛製鞋責任有限公司與黎明專案開發投資有限公司於 2022 年 04 月 22 日簽訂的廠房租賃合同編號: GGV20220422 。
- *Căn cứ Phụ lục hợp đồng số: 02PLHD072022 ký ngày 04 tháng 07 năm 2022 giữa Công ty TNHH Sản Xuất Giày Dép Grand Gain và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dự án Lê Minh.*
  根據富盛製鞋責任有限公司與黎明專案開發投資有限公司於 2022 年 07 月 04 日簽訂的附錄合同編號: 02PLHD072022;
- *Căn cứ kết quả đồ án Quy Hoạch Chi Tiết theo quy trình rút gọn số:1976/BQL-QHXDTNMT ngày 05 tháng 11 năm 2024 do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế tỉnh Bình Phước Cấp;*
  根據 2024 年 11 月 05 日平福省經濟工業區管理局簽發的「工程專案詳細規劃結果通知」 編號: 1976/BQL-QHXDTNMT;

- *Căn cứ kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng số: 38/TB-BQL ngày 06 tháng 03 năm 2025 do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế tỉnh Bình Phước Cấp;*
  根據 2025 年 03 月 06 日平福省經濟工業區管理局簽發的「工程完工驗收並投入使用結果」(使用執照)編號: 38/TB-BQL;
- *Căn cứ kết quả xác nhận tài sản gắn liền với đất số: 545/BQL-QHXDTNMT ngày 19 tháng 03 năm 2025 do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế tỉnh Bình Phước Cấp;*
  根據 2025 年 03 月 19 日平福省經濟工業區管理局簽發的「地上資產證明」編號: 545/BQL-QHXDTNMT;
- *Căn cứ Biên bản bàn giao nhà xưởng B và Tòa Văn Phòng số: 02-BBBG ngày 06/03/2025 giữa Công ty TNHH Sản Xuất Giày Dép Grand Gain và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dự án Lê Minh.*
  根據富盛製鞋責任有限公司與黎明專案開發投資有限公司於 2025/03/06 簽訂的移交 B 棟廠房及辦公樓出租協議書編號: 02-BBBG。
- *Căn cứ theo Biên bản kiểm tra tình trạng nhà xưởng khi bàn giao số: 01-BBKTTT ngày 06 tháng 03 năm 2025.*
  根據 2025/03/06 廠房交接時之現況檢查記錄編號 *01-BBKTTT*。
- *Căn cứ Văn bản chấp nhận của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam-chi nhánh Bình Phước về việc đồng ý để Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dự án Lê Minh cho Công ty TNHH Sản Xuất Giày Dép Grand Gain thuê một phần tài sản trên quyền sử dụng đất đang thế chấp số: 889/VCB-PKH ngày 18 tháng 10 năm 2024;*
  根據 2024 年 10 月 18 日越南外貿股份商業銀行-平福分行的核准函編號: 889/VCB-PKH，同意黎明專案開發投資有限公司將抵押土地使用權上的部分房產給富盛製鞋責任有限公司承租。
- *Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các Bên.*
  根據雙方的需求與能力。

Hôm nay, ngày 19 tháng 03 năm 2025, tại văn phòng Công ty TNHH Sản Xuất Giày Dép Grand Gain, chúng tôi gồm có:
今天，2025 年 03 月 19 日, 在富盛制鞋責任有限公司辦公室，我們有：

Bên thuê : Công ty TNHH Sản Xuất Giày Dép Grand Gain (gọi tắt là bên A)
承租方：富盛制鞋責任有限公司（以下簡稱甲方）
Địa chỉ: Lô D1 đến D14, khu công nghiệp Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
地址：平福省同帥市進城坊同帥 II 工業區 D1 至 D14 區塊。
Mã số thuế 稅號: 3801083966

Điện thoại 電話: 0271.3889.007	Số Fax 傳真 : 0271.3889.863
Đại diện pháp luật của công ty : CHU CHE LIANG 公司法律代表人：朱哲良	Chức vụ : Tổng giám đốc 職務：總經理
Đại diện ký hợp đồng : CHEN JHIH YUAN 簽約代表人：陳稚原	Chức vụ : Giám đốc 職務：經理

Bên cho thuê : Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Dự Án Lê Minh (gọi tắt là bên B)
出租方：黎明專案開發投資有限公司（以下簡稱乙方）

Địa chỉ: Lô F3-F7, khu công nghiệp Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
地址：平福省同帥市進城坊同帥 II 工業區 F3 至 F7 區塊
Mã số thuế 稅號: 3801198646
Điện thoại 電話: 082 228 7777 Số Fax 傳真 : 0274.3861.999
Đại diện pháp luật của công ty : LÊ THỊ MINH Chức vụ : Giám đốc
法律代表人：黎氏明 職務：經理
Số tài khoản: 1023 70 7777 tại ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Bình Phước.
账号 : 1023 70 7777 在 Vietcombank 银行 - 分行平福。

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng thuê nhà xưởng này (gọi tắt là "Hợp đồng"), với các điều khoản thỏa thuận như sau:
雙方同意簽訂本廠房租賃契約書(以下簡稱"合約")，約定條款如下：

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG
第一條：合約內容

1. Bên B đồng ý cho Bên A thuê nhà xưởng A, nhà xưởng B và Tòa văn phòng và các công trình phụ trợ khác trên đất – chi tiết tại Điều II *(sau đây gọi chung là "**Nhà xưởng**")* thuộc sở hữu hợp pháp của Bên B tại thửa đất số 199 khu công nghiệp Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
乙方同意將 A 棟、B 棟廠房及辦公樓及其他附屬建物出租給甲方–明細如第 II 條 (以下簡稱為"廠房")是乙方合法擁有的土地使用權位於平福省同帥市進城坊同帥 II 工業區 199 土地編號。
2. Vị trí nhà xưởng cho thuê : Tòa nhà văn phòng, nhà xưởng và các công trình phụ trợ khác được xây theo giấy chứng nhận số CT766180, thửa đất số 199, tờ bản đồ số : TĐ - 2019 khu công nghiệp Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Do UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 31/12/2019, được xác định theo bản đồ hiện trạng vị trí đính kèm.
廠房承租座落：越南平福省同帥市進城坊同帥 II 工業區之 CT766180 號證書第 199 地號 TĐ – 2019 地圖上所興建之廠房、辦公樓及其他附屬建物。由平福省委員會頒發於 2019/12/13，附上土地平面圖位置。
3. Nhà xưởng cho thuê đã được Bên A khảo sát và nhận thấy phù hợp theo các yêu cầu và nhu cầu của Bên A và các tiêu chuẩn công trình theo quy định pháp luật về xây dựng quốc gia có liên quan. Xây dựng nhà xưởng tinh chế hợp pháp với chiều cao tường 2 mét. Hệ thống phòng cháy chữa cháy do bên B lắp đặt tuân thủ các quy định liên quan đến phòng cháy chữa cháy đối với nhà xưởng.
出租的廠房已由甲方勘查，並認為符合甲方的各項要求與需求，以及相關國家建築法規所規定的工程標準。建造合法之精緻廠房，牆高 2 米，消防設施系統由乙方安裝並符合廠房的消防相關法規 。

4. Gia hạn thời gian thuê: Trước 06 tháng trước khi hết thời hạn cho thuê, Bên B sẽ gửi Thông báo về việc gia hạn thời gian thuê nhà xưởng cho Bên A và những điều khoản đề xuất mới (giá thuê, thời hạn thuê, ngành nghề sử dụng xưởng thuê…). Bên A quyết định về việc tiếp tục thuê lại nhà xưởng trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo của Bên B. Nếu hai bên thống nhất để Bên A tiếp tục thuê thì hai Bên sẽ ký kết Phụ lục Hợp đồng hoặc tái ký hợp đồng mới theo những điều khoản, điều kiện phù hợp với thỏa thuận mới của hai bên.
延長租期：在租期屆滿前 06 個月，乙方將向甲方發出延長租期通知，以及所提議的新條款（租金單價、租賃期限、廠房使用行業等…）。甲方自收到通知書之日起 15 日內決定是否繼續承租廠房。如果雙方同意延長租期，雙方將簽署一份附錄合同或重新簽訂新合約，條款與條件以雙方最新協議為準。

5. Mục đích thuê nhà xưởng: Làm nhà xưởng sản xuất giày dép xuất khẩu và các mục đích sử dụng hợp pháp khác đáp ứng với pháp lý nhà xưởng.
承租廠房目的: 生產製造鞋子進出口和其他合法使用目的且符合廠房法規之合法用途。

6. Thời hạn thuê:
租期 :
   - Nhà xưởng A + Khu vệ sinh nhà xưởng A: Từ ngày 19/03/2025 đến ngày 07/04/2032.
     A 棟廠房+A 棟廁所：2025/03/19~2032/04/07
   - Nhà xưởng B + Nhà văn phòng: Từ ngày 19/03/2025 đến ngày 05/03/2035.
     B 棟廠房 + 辦公樓：2025/03/19~2035/03/05
   - Nhà bảo vệ cổng chính, Nhà bảo vệ cổng phụ, Nhà rác, Bể xử lý nước thải: Từ ngày nghiệm thu hoàn công và bàn giao cho Bên A sử dụng đến ngày 05/03/2035.
     正門保安室+後門保安室+垃圾場+污水處理池: 自完工驗收且工程移交給甲方之日起至 2035/03/05

ĐIỀU 2: DIỆN TÍCH XÂY DỰNG VÀ GIÁ THUÊ
第二條：建物面積及租金約定：

1. **Diện tích Xưởng A : 190m x 40m x 2 = 15.200m^2**
   A 棟廠房面積 : 190m x 40m x 2 = 15.200m^2
   - Thời gian thuê : 19/03/2025~07/04/2027 : 2,2USD/m^2 x 15.200m^2 = 33.440 USD/tháng (chưa thuế)
     承租期間: 2025/03/19~2027/04/07 : 2,2USD/m^2 x 15.200m^2 = 33.440 USD/月（未稅）
   - Thời gian thuê: 08/04/2027~07/04/2032 : 2,5USD/m^2 x 15.200m^2 = 38.000USD /tháng (chưa thuế)
     承租期間: 2027/04/08~2032/04/07 : 2,5USD/m^2 x 15.200m^2 = 38.000USD/月（未稅）
2. **Diện tích Xưởng B: 170m x 40m x 2 =13.600m^2**
   B 棟廠房面積 : 170m x 40m x 2 =13.600m^2
   - Thời gian thuê : 19/03/2025~05/03/2030 : 2,5USD/m^2 x 13.600m^2 = 34.000 USD/tháng (chưa thuế)
     承租期間: 2025/03/19~2030/03/05 : 2,5USD/m^2 x 13.600m^2 = 34.000 USD/月（未稅）

- Thời gian thuê: 06/03/2030~05/03/2035 : 2,75USD/m^2 x 13.600m^2 = 37.400 USD /tháng (chưa thuế)
  承租期間: 2030/03/06~2035/03/05: 2,75USD/m^2 x 13.600m^2 = 37.400 USD/月（未稅）

3. **Diện tích Nhà văn phòng: 15m x 40m x 4 =2.400m^2**
   辦公樓面積 : 15m x 40m x 4 =2.400m^2
   - Thời gian thuê : 19/03/2025~05/03/2030: 4,0USD/m^2 x 2.400m^2 = 9.600 USD/tháng (chưa thuế)
     承租期間: 2025/03/19~2030/03/05: 4,0USD/m^2 x 2.400m^2 = 9.600 USD/月（未稅）
   - Thời gian thuê: 06/03/2030~05/03/2035: 4,3USD/m^2 x 2.400m^2 = 10.320 USD /tháng (chưa thuế)
     承租期間: 2030/03/06~2035/03/05: 4,3USD/m^2 x 2.400m^2 = 10.320 USD/月（未稅）
4. **Diện tích công trình phụ trợ :**
   附屬建築面積 :
   - **Diện tích khu vệ sinh xưởng A : 50,3m x 3,6m = 181,08m^2**
     A 棟廁所面積 : 50,3m x 3,6m = 181,08m^2
     - ✓ Thời gian thuê : 19/03/2025~07/04/2027 : 3USD/m^2 x 181,08m^2 = 543,24 USD/tháng (chưa thuế)
       承租期間: 2025/03/19~2027/04/07 : 3USD/m^2 x 181,08m^2 = 543,24 USD/月 (未稅)
     - ✓ Thời gian thuê: 08/04/2027~07/04/2032 : 3,3USD/m^2 x 181,08m^2 = 597,564 USD/tháng (chưa thuế)
       承租期間: 2027/04/08~2032/04/07 : 3,3USD/m^2 x 181,08m^2 = 597,564 USD/月 (未稅)
   - **Diện tích Nhà bảo vệ cổng chính: 9,3m x 3,4m =31,62m^2**
     正門保安室面積 : 9,3m x 3,4m =31,62m^2
   - **Diện tích Nhà bảo vệ cổng phụ : 5m x 5m =25m^2**
     後門保安室面積 : 5m x 5m =25m^2
   - **Diện tích Nhà rác : 20m x 3,8m =76m^2**
     垃圾場面積 : 20m x 3,8m =76m^2
   - ➢ **Tổng diện tích Nhà bảo vệ cổng chính, Nhà bảo vệ cổng phụ, Nhà rác cho thuê : 132,62m^2**
     正門保安室+後門保安室+垃圾場的出租總面積 : 132,62m^2
     - ✓ Thời gian thuê : tính từ ngày nghiệm thu hoàn công và bàn giao cho Bên A sử dụng đến ngày 05/03/2030 : 3USD/m^2 x 132,62m^2 = 397,86 USD/tháng (chưa thuế)
       承租期間: 自完工驗收且工程移交給甲方之日起至 2030/03/05 : 3USD/m^2 x 132,62m^2 = 397,86 USD/月 (未稅)
     - ✓ Thời gian thuê: 06/03/2030~05/03/2035 : 3,3USD/m^2 x 132,62m^2 = 437,64 USD/tháng (chưa thuế)
       承租期間: 2030/03/06~2035/03/05 : 3,3USD/m^2 x 132,62m^2 = 437,64 USD/月 (未稅)
5. **Diện tích Bể xử lý nước thải: 11,8m x 4m =47,2m^2**

污水處理池面積　　: 11,8m x 4m =47,2m^2

- Thời gian thuê : tính từ ngày nghiệm thu hoàn công và bàn giao cho Bên A sử dụng đến ngày 05/03/2030 : 4,0USD/m^2 x 47,2m^2 =188,8 USD/tháng (chưa thuế)
  承租期間: 自完工驗收且工程移交給甲方之日起至 2030/03/05 : 4,0USD/m^2 x 47,2m^2 = 188,8USD/月（未稅）
- Thời gian thuê: 06/03/2030~05/03/2035 : 4,3USD/m^2 x 47,2m^2 = 202,96 USD /tháng (chưa thuế)
  承租期間: 2030/03/06~2035/03/05 : 4,3USD/m^2 x 47,2m^2 = 202,96 USD/月（未稅）

■ Diện tích xây dựng và tiền thuê sẽ tính theo diện tích trên Hồ sơ nghiệm thu xây dựng.
建物面積及租金會以建築驗收文件之面積計算。

■ Những phần diện tích mà bên A không thanh toán tiền thuê thì sẽ không được sử dụng. Nếu bên B phát hiện bên A có sử dụng thì sẽ phải thanh toán tiền thuê những phần diện tích đó cho bên B.
甲方未繳納租金的區域將不予使用。如果乙方發現甲方使用該區域，則必須向乙方支付該區域的租金。

6. Điều chỉnh đơn giá thuê
調整租金

- Cứ 05 năm tăng giá 01 lần : tăng không quá 10 % so với đơn giá cho thuê của năm liền kề
  每 05 年調涨 01 次: 與上年相比租金价格上涨不超過 10%
- Trường hợp có thêm công trình phụ trợ khác ngoài các công trình đã liệt kê tại Hợp đồng này (nhà xe, nhà ăn, WC….) thì giá thuê và diện tích thuê được áp dụng theo các tiêu chuẩn mà 2 bên đã bàn bạc và kèm theo phụ lục hợp đồng.
  若有本合同所列以外的額外附屬工程（停車場、餐廳、廁所…），則租金價格和租賃面積以雙方商定的標準及簽附錄合約來執行。

ĐIỀU 3: TIỀN ĐẶT CỌC VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:
第三條：押金及付款方式

1. Tổng số tiền đặt cọc (Nhà xưởng A + Nhà xưởng B + Tòa nhà văn phòng) mà bên A đã thanh toán cho bên B trong hợp đồng thuê Nhà Xưởng này là 924.480 USD (trong đó tiền đặt cọc của Nhà xưởng A là 401.280 USD, tiền đặt cọc của Nhà xưởng B + Tòa nhà văn phòng là 523.200 USD), tiền thuê của 06 (sáu) tháng cuối cùng của năm thuê cuối cùng trong hợp đồng này bên B đồng ý cho bên A khấu trừ theo tháng từ tiền đặt cọc trên mà Bên A đã thanh toán cho Bên B (ưu tiên khấu trừ vào tiền thuê xưởng A, nếu không đủ thì tiếp tục khấu trừ vào xưởng B và Tòa Văn Phòng). Số tiền đặt cọc còn lại sẽ được hoàn trả cho Bên A không tính lãi suất sau khi khấu trừ các khoản tiền như tiền bồi thường cho Bên B, chi phí sửa chữa các hư hỏng của nhà xưởng do Bên A gây ra (nếu có).
   此租賃合約的全部押金甲方已支付給乙方是 924.480 USD(其中 A 棟押金是 401.280 USD，B 棟及辦公樓押金是 523.200 USD)，合約的最後一個承租年之最後 06(六)個月租金，乙方同意從以上甲方已向乙方支付的押金中逐月來扣除(優先從 A 棟租金扣除，如不夠則繼續扣除 B 棟及辦公樓)。剩下的押金會無息退還給甲方當已扣除其它賠償等金額給乙方，甲方造成的工廠損壞的維修費用（如有）

2. Nếu Bên A chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không do lỗi của Bên B hoặc vi phạm nghiêm trọng hợp đồng dẫn đến mục đích Hợp đồng không thể thực hiện được, Bên B được quyền xác lập sở hữu toàn bộ tiền đặt cọc và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có).
若甲方非因乙方過失而提前解除合同，或嚴重違反合同，致使合約目的不能實現，則乙方有權主張全部押金的所有權，並要求賠償損失（如有）。
3. Nếu nhà xưởng có phát sinh hư hỏng do Bên A gây ra hoặc Bên A tự ý thay đổi kết cấu trong nhà xưởng gây thiệt hại cho Bên B, Bên B được quyền yêu cầu bồi thường, yêu cầu Bên A khắc phục hư hỏng và khấu trừ vào tiền đặt cọc nếu Bên A không bồi thường cho Bên B, trừ trường hợp nhà xưởng hư hỏng do sự kiện bất khả kháng hoặc những thay đổi đó đã được Bên B chấp thuận từ trước thì Bên B không được yêu cầu bồi thường.
出租建物內如有損害是甲方所造成，或甲方自行變更等情事，造成乙方之損害，乙方可要求賠償，要求克服改善並自押金中扣除若甲方不賠償給乙方，除非是建物自然損害因不可抗之因素造成或變更前已取得乙方同意的變更項目則乙方不能要求賠償。
4. Thanh toán tiền thuê: sau khi Bên A nhận được hoá đơn Giá trị gia tăng và các chứng từ hợp lệ khác từ bên B, trong vòng 15 ngày bên A sẽ thanh toán chuyển khoản tiền thuê vào tài khoản do Bên B cung cấp, nếu thanh toán bằng tiền Việt Nam Đồng thì áp dụng theo tỷ giá bán ra quy đổi của Ngân hàng Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền (tỷ giá). Thời gian chốt tỷ giá của tháng mới là phiên buổi trưa (12 giờ) ngày cuối cùng của tháng trước đó. Bên A chịu phí chuyển khoản và bên B chịu phí nhận khoản (phí chuyển khoản, nhận khoản của bên nào thì bên đó chịu).
租金支付：甲方收到乙方的增值稅發票及其他合法文件後，15 天內將租金支付轉入乙方提供的帳戶。如支付越幣則以越南外貿股份商業銀行匯款時公佈的匯率為准(匯率)，下個月份租金汇率計算為本月份的最后一天中午(12 点). 匯款費由甲方承擔，領款費由乙方承擔(任何一方的匯款費或領款費均由該方負責)。
5. Cuối mỗi tháng Bên B sẽ gửi cho Bên A Thông báo đề nghị thanh toán tiền thuê xưởng với tỷ giá quy đổi tại thời điểm yêu cầu thanh toán. Bên B có trách nhiệm xuất và gửi hoá đơn giá trị gia tăng cho Bên A trước ngày 5 hàng tháng.
每月月底，乙方將按要求支付時的匯率向甲方發送要求支付廠房租金的通知。 乙方負責在每月的 5 號前向甲方開具增值發票並送給甲方。

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN
第四條：雙方的權利與義務

1. **Quyền và nghĩa vụ của Bên A**
   甲方的權利與義務
   a. Yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin, hồ sơ pháp lý của Bên B và nhà xưởng cho thuê : 1.Giấy chứng nhận đầu tư của bên B, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của bên B; 2.Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho thuê; 3.Văn bản chấp nhận của Ngân hàng về việc đồng ý đất, nhà xưởng bên B đang được thế chấp cho bên A thuê sử dụng; 4.Giấy nghiệm thu PCCC toàn bộ công trình; 5.Giấy nghiệm thu hoàn công toàn bộ công trình (có cơ quan nhà nước xác nhận).

要求乙方如實提供乙方及租用工廠的合法資料:1.乙方公司投資執照、營業執照；2.租賃廠房之土地使用權證書及土地附屬資產使用權證書；3.銀行核准函同意將乙方抵押土地使用權上的部分房產出租給甲方使用；4.全部工程的消防驗收；5. 全部工程完工驗收(有政府單位確認)。

b. Trong thời hạn thuê, Bên A thực hiện thanh toán tiền thuê nhà xưởng theo thoả thuận và bảo quản, sửa chữa những hư hỏng do Bên A gây ra đối với tài sản thuê.
租賃期間，甲方應依約定支付廠房租金，並對租賃財產因甲方原因造成的損壞予以保管、修復。

c. Bên A chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí sử dụng phát sinh trong thời gian thuê xưởng của bên B gồm: tiền nước, điện, các chi phí tiện ích khác phát sinh từ việc sử dụng nhà xưởng, phí bảo hiểm hàng hóa, tài sản trong khu vực thuê (nếu có); Bên B chịu trách nhiệm về tiền thuế và bảo hiểm đất đai, công trình xây dựng, các chi phí liên quan đến bảo trì Nhà xưởng và các Công trình phụ trợ trên đất. Riêng phần phí quản lý của khu công nghiệp, bên A và bên B mỗi bên chịu một nửa.
甲方負責支付租賃期間產生的所有使用費用, 包括: 水、電、因使用廠房而產生的其他各項公用事業費用、貨物保險、租賃區域內之財產（如有）；乙方負責土地和建築工程的稅金和保險與廠房及土地上附屬設施維護相關之各項費用。至於工業區管理費甲、乙雙方各負擔一半。

d. Chi phí đấu nối xử lý nước thải là bên B chịu trách nhiệm thanh toán với khu công nghiệp Đồng Xoài II hoặc với cơ quan liên quan khác trực tiếp thu phí.
污水處理排放連接費用由乙方負責向同帥二工業區或其他直接收費的相關機構繳納。

e. Sau khi hoàn tất bàn giao nhà xưởng A, nhà xưởng B cho bên A thì bên A có trách nhiệm làm việc trực tiếp với cơ quan nhà nước về vấn đề xử lý nước thải, đảm bảo an toàn môi trường cũng như các công việc liên quan đến quá trình sản xuất của bên A.
A棟、B 棟廠房移交給甲方後，廢水處理由甲方直接對政府機關負責、確保環境安全，以及甲方生產過程的相關工作。

f. Nhà xưởng này là cho bên A thuê với mục đích sử dụng sản xuất đúng với các điều khoản ký hợp đồng và ngành nghề đăng ký trong Giấy phép kinh doanh, khi chưa được bên B đồng ý thì bên A không được thay đổi kết cấu bên trong, Bên A phải sử dụng hợp pháp, không được sử dụng trái phép hoặc gây nguy hiểm cho an ninh công cộng.
本廠房是依本合約規定及營業執照登記的項目租給甲方進行生產使用，非經乙方同意不得變更用途, 甲方必須合法使用, 不得非法使用或危害公共安全。

g. Khi chưa được sự đồng ý của Bên B, Bên A không được cho bên thứ ba thuê lại toàn bộ hoặc một phần của công trình.
未經乙方同意，甲方不得將全部或一部分轉租第三人。

h. Được tiếp tục thuê với thời hạn còn lại của Hợp đồng thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận với Bên B trong trường hợp nhà xưởng thay đổi chủ sở hữu.
若工廠所有權發生變更，則應依照與乙方約定的條款繼續租賃本合約剩餘期限。

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.
依照本合約和法律的其它權利與義務。

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B
乙方的權利與義務

a. Trước khi ký kết hợp đồng có trách nhiệm cung cấp thông tin, hồ sơ pháp lý của Bên B và nhà xưởng cho thuê theo yêu cầu của Bên A.
有責任在簽約前提供乙方有權出租廠房的合法資料文件給甲方。

b. Bên B đảm bảo quyền sở hữu và sử dụng nhà xưởng, đảm bảo nhà xưởng được quyền cho thuê; không xảy ra tranh chấp gây thiệt hại cho Bên A; Bên A không bị trói buộc và không bị ràng buộc bởi nghĩa vụ pháp lý với bất kỳ bên thứ ba nào khác trong thời hạn thuê.
乙方保證工廠的所有權和使用權，保證工廠擁有租賃權； 無對甲方造成損害的糾紛；在租賃期內，甲方不受約束且不受任何其他第三方的任何法律義務的約束。

c. Trong trường hợp Nhà xưởng đang cầm cố, thế chấp ở ngân hàng thì Bên B phải thông báo cho Bên A về việc nhà xưởng đang bị thế chấp và cung cấp đầy đủ chứng từ thế chấp với ngân hàng cho Bên A. Nếu Nhà xưởng cho thuê bị xử lý để thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng dẫn đến việc Hợp đồng thuê nhà xưởng với Bên A bị chấm dứt, thì việc chấm dứt Hợp đồng này được xem là do lỗi của Bên B, Bên B phải trả cho Bên A gấp đôi tiền đặt cọc đã nhận, toàn bộ chi phí mà Bên A đã đầu tư lắp đặt, và các thiệt hại khác trong vòng 15 ngày kể từ ngày có Thông báo từ phía Ngân hàng hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xử lý Nhà xưởng để thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng.
如工廠被抵押或在銀行抵押，乙方必須通知甲方工廠已被抵押，並向甲方提供所有抵押文件。如租用廠房因履行銀行義務導致甲方所承租的廠房合同終止，則視為乙方的過錯，乙方必須向甲方支付所收押金的兩倍，並支付給甲方的全部投資安裝費及其他損失費用自銀行通知或國家主管機構作出關於處理工廠履行對銀行義務的決定之日起 15 日內。

d. Bên B có trách nhiệm kiểm kê nhà xưởng, các cơ sở và thiết bị phụ trợ xưởng với Bên A tại thời điểm bàn giao.
乙方有責任點交廠房、設備以及其他附屬建物當要移交給甲方時。

e. Trong thời hạn của hợp đồng này, Bên B không được tự ý sử dụng nhà xưởng, các phương tiện và thiết bị liên quan của Nhà xưởng.
本合同有效期內，乙方不得擅自使用本廠廠房及相關設施設備。

f. Bên B tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình thuê nhà xưởng.
乙方在租用廠房的過程中為甲方創造一切有利條件。

g. Trường hợp thay đổi chủ sở hữu nhà xưởng, Bên B có nghĩa vụ phải thông báo cho Bên A bằng văn bản trước ít nhất 60 ngày làm việc. Bên B và chủ sở hữu mới phải đảm bảo rằng Hợp đồng này vẫn được tiếp tục thực hiện trong thời hạn thuê theo các điều khoản đã thỏa thuận với Bên A. Đồng thời, chủ sở hữu mới sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ của Bên B trong thời gian còn lại của hợp đồng.
如廠主變更，乙方有義務至少提前 60 個工作日書面通知甲方。 乙方和新業主必須確保在租賃期內按照與甲方約定的條款繼續履行本合同。同時，新業主將繼承乙方對合同剩餘期間的所有權利和義務。

h. Nếu Chủ sở hữu mới không tiếp tục thực hiện Hợp Đồng này hoặc không bảo đảm Bên A được tiếp tục thuê nhà xưởng một cách ổn định hoặc Bên A gặp phải thay đổi bất lợi trong việc thực

hiện Hợp Đồng, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 7.1.c và việc chấm dứt Hợp đồng này được xem là do Bên B vi phạm Hợp đồng.
如新業主不繼續履行本合同或不能保證甲方能夠繼續穩定租用廠房或甲方在履行合同過程中遇到不利變化，甲方有權依照第 7.1.c 條終止本合同，本合同的終止視為乙方違約。

i. Có trách nhiệm bồi thường gấp đôi tiền đặt cọc và mọi thiệt hại phát sinh cho Bên A trong trường hợp Bên B không thực hiện Hợp đồng hoặc vi phạm các điều khoản của Hợp đồng này.
當乙方不履行本合同或違反本合同條款時，負責賠償甲方押金 2 倍及一切損失。

j. Hỗ trợ, phối hợp với Bên A để tiến hành xin các chấp thuận cần thiết từ cơ quan có thẩm quyền liên quan đến môi trường, PCCC trong trường hợp cần phải điều chỉnh để phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên A. Chi phí thực hiện thủ tục do Bên A chịu.
若甲方需要調整以符合生產經營活動時，應協助並配合甲方向環境、消防等政府部門申請必要的批文。辦理費用由甲方承擔。

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.
依照本合約和法律的其它權利與義務。

ĐIỀU 5. TU SỬA VÀ LẮP ĐẶT :
第五條：修繕及設裝：

1. Trường hợp nhà xưởng, văn phòng, các thiết bị phụ trợ bị hư hỏng tự nhiên cần phải sửa chữa thì Bên B phải chịu trách nhiệm tu sửa trong thời gian hợp lý đã thỏa thuận với Bên A. Trường hợp hư hỏng do lỗi của Bên A gây ra thì do Bên A tự sửa chữa và chịu toàn bộ chi phí.
廠房，辦公樓及附屬設備自然損壞而有修繕之必要時，則乙方須在與甲方協議之合理期限內負責修繕完畢，但損壞是甲方造成時，需由甲方自行修繕且承擔全部費用。
2. Nếu như thuộc trách nhiệm Bên B tu sửa , mà bên B không hoàn thành việc sửa chữa trong thời hạn nhất định (thời hạn sửa chữa do hai bên thỏa thuận) thì bên A có thể thuê nhân công tự sửa chữa, phí sửa chữa sẽ được khấu trừ vào tiền thuê của tháng kế tiếp. Ngoài ra nếu là do bên B không hoàn thành việc sửa chữa trong thời hạn nhất định, dẫn đến thiệt hại cho bên A thì bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường.
可歸責乙方之修繕，乙方未於相當期限(雙方約定修繕期間)內完成時，甲方可自行雇工修復，修繕費由下個月的租金中扣除，且如因乙方未在期限內修復而造成甲方生產損失時，乙方應負賠償責任。
3. Trường hợp Bên A có nhu cầu sửa chữa, thay đổi nhà xưởng, văn phòng thì bên A phải được sự đồng ý của bên B trước khi tiến hành lắp đặt. Việc sửa chữa, lắp đặt phải tuân theo quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn kết cấu của công trình ban đầu không bị hư hỏng. Bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu gây ra thiệt hại đối với Bên B.
甲方有需求改裝屋內設施之必要時，甲方應經乙方同意，始得依法自行裝設，但不得損害原有建築之結構安全。若對乙方造成損害，甲方須承擔全部責任。
4. Bên A có nghĩa vụ quản lý, bảo quản tốt nhà xưởng, nếu vi phạm nghĩa vụ mà làm hư hỏng hoặc mất mát thì phải chịu trách nhiệm.
甲方應以善良管理人之注意義務保管房屋 ，如違反此義務 ，致房屋毀損或滅失者，應自行負責。

ĐIỀU 6. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI
第六條：違規懲處和損害賠償

1. Sau khi ký hợp đồng cả hai Bên phải tuân thủ nghiêm ngặt các thỏa thuận và thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong Hợp đồng này.
   合同簽訂後，雙方必須嚴格遵守約定，全面履行本合同中已簽訂的條款。
2. Nếu Bên nào chậm thanh toán quá 05 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà không có lý do chính đáng thì Bên vi phạm bị phạt với mức lãi suất 2%/ngày tính trên số tiền chậm thanh toán nhưng không được chậm thanh toán quá 30 ngày. Trường hợp quá 30 ngày, Bên bị vi phạm được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
   任何一方無正當理由逾期付款超過 05 天時，違約方應被罰款 2%/天的逾期金額但不可逾期付款超過 30 天。 當超過 30 天時，受害方有權單方面提前解除合同。
3. Nếu bên nào vi phạm các điều khoản của Hợp đồng này mà không khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bị vi phạm gửi Thông báo yêu cầu khắc phục thì Bên vi phạm bị phạt một số tiền tương đương với một tháng tiền thuê xưởng và phải bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên bị vi phạm trong thời hạn do Bên bị vi phạm ấn định, đồng thời Bên bị vi phạm được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
   任何一方違反本合同規定，而自受害方發出要求補救的通知之日起 30 日內不予補救時，違約方將被罰款相當於一個月的租金以及賠償所有費用給受害方，同時受害方有權單方面提前解除合同。

ĐIỀU 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG
第七條：終止合約

1. Hợp đồng này chấm dứt và hết hiệu lực trong các trường hợp sau:
本合約在下列情況下終止並無效:

a. Hết thời hạn thuê nhà xưởng theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Hợp đồng này.
廠房的租期按本合同第一條第四款規定屆滿時。

b. Bên A đề nghị chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn nhưng phải gửi thông báo cho Bên B ít nhất 60 ngày.
甲方提出提前解除合同，但必須提前 60 天通知乙方。

c. Bên A có thể đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn nếu Bên B vi phạm một trong các thỏa thuận của Hợp đồng này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên A mà không khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A gửi Thông báo yêu cầu khắc phục; hoặc nếu Nhà xưởng của Bên B có khuyết điểm lớn, không thể đảm bảo chất lượng như đã cam kết dẫn đến Bên A không thể sử dụng được (chứng minh bằng kết quả kiểm tra của một đơn vị thẩm định thứ ba độc lập do hai Bên lựa chọn); hoặc nếu Bên B không đảm bảo đủ điều kiện cho thuê Nhà xưởng.
甲方可單方提前解除合同當乙方違反本合同約定之一，影響甲方利益的，自甲方發出通知之日起 30 日內未予以補救，或乙方工廠存在重大缺陷，無法保證承諾的質量，導致甲方無法使用(由雙方共同選定的第三方獨立評估機構的檢查結果作為證明)； 或者如果乙方不具有出租工廠的資格。

d. Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn nếu Bên A vi phạm nghiêm trọng một trong các điều khoản của Hợp đồng này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên B mà không khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B gửi Thông báo yêu cầu khắc phục; hoặc nếu Bên A bị mất khả năng thanh toán, phá sản, thanh lý hay giải thể theo quy định pháp luật.
乙方單方提前解除本合同當甲方嚴重違反本合同條款之一，影響乙方利益的，自乙方發出通知之日起 30 日內未予以補救，或甲方依法無力償債、破產、清算或依法解散。

e. Do sự kiện bất khả kháng kéo dài quá 60 ngày theo Khoản 8.3 Điều 8 Hợp đồng này.
因本合同第 8 條第 8.3 項規定的持續 60 天以上的不可抗力事件造成。

2. Xử lý hậu quả chấm dứt hợp đồng:
處理終止合同的後果

a. Nếu hợp đồng này chấm dứt theo Điều 7.1.a và 7.1.e, Bên B sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng này với Bên A và hoàn tất thủ tục thanh lý hợp đồng sau khi hai bên ký và hoàn trả nhà xưởng, trong vòng 15 ngày hoàn trả cho bên A tiền đặt cọc đã nhận (không lãi suất) cùng với những chi phí điện, nước, phí quản lý và các dịch vụ tiện ích đã đóng.
如果本合同根據第 7.1.a 和 7.1.e 條終止，乙方將與甲方辦理本合同的清算程序，並在雙方簽訂完成合同清算程序，歸還廠房，乙方應將甲方已完成支付的水電服務費用, 管理費...等費用，15 日內連同押金（無息）退還給甲方。

b. Nếu Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn theo Điều 7.1.b, Bên A không được nhận lại tiền đặt cọc, đồng thời bên A phải hoàn tất thanh toán các chi phí dịch vụ tiện ích đã sử dụng (chi phí điện, nước, phí quản lý) hoàn trả nhà xưởng trong vòng 60 ngày kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.
若本合約依第 7.1.b 條規定提前終止，甲方將不予收回押金，並必須完成支付所使用的相關服務費用(水電費, 管理費)，自終止合同生效之日起 60 日內歸還廠房。

c. Nếu Hợp đồng này chấm dứt trước thời hạn do lỗi của Bên B theo Điều 7.1.c, Bên B phải hoàn trả cho Bên A toàn bộ số tiền đặt cọc đã nhận (không lãi suất), tiền thuê xưởng chưa sử dụng, thanh toán tiền phạt vi phạm (2 lần tiền đặt cọc) và bồi thường mọi thiệt hại phát sinh (nếu có) cho Bên A theo Điều 6 Hợp đồng này trong vòng 15 ngày kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực theo Thông báo của Bên A. Sau khi nhận được các khoản tiền nêu trên của Bên B, Bên A có trách nhiệm thanh toán các chi phí dịch vụ tiện ích đã sử dụng và hoàn trả nhà xưởng cho Bên B trong vòng 60 ngày.
如因乙方過錯按第 7.1.c 條規定提前終止本合同，乙方必須將已收到的全部押金（免息）、尚未使用的廠房租金退還給甲方，支付違約金(押金的 2 倍)並賠償給甲方造成的一切損失（如有）依照本合同第六條規定自甲方通知終止合同之日起 15 日內。當甲方在收到乙方上述款項後，負責支付所使用的相關服務費用並於 60 日內歸還廠房給乙方。

d. Nếu Hợp đồng này chấm dứt trước thời hạn do lỗi của Bên A theo Điều 7.1.d, Bên A phải thanh toán tiền bồi thường thiệt hại theo Điều 6 Hợp đồng này (nếu có), các chi phí dịch vụ tiện ích đã sử dụng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực theo Thông báo của Bên B. Ngay khi nhận được các khoản tiền nêu trên, Bên B phải hoàn trả cho Bên A toàn bộ tiền đặt cọc đã nhận (không lãi suất) của nhà xưởng A + nhà xưởng B + tòa văn phòng.
如因甲方的過錯按第 7.1.d 條提前終止本合同，當合同終止收到乙方的通知 15 日內，甲

方必須賠償依照本合同第 6 條規定的損壞（如有）及所使用的相關服務費用給乙方，當乙方收到上述款項後，乙方必須將已收到的 A 廠房+B 廠房+辦公樓的全部押金退還給甲方（免息）

e. Trường hợp Bên nào vi phạm thời hạn báo trước thì ngoài các nghĩa vụ khi chấm dứt Hợp đồng nêu trên, Bên vi phạm bị phạt một số tiền tương đương một tháng tiền thuê nhà xưởng và phải thanh toán tiền phạt cho bên kia trong vòng 15 ngày kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.
任何一方違反通知期限，除上述解除合同時的義務外，違約方應罰款相當於一個月廠房租金，並須在終止合同生效之日起 15 天內一定期限內向另一方支付罰款。

f. Trường hợp Bên nào chậm thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi chấm dứt hợp đồng, Bên chậm thực hiện phải trả lãi suất 2%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán tính từ khi đến hạn cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.
如果任何一方在合同終止時逾期履行其財務義務，逾期履行方應支付到義務履行完畢之日的逾期付款總額的利息 2%/天。

3. Hoàn trả nhà xưởng:
歸還廠房

a. Bên A có trách nhiệm trả lại nhà xưởng cho Bên B và đăng ký chuyển dời công ty ra khỏi vị trí thuê, đồng thời thực hiện thủ tục kiểm đếm hoàn trả nhà xưởng cho Bên B. Việc kiểm đếm sẽ bao gồm nhưng không giới hạn như: kết cấu nhà xưởng, hệ thống điện, nước, thiết bị, và các công trình phụ trợ,... Bên A phải thông báo cho Bên B về mọi thiệt hại hoặc thiếu sót trong nhà xưởng và thực hiện sửa chữa hoặc bồi thường theo thỏa thuận.
甲方有責任將廠房歸還給乙方，並辦理公司遷離租賃地點的登記，同時辦理廠房點交及歸還乙方的相關手續。點交項目包括但不限於：廠房結構、電力系統、自來水系統、設備及其他附屬設施等。甲方須就廠房內之所有損壞或缺失通知乙方，並依照雙方協議進行修繕或賠償

b. Khi Bên A bàn giao lại nhà xưởng, nhà xưởng phải được dọn dẹp sạch sẽ, không có vật dụng, thiết bị hoặc tài sản còn lại trong khu vực thuê. Trong trường hợp Bên A không dọn dẹp hoặc có vật dụng còn sót lại trong nhà xưởng sau khi được yêu cầu, những vật dụng này sẽ được xem là rác thải và Bên A phải chịu trách nhiệm về toàn bộ chi phí vận chuyển và xử lý. Nếu Bên A không thực hiện việc xử lý này, Bên B có quyền yêu cầu các chi phí này được trừ vào tiền đặt cọc hoặc yêu cầu Bên A thanh toán trong vòng 15 ngày.
甲方在交還廠房時，應將廠房清理乾淨，租賃區域內不得留有任何物品、設備或財產。若甲方經通知後仍未清理廠房，或廠內仍有遺留物品，該等物品將視為廢棄物，由甲方承擔其全部清運及處理費用。若甲方未履行上述處理義務，乙方有權從押金中扣除相關費用，或要求甲方於十五日內支付

c. Bên A phải hoàn thành việc dọn dẹp và bàn giao nhà xưởng lại cho Bên B trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc hợp đồng hoặc theo yêu cầu từ Bên B, trừ trường hợp Hợp đồng có quy định khác.
甲方須於合約終止之日起 60 日內或依乙方要求完成廠房之清理並交還予乙方，除非合約另有規定

d. Nếu Bên A không hoàn trả nhà xưởng đúng hạn hoặc không thực hiện nghĩa vụ bàn giao nhà xưởng đúng theo quy định, Bên A sẽ phải chịu thêm một khoản phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt là 0.05% trên tiền thuê tháng trong hợp đồng cho một ngày trễ, tính từ ngày hết hạn bàn giao cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ bàn giao. Ngoài mức phạt vi phạm nêu trên, Bên A còn phải chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các chi phí hợp lý phát sinh liên quan đến việc chậm bàn giao.
若甲方未能如期歸還廠房或未依規定履行廠房交接義務，甲方須另行支付違約金，每延遲一日，按合約的月租金 0.05%計算，自逾期交屋之日起至完成交接義務之日止。除上述違約金外，甲方仍應承擔因延遲交接所產生之一切合理費用

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG
第八條：不可抗力

1. Bất khả kháng là những sự kiện, bao gồm nhưng không giới hạn sự kiện hoả hoạn, mưa bão, ngập lụt, thiên tai, động đất, chiến tranh, dịch bệnh nguy hiểm, sự thay đổi của pháp luật, quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc các sự kiện khác ngoài khả năng kiểm soát của Hai Bên, dẫn đến việc một Bên hoặc cả hai Bên tham gia Hợp Đồng không thể thực hiện được một hoặc nhiều nghĩa vụ phát sinh từ Hợp Đồng mà không phải do hành vi có chủ ý hoặc do lỗi của bất kỳ Bên nào.
不可抗力是指事件，包括但不限於火災、風暴、洪水、自然災害、地震、戰爭、危險的流行病、法律變更、當國家主管部門的決定或其他各方無法控制的事件，導致合同一方或雙方無法履行合同產生的一項或多項義務，而不是故意行為或任何一方的過錯造成。
2. Không Bên nào bị coi là vi phạm Hợp Đồng này, hoặc phải chịu trách nhiệm đối với Bên kia do chậm trễ thực hiện hoặc không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này do Sự kiện bất khả kháng gây ra, với điều kiện là:
任何一方均不應被視為違反本協議，或因不可抗力事件導致延遲履行或未能履行其本協議任何義務對另一方的承擔責任，條件是：
   a. Sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp làm cho một Bên bị cản trở hoặc chậm trễ trong việc thực hiện Hợp Đồng này.
   不可抗力事件導致一方被阻止或延遲履行本合同的直接原因。
   b. Bên bị ảnh hưởng phải thông báo ngay bằng văn bản cho các bên còn lại trong hợp đồng trong vòng 24 giờ (hai mươi bốn giờ) kể từ khi biết sự kiện xảy ra thông qua điện thoại, bưu điện, thư điện tử hoặc fax. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng phải gửi cho Bên kia văn bản về các biện pháp khắc phục được thực hiện và các chi tiết của sự cố đã ngăn cản việc thực hiện Hợp Đồng này, đồng thời đính kèm các tài liệu chứng cứ chứng minh có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản chứng minh khác nếu không thể cung cấp văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.
   受影響方須於知悉事件發生之時起二十四小時內，通過電話、郵寄、電子郵件或傳真等方式以書面形式即時通知本合約其他各方。自不可抗力事件發生之日起 30 日內，受影響方應向另一方發送書面通知，說明所採取的補救措施以及妨礙合同履行的事件詳情。同時應附上有權的主管機關證明文件或其他證明文件當有權的主管機關無法提供。

c. Bên bị ảnh hưởng phải tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
受影響方應採取合理的預防措施和必要的替代措施，以盡量減少不可抗力事件造成的影響。

3. Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình. Nếu các tình huống do bất khả kháng gây ra kéo dài quá 60 ngày, các điều khoản và điều kiện của hợp đồng sẽ được hai bên xem xét một cách hợp lý và chỉnh sửa lại cho phù hợp. Trường hợp hai Bên không đạt được thỏa thuận, thì một trong hai bên có quyền chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt và không bên nào có quyền yêu cầu bên kia bồi thường thiệt hại, thanh toàn tiền phạt vi phạm trong trường hợp này.
履行本合約的期限內受到不可抗力事件影響而另一方無法履行義務。如因不可抗力造成的情形持續時間超過 60 天的，雙方將合理審查合同條款並作出相應修改。 如雙方未能達成協議，任何一方均有權終止合約提前至少 30 天通知，任何一方均無權要求對方賠償，罰款在此狀況內。

4. Bên B cam kết quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc toàn quyền sở hữu của bên B và không có tranh chấp. Không có bên thứ ba nào có thể khẳng định bất kỳ quyền lợi nào.
乙方保證土地及地上物的使用權屬乙方所有，並無爭議。不得有第三人主張任何權利 。

ĐIỀU 9. THANH LÝ HỢP ĐỒNG
第九條：清理合同

1. Hợp đồng được thanh lý khi hai bên đồng ý xác nhận công việc và nghĩa vụ của mỗi bên đã hoàn thành đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng.
當雙方確認並同意各自已依本合約約定，完整履行所有工作與義務時，合約即視為已完成清理

2. Cơ sở để tiến hành thanh lý hợp đồng bao gồm:
進行合約清理的依據包括：
- Biên bản thanh lý hợp đồng.
清理合同
- Văn bản xác nhận về việc nhà xưởng đã được bàn giao đầy đủ và hoàn thiện cho Bên A.
確認廠房已完整交付予甲方之書面文件
- Biên bản kiểm tra tình trạng nhà xưởng khi bàn giao.
廠房交接時之現況檢查記錄
- Văn bản xác nhận về việc Bên A đã hoàn tất các khoản thanh toán cho Bên B (nếu có).
確認甲方已完成對乙方之所有款項支付（如有）之書面文件
- Không còn khiếu nại hoặc tranh chấp chưa giải quyết giữa hai bên về việc thực hiện hợp đồng.
雙方就本合約之履行事項無任何未解決之申訴或爭議。

3. Thời hạn thanh lý hợp đồng: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ thanh lý đầy đủ từ bên còn lại.
合約終止期限：自收到對方完整結清資料之日起 10 日內完成

4. Khi Bên A hoàn thành thanh toán đầy đủ các khoản tiền thuê cho Bên B, hợp đồng thuê nhà xưởng này sẽ được coi là thanh lý.
當甲方完成向乙方支付全部租金後，本廠房租賃合約即視為已清理

ĐIỀU 10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG
第十條：共同條款

1. Quyền ưu tiên: Sau khi hết thời hạn thuê, Bên A có quyền ưu tiên được thuê lại. Nếu Bên B có ý định bán nhà xưởng thì Bên A cũng được quyền ưu tiên mua lại.
優先權：租期屆滿後，甲方有優先承租權；乙方如有意出售本標的，甲方亦有優先承購權。
2. Các công việc và chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện phải được hai Bên thông báo bằng văn bản và/hoặc thư điện tử và/hoặc các phương tiện điện tử khác và phải được sự đồng ý của Bên kia trước khi thực hiện. Các trao đổi thống nhất qua các phương tiện điện tử và/hoặc mạng xã hội (ví dụ như email, wechat, zalo, viber, facebook, twitter, tin nhắn điện thoại,…) cũng được xem là nội dung trao đổi chính thức giữa hai Bên. Các công việc phát sinh sẽ được hai Bên lập thành (các) Phụ lục và do người đại diện có thẩm quyền của các bên cùng nhau ký kết văn bản.
在履約過程中所產生之工作與費用，雙方應以書面及／或電子郵件及／或其他電子方式通知，並須經對方同意後方可執行。經由電子方式及／或社交媒體（如電子郵件、微信、Zalo、Viber、Facebook、Twitter、手機簡訊等）所達成之共識，亦視為雙方正式協議內容。所衍生之工作將由雙方擬定為補充協議，並由雙方具授權代表簽署確認
3. Trong thời gian hợp đồng nếu có tranh chấp thì hai bên dựa trên cơ sở tôn trọng quyền lợi lẫn nhau và tiến hành thương lượng, nếu không thỏa thuận được thì vụ việc sẽ do Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Bình Phước giải quyết, phán quyết của tòa án là phán quyết cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên thua kiện sẽ chịu trách nhiệm cho án phí và các chi phí kiện tụng khác có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn như chi phí thuê luật sư, phí chứng thực tài liệu, phí dịch thuật,…
本合約期間如雙方發生爭議，應本著互相尊重權益之原則進行協商，如無法達成協議，則由越南平福省有管轄權之人民法院裁決，法院之判決為最終裁決，雙方均須遵守。敗訴方須承擔所有相關訴訟費用，包括但不限於律師費、公證文件費用及翻譯費等
4. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này. Mọi thay đổi, bổ sung phải được hai bên thỏa thuận thống nhất và được lập thành Phụ Lục Hợp đồng. Phụ lục hợp đồng sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này và có giá trị pháp lý tương đương Hợp đồng.
雙方承諾嚴格遵守本合同約定的條款。 任何變更或增加必須由雙方共同商定，並作為合同的附錄且本合同附錄是構成本合同的組成部分，與本合同具有同等法律效力。
5. Tài liệu kèm theo của hợp đồng này gồm có : 1.Hợp đồng đặt cọc thuê nhà xưởng ký ngày 16/7/2019; 2. Hợp đồng thuê nhà xưởng số GGV20220422 ký ngày 22/04/2022 ;3. Biên bản bàn giao nhà xưởng B và Tòa văn phòng số 02-BBBG ngày 06 tháng 03 năm 2025.
本合約之附錄文件：1.2019 年 7 月 16 日簽訂的廠房租賃押金合同；2.2022 年 04 月 22 日簽訂廠房租賃合約書編號 GGV20220422 的；3.2025 年 03 月 06 日簽訂的 B 棟廠房及辦公樓移

交單編號:02-BBBG。

6. Nếu có những vấn đề chưa được quy định rõ trong hợp đồng này, hai Bên có thể bổ sung bằng hình thức ký kết phục lục hợp đồng sau khi thương lượng. Khi hai bên ký kết điều khoản bổ sung (Phụ lục hợp đồng) thì các điều khoản bổ sung có giá trị pháp lý như hợp đồng đã ký.
若本約如有未盡事宜，雙方可經協商後以簽署附錄合約方式予以補充。雙方一旦簽署補充條款（附錄合約）該補充條款即具有與原合約同等之法律效力。
7. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Trung có nội dung như nhau, có cùng giá trị pháp lý, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện. Trong trường hợp có phát sinh bất đồng ngôn ngữ giữa hai bản tiếng Việt và tiếng Trung (do dịch thuật), bản tiếng Việt sẽ có giá trị pháp lý ưu tiên.
本合約以越南語及中文雙語編寫，共四（4）份，雙方各持二（2）份，具有同等法律效力。若中/越兩語版本內容因翻譯而產生歧異時，以越南語版本為優先解釋依據。
8. Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý khi hai bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng này và không có phát sinh tranh chấp nào trong thời gian thực hiện hợp đồng.
當雙方已依本合約規定履行完畢各項義務，且在履約期間未發生任何爭議時，本合約即視為當然清理
9. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký, đóng dấu và chấm dứt hiệu lực khi Hợp đồng thanh lý.
本合約自雙方簽署並加蓋印章之日起生效，並於合約清理時終止其效力。

Dương lịch ngày 19 tháng 03 năm 2025
西元 2025 年 03 月 19 日

ĐẠI DIỆN BÊN A 甲方	**ĐẠI DIỆN BÊN B 乙方**
(BÊN THUÊ)承租方	**(BÊN CHO THUÊ)出租房**
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH
CHEN JHIH YUAN	**LÊ THỊ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dự án Lê Minh
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3801198646 do Phòng Đăng ký Kinh Doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 09/05/2024

2. Thông tin thửa đất:
a. Thửa đất số: 418 ; tờ bản đồ số: 29
b. Diện tích: 26231,3m²
c. Loại đất: Đất khu công nghiệp
d. Thời hạn sử dụng: Ngày 28/12/2059
đ. Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
e. Địa chỉ: Khu phố 2, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

3. Thông tin tài sản gắn liền với đất:
a. Tên công trình: Dự án Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dự án Lê Minh
b. Diện tích sử dụng: 31525,0m²
c. Hình thức sở hữu: sở hữu riêng
d. Thời hạn sở hữu: -/-
đ. Địa chỉ: -/-

Bình Phước, ngày 28 tháng 5 năm 2025
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC

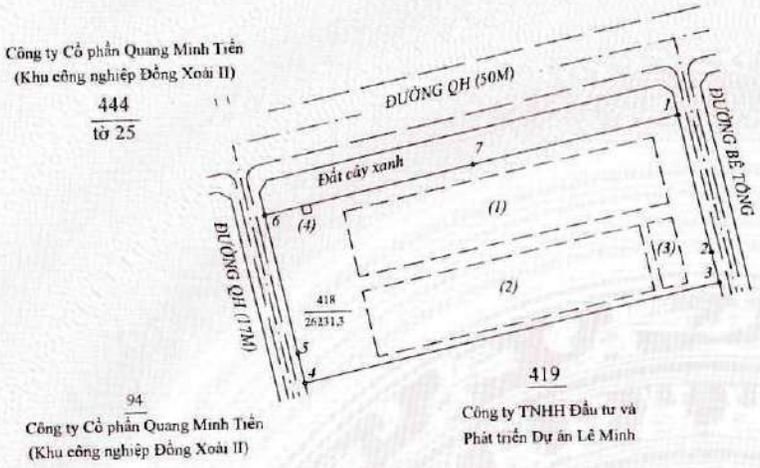
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Nguyễn Chìn Bảy

AA 02059396

Thông tin chi tiết được thể hiện tại mã QR.

4. Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất:



BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ

Đỉnh	X(m)	Y(m)	Cạnh (m)
1	1273868,29	565562,77	84,45
2	1273785,79	565580,79	18,55
3	1273767,66	565584,75	254,82
4	1273713,26	565335,80	18,55
5	1273731,39	565331,89	84,45
6	1273813,95	565314,12	128,80
7	1273841,45	565439,95	125,72
1	1273868,29	565562,77	

5. Ghi chú: -/-

6. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Đã đăng ký thế chấp./.	Ngày 28 tháng 5 năm 2025 GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI Lê Văn Ngọc

Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: VP 13462

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

Số: 38 /TB-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 6 tháng 03 năm 2025

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh.

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 26/8/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết KCN Đồng Xoài II thuộc xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 27/6/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 KCN Đồng Xoài II thuộc xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 59/BQL-QHXDMT ngày 13/01/2021 thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của công trình: "Xây dựng nhà xưởng cho thuê" của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh tại KCN Đồng Xoài II.

Căn cứ Giấy phép xây dựng số 57/GPXD ngày 15/01/2021 do Ban Quản lý Khu kinh tế cấp cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh;

Căn cứ công văn Số: 167/UBND ngày 25/06/2024 của UBND phường Tiến Thành tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của Dự án Xây dựng nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh.

Căn cứ Công văn nghiệm thu số 06/NT-PCCC ngày 08/01/2025 về việc nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy giữa chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Công văn số 01-2025-BCHT ngày 17/02/2025 về việc báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng số 01/BBNTHT ngày 20/01/2022 của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh và đơn vị nhà thầu thi công và đơn vị giám sát;

Theo Kết quả kiểm tra hiện trạng và đối chiếu với hồ sơ hoàn thành công trình ngày 5/03/2025 giữa Ban Quản lý Khu kinh tế và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh;

Ban Quản lý Khu kinh tế chấp thuận kết quả nghiệm thu của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh để đưa vào sử dụng đối với công trình như sau:

I. Thông tin về công trình:

- Tên công trình: Nhà máy Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh.

- Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

* Các thông số chính của công trình:

1.1. Nhà xưởng 1: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 02.

- Diện tích xây dựng: 40m x 190m = 7.600 m^2

- Tổng diện tích xây dựng: 7.600 m^2 x 2 tầng = 15.200 m^2

- Chiều cao công trình: 15,15 m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,3m.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

- Năm xây dựng: 2022

1.2. Nhà xưởng 2: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 02.

- Diện tích xây dựng: 40m x 170m = 6.800 m^2

- Tổng diện tích xây dựng: 6.800 m^2 x 2 tầng = 13.600 m^2

- Chiều cao công trình: 15,15 m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,3m.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

- Năm xây dựng: 2022

1.3. Nhà văn phòng : 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 04 tầng + tầng tum

- Diện tích xây dựng: 40m x 15m = 600 m^2.

- Diện tích tầng tum : 20m x 15m = 300 m^2.

- Tổng diện tích xây dựng: (600 m^2 x 4 tầng) + 300 m^2 = 2700m^2

- Chiều cao công trình: 19,50 m.

- Cốt nền công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,45m.

- Giải pháp kết cấu: Móng nông, cột, mái BTCT; nền Bê tông lát gạch Ceramic; tường bao và tường ngăn xây gạch; hệ thống cửa khung nhôm, kính.

- Năm xây dựng: 2022

1.4. Nhà bảo vệ: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01.

- Diện tích xây dựng: 5m x 5m = 25 m^2.

- Chiều cao công trình: 4,8 m.

- Cốt nền công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,3m.

- Giải pháp kết cấu: Móng nông, cột, mái ngói; nền Bê tông lát gạch Ceramic; tường bao và tường ngăn xây gạch; hệ thống cửa khung nhôm, kính.

- Năm xây dựng: 2022

* Ngoài ra công trình còn có các hạng mục: Hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống chống sét; hệ thống PCCC; sân đường nội bộ; hàng rào và cây xanh.

II. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

- Rà soát, tập hợp và lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định. Chủ đầu tư và nhà thầu tham gia xây dựng công trình chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, phù hợp của hồ sơ thiết kế so với các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn thiết kế, bản vẽ hoàn công so với hồ sơ thiết kế được phê duyệt, hồ sơ hoàn thành công trình so với các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về kết quả nghiệm thu chất lượng công trình.

- Trong quá trình quản lý, khai thác, sử dụng. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình chịu trách nhiệm việc quản lý, sử dụng

hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng công năng trong hồ sơ thiết kế được thẩm định, giấy phép xây dựng được cấp.

- Tổ chức thực hiện quan trắc công trình trong quá trình khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức bảo trì công trình theo quy định bảo trì công trình đã được phê duyệt.

- Trong quá trình quản lý, khai thác, sử dụng. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tiếp tục duy trì các điều kiện an toàn về PCCC của công trình đã được nghiệm thu trong suốt quá trình vận hành, khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

Ban Quản lý Khu kinh tế thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng với các hạng mục nêu trên, gửi Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh được biết và thực hiện tiếp theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trưởng Ban, các Phó T.Ban;
- Lưu VT, P.QHXDTNMT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Huy Hoàng

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : 57./GPXD

I. Cấp cho **Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh.**

Địa chỉ: Lô F3 - F7, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

II. Được phép xây dựng: "Xây dựng nhà xưởng cho thuê" của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh tại KCN Đồng Xoài II.

Tổng số công trình theo hồ sơ thiết kế cơ sở là 04 do Công ty TNHH Đầu tư thiết kế xây dựng An Khang lập.

Vị trí xây dựng: Lô F3 - F7, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành,thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Chỉ giới xây dựng :

- Cách 52 m tính từ tim đường N8.
- Cách 15 m tính từ tim đường N12.

Nội dung và quy mô đầu tư công trình:

2.1. Nhà xưởng 1: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 02.
- Diện tích xây dựng: 40m x 190m = 7.600 m^2
- Tổng diện tích xây dựng: 7.600 m^2 x 2 tầng = 15.200 m^2
- Chiều cao công trình: 15,15 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,3m.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

2.2. Nhà xưởng 2: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 02.

- Diện tích xây dựng: 40m x 170m = 6.800 m^2

- Tổng diện tích xây dựng: 6.800 m^2 x 2 tầng = 13.600 m^2

- Chiều cao công trình: 15,15 m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,3m.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

2.3. Nhà văn phòng : 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 04 tầng + tầng tum

- Diện tích xây dựng: 40m x 15m = 600 m^2.

- Diện tích tầng tum : 20m x 15m = 300 m^2.

- Tổng diện tích xây dựng: (600 m^2 x 4 tầng) + 300 m^2 = 2700m^2

- Chiều cao công trình: 19,50 m.

- Cốt nền công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,45m.

- Giải pháp kết cấu: Móng nông, cột, mái BTCT; nền Bê tông lát gạch Ceramic; tường bao và tường ngăn xây gạch; hệ thống cửa khung nhôm, kính.

2.4. Nhà bảo vệ: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01.

- Diện tích xây dựng: 5m x 5m = 25 m^2.

- Chiều cao công trình: 4,8 m.

- Cốt nền công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,3m.

- Giải pháp kết cấu: Móng nông, cột, mái ngói; nền Bê tông lát gạch Ceramic; tường bao và tường ngăn xây gạch; hệ thống cửa khung nhôm, kính.

* Ngoài ra công trình còn có các hạng mục: Hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống chống sét; hệ thống PCCC; sân đường nội bộ; hàng rào và cây xanh.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất : 26.231,3m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 21353 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh ngày 31/12/2019.

IV. Ghi nhận công trình đã khởi công : Không.

V. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Quá thời hạn trên, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh phải đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng./.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở mặt sau Giấy phép này).

Bình Phước, ngày 15 tháng 01 năm 2021

KT. TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Huy Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUANG MINH TIẾN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐẤU NỐI HẠ TẦNG
DỰ ÁN NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PT DỰ ÁN LÊ MINH
SỐ: /NTĐNHTKT

Hôm nay, vào lúc 9h00 ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại dự án Nhà máy Công ty TNHH đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh, địa chỉ: Lô F3-F7, KCN Đồng Xoài 2, phường Tiến Thành, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước chúng tôi gồm có:

+ Đại diện (Bên A): Công ty CP Quang Minh Tiến

Ông (bà): Hoàng Trung Thành – Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Ông (bà): Bùi Thanh Trâm – Chức vụ: Nhân viên

Ông (bà): ..... – Chức vụ: .....

+ Đại diện (Bên B): Công ty TNHH đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh.

Ông (bà): Lê Thị Minh – Chức vụ: Giám đốc.

I/ Nội dung làm việc:

Chúng tôi tiến hành kiểm tra và xác nhận việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án Nhà máy Công ty TNHH đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của Khu công nghiệp Đồng Xoài 2 cụ thể như sau:

1. Vị trí đấu nối HTKT:

- Cổng: 02 vị trí cổng đấu nối vào đường giao thông của Khu công nghiệp.

+ Ký hiệu Điểm: 01 vị trí điểm nằm trên trục đường N12, cách tim đường N12 của KCN là 15m (đính kèm bản vẽ tổng thể mặt bằng).

+ Ký hiệu Điểm: 01 vị trí điểm nằm trên trục đường N8, cách tim đường N12 của KCN là 52m (đính kèm bản vẽ tổng thể mặt bằng).

- Hệ thống Thoát nước mưa: (03 vị trí điểm).

+ Ký hiệu Điểm: 02 vị trí điểm có tọa độ lần lượt $11^0$31’3’’; $106^0$51’10’’ và $11^0$31’5’’; $106^0$51’10’’ nằm trên trục đường N12, cách tim đường N12 của KCN là 15m (đính kèm bản vẽ tổng thể mặt bằng).

+ Ký hiệu Điểm: 01 vị trí điểm có tọa độ $11^0$31’1’’; $106^0$51’2’’ nằm trên trục đường N1, cách tim đường N1 của KCN là 15m (đính kèm bản vẽ tổng thể mặt bằng).

2. Phần hồ sơ:

- Văn bản chấp nhận đấu nối hạ tầng kỹ thuật số 43/CV-QMT ngày 12 tháng 07 năm 2023 của Công ty cổ phần Quang Minh Tiến cấp cho Công ty TNHH đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh.

II/ Kết luận: Các bên tham gia cùng đồng ý , thống nhất việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật cảu dự án Nhà máy Công ty TNHH đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh, địa chỉ: Lô F3-F7, KCN Đồng Xoài 2, phường Tiến Thành, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của Khu công nghiệp Đồng Xoài 2 để khai thác sự dụng.

Biên bản kết thúc vào lúc 11h00 cùng ngày, được đọc, thông qua cho các thành viên trong cuộc họp cùng nghe và thống nhất. Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUANG MINH TIẾN	**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH**
Hoàng Trung Thành	GIÁM ĐỐC Lê Thị Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN QUANG MINH TIẾN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐẤU NỐI NƯỚC THẢI

SỐ: /NTĐN

Công trình: Hố ga đấu nối nước thải Công ty TNHH đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh

Hạng mục: Hố ga đấu nối, đồng hồ đo đến nước, van khóa

Hôm nay, vào lúc 9h00 ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại dự án Nhà máy Công ty TNHH đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh, địa chỉ: Lô F3-F7, KCN Đồng Xoài 2, phường Tiến Thành, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước chúng tôi gồm có:

+ Đại diện (Bên A): Công ty CP Quang Minh Tiến

Ông (bà): Hoàng Trung Thành – Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Ông (bà): Bùi Thanh Trâm – Chức vụ: Nhân viên

Ông (bà): ..... – Chức vụ: .....

+ Đại diện (Bên B): Công ty TNHH đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh.

Ông (bà): Lê Thị Minh – Chức vụ: Giám đốc.

I/ Nội dung làm việc:

Chúng tôi tiến hành kiểm tra và xác nhận việc đấu nối hệ thống thoát nước thải của dự án Nhà máy Công ty TNHH đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng Xoài 2 cụ thể như sau:

1. Phần xây dựng:

- Công ty TNHH đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh đã thi công hoàn thiện Bể xử lý nước thải 70m^3/ngày đêm theo yêu cầu của Công ty cổ phần Quang Minh Tiến.

2. Phần thiết bị:

- Đã lắp đặt 1 van tổng DN90.

- Đồng hồ đo đếm nước thải.

3. Phần hồ sơ:

- Văn bản 04-11/CV-LM ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Công ty TNHH đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh về việc "Thỏa thuận vị trí đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Xoài 2".

- Văn bản chấp nhận đấu nối nước thải số 01/2025/CV-QMT ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Công ty cổ phần Quang Minh Tiến cấp cho Công ty TNHH đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh.

- Phiếu kết quả kiểm nghiệm phân tích nước thải đầu ra của Công ty TNHH đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh (mã số phiếu: 2423353) ngày 21 tháng 10 năm 2024 do Công ty TNHH khoa học công nghệ và Phân tích môi trường Phương Nam kiểm nghiệm kết quả.

II/ Kết luận: Bên A đồng ý tiếp nhận nguồn nước thải của bên B theo tiêu chuẩn cột B QCVN40:2011/BTNMT tại hố ga đấu nối thoát nước thải của KCN Đồng Xoài 2 giữa bên B và bên A.

+ Ký hiệu Điểm: 01 vị trí điểm có tọa độ $11^0$31'1''; $106^0$51'2'' nằm trên trục đường N1, cách tim đường N1 của KCN là 15m (đính kèm bản vẽ tổng thể mặt bằng).

Bên B chịu trách nhiệm quản lý, bảo trì sửa chữa thay thế tài sản bao gồm van khóa nước, đồng hồ đo đếm nước thải … trong suốt quá trình vận hành. Bên B cử nhân viên phối hợp với Bên A ghi nhận chỉ số nước thải, kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị đảm bảo việc tiếp nhận nước thải được vận hành đúng cam kết.

Người kiểm tra và xác nhận số lượng nước thải và hư hỏng của thiết bị:

Bên A: Các Ông/Bà là nhân viên của Ban quản lý KCN Đồng Xoài 2.

SĐT liên hệ: .....

Bên B: Ông (bà): Lê Thị Minh

SĐT liên hệ: .....

Biên bản kết thúc vào lúc 11h00 cùng ngày, được đọc, thông qua cho các thành viên trong cuộc họp cùng nghe và thống nhất. Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUANG MINH TIẾN	**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH**
Hoàng Trung Thành	GIÁM ĐỐC *Lê Thị Minh*

ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-XPHC	*Đồng Xoài, ngày tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025);

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-GQXP ngày 12/01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đồng Xoài về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho ông Vương Đức Lai - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 52/BB-VPHC ngày 24/4/2026 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế lập đối với Công ty TNHH Sản xuất giày dép Grand Gain;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài tại Tờ trình số 480/TTr-KTHTĐT ngày 26/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Tên của tổ chức: Công ty TNHH Sản xuất giày dép Grand Gain

Địa chỉ trụ sở chính: KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

Mã số doanh nghiệp: 3801083966

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên, mã số doanh nghiệp: 3801083966, đăng ký lần đầu ngày 12/09/2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 09/9/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

Người đại diện theo pháp luật: Chu Che Liang Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Không có giấy phép môi trường theo quy định đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Cụ thể:

- Ngày 21/4/2026, Công ty TNHH Sản xuất giày dép Grand Gain (*sau đây gọi là Công ty*) đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (GPMT) tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai cho cơ sở "Nhà máy sản xuất Giày dép - Địa điểm 2, Quy mô: Sản xuất, gia công giày, dép với quy mô 3.600.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn với quy mô 144.970 m^2/năm" tại Lô F3 đến F7, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai (thuê lại nhà xưởng của công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh).

- Tại buổi làm việc ngày 24/4/2026, Công ty thừa nhận: Công ty đã đưa cơ sở nêu trên đi vào hoạt động, có phát sinh bụi, khí thải phải xử lý khi xả ra môi trường (có 02 hệ thống xử lý khí thải (*hơi dung môi*), xả khí thải ra môi trường qua 02 ống thải với tổng lưu lượng trên 5.000 m^3/giờ) mà chưa có Giấy phép môi trường, quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường năm 2020, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025, thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*nay thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025*).

3. Quy định tại: Điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Tình tiết tăng nặng: Không.

5. Tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Cụ thể: **320.000.000 đồng** (*Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn),* quy định tại khoản 2 Điều 6, điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của cơ sở trong thời hạn 4,5 tháng.

Cụ thể: Đình chỉ hoạt động trong thời hạn 4,5 tháng đối với 02 hệ thống xử lý khí thải (*hơi dung môi*), xả khí thải ra môi trường qua 02 ống thải với tổng lưu lượng trên 5.000 m^3/giờ, mà không có Giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất Giày dép - Địa điểm 2, Quy mô: Sản xuất, gia công giày, dép với quy mô 3.600.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn với quy mô 144.970 m^2/năm" tại Lô F3 - F7, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai, từ 03 đến 06 tháng.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Chu Che Liang là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Sản xuất giày dép Grand Gain để chấp hành.

Công ty TNHH Sản xuất giày dép Grand Gain phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Công ty TNHH Sản xuất giày dép Grand Gain phải nộp tiền phạt tại Phòng Giao dịch số 6 Kho bạc Nhà nước khu vực XVII hoặc nộp tiền phạt vào một trong những ngân hàng nơi Phòng Giao dịch số 6 Kho bạc Nhà nước khu vực XVII mở tài khoản như sau: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai; Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai; Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai; Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai; Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai; Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai; Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai. Mã cơ quan ra quyết định xử phạt: 1143058; Mã chương: 830; Mã nội dung kinh tế (mã tiểu mục): 4278 trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Công ty TNHH Sản xuất giày dép Grand Gain có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII và các Ngân hàng nơi Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII mở tài khoản được nêu tại điểm a khoản 1 Điều này để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường để giao quyết định này cho Công ty TNHH Sản xuất giày dép Grand Gain và tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND phường;
- LĐVP, CV: TP;
- Lưu: VT (hồ sơ) (NQ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Mẫu số 03
Ký hiệu: C1-03/NS

GIẤY NỘP TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ, PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☑ Mã hiệu: **262021706A**

Loại tiền: VNĐ ☑ USD ☐ Khác ..... Số: **487958**

Mã giao dịch: **051Vcl0-88tFschNG**

Mã phí, lệ phí/Mã loại hình thu phạt VPHC: **06**

Tên phí, lệ phí/Tên loại hình thu phạt VPHC: **PHAT VI PHAM HANH CHINH CAP XA**

Người nộp: **CONG TY TNHH SAN XUAT GIAY DEP GRAND GAIN** MST/Số CCCD/căn cước:

Địa chỉ: **Lo D1 den D14 KCN Dong Xoai II, Phuong Dong Xoai, Tinh Dong Nai, Viet Nam**

Phường/Xã/Đặc khu: Tỉnh, TP: **TỈNH ĐỒNG NAI**

Người được uỷ quyền nộp NSNN: MST/Số CCCD/căn cước:

Địa chỉ:

Phường/Xã/Đặc khu: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/KBNN/TGTT **NHTMCP DT VA PTVN-CN BINH PHUOC**

Trích TK số: **6550223332** hoặc thu tiền mặt

để nộp vào tài khoản: **7111**

Tên tổ chức thu phí, lệ phí/tên CQ ra QĐ xử phạt: **UBND PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

Mã tổ chức thu phí, lệ phí/mã CQ ra QĐ xử phạt: **H19138**

Tại Kho bạc Nhà nước: **KBNN khu vuc XVII - Phong giao dich so 6**

Mở tại ngân hàng: **NHTMCP DT VA PTVN-CN BINH PHUOC**

Theo thông tin chi tiết như sau:

STT	Số quyết định/ Số thông báo/ Mã định danh hồ sơ (ID)	Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Mã chương	Mã NDKT (TM)	Số nguyên tệ	Số tiền VND
1	765/QD-XPHC	29/04/2026	PHAT VI PHAM HANH CHINH CAP XA	830	4278	320,000,000	320,000,000
					Tổng cộng	**320,000,000**	**320,000,000**

Tổng số tiền ghi bằng chữ: *Ba trăm hai mươi triệu đồng.*

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN

Mã ĐBHC: **25210** Nợ TK: **1155**

Mã cơ quan thu ngân sách: **1143058** Có TK: **7111**

Tên cơ quan thu ngân sách:

ĐÃ THU TIỀN

PHẦN NGÂN HÀNG GHI

TK Nợ: 6550223332 TK Có: 280701025

Số tiền nộp NSNN: 320,000,000 Số tiền phạt chậm nộp: 0

Tổng tiền thu: 320,000,000 Phí: 0

Số Ref/RM: 051Vcl0-88tFschNG VAT: 0

NGƯỜI NỘP TIỀN

Ngày 06 tháng 05 năm 2026

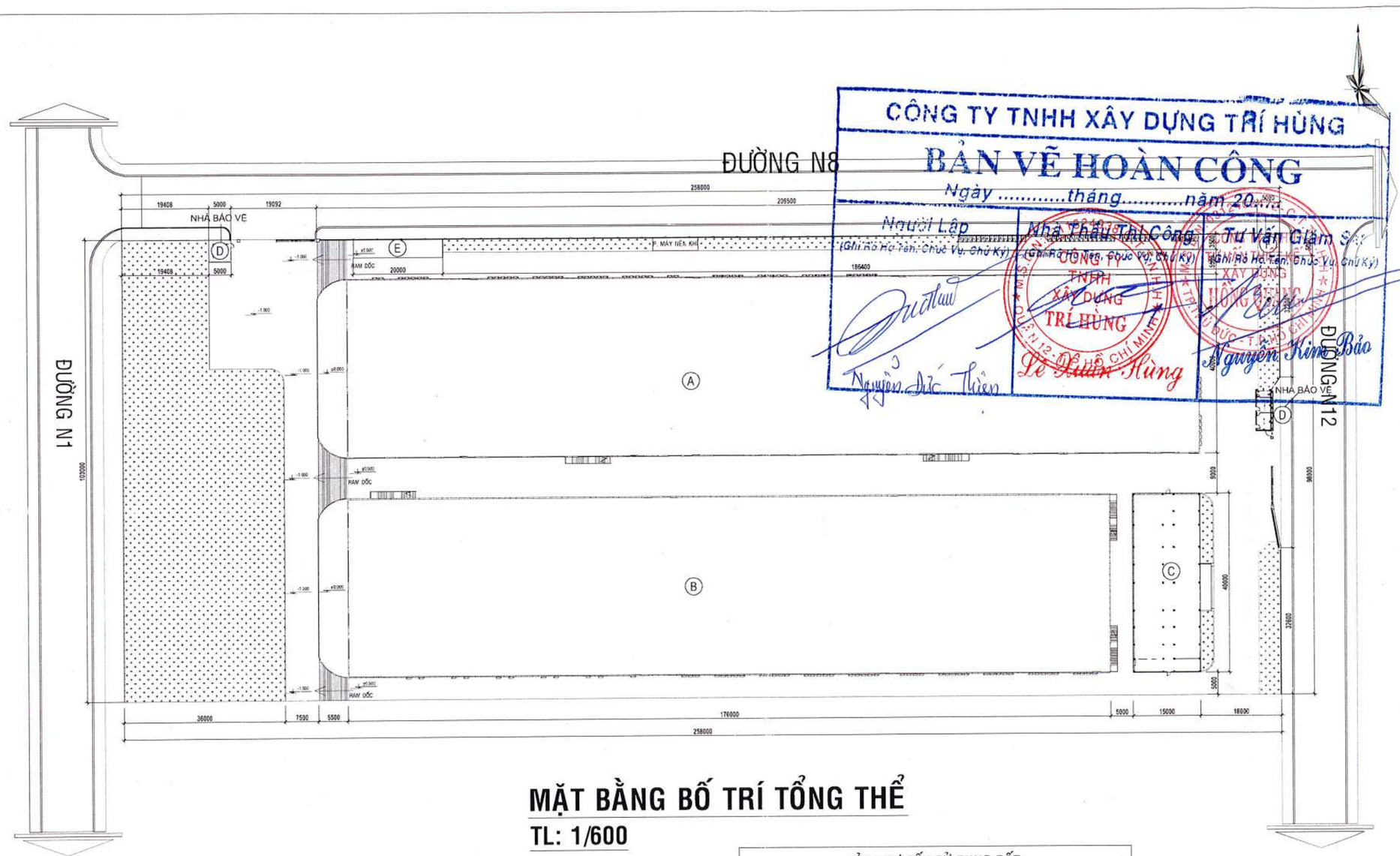
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị	Thủ quỹ
(Ký, ghi họ tên)	(Ký, ghi họ tên)	(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)	(Ký tên)

NHTMCP DT VA PTVN-CN BINH PHUOC

Ngày 06 tháng 05 năm 2026

Giao dịch viên	Kiểm soát viên
(Ký, ghi họ tên)	(Ký, ghi họ tên)
Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trần Ngọc Duyên

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC
TP. ĐỒNG NAI



MẶT BẰNG BỐ TRÍ TỔNG THỂ

TL: 1/600

GHI CHÚ:

- (A) NHÀ XƯỞNG 1: 7.600m²
- (B) NHÀ XƯỞNG 2: 6.800m²
- (C) NHÀ VĂN PHÒNG: 600m²
- (D) NHÀ BẢO VỆ 1: 25m²
- (E) KHU TẬP KẾT RÁC : 80m²

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT:

HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m²)	MĐXD (%)
- ĐẤT CÔNG TRÌNH	15.165,0	57.8
+ NHÀ XƯỞNG 1	7.600,0	
+ NHÀ XƯỞNG 2	6.800,0	
+ NHÀ VĂN PHÒNG	600,0	
+ NHÀ BẢO VỆ	25,0	
+ KHU TẬP KẾT RÁC	80,0	
+ TRẠM MÁY PHÁT ĐIỆN		
- ĐẤT CÂY XANH	5.250,0	20.0
- ĐẤT SÂN ĐƯỜNG	5.819,0	22.2
TỔNG	26.231,3	100
ĐẤT TRỒNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN 2	26.160,2	

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRÍ HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày .....tháng.....năm 20...

Người Lập	Nhà Thầu Thi Công	Tư Vấn Giám Sát
(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Ký)	(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Ký)	(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Ký)
Nguyễn Đức Thiện	Lê Tuấn Hùng	Nguyễn Kim Bảo

HIỆU CHỈNH		
STT	2023 /.../...	REV
1		
2		
3		

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ HIỆU CHỈNH ☐

T.KẾ KỸ THUẬT ☐ HOÀN CÔNG ☑

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

LÊ MINH

LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH — M.S.D.N: 3801136646 - C.T.T.N.H.H. — TỈNH BÌNH PHƯỚC

Lê Thị Minh

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

AN KHANG

ADD: P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TX. DĨ AN, BÌNH D ƯƠNG

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG AN KHANG — M.S.D.N: 3702613262 - C.T.T.N.H.H. — TP. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

CHỦ TRÌ	BÀNH MẠNH PHÚC	
THIẾT KẾ	BÀNH MẠNH PHÚC	
THỂ HIỆN	BÀNH MẠNH PHÚC	
QUẢN LÝ K.THUẬT	ĐỖ TRẠNG KHANG	

CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG - VĂN PHÒNG

ĐỊA ĐIỂM:

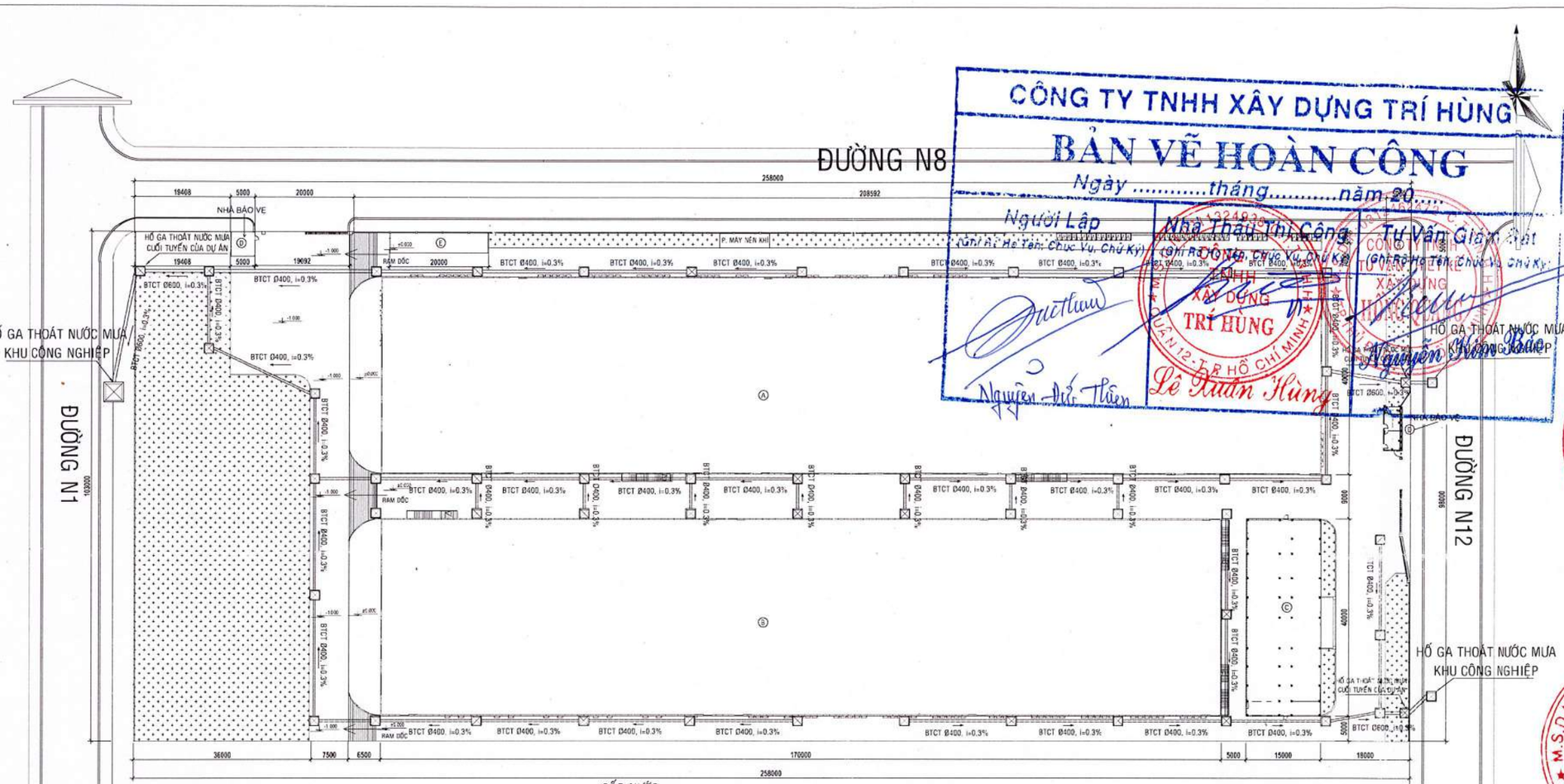
LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

HẠNG MỤC

TỔNG THỂ

NỘI DUNG BẢN VẼ

TỈ LỆ		KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HT		



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRÍ HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày .....tháng.....năm 20.....

Người Lập (Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký) — Nguyễn Đức Thiện

Nhà Thầu Thi Công (Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký) — Lê Xuân Hùng

Tư Vấn Giám Sát (Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký) — Nguyễn Hồng Bảo

THOÁT NƯỚC

-TH: ỐNG THÔNG HƠI
-TN: ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
-TP: ỐNG THOÁT PHÂN
-TM: ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
-CN: ỐNG CẤP NƯỚC LẠNH
-HW: ỐNG CẤP NƯỚC NÓNG

1. TẤT CẢ CÁC CỐNG THOÁT NƯỚC ĐỀU THỂ HIỆN ĐƯỜNG KÍNH (Ø) BÊN TRONG.
2. HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI CỦA CÔNG TRÌNH ĐƯỢC THU BẰNG HỆ THỐNG ỐNG, HỐ GA, CỐNG SAU ĐÓ ĐẤU RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC KHU VỰC
3. CỐNG ĐƯỜNG KÍNH TRONG (Ø300,Ø400,Ø500) TẢI TRỌNG (H10, H20, H30). CHIỀU DÀI CỐNG ĐƯỜNG KÍNH TRONG (Ø300,Ø400,Ø500) LÀ 2.5m
4. TẤT CẢ CÁC THIẾT BỊ VỆ SINH CẦN CÓ XIPHÔNG NGĂN MÙI VỚI CHIỀU CAO TỐI THIỂU LÀ 50mm.
5. NƯỚC THẢI ĐƯỢC XỬ LÝ SƠ BỘ QUA BỂ TỰ HOẠI RỒI THOÁT RA HỐ GA NƯỚC THẢI VÀ THOÁT VÀO HỆ THỐNG NƯỚC THẢI KHU VỰC.
6. ỐNG THOÁT NƯỚC BẨN VÀ NƯỚC MƯA LÀ ỐNG uPVC, HDPE (PN6, PN10), NỐI BẰNG KEO DÁN. ĐỘ DỐC ỐNG THOÁT NƯỚC Ø42, Ø60, Ø90, Ø114 LÀ 2%, ĐỘ DỐC ỐNG THOÁT NƯỚC Ø200 LÀ 0.3%
7. RIÊNG CÁC CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA BTCT Ø300, Ø400, Ø500, Ø600 ĐỘ DỐC THOÁT NƯỚC 0.3%

PHƯƠNG ÁN THOÁT NƯỚC MƯA CÔNG TRÌNH:
- TOÀN BỘ NƯỚC MƯA TRÊN MÁI ĐƯỢC THU VÀO MÁNG XỐI TÔN ĐƯA XUỐNG HỐ GA ĐỂ THOÁT RA CỐNG KCN.
- NƯỚC MƯA TRÊN MẶT SÂN ĐƯỢC THU VÀO HỐ GA THOÁT RA CỐNG KCN.
- THOÁT NƯỚC MƯA ĐỨNG DÙNG ỐNG uPVC BÌNH MINH LOẠI 1 Ø90 – Ø114.
- THOÁT NƯỚC MƯA NGANG DÙNG CỐNG BTCT Ø300, Ø400, Ø500 ĐỘ DỐC i=0.3%.

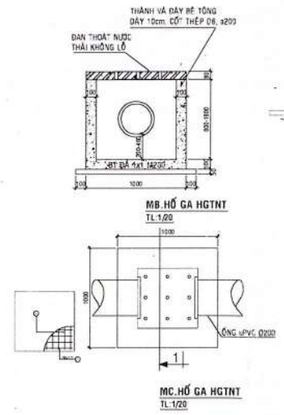
PHƯƠNG ÁN THOÁT NƯỚC SINH HOẠT CÔNG TRÌNH:
- THOÁT NƯỚC ỐNG ĐỨNG uPVC BÌNH MINH LOẠI 1 Ø60, Ø90.
- THOÁT NƯỚC ỐNG NGANG LẦN LƯỢT DÙNG uPVC BÌNH MINH LOẠI 1 Ø42, Ø60, Ø90, uPVC Ø200 VÀ THOÁT RA KCN BẰNG ỐNG uPVC Ø200 VỚI ĐỘ DỐC i=0.3%.
- THOÁT PHÂN PVC Ø114.
- THOÁT NƯỚC THẢI uPVC Ø200.

CẤP NƯỚC

1. HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TỪ THỦY CỤC VÀ GIẾNG KHOAN VÀO HỒ NƯỚC NGẦM QUA BƠM TĂNG ÁP CHUYỂN NƯỚC LÊN BỒN NƯỚC Ở TẦNG ÁP MÁI. NƯỚC CẤP ĐẾN CÁC THIẾT BỊ VỆ SINH QUA BỒN NƯỚC Ở TẦNG ÁP MÁI. ÁP LỰC TỐI THIỂU TẠI THIẾT BỊ VỆ SINH LÀ 10M, TỐI ĐA LÀ 30M
2. TẤT CẢ ỐNG CẤP NƯỚC LẠNH LÀ ỐNG uPVC (PN9) OR PP-R (PN10) ĐƯỢC LẮP ÂM TƯỜNG, TRẦN ĐÚNG QUI CÁCH KỸ THUẬT. ỐNG NƯỚC NÓNG PHẢI LÀ PP-R (PN20)
3. TẤT CẢ ỐNG CẤP NƯỚC NHÁNH ĐƯỢC LẮP ĐẶT TRÊN TRẦN, SÁT SÀN BÊ TÔNG (TRỪ NHỮNG BẢN VẼ CÓ QUY ĐỊNH KHÁC), SAU ĐÓ THEO TƯỜNG GẠCH XUỐNG CÁC THIẾT BỊ DÙNG NƯỚC.
4. MÁY NƯỚC NÓNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI PHẢI ĐƯỢC BỐ TRÍ SAO CHO PHẦN CAO NHẤT CỦA MNN (KỂ CẢ BÌNH NƯỚC NÓNG) KHÔNG ĐƯỢC CAO HƠN ĐỈNH MÁI VÀ BÌNH NƯỚC NÓNG NÊN CÓ CÙNG MÀU VỚI MÀU NGÓI

GHI CHÚ, KÍ HIỆU - HỆ CTN

	TÊN VẬT TƯ THIẾT BỊ	KÍ HIỆU
	ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC SẠCH	———
	ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC NÓNG	— — —
3	ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC BẨN	----------
4	ĐƯỜNG ỐNG THÔNG HƠI	----------
5	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	----------
6	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT PHÂN	———
7	HỐ GA THOÁT NƯỚC	☒
8	ỐNG THOÁT NƯỚC uPVC	----------
9	CỐNG THOÁT NƯỚC BÊ TÔNG CỐT THÉP (BTCT)	----------



MB.HỐ GA HGTNT TL:1/20

MC.HỐ GA HGTNT TL:1/20

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ

TL: 1/600

HIỆU CHỈNH		
STT	2023 /.../...	REV
1		
2		
3		

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ HIỆU CHỈNH ☐
T.KẾ KỸ THUẬT ☐ HOÀN CÔNG ◪

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN
LÊ MINH
LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH,TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH TỈNH BÌNH PHƯỚC — Lê Chí Minh

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG
AN KHANG
ADD: P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TX. DĨ AN, BÌNH D ƯƠNG
Tel: 0949595584 - 0949595584
Email: anhang2018@gmail.com

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG AN KHANG — TP. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

CHỦ TRÌ	ĐỖ TRÁNG KHANG	
THIẾT KẾ	HÀNH MẠNH PHÚC	
THỂ HIỆN	HÀNH MẠNH PHÚC	
QUẢN LÝ K.THUẬT	ĐỖ TRÁNG KHANG	

CÔNG TRÌNH
NHÀ XƯỞNG - VĂN PHÒNG

ĐỊA ĐIỂM:
LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH,TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

HẠNG MỤC
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

NỘI DUNG BẢN VẼ

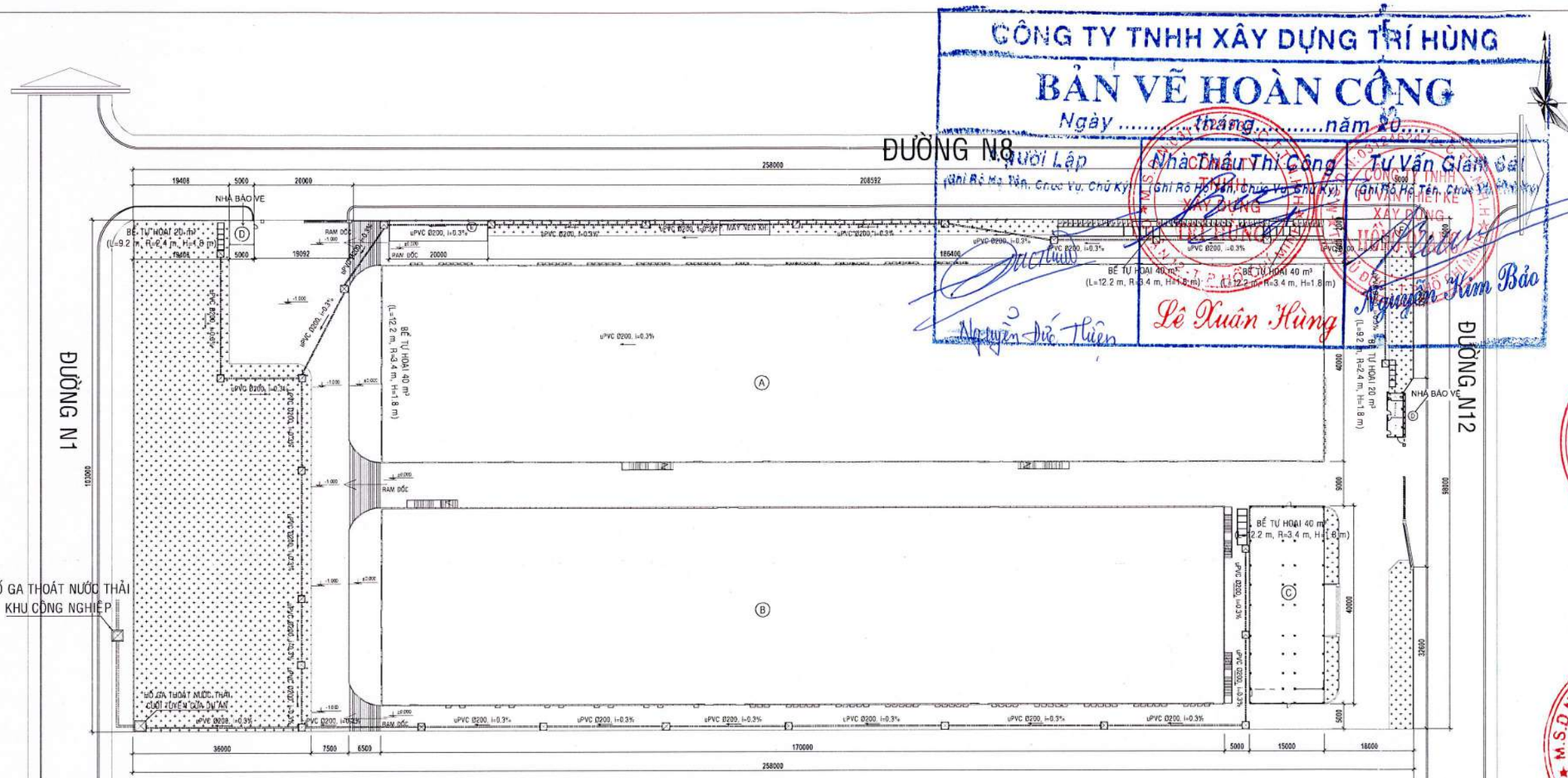
TỈ LỆ		KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HT		

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRÍ HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Người Lập	Nhà Thầu Thi Công	Tư Vấn Giám Sát
(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)	(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)	(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)
Nguyễn Đức Thiện	Lê Xuân Hùng	Nguyễn Kim Bảo



THOÁT NƯỚC

-TH: ỐNG THÔNG HƠI
-TN: ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
-TP: ỐNG THOÁT PHÂN
-TM: ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
-CN: ỐNG CẤP NƯỚC LẠNH
-HW: ỐNG CẤP NƯỚC NÓNG

1. TẤT CẢ CÁC CỐNG THOÁT NƯỚC ĐỀU THỂ HIỆN ĐƯỜNG KÍNH (Ø) BÊN TRONG.
2. HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI CỦA CÔNG TRÌNH ĐƯỢC THU BẰNG HỆ THỐNG ỐNG, HỐ GA, CỐNG SAU ĐÓ ĐẤU RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC KHU VỰC
3. CỐNG ĐƯỜNG KÍNH TRONG (Ø300,Ø400,Ø500) TẢI TRỌNG (H10, H20, H30). CHIỀU DÀI CỐNG ĐƯỜNG KÍNH TRONG (Ø300,Ø400,Ø500) LÀ 2.5m
4. TẤT CẢ CÁC THIẾT BỊ VỆ SINH CẦN CÓ XIPHÔNG NGĂN MÙI VỚI CHIỀU CAO TỐI THIỂU LÀ 50mm.
5. NƯỚC THẢI ĐƯỢC XỬ LÝ SƠ BỘ QUA BỂ TỰ HOẠI RỒI THOÁT RA HỐ GA NƯỚC THẢI VÀ THOÁT VÀO HỆ THỐNG NƯỚC THẢI KHU VỰC.
6. ỐNG THOÁT NƯỚC BẨN VÀ NƯỚC MƯA LÀ ỐNG uPVC, HDPE (PN6, PN10), NỐI BẰNG KEO DÁN. ĐỘ DỐC ỐNG THOÁT NƯỚC Ø42, Ø60, Ø90, Ø114 LÀ 2%, ĐỘ DỐC ỐNG THOÁT NƯỚC Ø200 LÀ 0.3%
7. RIÊNG CÁC CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA BTCT Ø300, Ø400, Ø500, Ø600 ĐỘ DỐC THOÁT NƯỚC 0.3%

PHƯƠNG ÁN THOÁT NƯỚC MƯA CÔNG TRÌNH:
- TOÀN BỘ NƯỚC MƯA TRÊN MÁI ĐƯỢC THU VÀO MÁNG XỐI TÔN ĐƯA XUỐNG HỐ GA ĐỂ THOÁT RA CỐNG KCN.
- NƯỚC MƯA TRÊN MẶT SÂN ĐƯỢC THU VÀO HỐ GA THOÁT RA CỐNG KCN.
- THOÁT NƯỚC MƯA ĐỨNG DÙNG ỐNG uPVC BÌNH MINH LOẠI 1 Ø90 ~ Ø114.
- THOÁT NƯỚC MƯA NGANG DÙNG CỐNG BTCT Ø300, Ø400, Ø500 ĐỘ DỐC i=0.3%.

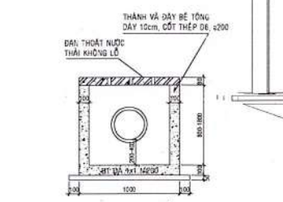
PHƯƠNG ÁN THOÁT NƯỚC SINH HOẠT CÔNG TRÌNH:
- THOÁT NƯỚC ỐNG ĐỨNG uPVC BÌNH MINH LOẠI 1 Ø60, Ø90.
- THOÁT NƯỚC ỐNG NGANG LẦN LƯỢT DÙNG uPVC BÌNH MINH LOẠI 1 Ø42, Ø60, Ø90, uPVC Ø200 VÀ THOÁT RA KCN BẰNG ỐNG uPVC Ø200 VỚI ĐỘ DỐC i=0.3%.
- THOÁT PHÂN PVC Ø114.
- THOÁT NƯỚC THẢI uPVC Ø200.

CẤP NƯỚC

1. HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TỪ THỦY CỤC VÀ GIẾNG KHOAN VÀO HỒ NƯỚC NGẦM QUA BƠM TĂNG ÁP CHUYỂN NƯỚC LÊN BỒN NƯỚC Ở TẦNG ÁP MÁI. NƯỚC CẤP ĐẾN CÁC THIẾT BỊ VỆ SINH QUA BỒN NƯỚC Ở TẦNG ÁP MÁI. ÁP LỰC TỐI THIỂU TẠI THIẾT BỊ VỆ SINH LÀ 10M, TỐI ĐA LÀ 30M
2. TẤT CẢ ỐNG CẤP NƯỚC LẠNH LÀ ỐNG uPVC (PN9) OR PP-R (PN10) ĐƯỢC LẮP ÂM TƯỜNG, TRẦN ĐÚNG QUI CÁCH KỸ THUẬT. ỐNG NƯỚC NÓNG PHẢI LÀ PP-R (PN20)
3. TẤT CẢ ỐNG CẤP NƯỚC NHÁNH ĐƯỢC LẮP ĐẶT TRÊN TRẦN, SÁT SÀN BÊ TÔNG (TRỪ NHỮNG BẢN VẼ CÓ QUY ĐỊNH KHÁC), SAU ĐÓ THEO TƯỜNG GẠCH XUỐNG CÁC THIẾT BỊ DÙNG NƯỚC.
4. MÁY NƯỚC NÓNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI PHẢI ĐƯỢC BỐ TRÍ SAO CHO PHẦN CAO NHẤT CỦA MNN (KỂ CẢ BÌNH NƯỚC NÓNG) KHÔNG ĐƯỢC CAO HƠN ĐỈNH MÁI VÀ BÌNH NƯỚC NÓNG NÊN CÓ CÙNG MÀU VỚI MÀU NGÓI

GHI CHÚ, KÍ HIỆU - HỆ CTN

	TÊN VẬT TƯ THIẾT BỊ	KÍ HIỆU
	ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC SẠCH	------
	ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC NÓNG	— —
3	ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC BẨN	--------
4	ĐƯỜNG ỐNG THÔNG HƠI	------
5	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	———
6	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT PHÂN	———
7	HỐ GA THOÁT NƯỚC	☐
8	ỐNG THOÁT NƯỚC uPVC	----------
9	CỐNG THOÁT NƯỚC BÊ TÔNG CỐT THÉP (BTCT)	———



MB.HỐ GA HGTNT
TL:1/20

MC.HỐ GA HGTNT
TL:1/20

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ

TL: 1/500

HIỆU CHỈNH		
STT	2023 /.../...	REV
1		
2		
3		

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ HIỆU CHỈNH ☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT ☐ HOÀN CÔNG ◪

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN
LÊ MINH
LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM
Lê Chị Minh

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG
AN KHANG
ADD: P. TÂN HƯNG, TX. DĨ AN, BÌNH D ƯƠNG
TEL: 0274 3 71 ... 0903 ...
Email: ...@gmail.com
ĐỖ TRANG KHANG

CHỦ TRÌ	BÀNH MẠNH PHÚC	
THIẾT KẾ	BÀNH MẠNH PHÚC	
THỂ HIỆN	BÀNH MẠNH PHÚC	
QUẢN LÝ K.THUẬT	ĐỖ TRANG KHANG	

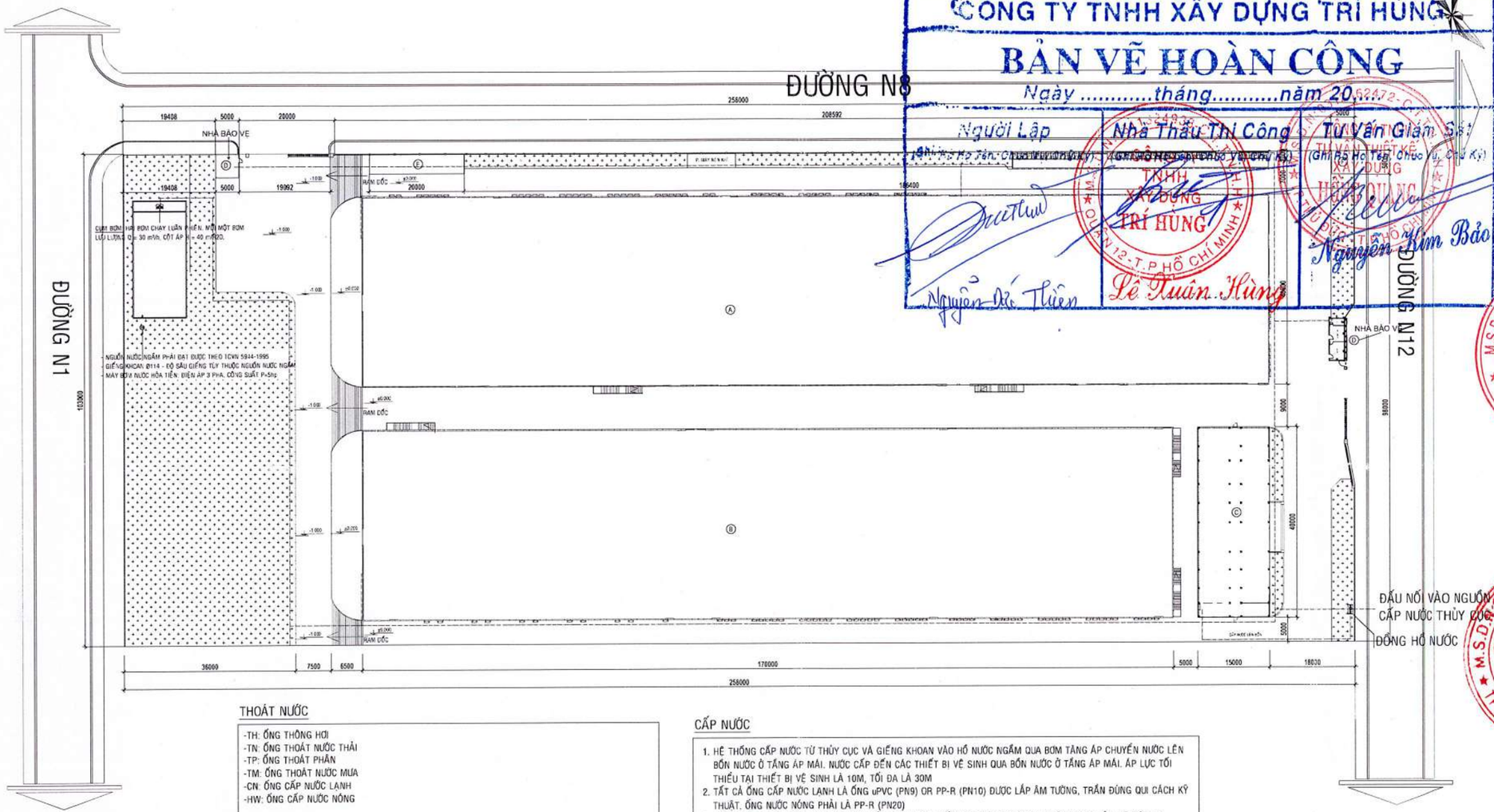
CÔNG TRÌNH
NHÀ XƯỞNG - VĂN PHÒNG

ĐỊA ĐIỂM:
LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

NỘI DUNG BẢN VẼ:

TỈ LỆ		KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HT		



THOÁT NƯỚC

-TH: ỐNG THÔNG HƠI
-TN: ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
-TP: ỐNG THOÁT PHÂN
-TM: ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
-CN: ỐNG CẤP NƯỚC LẠNH
-HW: ỐNG CẤP NƯỚC NÓNG

1. TẤT CẢ CÁC CỐNG THOÁT NƯỚC ĐỀU THỂ HIỆN ĐƯỜNG KÍNH (Ø) BÊN TRONG.
2. HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI CỦA CÔNG TRÌNH ĐƯỢC THU BẰNG HỆ THỐNG ỐNG, HỐ GA, CỐNG SAU ĐÓ ĐẤU RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC KHU VỰC
3. CỐNG ĐƯỜNG KÍNH TRONG (Ø300,Ø400,Ø500) TẢI TRỌNG (H10, H20, H30). CHIỀU DÀI CỐNG ĐƯỜNG KÍNH TRONG (Ø300,Ø400,Ø500) LÀ 2.5m
4. TẤT CẢ CÁC THIẾT BỊ VỆ SINH CẦN CÓ XIPHÔNG NGĂN MÙI VỚI CHIỀU CAO TỐI THIỂU LÀ 50mm.
5. NƯỚC THẢI ĐƯỢC XỬ LÝ SƠ BỘ QUA BỂ TỰ HOẠI RỒI THOÁT RA HỐ GA NƯỚC THẢI VÀ THOÁT VÀO HỆ THỐNG NƯỚC THẢI KHU VỰC.
6. ỐNG THOÁT NƯỚC BẨN VÀ NƯỚC MƯA LÀ ỐNG uPVC, HDPE (PN6, PN10), NỐI BẰNG KEO DÁN. ĐỘ DỐC ỐNG THOÁT NƯỚC Ø42, Ø60, Ø90, Ø114 LÀ 2%, ĐỘ DỐC ỐNG THOÁT NƯỚC Ø200 LÀ 0.3%
7. RIÊNG CÁC CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA BTCT Ø300, Ø400, Ø500, Ø600 ĐỘ DỐC THOÁT NƯỚC 0.3%

PHƯƠNG ÁN THOÁT NƯỚC MƯA CÔNG TRÌNH:
- TOÀN BỘ NƯỚC MƯA TRÊN MÁI ĐƯỢC THU VÀO MÁNG XỐI TÔN ĐƯA XUỐNG HỐ GA ĐỂ THOÁT RA CỐNG KCN.
- NƯỚC MƯA TRÊN MẶT SÂN ĐƯỢC THU VÀO HỐ GA THOÁT RA CỐNG KCN.
- THOÁT NƯỚC MƯA ĐỨNG DÙNG ỐNG uPVC BÌNH MINH LOẠI 1 Ø90 - Ø114.
- THOÁT NƯỚC MƯA NGANG DÙNG CỐNG BTCT Ø300, Ø400, Ø500 ĐỘ DỐC i=0.3%.

PHƯƠNG ÁN THOÁT NƯỚC SINH HOẠT CÔNG TRÌNH:
- THOÁT NƯỚC ỐNG ĐỨNG uPVC BÌNH MINH LOẠI 1 Ø60, Ø90.
- THOÁT NƯỚC ỐNG NGANG LẦN LƯỢT DÙNG uPVC BÌNH MINH LOẠI 1 Ø42, Ø60, Ø90, uPVC Ø200 VÀ THOÁT RA KCN BẰNG ỐNG uPVC Ø200 VỚI ĐỘ DỐC i=0.3%.
- THOÁT PHÂN PVC Ø114.
- THOÁT NƯỚC THẢI uPVC Ø200.

CẤP NƯỚC

1. HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TỪ THỦY CỤC VÀ GIẾNG KHOAN VÀO HỒ NƯỚC NGẦM QUA BƠM TĂNG ÁP CHUYỂN NƯỚC LÊN BỒN NƯỚC Ở TẦNG ÁP MÁI. NƯỚC CẤP ĐẾN CÁC THIẾT BỊ VỆ SINH QUA BỒN NƯỚC Ở TẦNG ÁP MÁI. ÁP LỰC TỐI THIỂU TẠI THIẾT BỊ VỆ SINH LÀ 10M, TỐI ĐA LÀ 30M
2. TẤT CẢ ỐNG CẤP NƯỚC LẠNH LÀ ỐNG uPVC (PN9) OR PP-R (PN10) ĐƯỢC LẮP ÂM TƯỜNG, TRẦN ĐÚNG QUI CÁCH KỸ THUẬT. ỐNG NƯỚC NÓNG PHẢI LÀ PP-R (PN20)
3. TẤT CẢ ỐNG CẤP NƯỚC NHÁNH ĐƯỢC LẮP ĐẶT TRÊN TRẦN, SÁT SÀN BÊ TÔNG (TRỪ NHỮNG BẢN VẼ CÓ QUY ĐỊNH KHÁC), SAU ĐÓ THEO TƯỜNG GẠCH XUỐNG CÁC THIẾT BỊ DÙNG NƯỚC.
4. MÁY NƯỚC NÓNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI PHẢI ĐƯỢC BỐ TRÍ SAO CHO PHẦN CAO NHẤT CỦA MNN (KỂ CẢ BÌNH NƯỚC NÓNG) KHÔNG ĐƯỢC CAO HƠN ĐỈNH MÁI VÀ BÌNH NƯỚC NÓNG NÊN CÓ CÙNG MÀU VỚI MÀU NGÓI

GHI CHÚ, KÍ HIỆU - HỆ CTN

	TÊN VẬT TƯ THIẾT BỊ	KÍ HIỆU
	ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC SẠCH	———
	ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC NÓNG	— —
3	ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC BẨN	----------
4	ĐƯỜNG ỐNG THÔNG HƠI	- - - - -
5	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	———
6	ĐƯỜNG ỐNG THOÁT PHÂN	———
7	HỐ GA THOÁT NƯỚC	
8	ỐNG THOÁT NƯỚC uPVC	----------
9	CỐNG THOÁT NƯỚC BÊ TÔNG CỐT THÉP (BTCT)	———

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỔNG THỂ
TL: 1/500

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRÍ HÙNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày .....tháng.....năm 20...
Người Lập (Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Ký): Nguyễn Đức Thiện
Nhà Thầu Thi Công (Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Ký): Lê Tuấn Hùng
Tư Vấn Giám Sát (Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Ký): Nguyễn Kim Bảo

HIỆU CHỈNH		
STT	2023 /.../...	REV
1		
2		
3		

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ HIỆU CHỈNH ☐
T.KẾ KỸ THUẬT ☐ HOÀN CÔNG ☑

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN
LÊ MINH
LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM
M.S.D.N: 3602108646 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH - TỈNH BÌNH PHƯỚC
Lê Thị Minh

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG
AN KHANG
ĐỊA CHỈ: P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TX. DĨ AN, BÌNH DƯƠNG
Tel: 0919266278 - 0968990584
Email: caokhang.ck@gmail.com
M.S.D.N: 3702343262 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG AN KHANG - TP. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

		ĐỖ TRANG KHANG
CHỦ TRÌ	BÙI MẠNH PHÚC	
THIẾT KẾ	BÙI MẠNH PHÚC	
THỂ HIỆN	BÙI MẠNH PHÚC	
QUẢN LÝ K.THUẬT	ĐỖ TRANG KHANG	

CÔNG TRÌNH
NHÀ XƯỞNG - VĂN PHÒNG

ĐỊA ĐIỂM:
LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

NỘI DUNG BẢN VẼ:

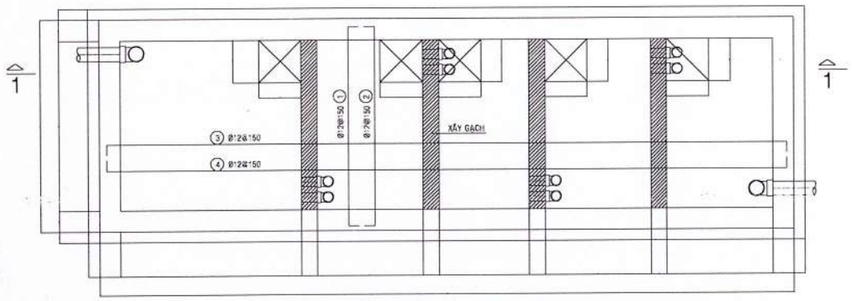
TỈ LỆ		KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HT	11-2019	KT- /22

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRÍ HÙNG

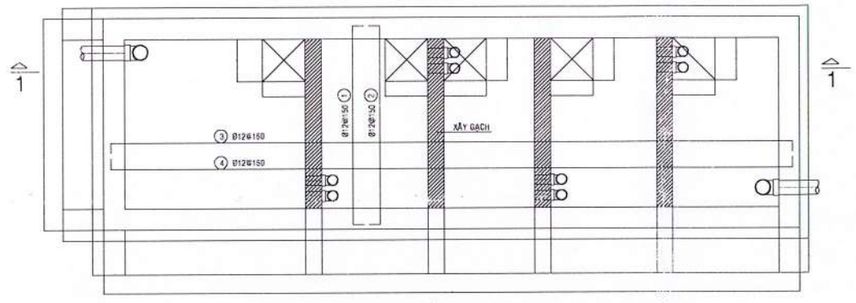
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày .....tháng.....năm 20.....

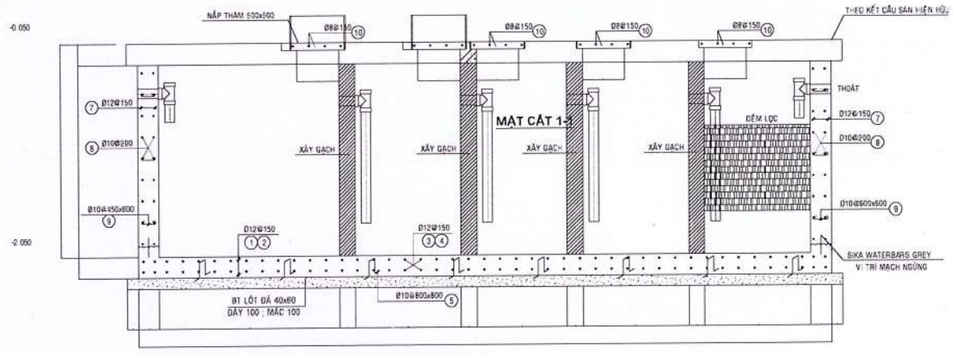
Người Lập	Nhà Thầu Thi Công	Tư Vấn Giám Sát
(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)	(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)	(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)
Nguyễn Đắc Thiện	Lê Tuấn Hùng	Nguyễn Kim Bảo



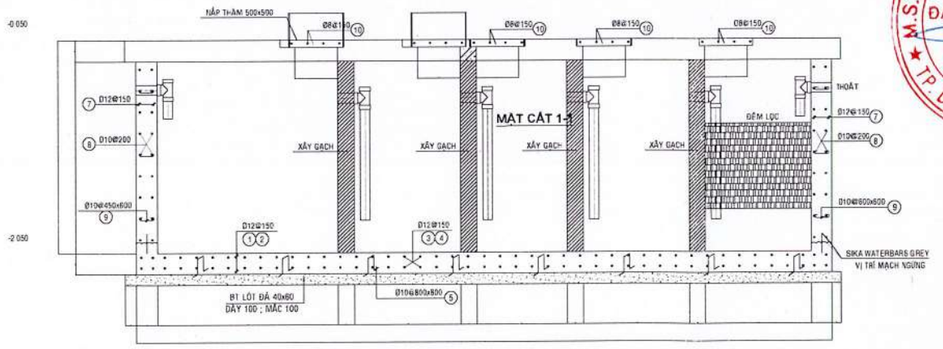
MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI 40 m³



MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI 40 m³



MẶT CẮT BỂ TỰ HOẠI 40 m³



MẶT CẮT BỂ TỰ HOẠI 40 m³

HIỆU CHỈNH		
STT	2023 /.../...	REV
1		
2		
3		

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐	HIỆU CHỈNH	☐
T.KẾ KỸ THUẬT	☐	HOÀN CÔNG	◪

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

LÊ MINH

LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH TỈNH BÌNH PHƯỚC

Lê Thị Minh

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

AN KHANG

ADD: P. TÂN ĐỒNG HIỆP, TX. DĨ AN, BÌNH D ƯƠNG

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG AN KHANG TP. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

ĐỖ TRÁNG KHANG

CHỦ TRÌ	NGUYỄN HỮU THÀNH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	
THỰC HIỆN	NGUYỄN HỮU THÀNH	
QUẢN LÝ K.THUẬT	ĐỖ TRÁNG KHANG	

CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG - VĂN PHÒNG

ĐỊA ĐIỂM:

LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH,TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC

CHI TIẾT HẦM TỰ HOẠI

NỘI DUNG BẢN VẼ:

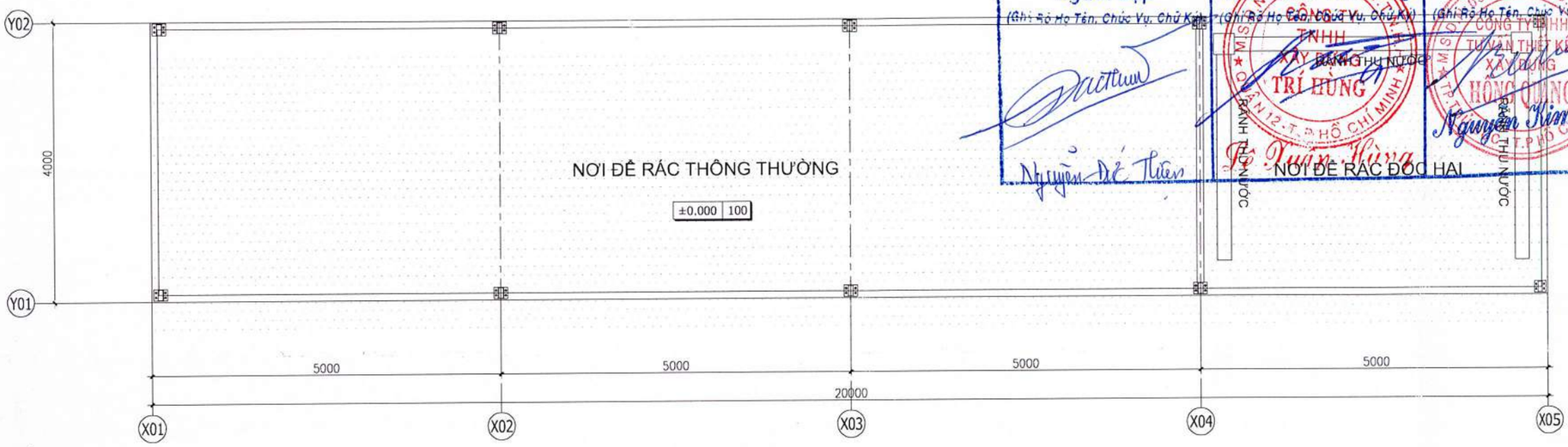
TỈ LỆ	1/500	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HT		

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRÍ HÙNG

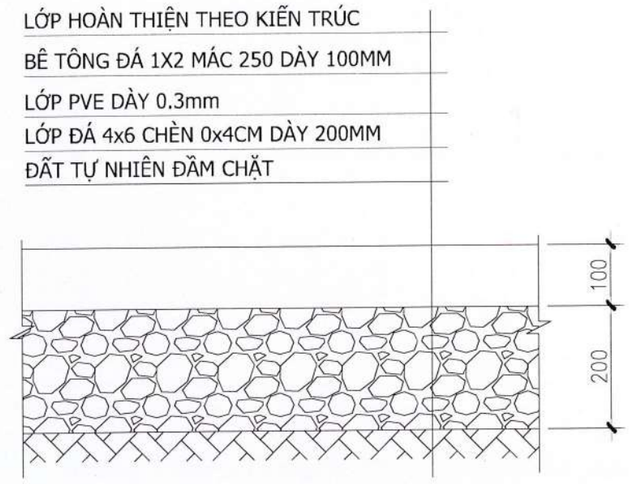
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày .....tháng.....năm 20.....

Người Lập	Nhà Thầu Thi Công	Tư Vấn Giám Sát
(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)	(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)	(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)
Nguyễn Đề Thiên	Đ.Tuấn Hùng	Nguyễn Kim Bảo



MẶT BẰNG MÓNG, ĐÀ KIỀNG TL 1:50



MẶT CẮT NỀN TL 1:10

GHI CHÚ:

- BÊ TÔNG CỘT, DẦM, SÀN : BÊ TÔNG ĐÁ 1X2, B20 (M250)
- BÊ TÔNG LÓT: BÊ TÔNG ĐÁ 1x2, B7.5 (M100).
- THÉP Ø<10: CB240-T HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG, fy≥ 240MPa
- THÉP Ø≥10: CB400-V HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG, fy≥ 400MPa

HIỆU CHỈNH		
STT	2023 /.../...	REV
1		
2		
3		

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐	HIỆU CHỈNH	☐
T.KẾ KỸ THUẬT	☐	HOÀN CÔNG	■

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

LÊ MINH

LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH TỈNH BÌNH PHƯỚC — Lê Thị Minh

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

AN KHANG

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG AN KHANG — TP. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

ĐỖ TRẠNG KHANG

CHỦ TRÌ	NGUYỄN HỮU THÀNH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	
THỂ HIỆN	NGUYỄN HỮU THÀNH	
QUẢN LÝ K.THUẬT	ĐỖ TRẠNG KHANG	

CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG - VĂN PHÒNG

ĐỊA ĐIỂM:

LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH,TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

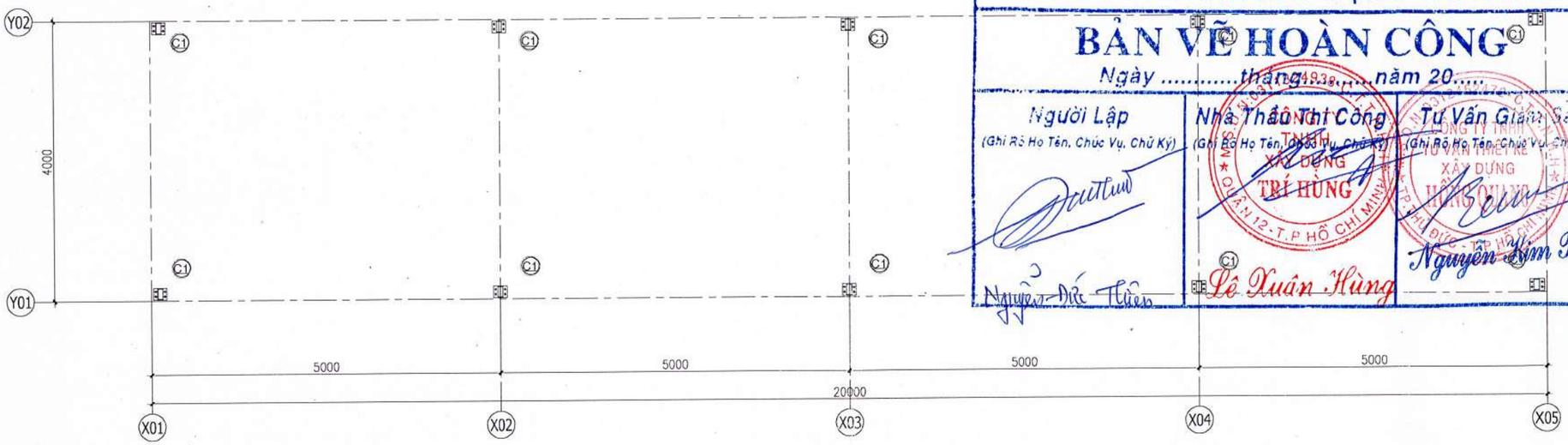
HẠNG MỤC:

NHÀ RÁC

NỘI DUNG BẢN VẼ:

MẶT BẰNG MÓNG

TỈ LỆ	1/500	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY TH		



MẶT BẰNG CHÂN CỘT TL 1:50



MẶT BẰNG KẾT CẤU MÁI TL 1:50

GHI CHÚ:

- THÉP TẤM TỔ HỢP: Fy ≥ 245 N/mm2 (SS400)
- THÉP HÌNH: Fy ≥ 245 N/mm2 (SS400)
- XÀ GỒ MẠ KẼM: G345, Z80
- QUE HÀN: Fy ≥ 345 N/mm2

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRÍ HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày .....tháng.....năm 20....

Người Lập	Nhà Thầu Thi Công	Tư Vấn Giám Sát
(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)	(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)	(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)
Nguyễn Đức Hiền	Lê Xuân Hùng	Nguyễn Kim Bảo

HIỆU CHỈNH		
STT	2023 /.../...	REV
1		
2		
3		

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ HIỆU CHỈNH ☐

T.KẾ KỸ THUẬT ☐ HOÀN CÔNG ☑

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

LÊ MINH

LÔ F3 - G, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH, ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH TỈNH BÌNH PHƯỚC

Lê Thị Minh

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

AN KHANG

ADD: P.TÂN ĐÔNG HIỆP, TX. DĨ AN, BÌNH D ƯƠNG

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG AN KHANG TP. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

ĐỖ TRẠNG KHANG

CHỦ TRÌ	NGUYỄN HỮU THÀNH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	
THỂ HIỆN	NGUYỄN HỮU THÀNH	
QUẢN LÝ K.THUẬT	ĐỖ TRẠNG KHANG	

CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG - VĂN PHÒNG

ĐỊA ĐIỂM:

LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH,TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC

NHÀ RÁC

NỘI DUNG BẢN VẼ:

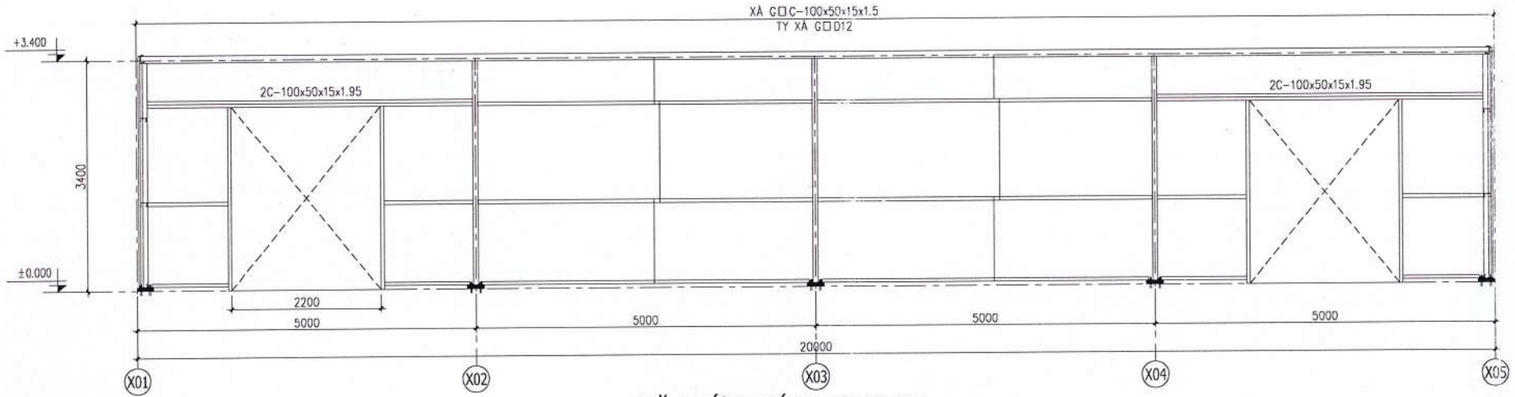
MẶT BẰNG CHÂN CỘT

MẶT BẰNG KẾT CẤU MÁI

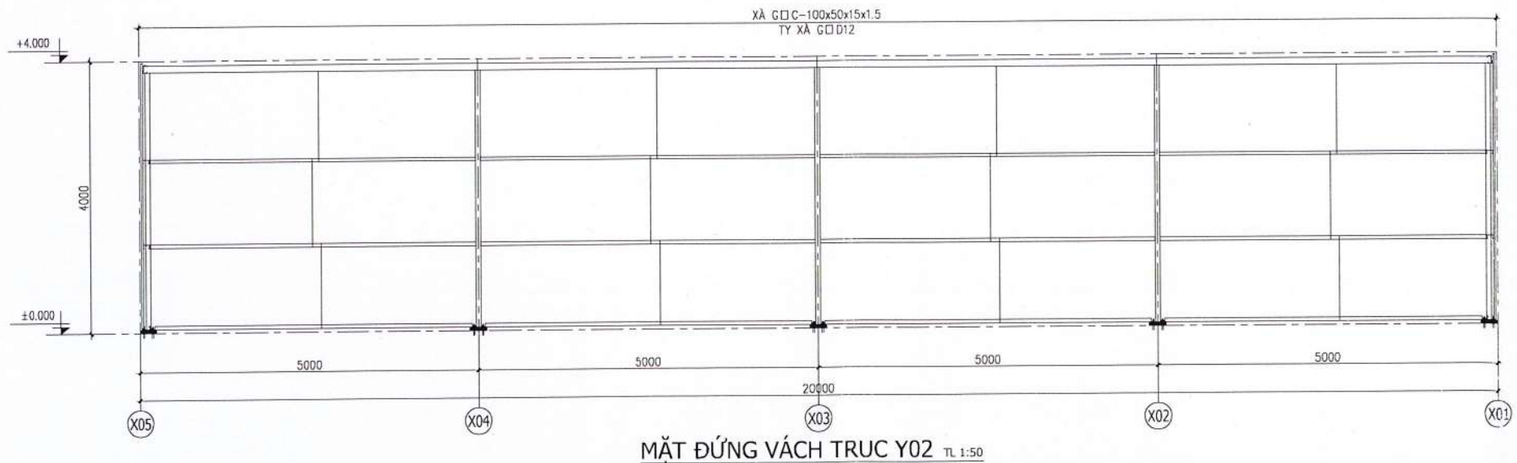
TỈ LỆ	1:500	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HT		



MẶT BẰNG XÀ GỒ TL 1:50



MẶT ĐỨNG VÁCH TRUC Y01 TL 1:50



MẶT ĐỨNG VÁCH TRUC Y02 TL 1:50

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRÍ HÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày .....tháng.....năm 20.....

Người Lập	Nhà Thầu Thi Công	Tư Vấn Giám Sát
(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)	(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)	(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Chữ Ký)
Nguyễn Đức Thiện	Lê Xuân Hùng	Nguyễn Kim Bảo

HIỆU CHỈNH		
STT	2023 /.../...	REV
1		
2		
3		

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐	HIỆU CHỈNH	☐
T.KẾ KỸ THUẬT	☐	HOÀN CÔNG	◪

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

LÊ MINH

LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH TỈNH BÌNH PHƯỚC

Lê Thị Minh

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

AN KHANG

ẤP 3 - TÂN BÌNH - TP. DĨ AN, BÌNH D ƯƠNG

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG AN KHANG TP. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

ĐỖ TRANG KHANG

CHỦ TRÌ	NGUYỄN HỮU THÀNH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	
THỂ HIỆN	NGUYỄN HỮU THÀNH	
QUẢN LÝ K.THUẬT	ĐỖ TRANG KHANG	

CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG - VĂN PHÒNG

ĐỊA ĐIỂM :

LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH, TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC

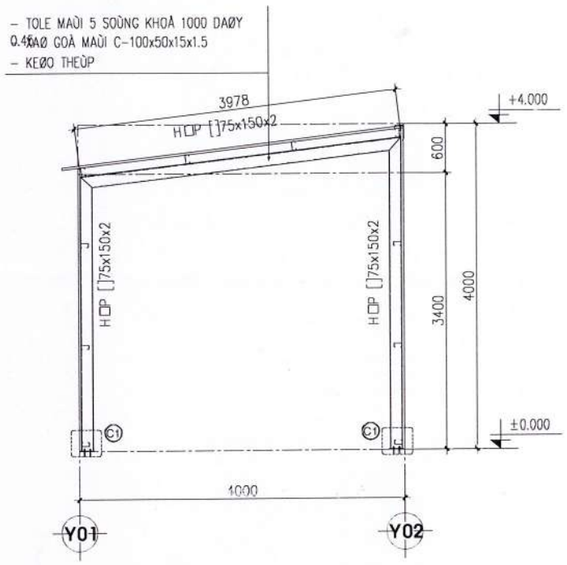
NHÀ RÁC

NỘI DUNG BẢN VẼ:

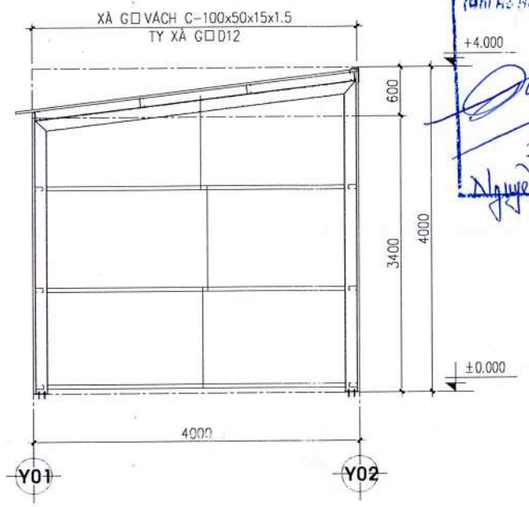
MẶT BẰNG XÀ GỒ MÁI

MẶT ĐỨNG VÁCH TRỤC Y01 - Y02

TỈ LỆ	1/50	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HT		



KHUNG K1 TL 1:50



MẶT ĐỨNG VÁCH TRỤC X05 TL 1:50



MẶT ĐỨNG VÁCH TRỤC X01 TL 1:50

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRÍ HÙNG

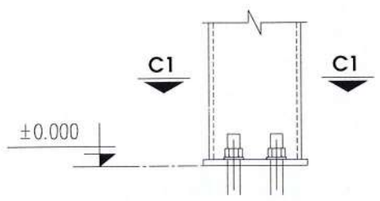
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ....12/4/2024 tháng.....năm 20.....

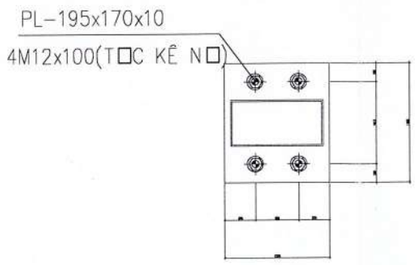
Người Lập	Nhà Thầu Thi Công	Tư Vấn Giám Sát
(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Ký Ký)	(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Ký Ký)	(Ghi Rõ Họ Tên, Chức Vụ, Ký Ký)
Nguyễn Đắc Thiện	Lê Xuân Hùng	Nguyễn Kim Bảo

GHI CHÚ:

- THÉP TẤM TỔ HỢP: Fy ≥ 245 N/mm2 (SS400)
- THÉP HÌNH: Fy ≥ 245 N/mm2 (SS400)
- XÀ GỒ MẠ KẼM: G345, Z80
- QUE HÀN: Fy ≥ 345 N/mm2



CHI TIẾT C1



MẶT CẮT C1-C1

HIỆU CHỈNH		
STT	2023 /.../...	REV
1		
2		
3		

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ HIỆU CHỈNH ☐

T.KẾ KỸ THUẬT ☐ HOÀN CÔNG ☑

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

LÊ MINH

LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH, ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH TỈNH BÌNH PHƯỚC — Lê Thị Minh

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

AN KHANG

ADD: P. TÂN ĐÔNG HIỆP, TX. DĨ AN, BÌNH D ƯƠNG

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG AN KHANG — TP. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

ĐỖ TRANG KHANG

CHỦ TRÌ	NGUYỄN HỮU THÀNH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU THÀNH	
THỂ HIỆN	NGUYỄN HỮU THÀNH	
QUẢN LÝ K.THUẬT	ĐỖ TRANG KHANG	

CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG - VĂN PHÒNG

ĐỊA ĐIỂM:

LÔ F3 - F7, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG TIẾN THÀNH,TP. ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC:

NHÀ RÁC

NỘI DUNG BẢN VẼ:

CHI TIẾT KHUNG K1

MẶT ĐỨNG VÁCH TRỤC X01 - X05

TỈ LỆ	1/500	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY TH		

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
CÔNG NGHỆ

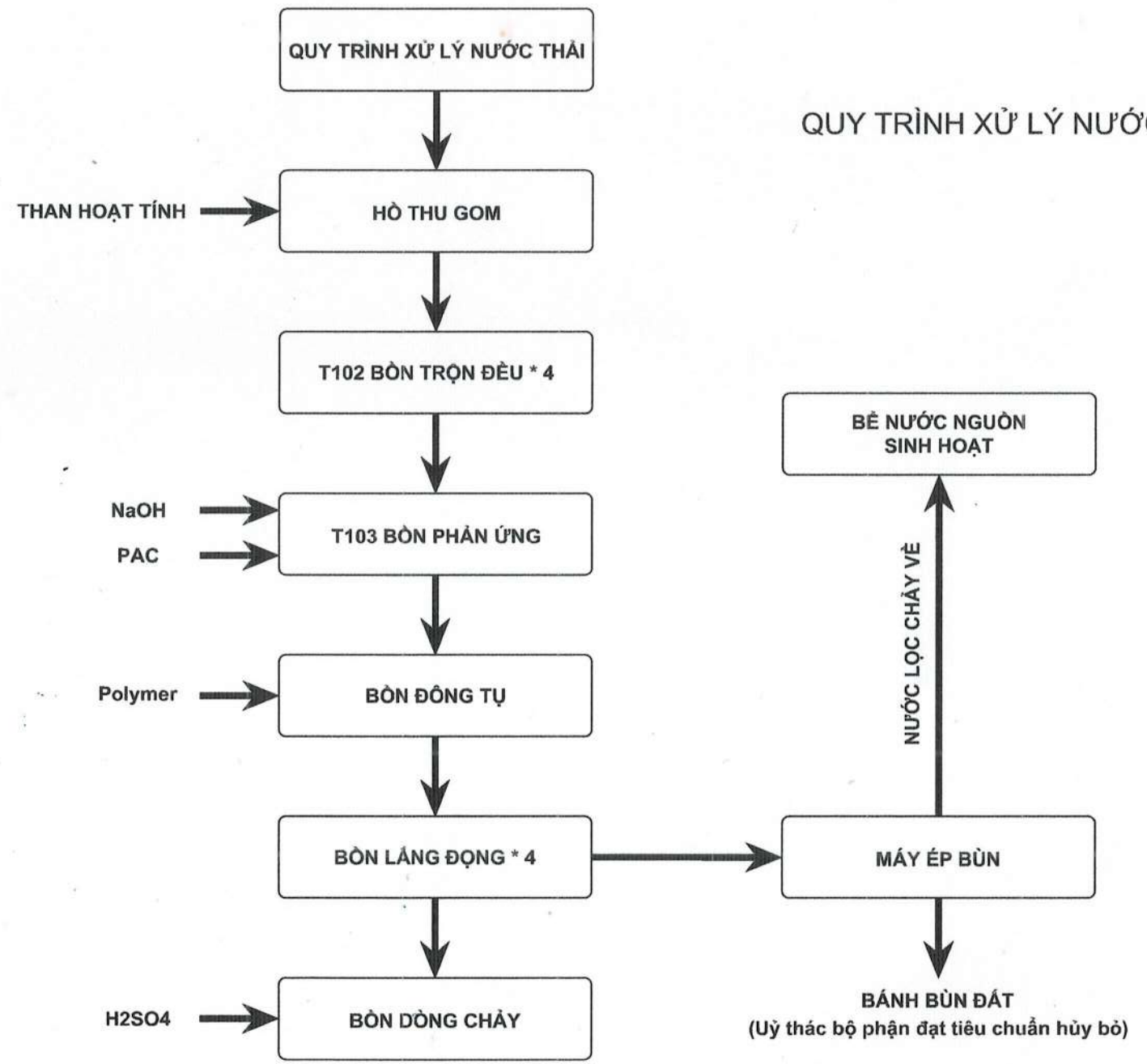
Chủ đầu tư: **CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN**

Công trình: **HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Địa chỉ: Lô F3 đến F7, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

Nhà thầu: **CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH**

Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1,phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.



QUY TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS BUILT	☑

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô B, đường D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

CHERNG HUEI YUAN

HẠNG MỤC / ITEM:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

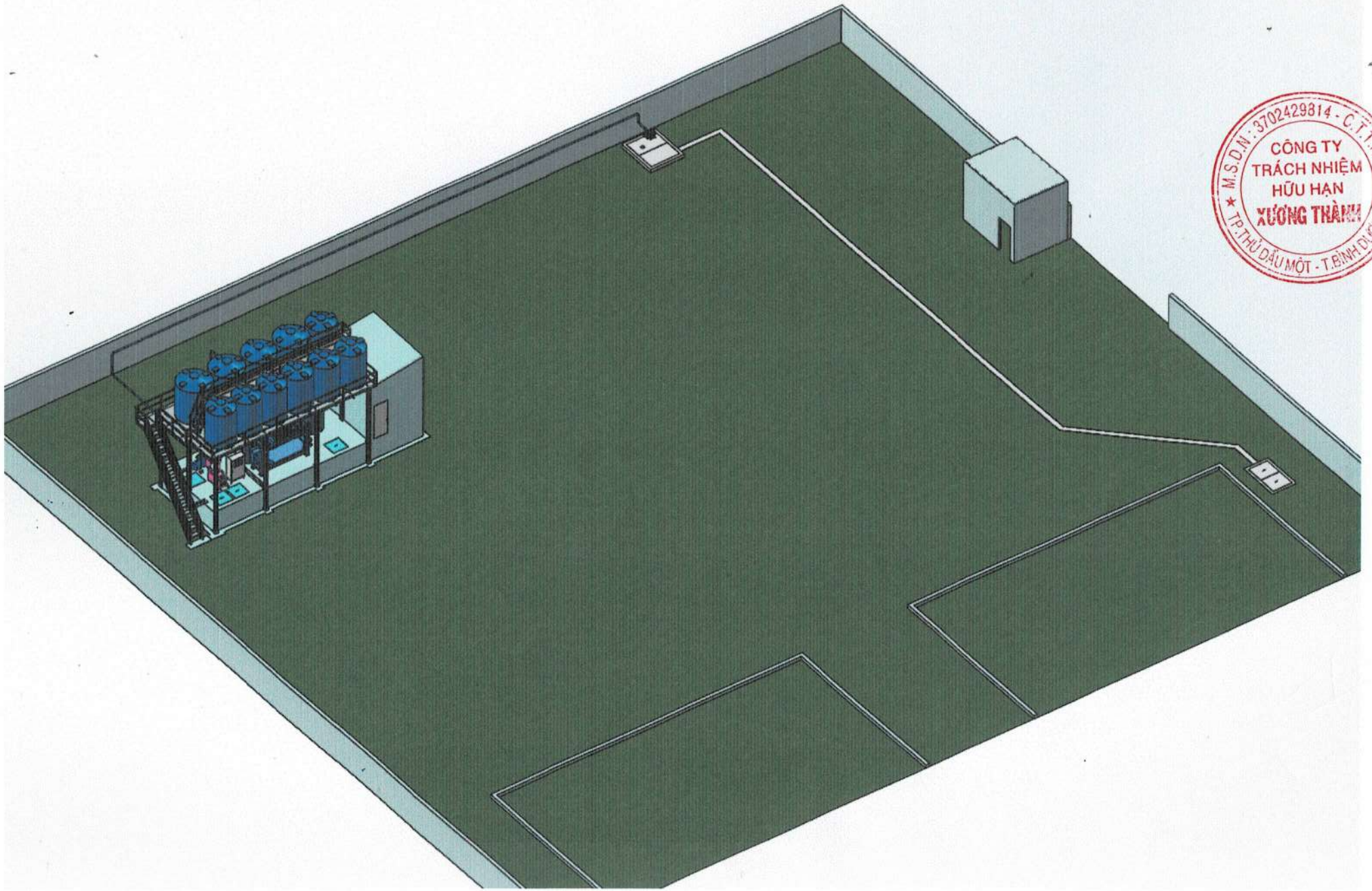
Địa chỉ: Số 10, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

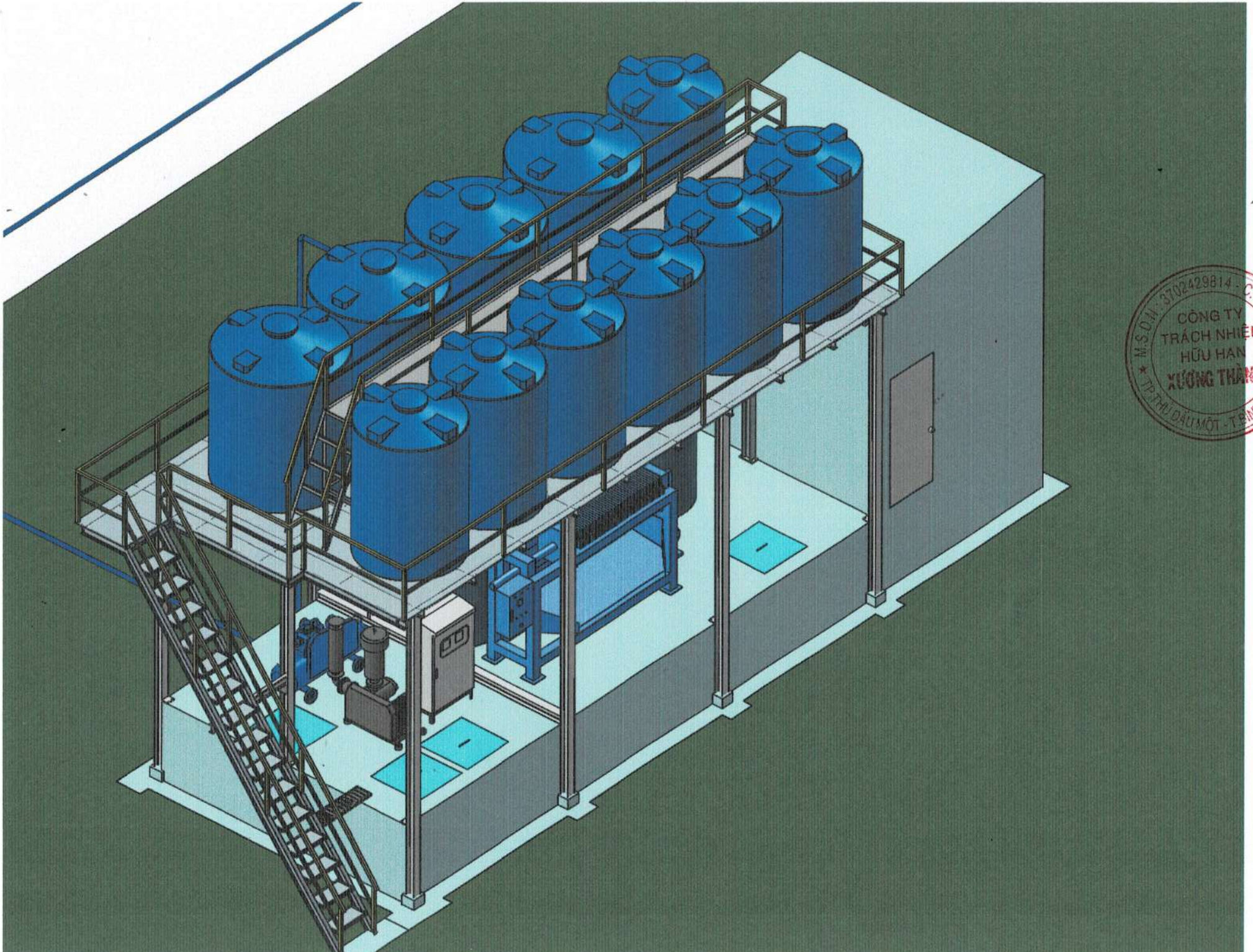
QL TK / TK MANAGER:	
KIỂM TRA / CHECKED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

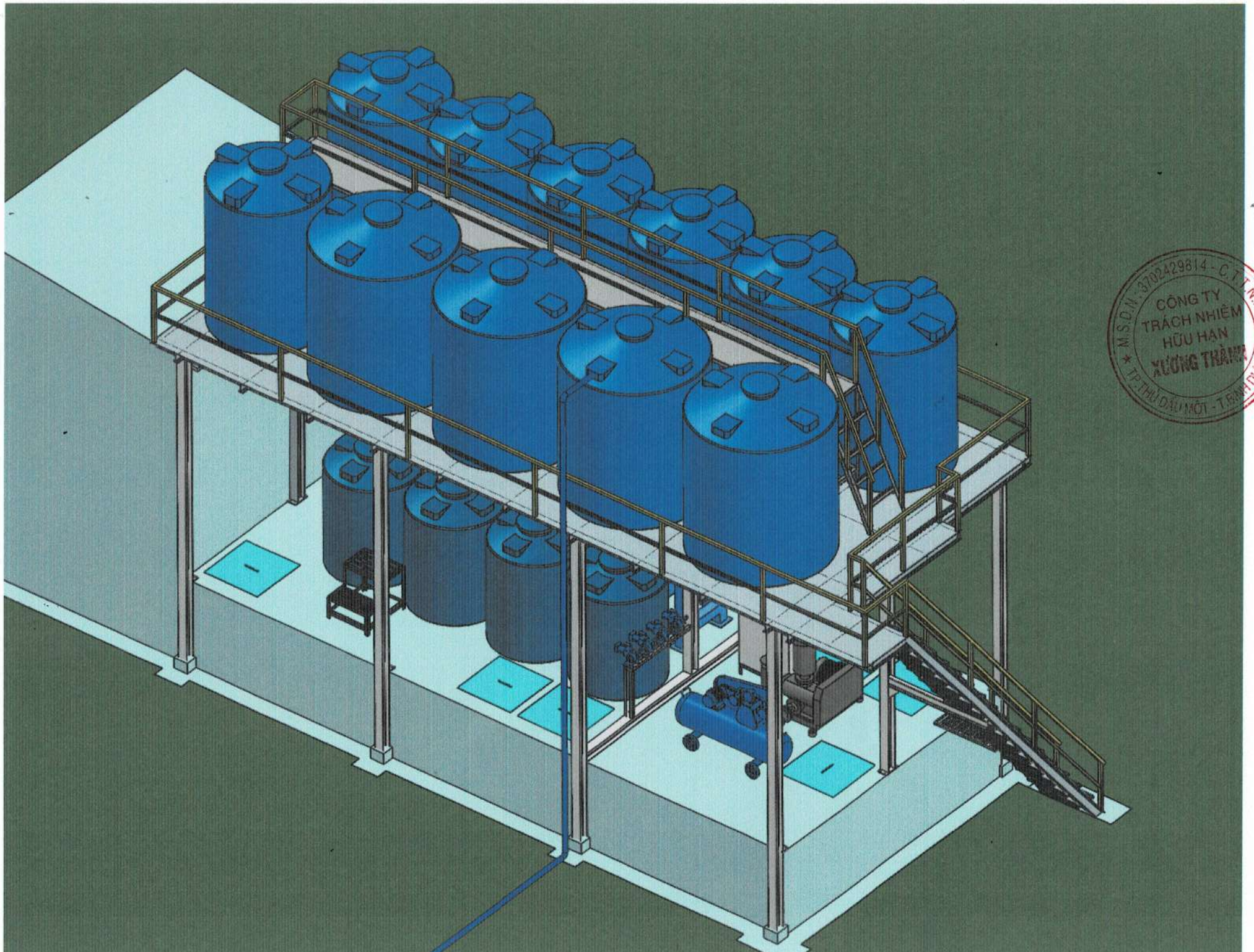
SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.:	TL / SCALE:	HC / REV:

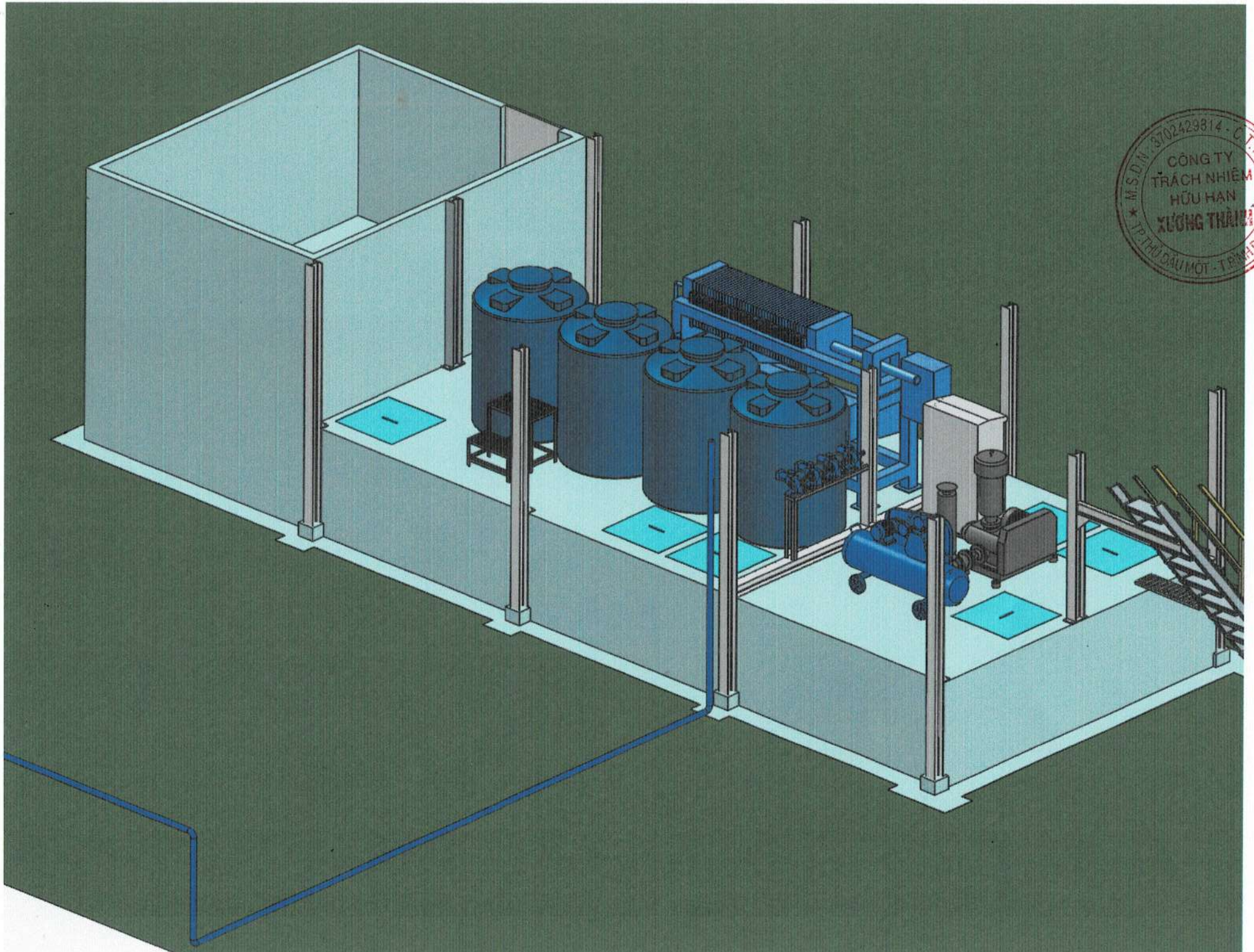
SỐ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.: 1/17

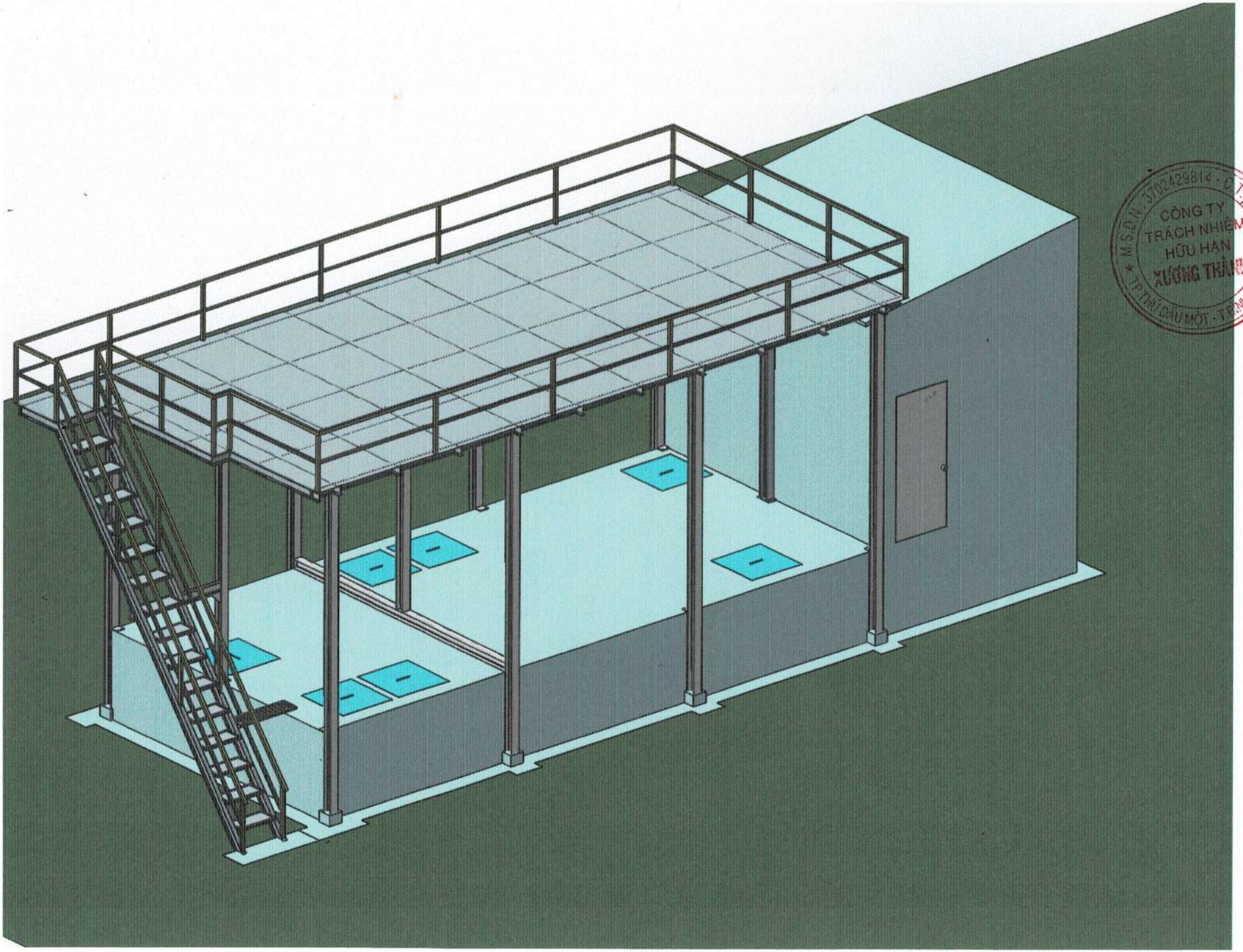


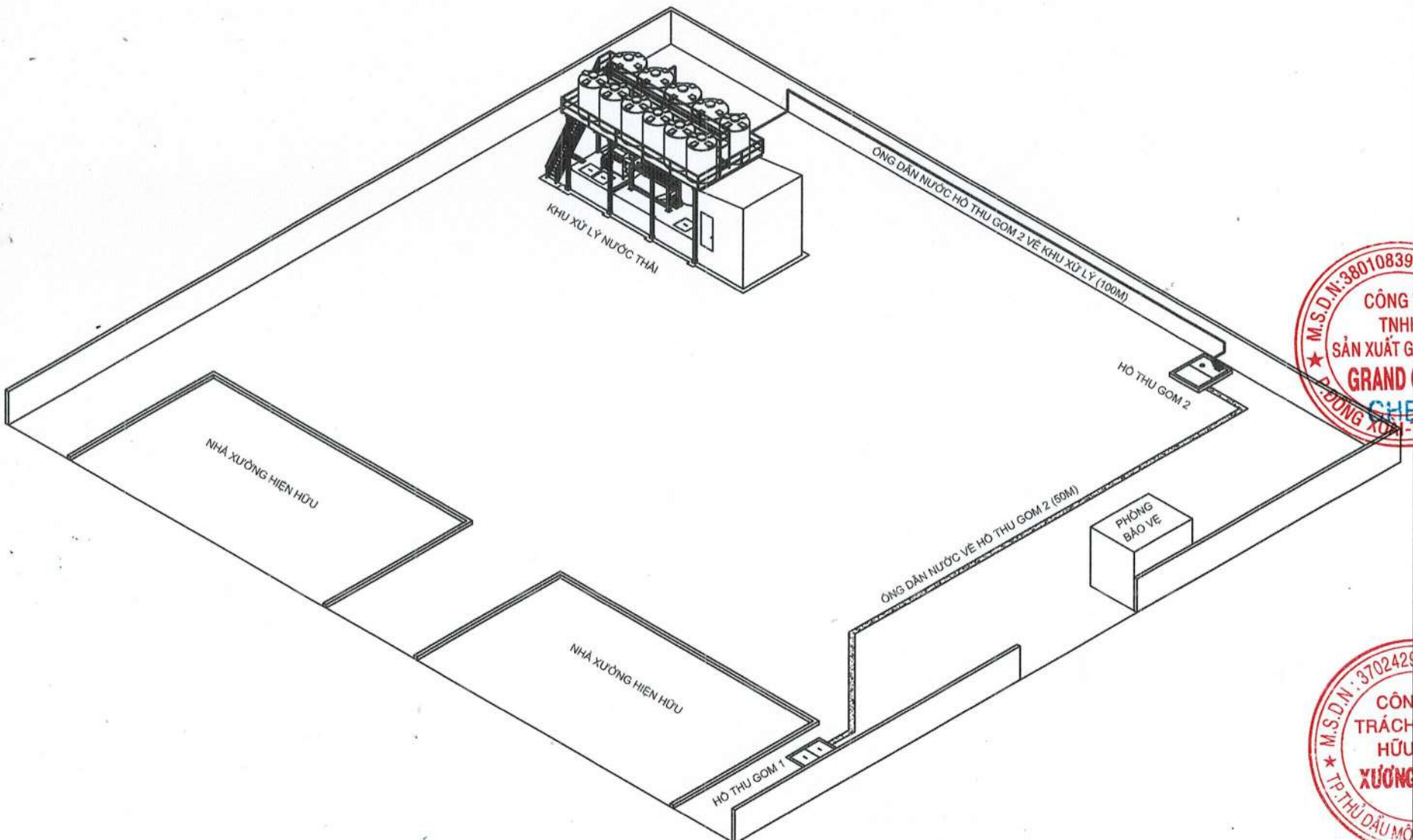
M.S.D.N: 3702429814 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XƯỞNG THÀNH
TP.THỦ DẦU MỘT - T.BÌNH DƯƠNG


M.S.D.N: 3702429814 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
XƯỞNG THÀNH
TP.THỦ DẦU MỘT - T.BÌNH DƯƠNG


M.S.D.N: 3702429814 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG


M.S.D.N: 3702429814 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
XƯƠNG THỊNH
TP.THỦ DẦU MỘT - T.BÌNH DƯƠNG


M.S.D.N: 3702429814 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
XƯỞNG THẢ
TP.THỦ DẦU MỘT - T.BÌNH DƯƠNG



GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS-BUILT	☑

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô D, cụm D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

CHEN, PIH YUAN

DỰ ÁN / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

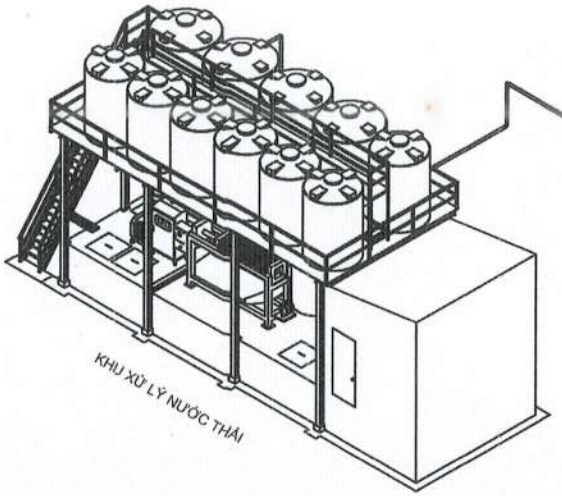
Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

GIÁM ĐỐC / TECHNICAL MANAGER:	
THIẾT KẾ / DESIGNED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

BỘ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.:	TỈ LỆ / SCALE:	HC / REV:

BỘ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.: 2/17



KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ỐNG DẪN NƯỚC HỐ THU GOM 2 VỀ KHU XỬ LÝ (100M)

Máy Bơm nước

HỐ THU GOM 2
1900x1550x1500Hmm

ỐNG DẪN NƯỚC VỀ HỐ THU GOM 2 (50M), Rãnh 300x300mm

HỐ THU GOM 1
1900x1000x1200Hmm

GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS BUILT	☑

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô Z, CN-D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

CHUNG HSIH YUAN

DỰ ÁN / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

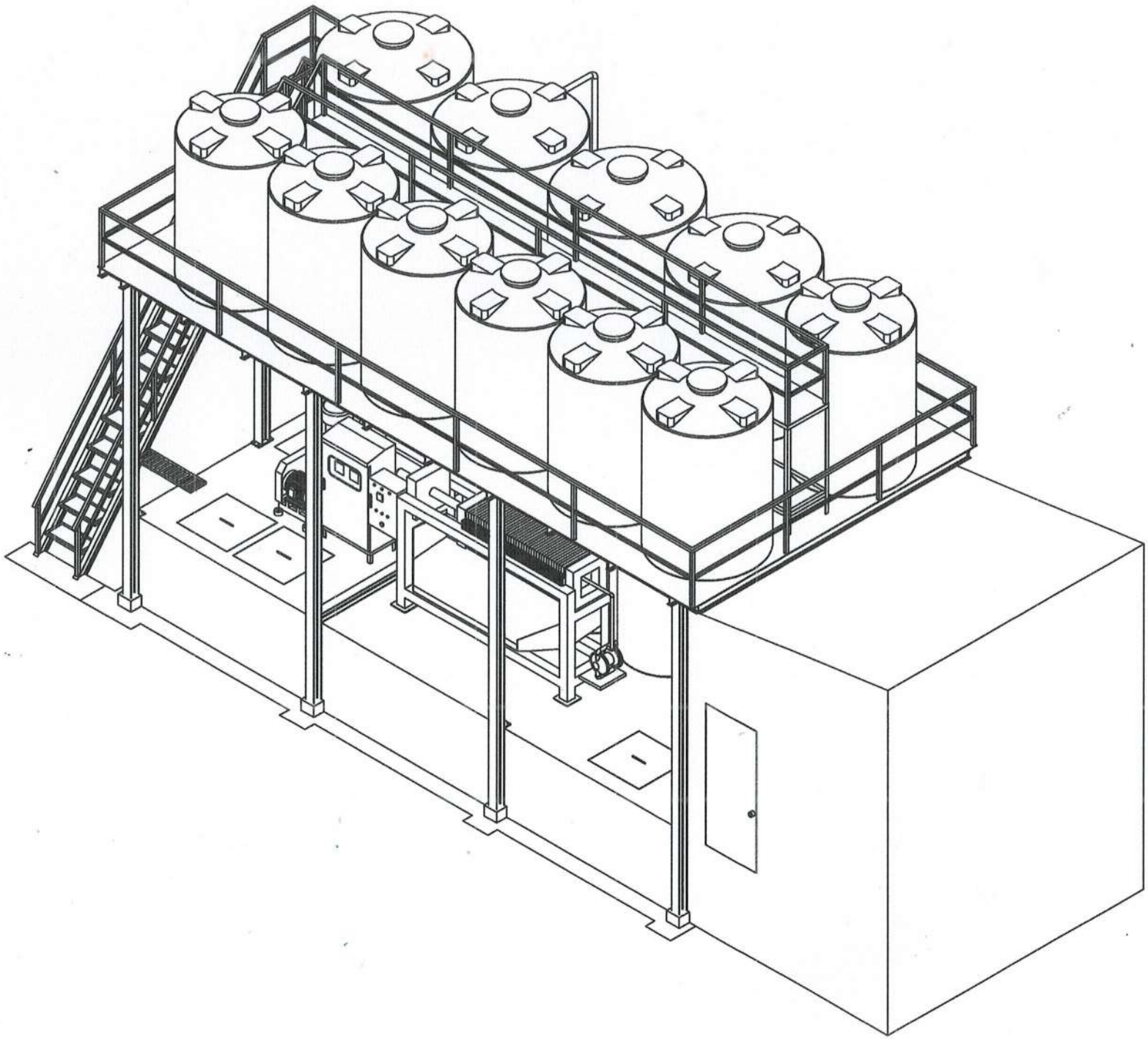
CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

QL TK / TECHNICAL MANAGER:	
KT/ CHỦ TRÌ / DESIGNED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.	TL / SCALE	HC / REV.
		SỐ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.
		3/17



GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS BUILT	☑

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô 1, Đường D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

CHEN, JUNG-YUAN

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

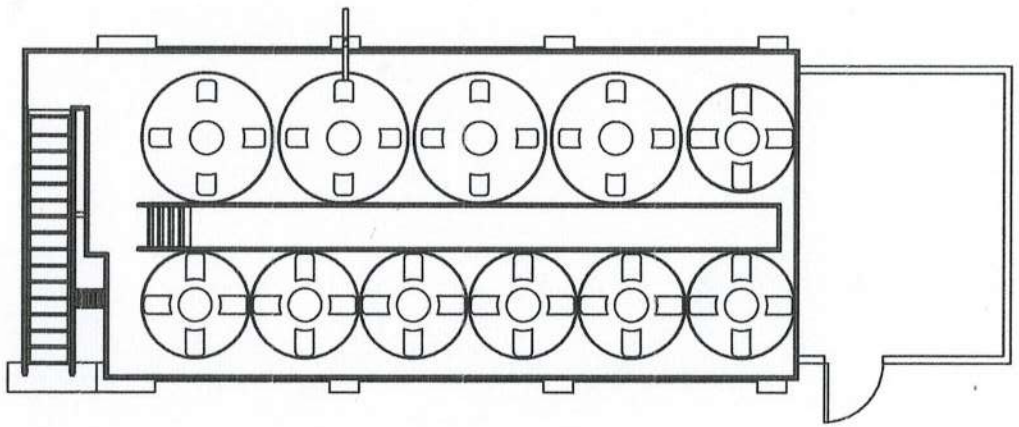
Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

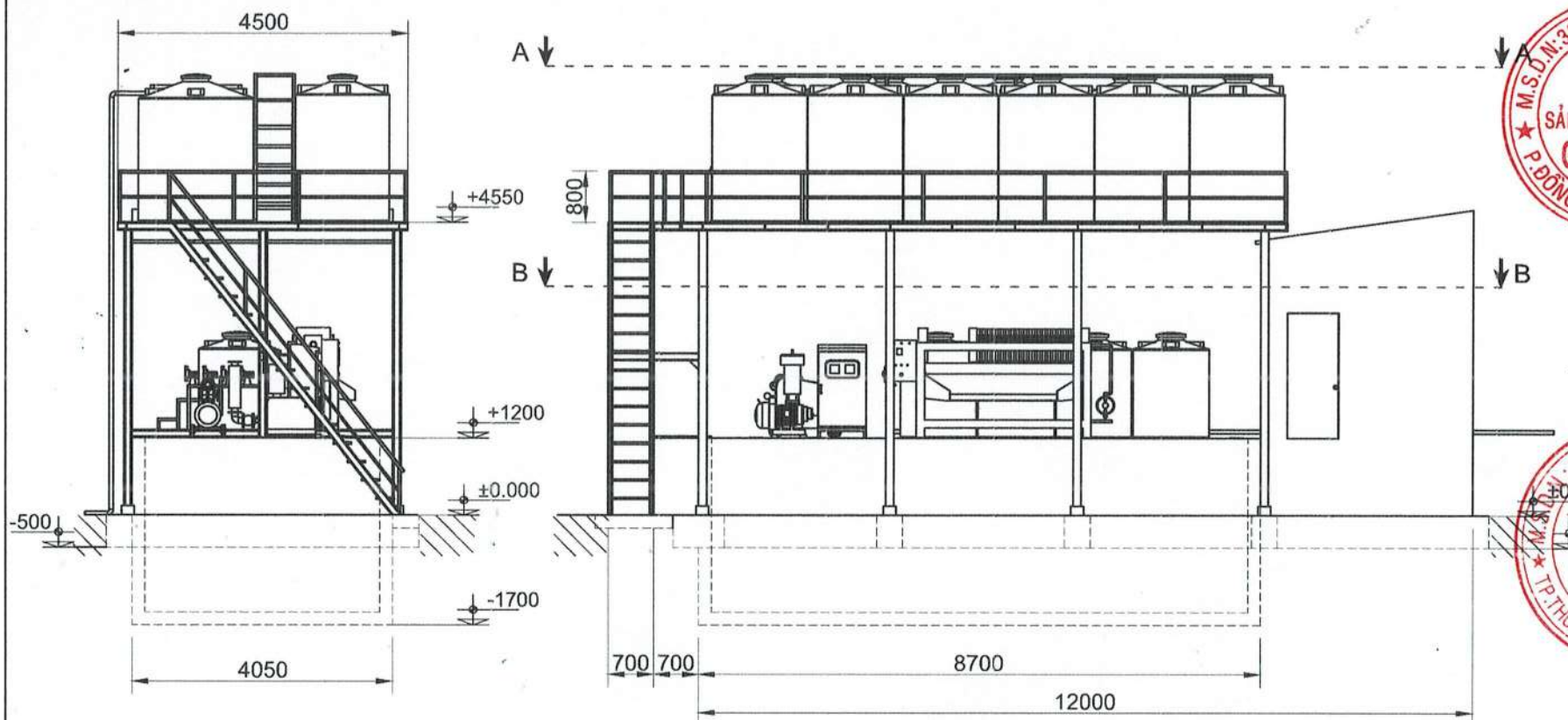
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

QUẢN LÝ / PROJECT MANAGER:	
KIỂM TRA / CHECKED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

BỘ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.:	TỈ LỆ / SCALE:	HC / REV:

BỘ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.: 4/17





GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS BUILT	☑

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

CHEN, SHIH-YUAN

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

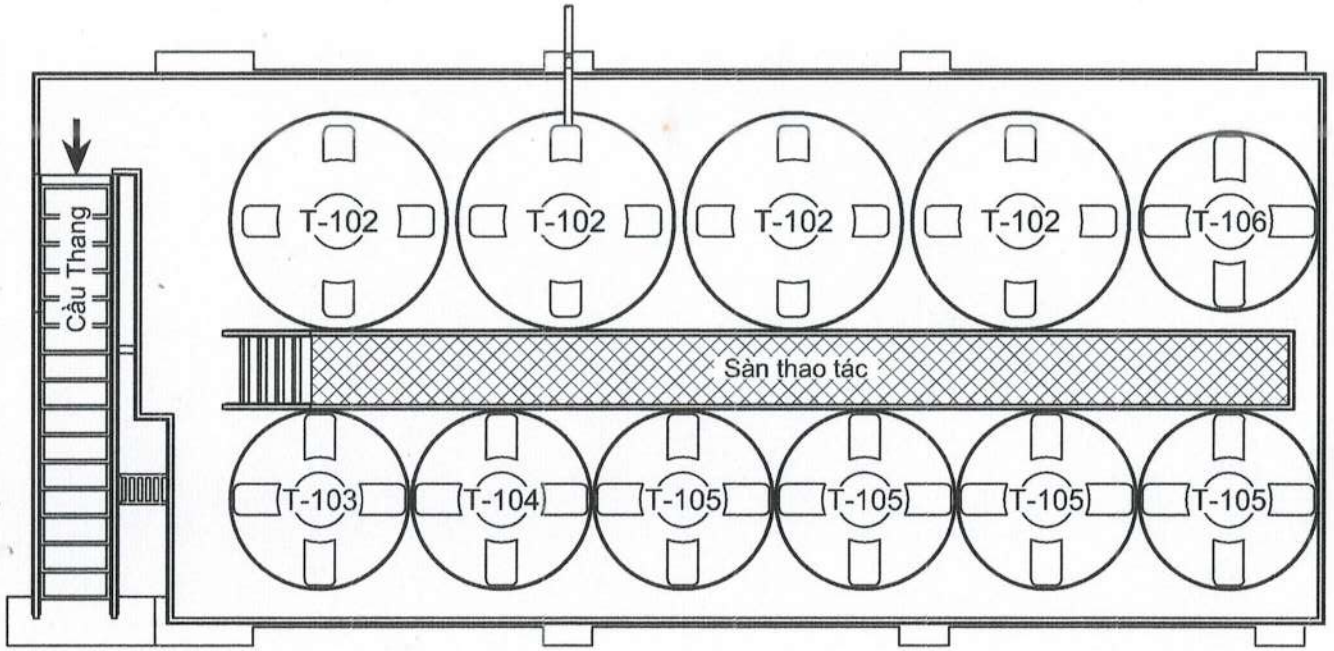
Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, Thuận Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

QL TH / TK QUẢN LÝ/MANAGER:	
KIỂM TRA / CHECKED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

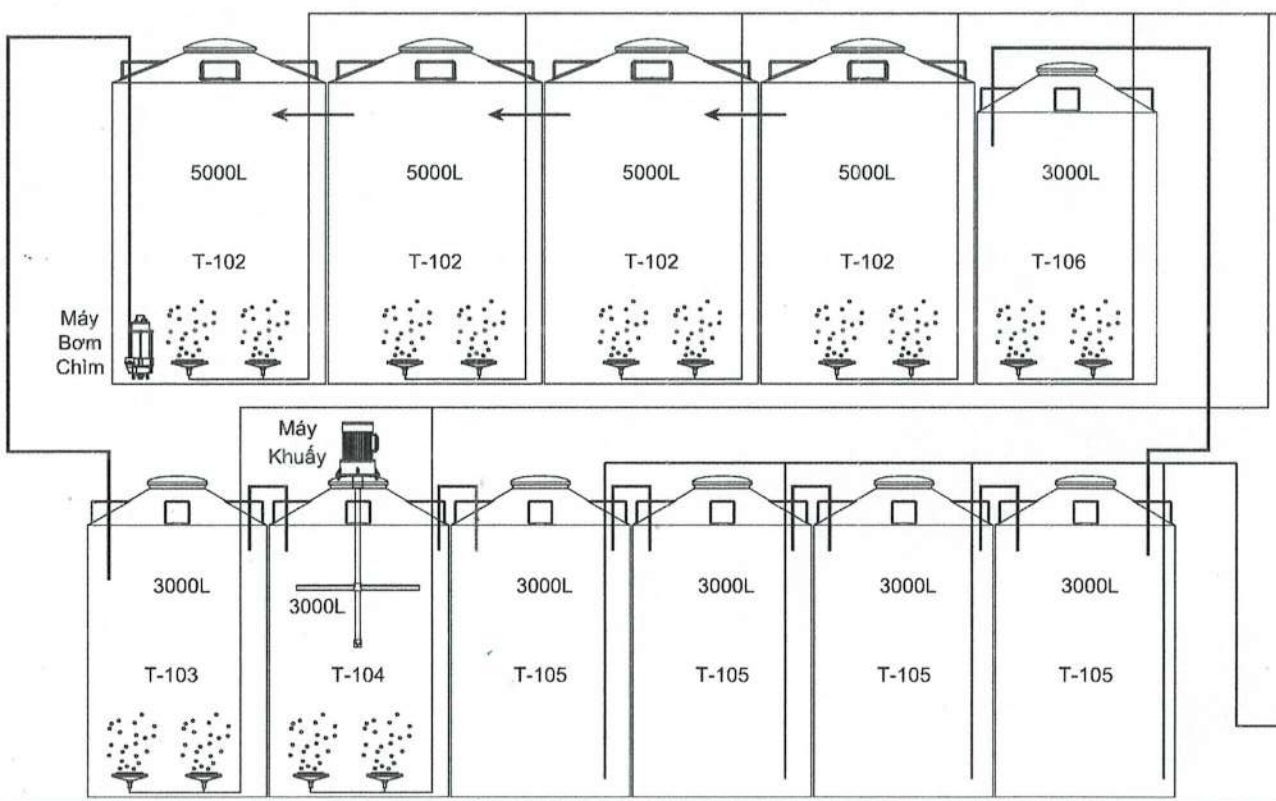
SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.:	TL / SCALE:	HC / REV:

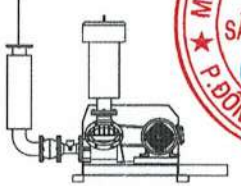
SỐ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.: 5/17



MẶT CẮT: A-A
SƠ ĐỒ BỐ TRÍ HỒ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TỈ LỆ: 1:60

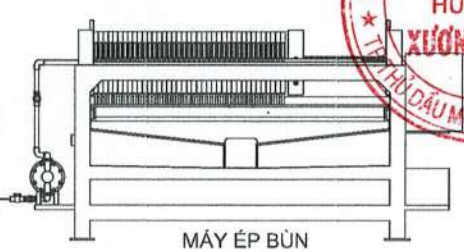
KÍCH THƯỚC BỒN NHỰA				
Mã sản phẩm	Kích thước (mm)		Đường kính nắp	Kết cấu
	Cao	Ngang		
1000L (đứng cao)	1490	1010	450	3 Lớp
3000L (đứng cao)	2050	1450	450	3 Lớp
5000L (đứng cao)	2300	1780	450	3 Lớp





MÁY THỔI KHÍ

Ký Hiệu	Tên Bồn
T-102	Bồn Trộn Đều
T-103	Bồn Phản Ứng
T-104	Bồn Đông Tụ
T-105	Bồn Lắng Đọng
T-106	Bồn Dòng Chảy



MÁY ÉP BÙN

GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS BUILT	☑

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô D1-cần D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

QC TH / TL CHIEF QC MANAGER:

KIỂM TRA / CHECKED BY:

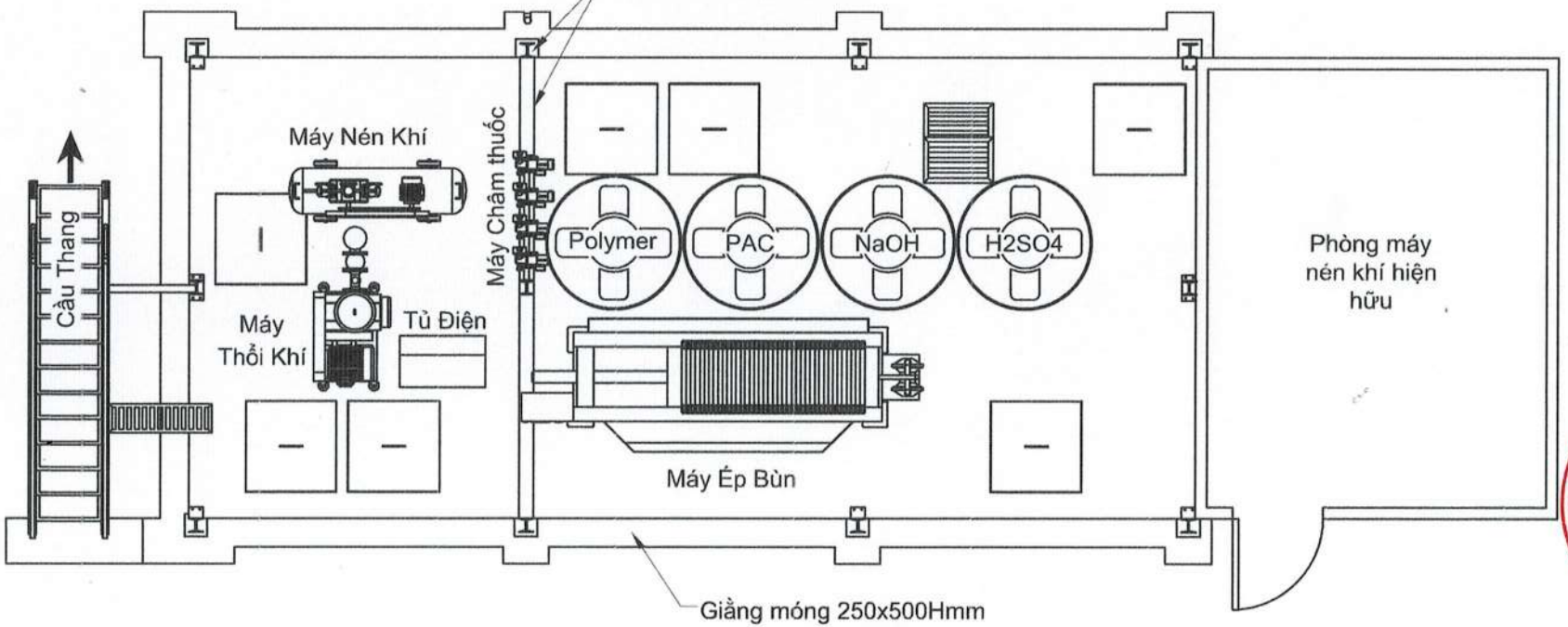
VẼ / DRAWING BY:

SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.	TL / SCALE	HC / REV.

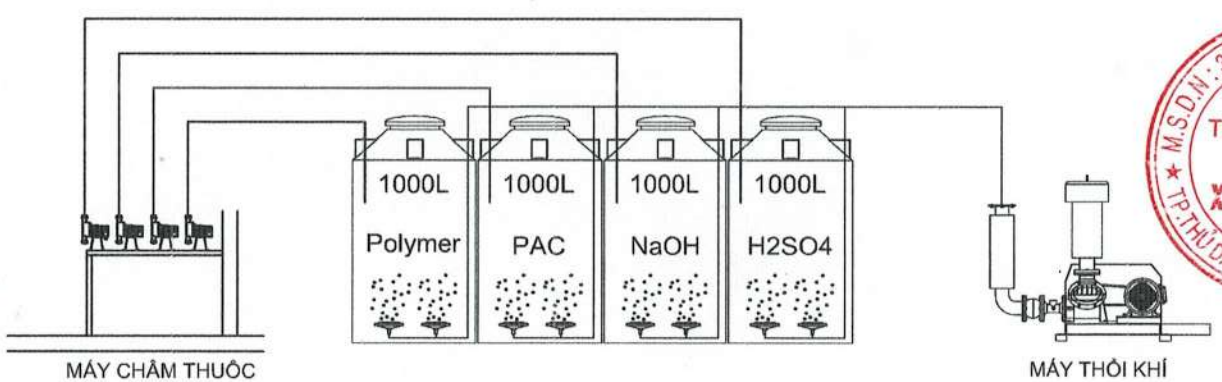
SỐ HIỆU BẢN VẼ / DRG NO.

6/17

MẶT CẮT: B-B
TỈ LỆ: 1:60



SƠ ĐỒ BỐ TRÍ LẮP ĐẶT BỒN HÓA CHẤT XỬ LÝ NƯỚC THẢI



KÍCH THƯỚC BỒN NHỰA				
Mã sản phẩm	Kích thước (mm)		Đường kính nắp	Kết cấu
	Cao	Ngang		
1000L (đứng cao)	1490	1010	450	3 Lớp
3000L (đứng cao)	2050	1450	450	3 Lớp
5000L (đứng cao)	2300	1780	450	3 Lớp

GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	
HOÀN CÔNG / AS BUILT	

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô CN-01, Đường số 1, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN HƯNG XUÂN

M.S.D.N: 3801083396 - C.T.N.H.H - P.ĐỒNG XOÀI - T.ĐỒNG NAI

DỰ ÁN / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

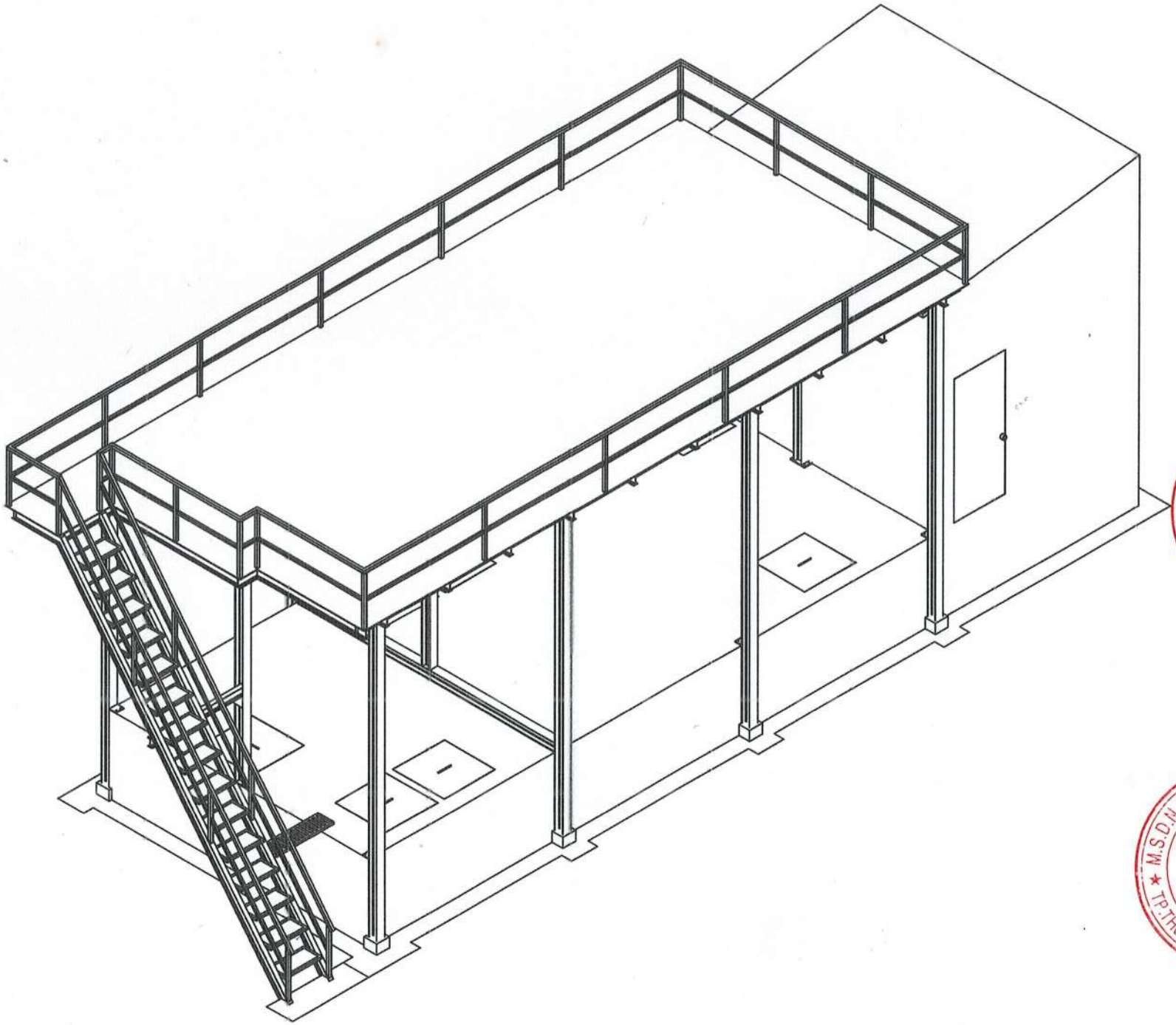
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XƯƠNG THÀNH

M.S.D.N: 3702429614 - C.T.N.H.H - TP.THỦ DẦU MỘT

QC TH / TECHNICAL MANAGER:	
KIỂM TRA / CHECKED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.:	TL / SCALE	HC / REV.

SỐ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.: 7/17



GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS BUILT	☑

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, Phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

CHEN, HUNG YUAN

M.S.D.N: 3801083966 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN - P.ĐỒNG XOÀI - T.ĐỒNG NAI

TÊN CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTEWATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

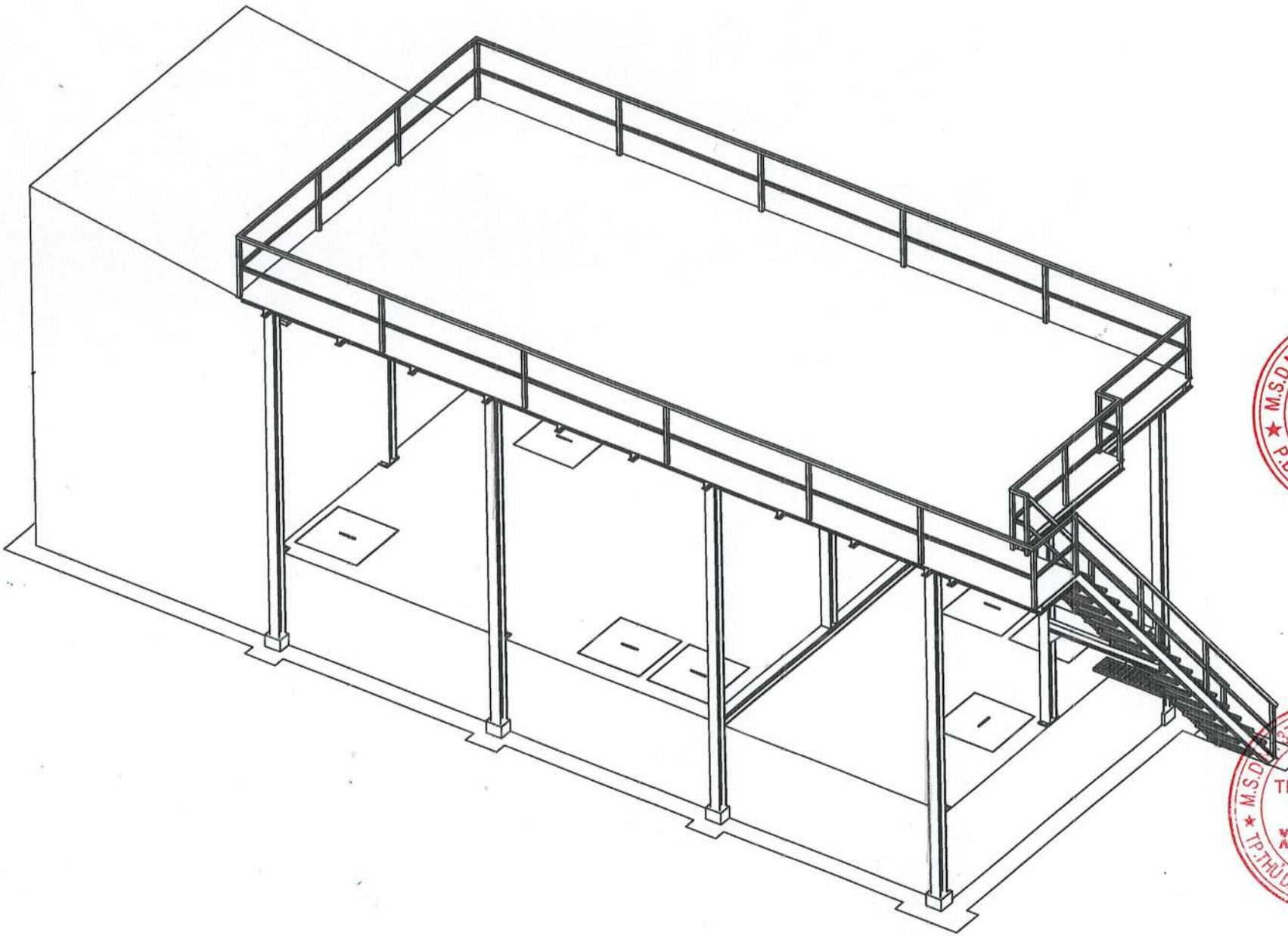
M.S.D.N: 3702429814 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XƯƠNG THÀNH - TP.THỦ DẦU MỘT - T.BÌNH DƯƠNG

CHỦ TRÌ / TECHNICIAN MANAGER:	
KIỂM TRA / CHECKED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.	TL / SCALE	HC / REV.

SỐ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.

8/17



GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS BUILT	☑

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô CN-D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

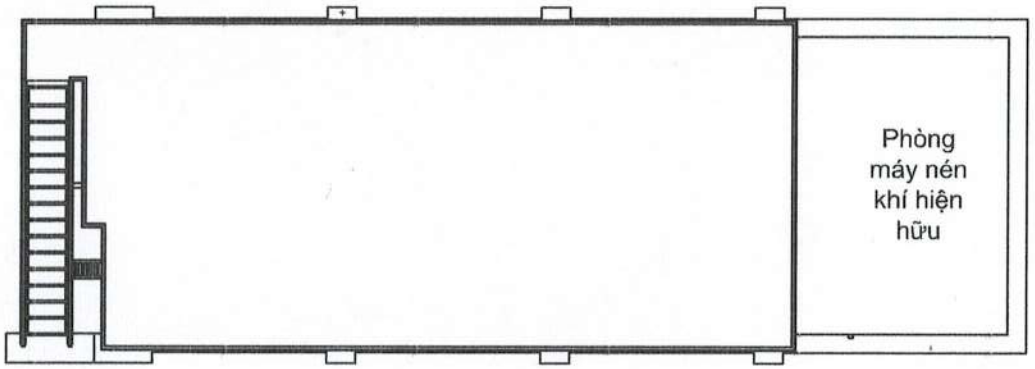
GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

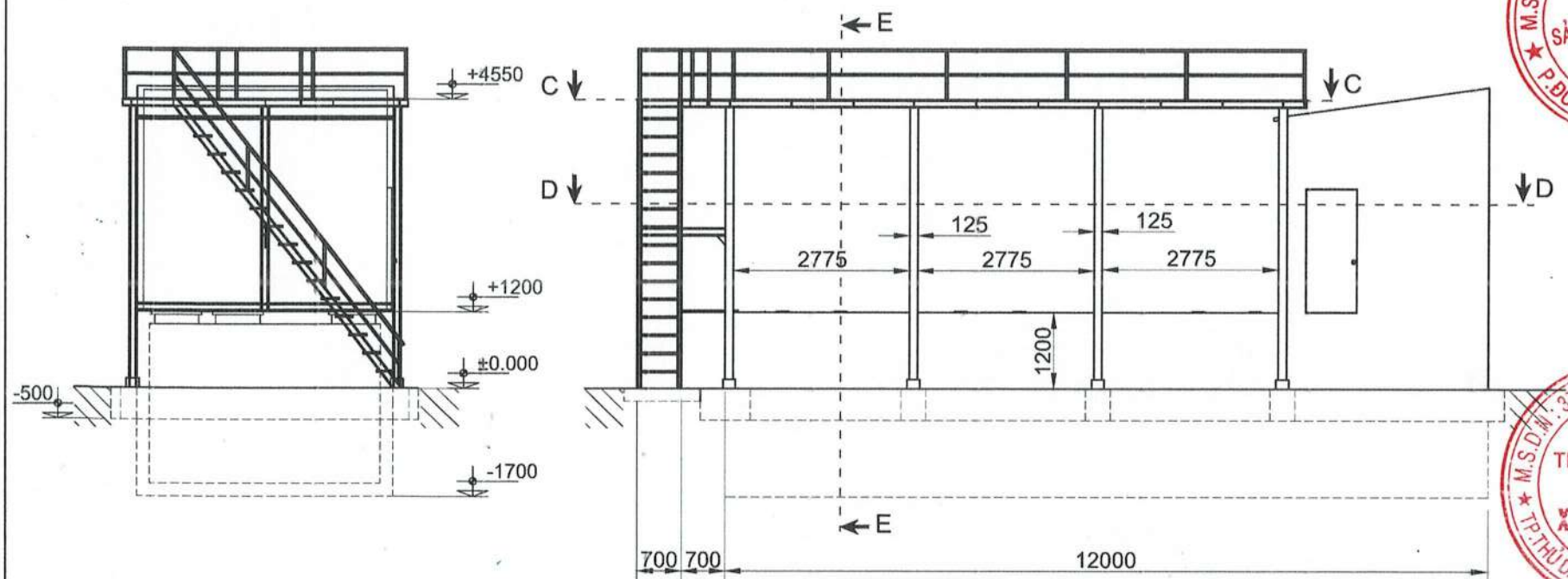
QUẢN LÝ DỰ ÁN / PROJECT MANAGER:	
KIỂM TRA / CHECKED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

BỘ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.	TỈ LỆ / SCALE	HC/ REV.

BỘ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.

9/17





GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS BUILT	☑

DIỄU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: 14, Đường D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

CHEN JIUH YUAN

CÔNG TRÌNH/ PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, Thuận Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

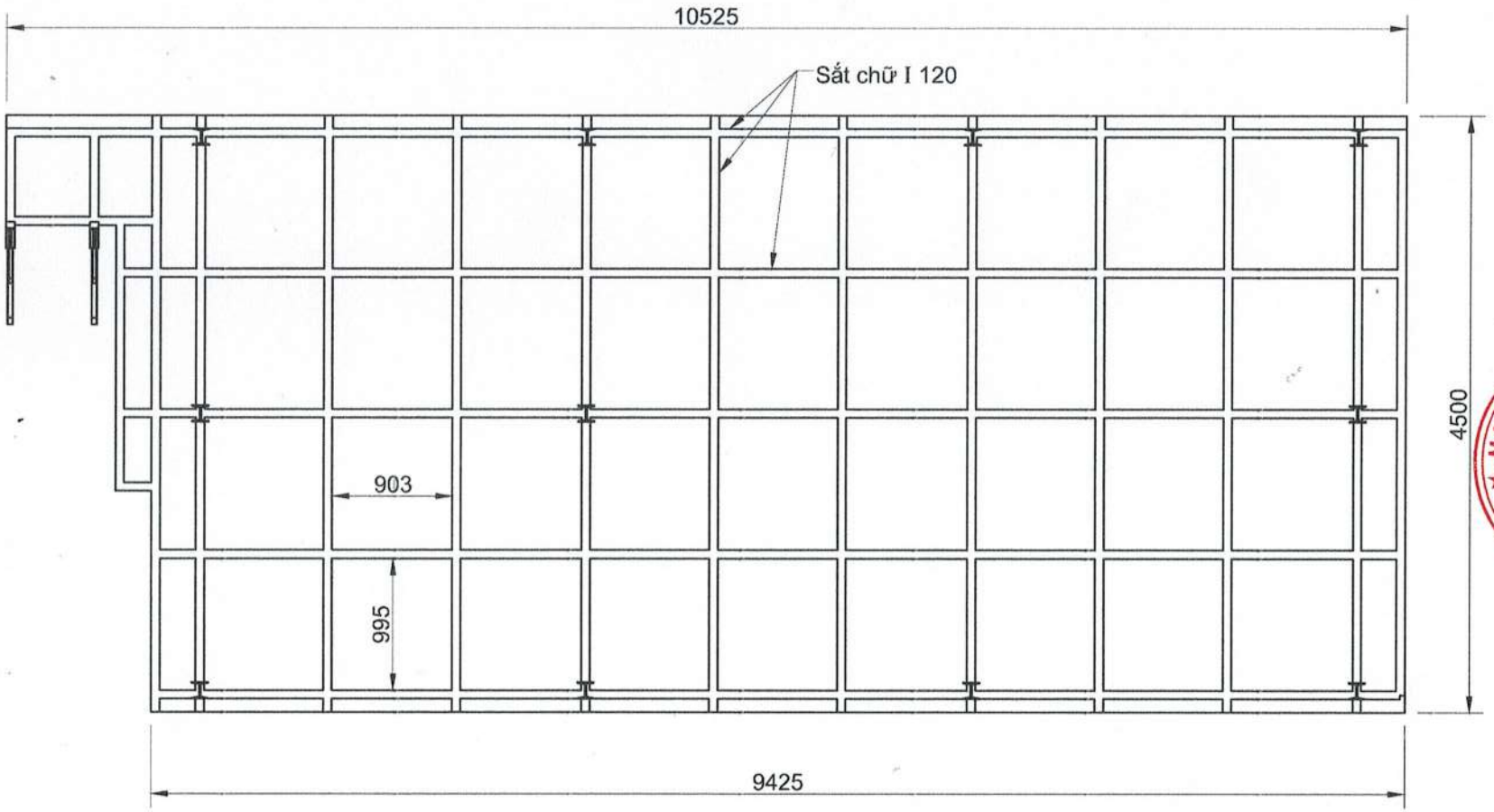
GIÁM ĐỐC/ G DIRECTOR:

THIẾT KẾ/ DESIGNED:	
KIỂM TRA/ CHECKED BY:	
VẼ/ DRAWING BY:	

SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.	TỈ LỆ / SCALE	HỆ / REV.

SỐ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.

10/17



MẶT CẮT: C-C
TỈ LỆ: 1:50

GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS BUILT	☑

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô đất số D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Hưng, Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC/ G.DIRECTOR:

CHEN JHIH-YUAN

CÔNG TRÌNH/ PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

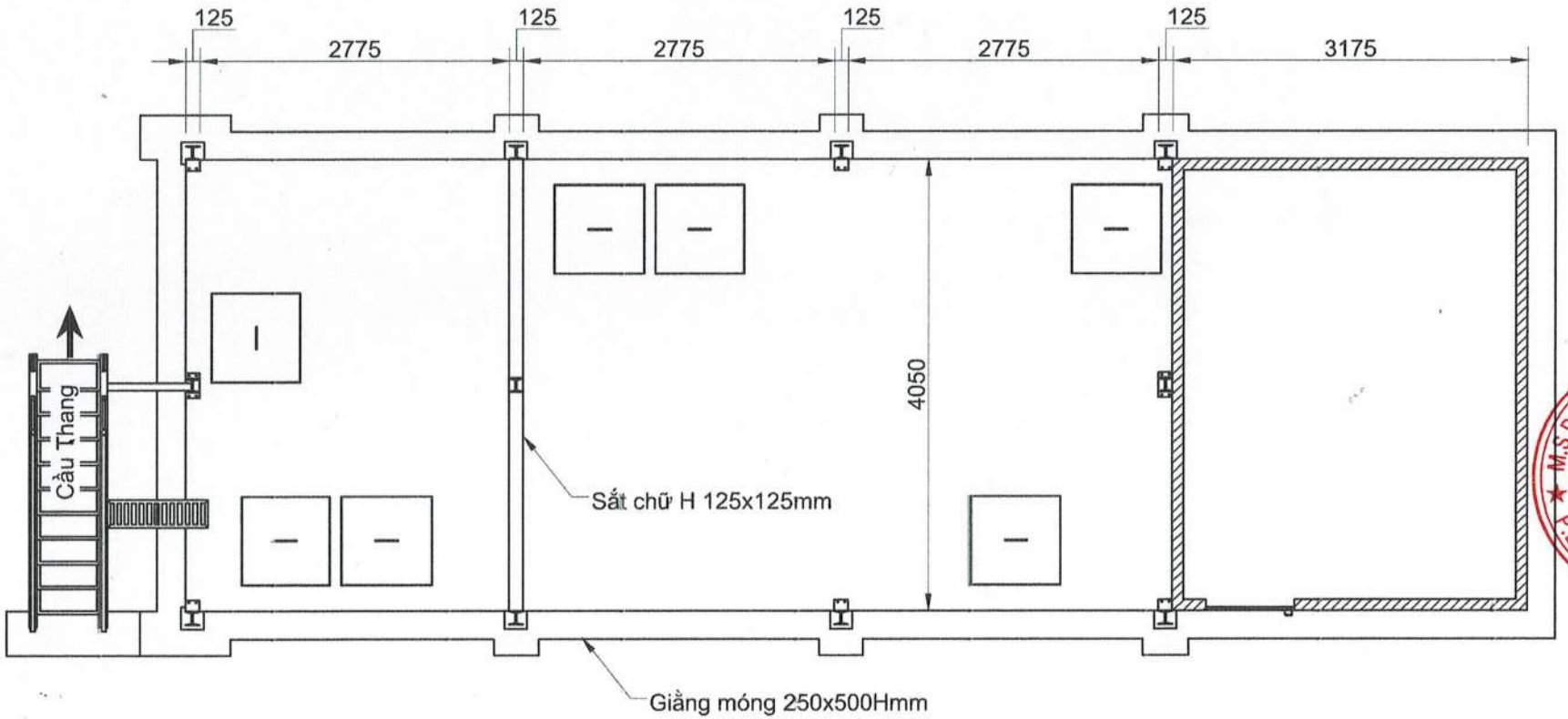
Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁM ĐỐC/ G.DIRECTOR:

CHỦ NHIỆM/ PROJECT MANAGER:	
KIỂM TRA/ CHECKED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.	TL / SCALE	HC/ REV.

SỐ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.: 11/17



MẶT CẮT: D-D
TỈ LỆ: 1:60

GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	
HOÀN CÔNG / AS BUILT	✓

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô 2F, CNO14, KCN Đông Xoài II, phường Đông Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN — M.S.D.N: 3801083966-C.T.N.H.H — P.ĐÔNG XOÀI T. ĐỒNG NAI

CHEN, JUNG YUAN

TÊN CÔNG TRÌNH / PROJECT:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

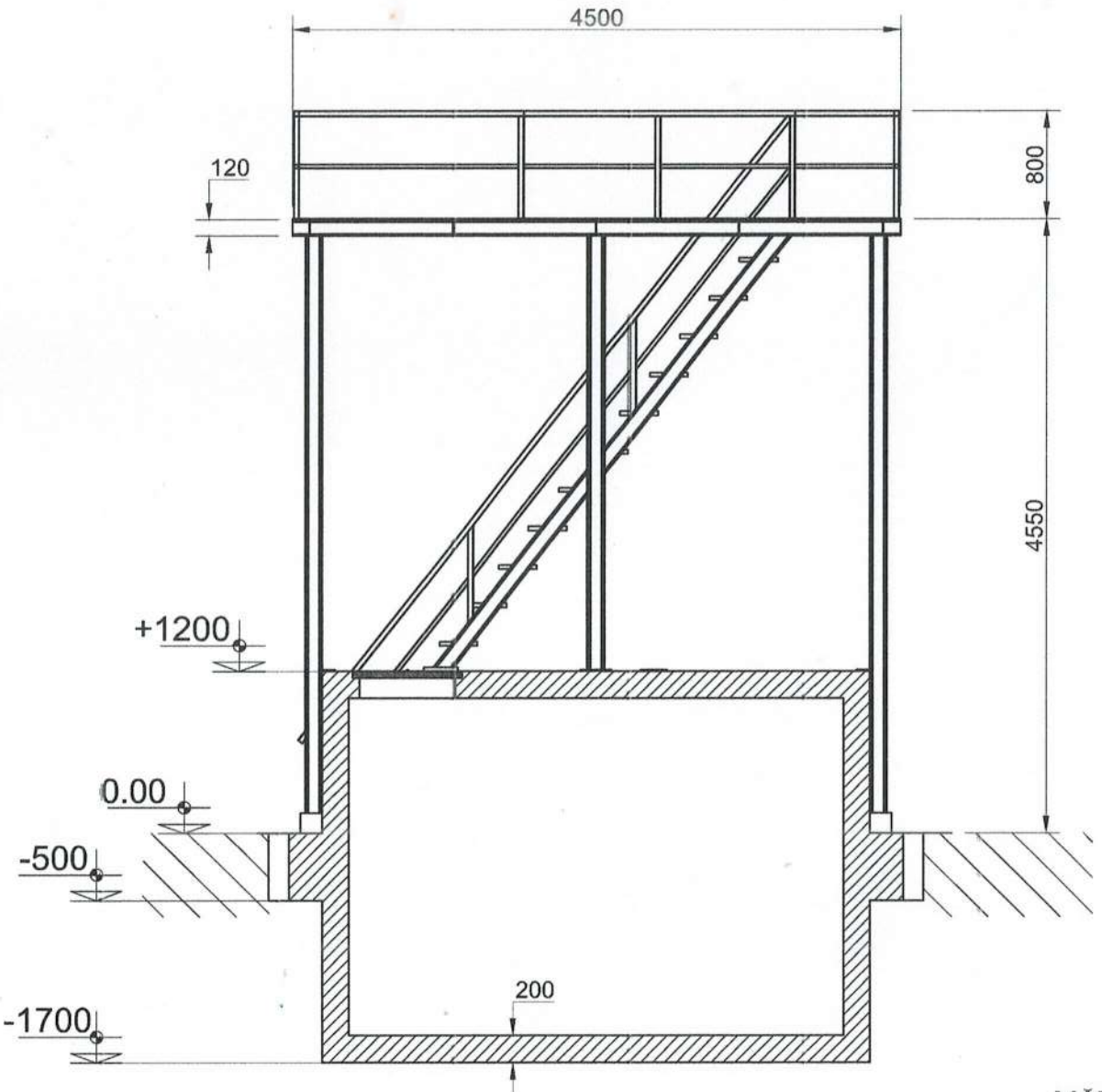
GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XƯƠNG THÀNH — M.S.D.N: 3702429[illegible] — TP. THỦ DẦU MỘT - B.D.

QL TH / TECHNICAL MANAGER:	
KIỂM TRA / CHECKED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

BỘ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.	TL / SCALE	HC / REV.

BỘ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.: 12/17



MẶT CẮT: E-E
TỈ LỆ: 1:50

GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS BUILT	☑

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

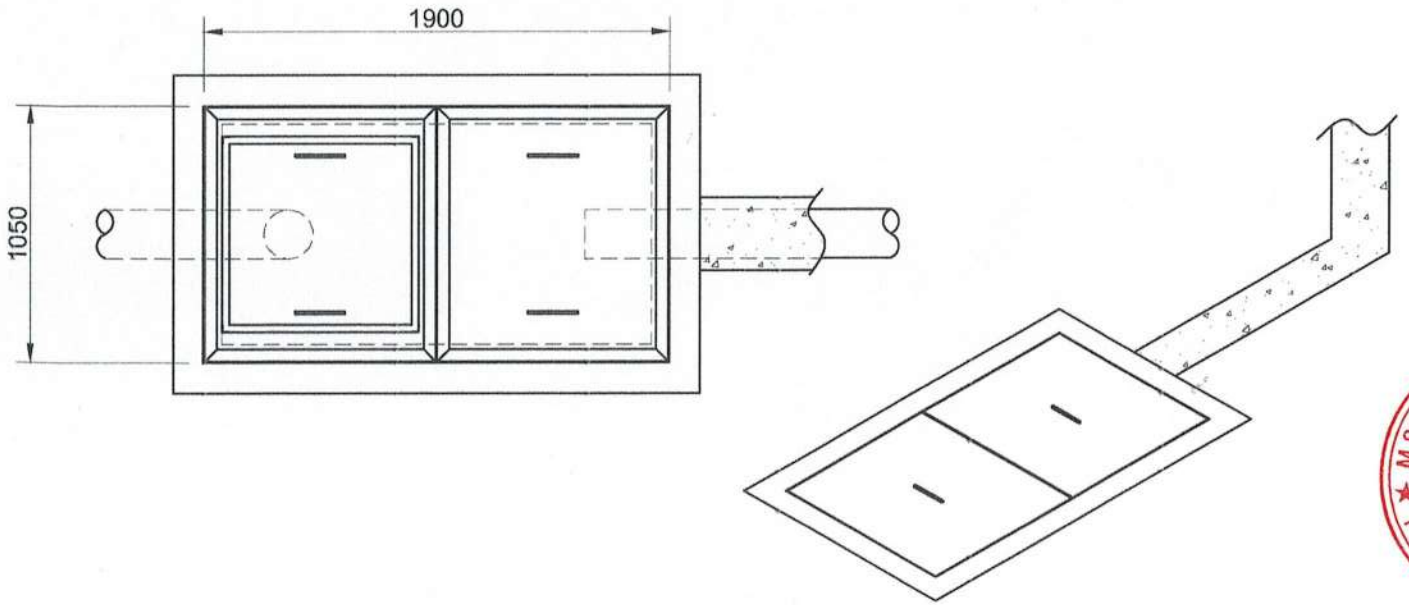
Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

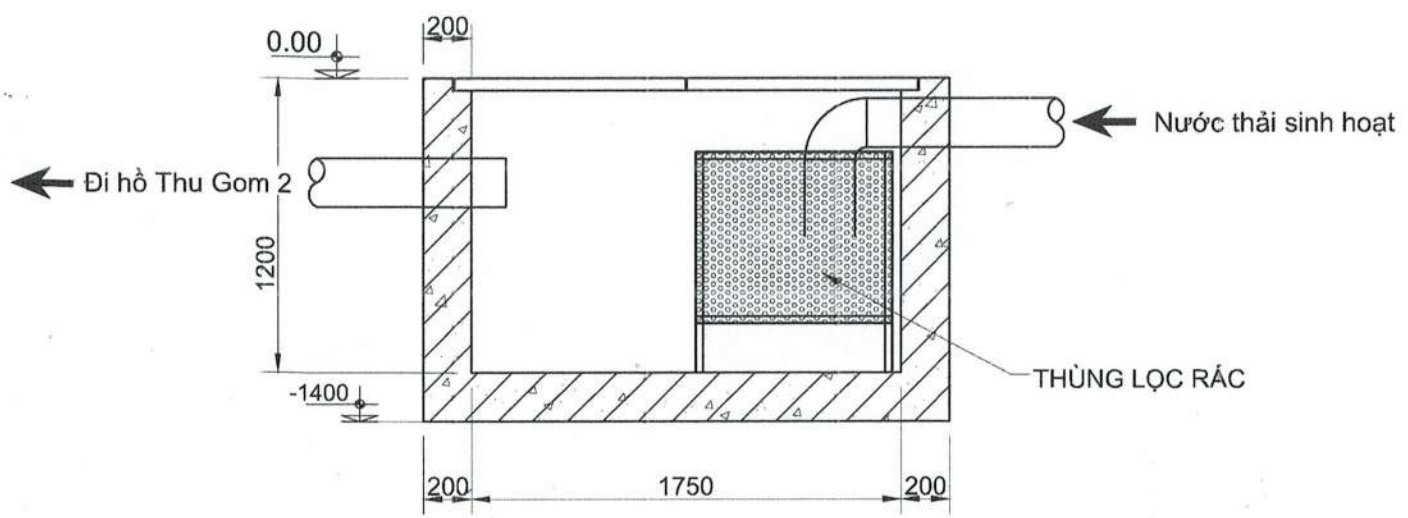
GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

QL TK / PROJECT MANAGER:	
KIỂM TRA / CHECKED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.	TL / SCALE	HC / REV.

SỐ HIỆU BẢN VẼ / DRAWING NO.: 13/17





GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS BUILT	☑

DIỄU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô CN cấm D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

M.S.D.N: 3801083966 - C.T.N.H - P.ĐỒNG XOÀI - T.ĐỒNG NAI

CHEN, HSIH YUAN

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

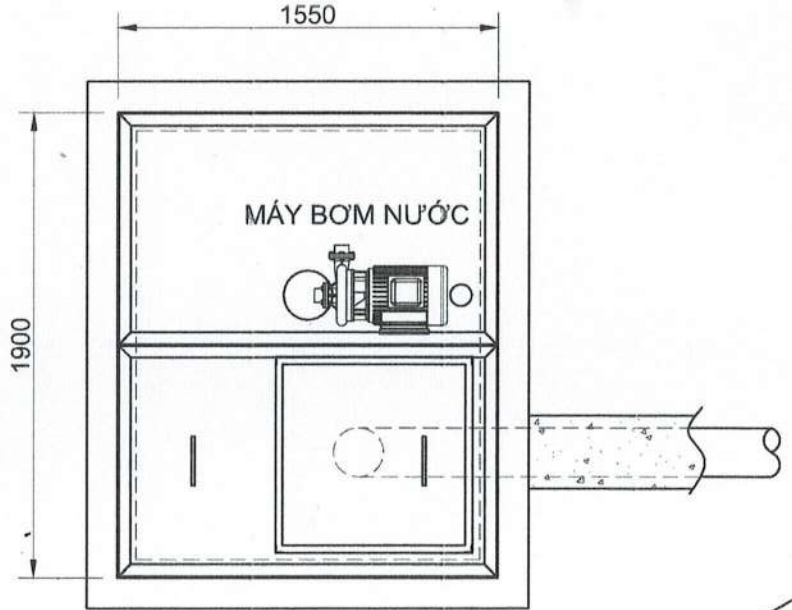
M.S.D.N: 3702429814 - C.T.N.H - TP.THỦ DẦU MỘT - T.BÌNH DƯƠNG

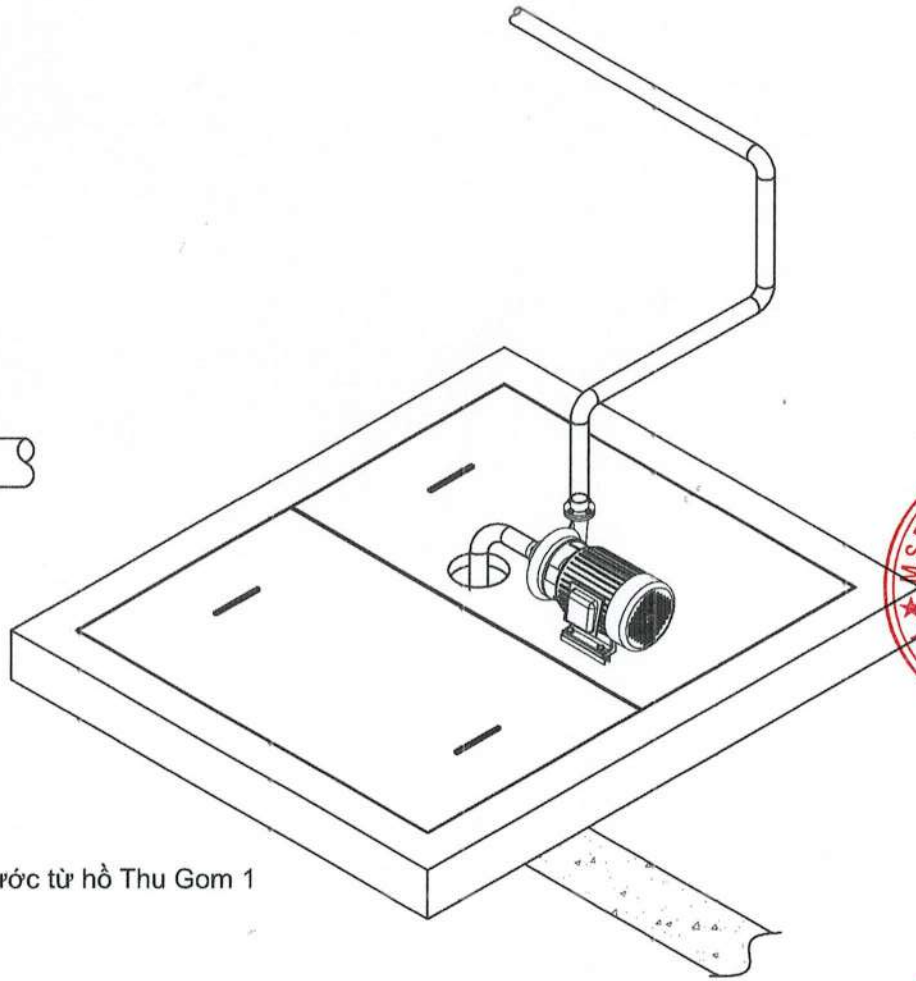
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XƯƠNG THÀNH

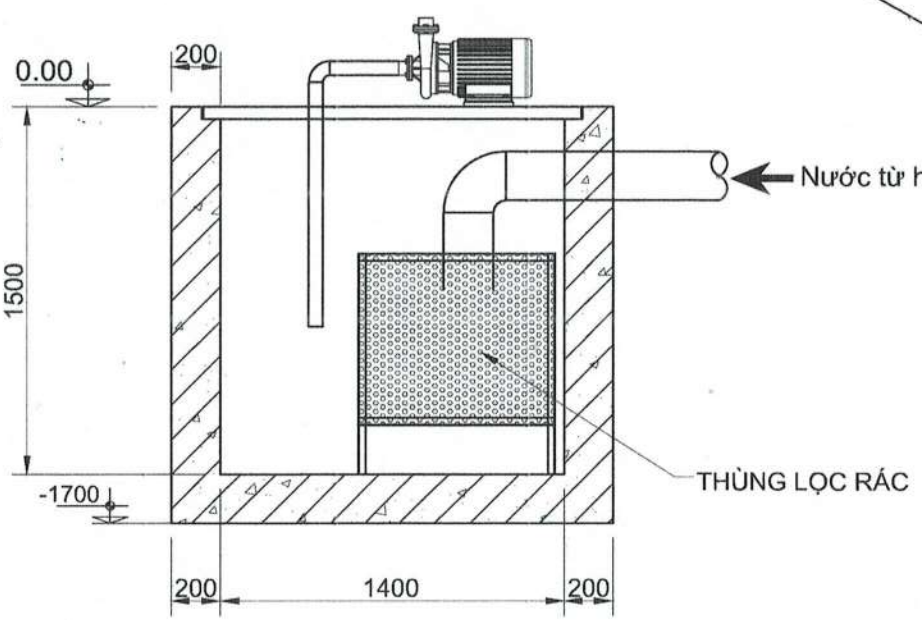
QUẢN LÝ KỸ THUẬT/ TECHNICAL MANAGER:	
KIỂM TRA/ CHECKED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.:	TỶ LỆ / SCALE:	HIỆU / REV:

SỐ HIỆU BẢN VẼ / DRAWING NO.: 14/17







GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS BUILT	☑

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô 21, Cụm D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

CÔNG TRÌNH/ PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

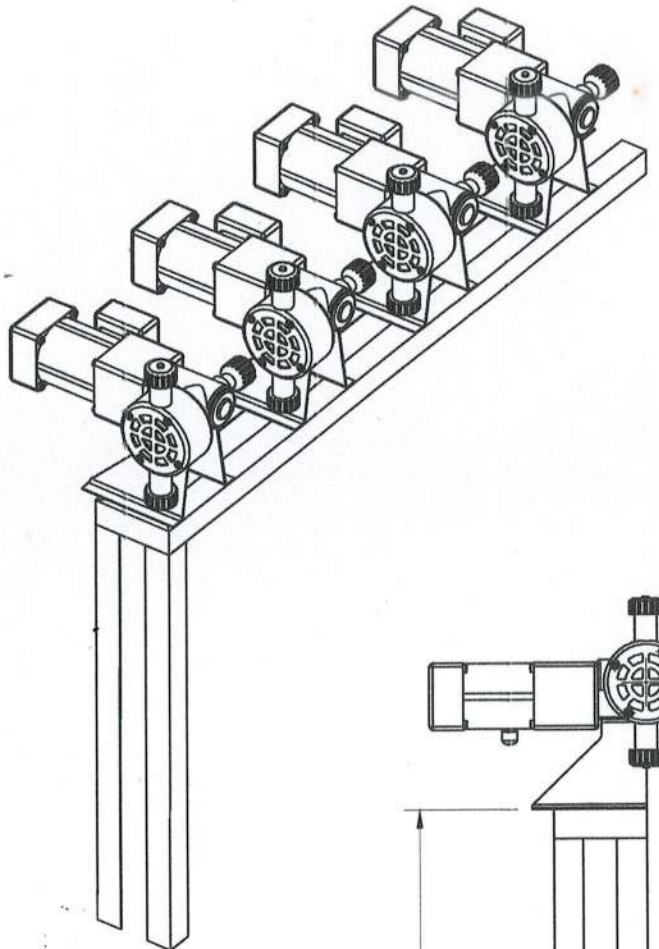
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

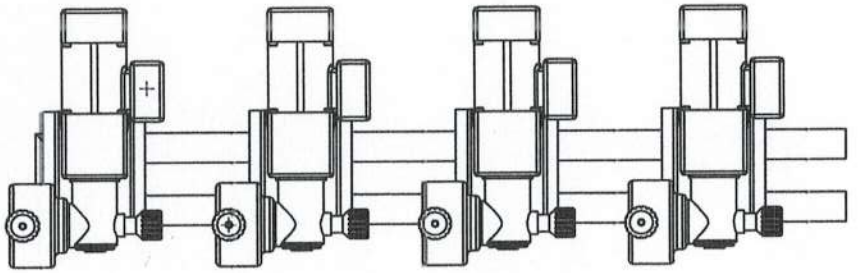
DETH / TECHNICAL MANAGER:	
KIỂM SOÁT/ CHECKED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

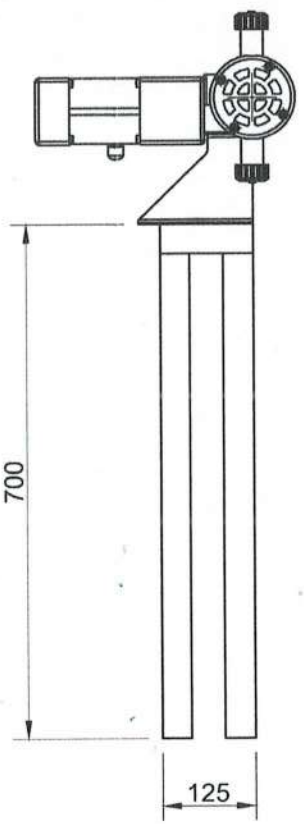
SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.	TL / SCALE	HC / REV.

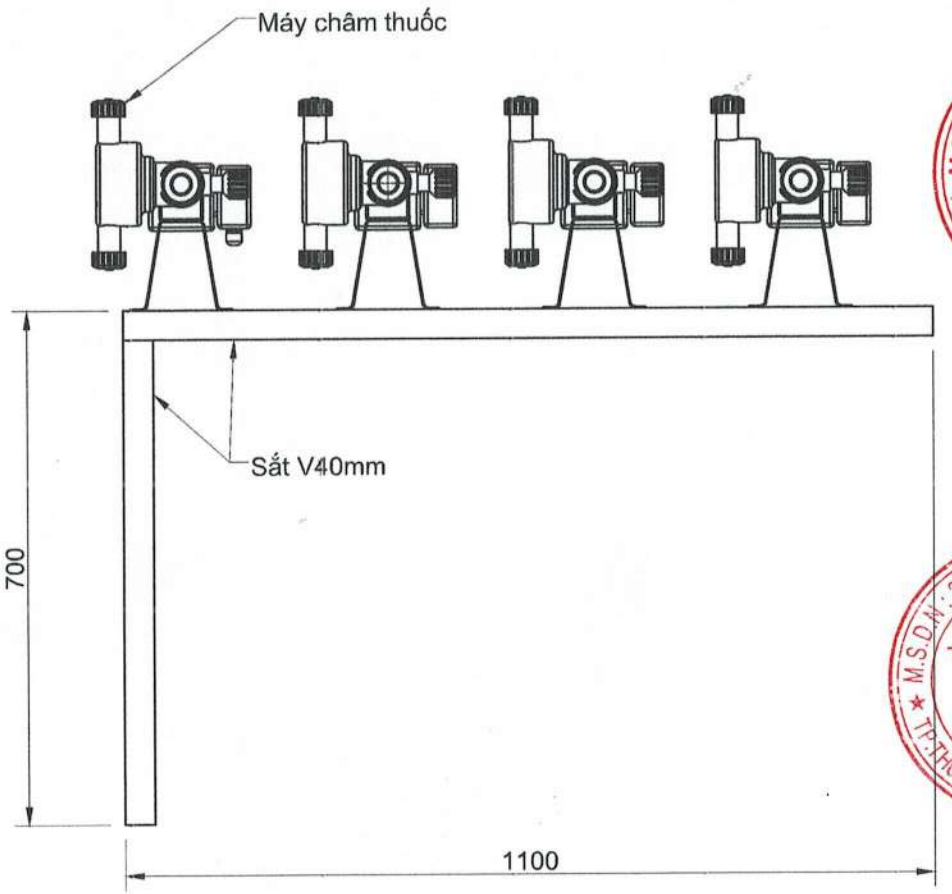
SỐ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.

15/17









GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS BUILT	☑

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa chỉ: Lô D1, đường D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

CHEN JIHU YUAN

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

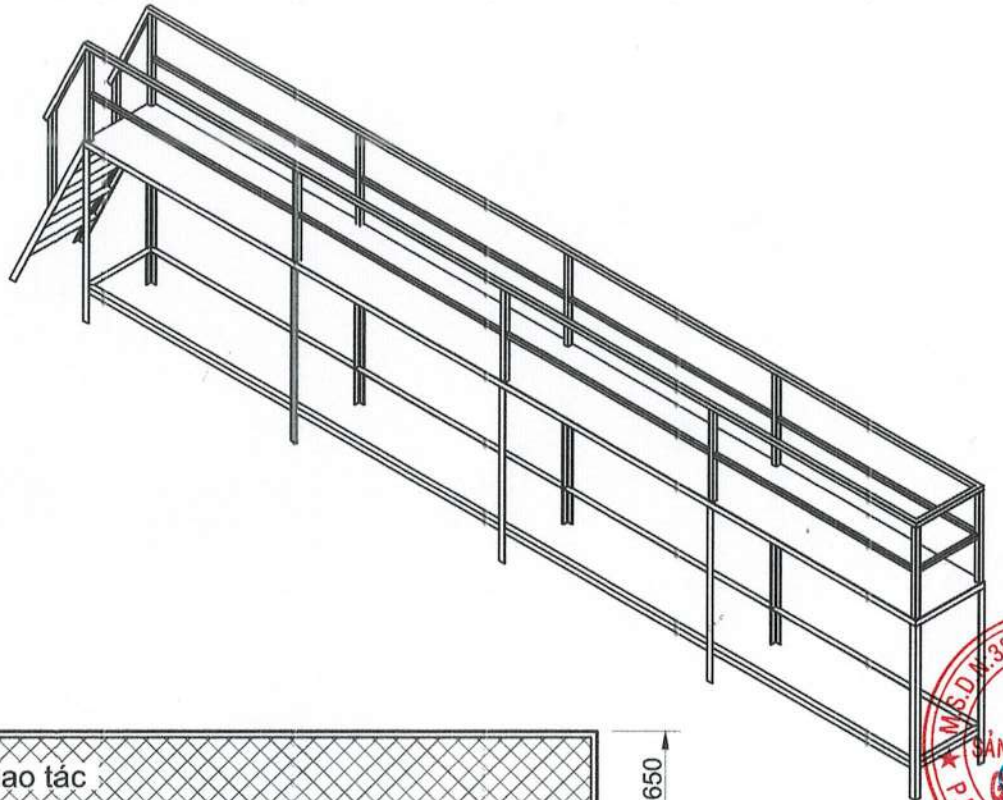
Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

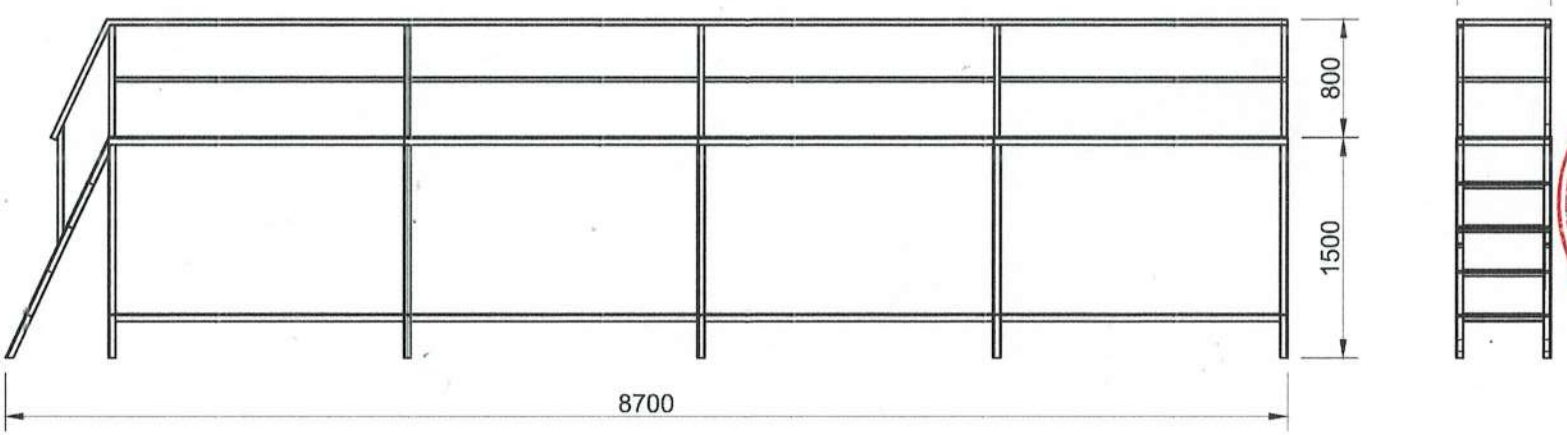
GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT / TECHNICAL MANAGER:	
KIỂM TRA / CHECKED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.	TỈ LỆ / SCALE	HC/ REV.

SỐ HIỆU BẢN VẼ / DRAWING NO.: 16/17







GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/ PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/ CONCEPT DESIGN	☐
THIẾT KẾ THI CÔNG/ CONTRUCTIONS DESIGN	☐
HOÀN CÔNG / AS BUILT	☑

ĐIỀU CHỈNH / DESCRIPTION OF REVISION:	NGƯỜI CHỈNH / REVISED BY:

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:

CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP GRAND GAIN

Đường D5-D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, Phường Tiến Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

M.S.D.N: 3801083950 - C.T.N.H.H - P.ĐỒNG XOÀI - T.ĐỒNG NAI

TÊN CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT PLANT

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH XƯƠNG THÀNH

Địa chỉ: Số 31, đường N20, khu phố 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁM ĐỐC / G.DIRECTOR:

M.S.D.N: 3702429814 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XƯƠNG THÀNH - TP.THỦ DẦU MỘT

QUẢN LÝ DỰ ÁN / PROJECT MANAGER:	
KIỂM TRA / CHECKED BY:	
VẼ / DRAWING BY:	

SỐ HIỆU DỰ ÁN / JOB NO.	TỈ / SCALE	HC / REV.

SỐ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO.

17/17

CÔNG TY TNHH M&N HỢP NHẤT

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM: LÔ D1 ĐẾN D14 KCN ĐỒNG XOÀI II - TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH

Lê Thị Minh

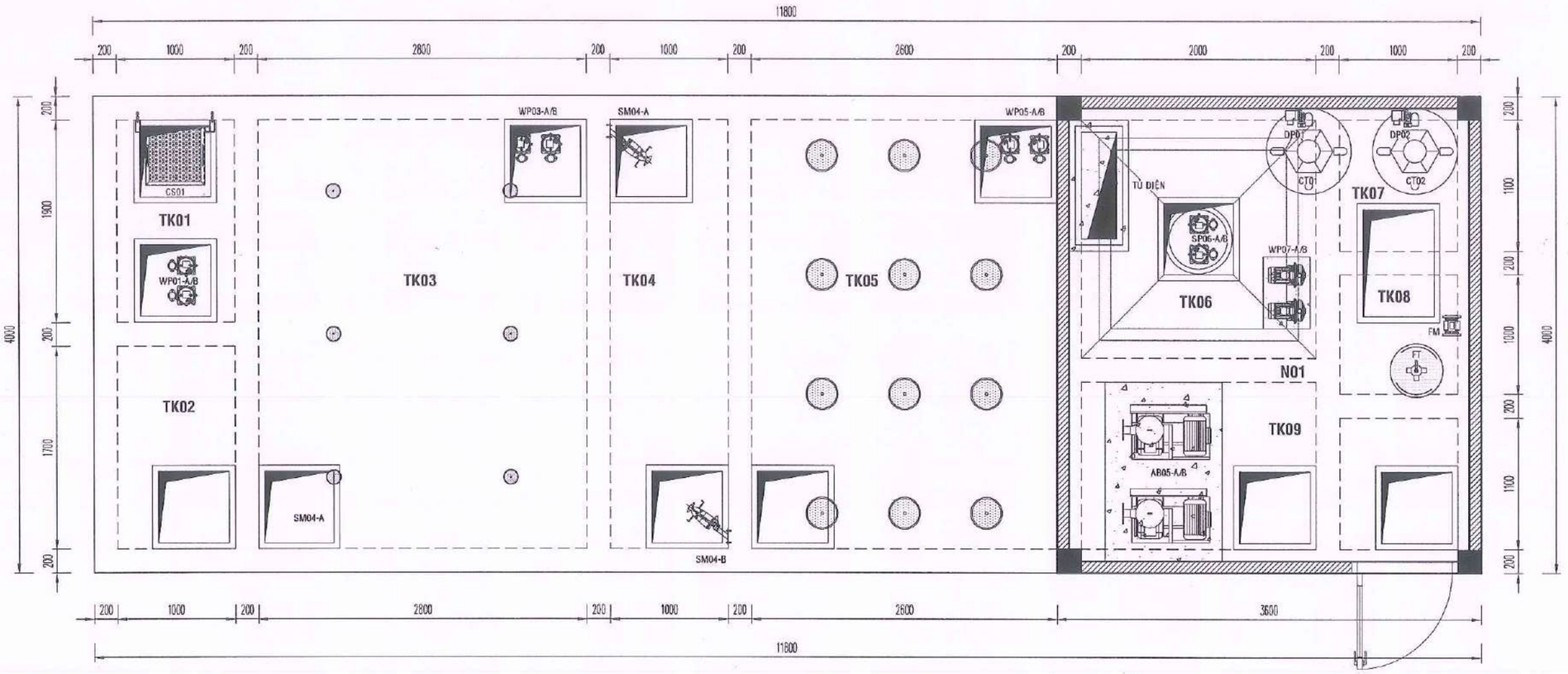
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

CÔNG TY TNHH M&N HỢP NHẤT

Đỗ Quốc Tín

TP.HCM - THÁNG 02/2024

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:

HẠNG MỤC XÂY DỰNG			
TK01	: BỂ GOM	TK06	: BỂ LẮNG
TK02	: BỂ TÁCH MỠ	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK03	: BỂ ĐIỀU HÒA	TK08	: BỂ KHỬ TRÙNG
TK04	: BỂ ANOXIC	TK09	: BỂ CHỨA BÙN
TK05	: BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	N01	: NHÀ ĐIỀU HÀNH

HẠNG MỤC THIẾT BỊ			
CS01	: GIỎ CHẮN RÁC	AB05-A/B	: MÁY THỔI KHÍ
WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ GOM	FT	: BỒN LỌC ÁP LỰC
WP03-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA	CT01	: BỒN HÓA CHẤT DINH DƯỠNG
SM04-A/B	: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ ANOXIC	CT02	: BỒN HÓA CHẤT CHLORINE
WP05-A/B	: BƠM TUẦN HOÀN BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	DP01	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DINH DƯỠNG
SP06-A/B	: BƠM BÙN BỂ LẮNG	DP02	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE
WP07-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ TRUNG GIAN	FM	: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ
NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

☐	TRÌNH DUYỆT	FOR APPROVAL
☐	THẨM KẾ	FOR INSPECTION
☒	THI CÔNG	FOR CONSTRUCTION
☐	BÁO GIÁ	FOR ESTIMATE
☐	HOÀN CÔNG	AS - BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ
CLIENT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH

CHẤP THUẬN - NGÀY
APPROVED BY - DATE

Lê Thị Minh

CÔNG TY TNHH MAN HỢP NHẤT

M & N HỢP NHẤT

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	ĐỖ QUỐC TÍN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ MAJOR ENG.	KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN
VẼ DRAWN BY	KS. TRỊNH PHÚ LÂM
KIỂM CHECKED BY	KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN

DỰ ÁN
PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG XUẤT 70M³/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM
LOCATION

KCN ĐỒNG XOÀI II

HẠNG MỤC
ITEM

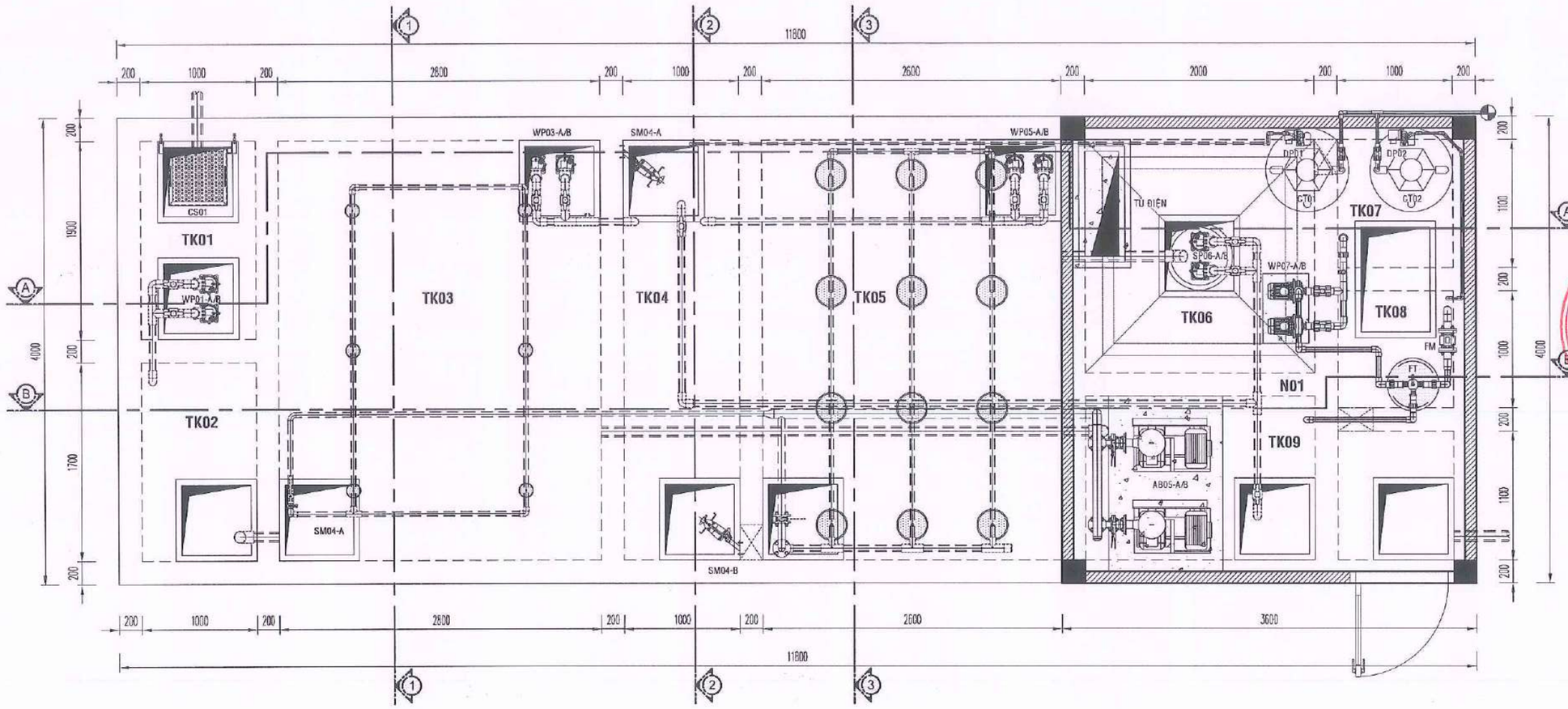
NHÀ ĐIỀU HÀNH & BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

SỐ HIỆU DỰ ÁN PROJECT No.	HT019_2022
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING No.	CN-02
PHIÊN BẢN REV.	0
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUED DATE	07.03.2024

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:

HẠNG MỤC XÂY DỰNG

TK01	: BỂ GOM	TK06	: BỂ LẮNG
TK02	: BỂ TÁCH MỠ	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK03	: BỂ ĐIỀU HÒA	TK08	: BỂ KHỬ TRÙNG
TK04	: BỂ ANOXIC	TK09	: BỂ CHỨA BÙN
TK05	: BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	N01	: NHÀ ĐIỀU HÀNH

HẠNG MỤC THIẾT BỊ

CS01	: GIỎ CHẮN RÁC	AB05-A/B	: MÁY THỔI KHÍ
WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ GOM	FT	: BỒN LỌC ÁP LỰC
WP03-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA	CT01	: BỒN HÓA CHẤT DINH DƯỠNG
SM04-A/B	: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ ANOXIC	CT02	: BỒN HÓA CHẤT CHLORINE
WP05-A/B	: BƠM TUẦN HOÀN BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	DP01	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DINH DƯỠNG
SP06-A/B	: BƠM BÙN BỂ LẮNG	DP02	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE
WP07-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ TRUNG GIAN	FM	: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

☐	TRÌNH DUYỆT	FOR APPROVAL
☐	THẨM KẾ	FOR INSPECTION
☒	THI CÔNG	FOR CONSTRUCTION
☐	BÁO GIÁ	FOR ESTIMATE
☐	HOÀN CÔNG	AS - BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH

CHẤP THUẬN - NGÀY / APPROVED BY - DATE

Lê Thị Minh

CÔNG TY TNHH MTV HỢP NHẤT

M & N HỢP NHẤT

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	
ĐỖ QUỐC TÍN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / MAJOR ENG	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN	
VẼ / DRAWN BY	
KS. TRỊNH PHÚ LÂM	
KIỂM / CHECKED BY	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN	

DỰ ÁN / PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG XUẤT 70M³/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION

KCN ĐỒNG XOÀI II

HẠNG MỤC / ITEM

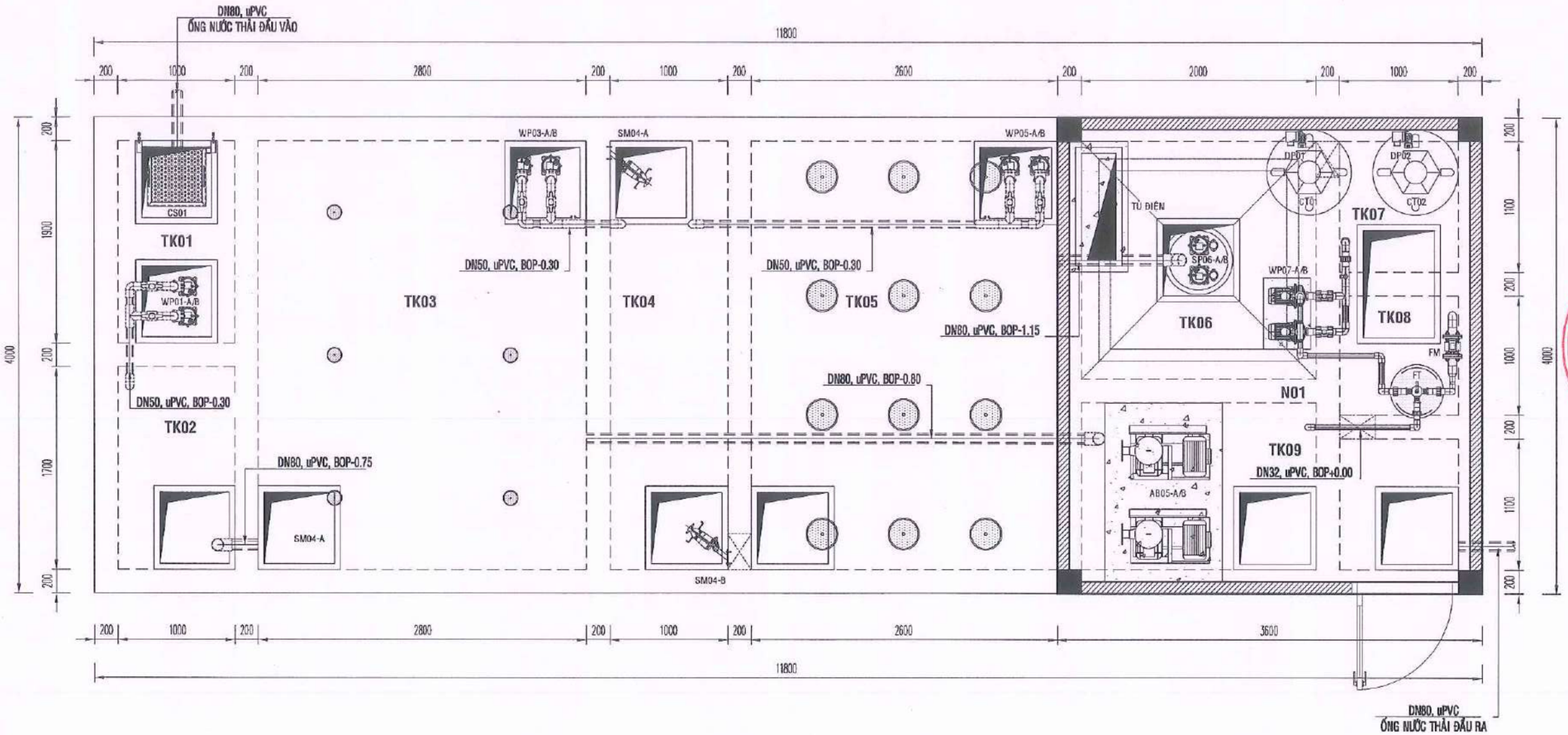
NHÀ ĐIỀU HÀNH & BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

SỐ HIỆU DỰ ÁN / PROJECT No.	HT019_2022
SỐ HIỆU BẢN VẼ / DRAWING No.	CN-03
PHIÊN BẢN / REV.	0
NGÀY PHÁT HÀNH / ISSUED DATE	07.03.2024

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC THẢI HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:

HẠNG MỤC XÂY DỰNG			
TK01	: BỂ GOM	TK06	: BỂ LẮNG
TK02	: BỂ TÁCH MỠ	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK03	: BỂ ĐIỀU HÒA	TK08	: BỂ KHỬ TRÙNG
TK04	: BỂ ANOXIC	TK09	: BỂ CHỨA BÙN
TK05	: BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	N01	: NHÀ ĐIỀU HÀNH

HẠNG MỤC THIẾT BỊ			
CS01	: GIỎ CHẮN RÁC	AB05-A/B	: MÁY THỔI KHÍ
WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ GOM	FT	: BỒN LỌC ÁP LỰC
WP03-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA	CT01	: BỒN HÓA CHẤT DINH DƯỠNG
SM04-A/B	: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ ANOXIC	CT02	: BỒN HÓA CHẤT CHLORINE
WP05-A/B	: BƠM TUẦN HOÀN BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	DP01	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DINH DƯỠNG
SP06-A/B	: BƠM BÙN BỂ LẮNG	DP02	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE
WP07-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ TRUNG GIAN	FM	: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR		
☐	TRÌNH DUYỆT	FOR APPROVAL
☐	THẨM KẾ	FOR INSPECTION
☒	THI CÔNG	FOR CONSTRUCTION
☐	BÁO GIÁ	FOR ESTIMATE
☐	HOÀN CÔNG	AS - BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH

M.S.D.N: 3801119864 CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH TỈNH BÌNH PHƯỚC

Lê Thị Minh

CHẤP THUẬN - NGÀY
APPROVED BY - DATE

CÔNG TY TNHH MSN HỢP NHẤT

CÔNG TY HỢP NHẤT M & N HỢP NHẤT

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	
ĐỖ QUỐC TÍN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / MAJOR ENG.	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN	
VẼ / DRAWN BY	
KS. TRỊNH PHÚ LÂM	
KIỂM / CHECKED BY	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN	

DỰ ÁN / PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG XUẤT 70M³/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION

KCN ĐỒNG XOÀI II

HẠNG MỤC / ITEM

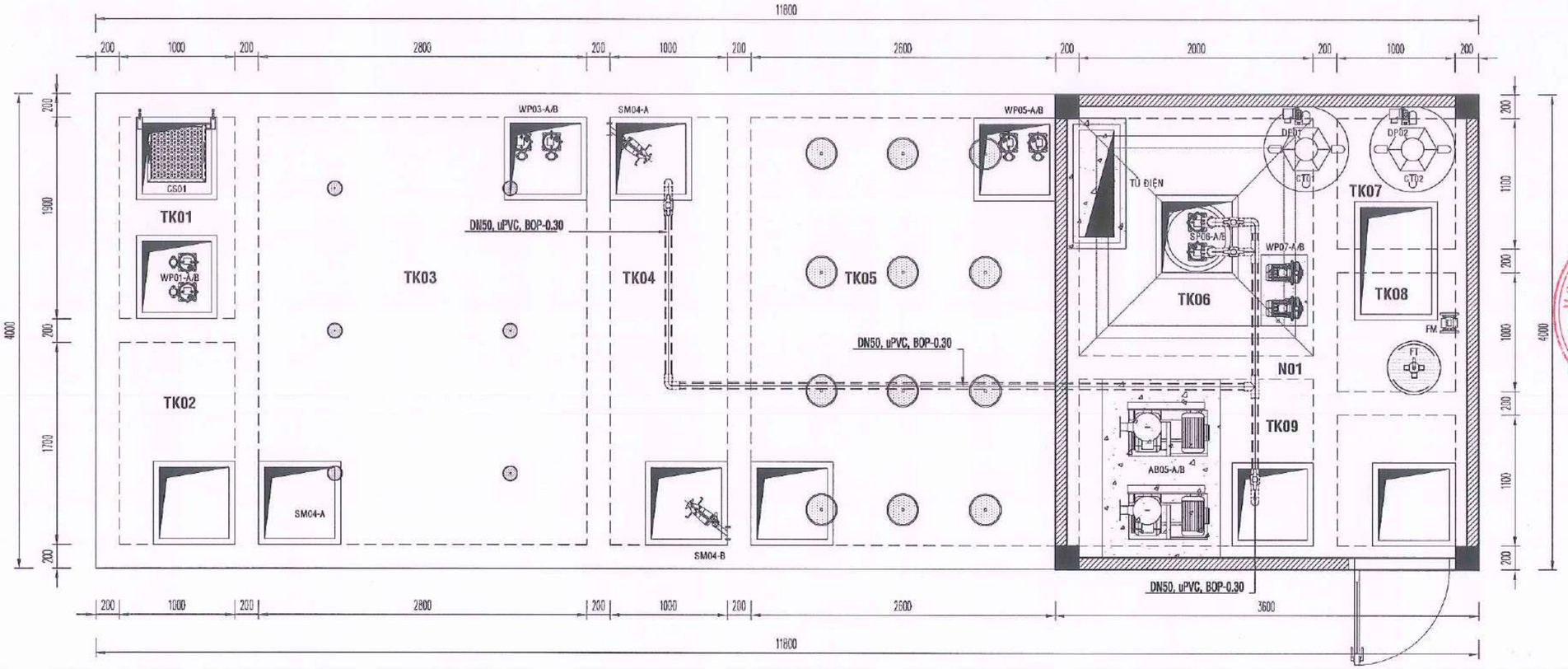
NHÀ ĐIỀU HÀNH & BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC THẢI HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

SỐ HIỆU DỰ ÁN / PROJECT No.	HT019_2022
SỐ HIỆU BẢN VẼ / DRAWING No.	CN-04
PHIÊN BẢN / REV	0
NGÀY PHÁT HÀNH / ISSUED DATE	07.03.2024

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG BÙN HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:

HẠNG MỤC XÂY DỰNG

TK01	: BỂ GOM	TK06	: BỂ LẮNG
TK02	: BỂ TÁCH MỠ	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK03	: BỂ ĐIỀU HÒA	TK08	: BỂ KHỬ TRÙNG
TK04	: BỂ ANOXIC	TK09	: BỂ CHỨA BÙN
TK05	: BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	N01	: NHÀ ĐIỀU HÀNH

HẠNG MỤC THIẾT BỊ

CS01	: GIỎ CHẮN RÁC	AB05-A/B	: MÁY THỔI KHÍ
WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ GOM	FT	: BỒN LỌC ÁP LỰC
WP03-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA	CT01	: BỒN HÓA CHẤT DINH DƯỠNG
SM04-A/B	: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ ANOXIC	CT02	: BỒN HÓA CHẤT CHLORINE
WP05-A/B	: BƠM TUẦN HOÀN BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	DP01	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DINH DƯỠNG
SP06-A/B	: BƠM BÙN BỂ LẮNG	DP02	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE
WP07-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ TRUNG GIAN	FM	: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ
NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

☐	TRÌNH DUYỆT	FOR APPROVAL
☐	THẨM KẾ	FOR INSPECTION
☑	THI CÔNG	FOR CONSTRUCTION
☐	BÁO GIÁ	FOR ESTIMATE
☐	HOÀN CÔNG	AS - BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH

CHẤP THUẬN + NGÀY
APPROVED BY + DATE

CÔNG TY TNHH MAN HỢP NHẤT

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	
ĐỖ QUỐC TÍN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ MAJOR ENG	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN	
VẼ DRAWN BY	
KS. TRỊNH PHÚ LÂM	
KIỂM CHECKED BY	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN	

DỰ ÁN
PROJECT
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG XUẤT 70M³/NGÀY

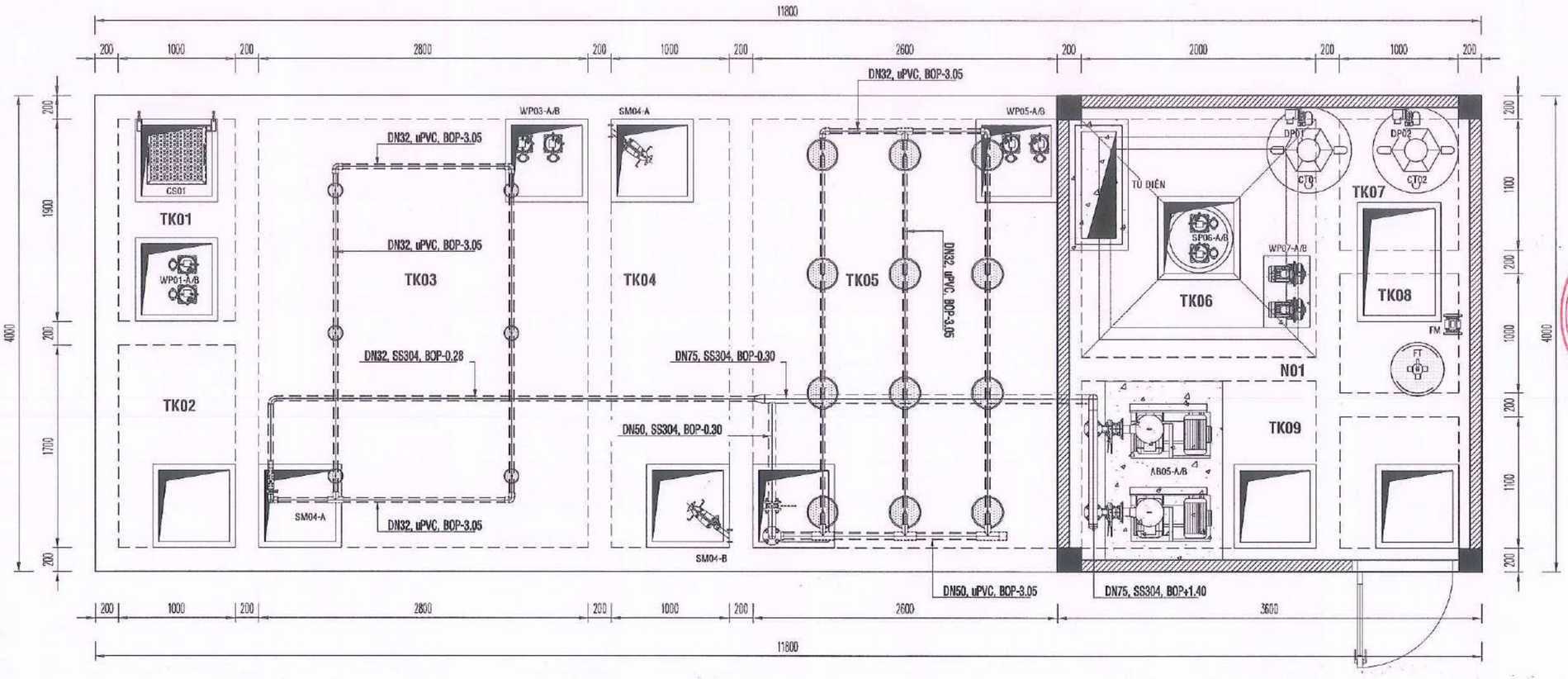
ĐỊA ĐIỂM
LOCATION
KCN ĐỒNG XOÀI II

HẠNG MỤC
ITEM
NHÀ ĐIỀU HÀNH & BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG BÙN HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

SỐ HIỆU DỰ ÁN PROJECT No.	HT019_2022
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING No.	CN-05
PHIÊN BẢN REV.	0
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUED DATE	07.03.2024

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:

HẠNG MỤC XÂY DỰNG

TK01	: BỂ GOM	TK06	: BỂ LẮNG
TK02	: BỂ TÁCH MỠ	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK03	: BỂ ĐIỀU HÒA	TK08	: BỂ KHỬ TRÙNG
TK04	: BỂ ANOXIC	TK09	: BỂ CHỨA BÙN
TK05	: BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	N01	: NHÀ ĐIỀU HÀNH

HẠNG MỤC THIẾT BỊ

CS01	: GIỎ CHẮN RÁC	AB05-A/B	: MÁY THỔI KHÍ
WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ GOM	FT	: BỒN LỌC ÁP LỰC
WP03-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA	CT01	: BỒN HÓA CHẤT DINH DƯỠNG
SM04-A/B	: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ ANOXIC	CT02	: BỒN HÓA CHẤT CHLORINE
WP05-A/B	: BƠM TUẦN HOÀN BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	DP01	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DINH DƯỠNG
SP06-A/B	: BƠM BÙN BỂ LẮNG	DP02	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE
WP07-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ TRUNG GIAN	FM	: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ
NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

☐	TRÌNH DUYỆT	FOR APPROVAL
☐	THẨM KẾ	FOR INSPECTION
☑	THI CÔNG	FOR CONSTRUCTION
☐	BÁO GIÁ	FOR ESTIMATE
☐	HOÀN CÔNG	AS - BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ
CLIENT
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH

CHẤP THUẬN - NGÀY
APPROVED BY - DATE

CÔNG TY TNHH MAN HỢP NHẤT
ĐỊA CHỈ: 872/31/1, Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 38 894 338 | Fax: (028) 62 856 862

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	
ĐỖ QUỐC TÍN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ MAJOR ENG.	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN	
VẼ DRAWN BY	
KS. TRỊNH PHÚ LÂM	
KIỂM CHECKED BY	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN	

DỰ ÁN
PROJECT
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG XUẤT 70M³/NGÀY

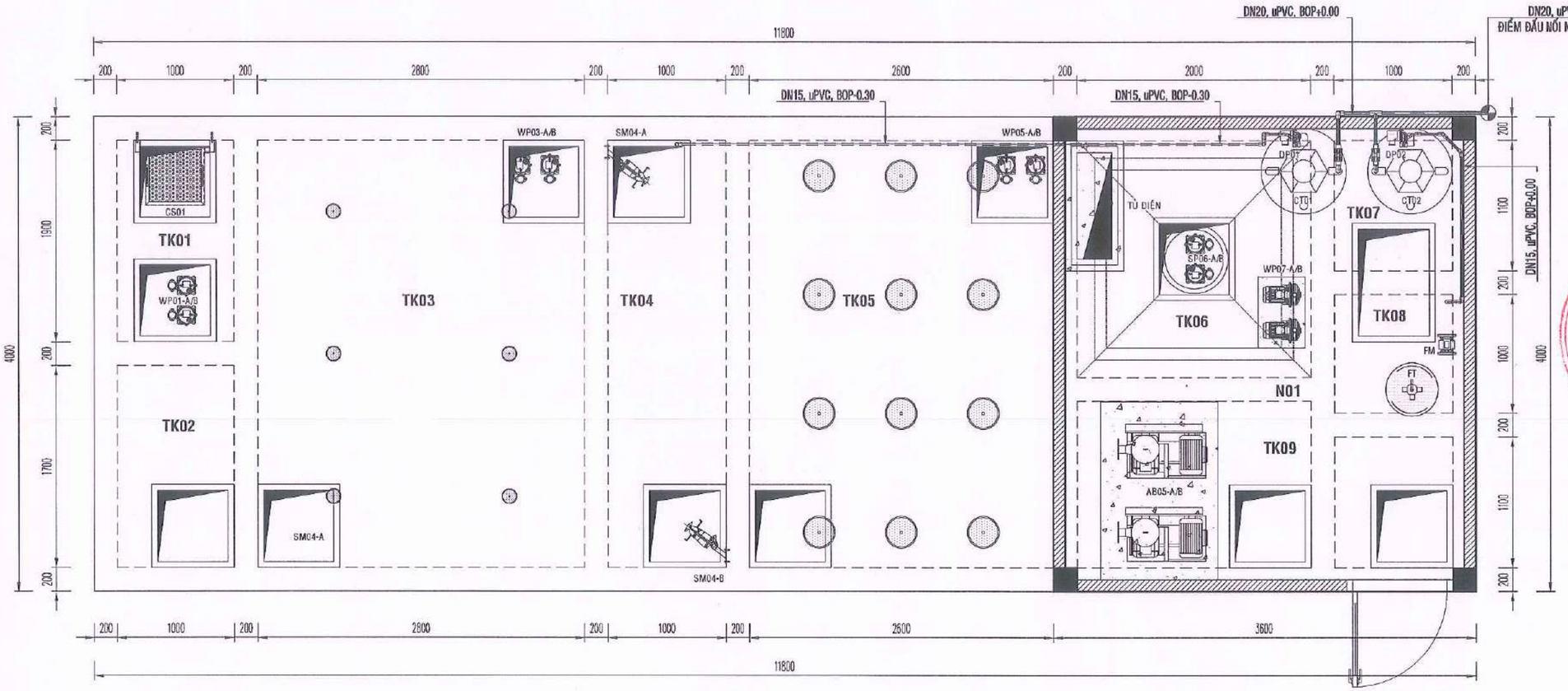
ĐỊA ĐIỂM
LOCATION
KCN ĐỒNG XOÀI II

HẠNG MỤC
ITEM
NHÀ ĐIỀU HÀNH & BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

SỐ HIỆU DỰ ÁN PROJECT No.	HT019_2022
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING No.	CN-06
PHIÊN BẢN REV.	0
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUED DATE	07.03.2024

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG HÓA CHẤT & NƯỚC CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:

HẠNG MỤC XÂY DỰNG

TK01	: BỂ GOM	TK06	: BỂ LẮNG
TK02	: BỂ TÁCH MỠ	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK03	: BỂ ĐIỀU HÒA	TK08	: BỂ KHỬ TRÙNG
TK04	: BỂ ANOXIC	TK09	: BỂ CHỨA BÙN
TK05	: BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	N01	: NHÀ ĐIỀU HÀNH

HẠNG MỤC THIẾT BỊ

CS01	: GIỎ CHẮN RÁC	AB05-A/B	: MÁY THỔI KHÍ
WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ GOM	FT	: BỒN LỌC ÁP LỰC
WP03-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA	CT01	: BỒN HÓA CHẤT DINH DƯỠNG
SM04-A/B	: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ ANOXIC	CT02	: BỒN HÓA CHẤT CHLORINE
WP05-A/B	: BƠM TUẦN HOÀN BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	DP01	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DINH DƯỠNG
SP06-A/B	: BƠM BÙN BỂ LẮNG	DP02	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE
WP07-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ TRUNG GIAN	FM	: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR		
☐	TRÌNH DUYỆT	FOR APPROVAL
☐	THẨM KẾ	FOR INSPECTION
☒	THI CÔNG	FOR CONSTRUCTION
☐	BÁO GIÁ	FOR ESTIMATE
☐	HOÀN CÔNG	AS - BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH

CHẤP THUẬN - NGÀY / APPROVED BY - DATE

Lê Thị Minh

CÔNG TY TNHH M&N HỢP NHẤT

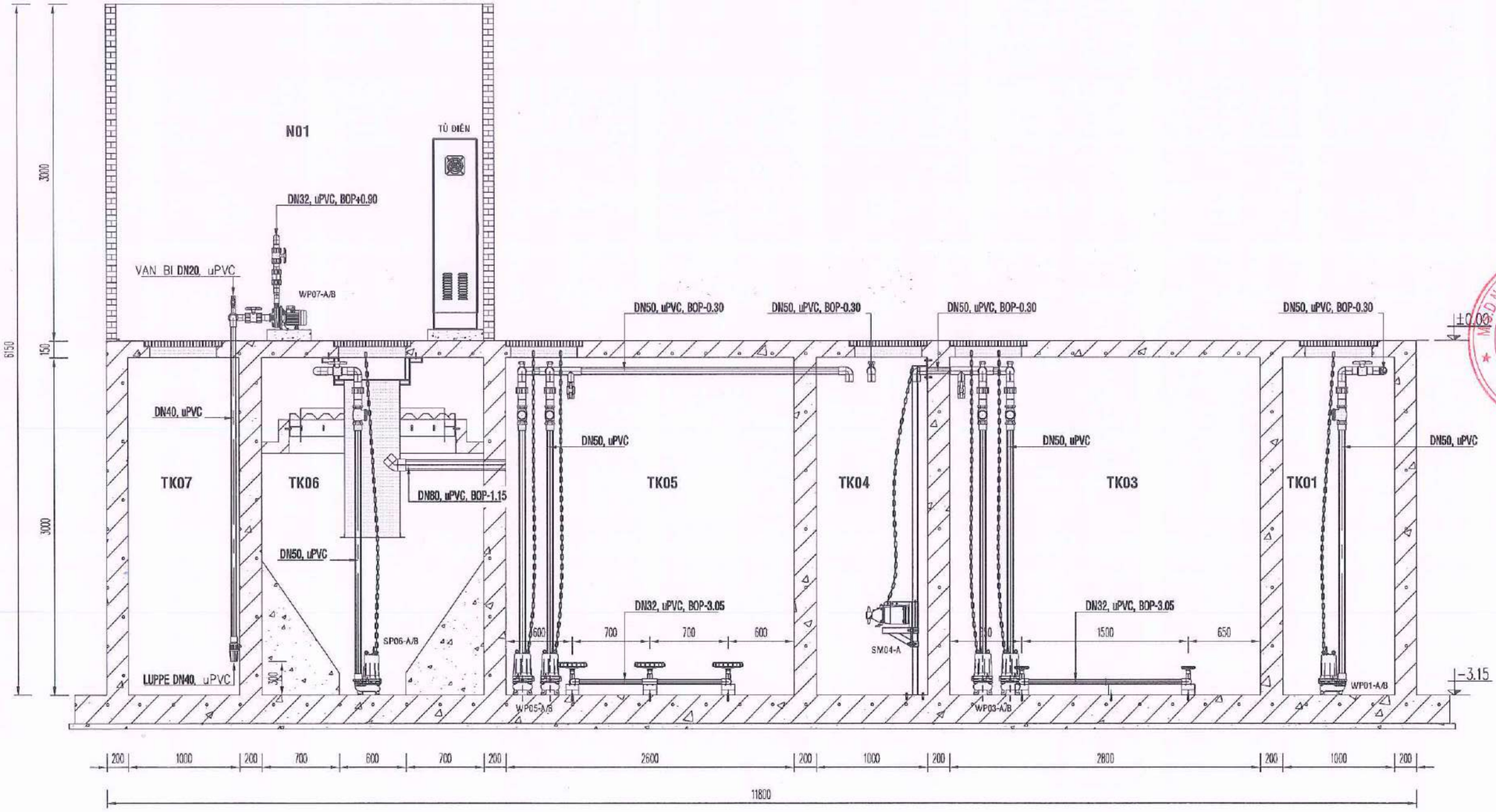
M & N HỢP NHẤT

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	ĐỖ QUỐC TÍN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / MAJOR ENG.	KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN
VẼ / DRAWN BY	KS. TRỊNH PHÚ LÂM
KIỂM / CHECKED BY	KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN

DỰ ÁN / PROJECT	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG XUẤT 70M³/NGÀY
ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	KCN ĐỒNG XOÀI II
HẠNG MỤC / ITEM	NHÀ ĐIỀU HÀNH & BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG HÓA CHẤT & NƯỚC CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

SỐ HIỆU DỰ ÁN / PROJECT No.	HT019_2022
SỐ HIỆU BẢN VẼ / DRAWING No.	CN-07
PHIÊN BẢN / REV.	0
NGÀY PHÁT HÀNH / ISSUED DATE	07.03.2024

MẶT CẮT CÔNG NGHỆ A-A



GHI CHÚ:

HẠNG MỤC XÂY DỰNG

TK01	: BỂ GOM	TK06	: BỂ LẮNG
TK02	: BỂ TÁCH MỠ	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK03	: BỂ ĐIỀU HÒA	TK08	: BỂ KHỬ TRÙNG
TK04	: BỂ ANOXIC	TK09	: BỂ CHỨA BÙN
TK05	: BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	N01	: NHÀ ĐIỀU HÀNH

HẠNG MỤC THIẾT BỊ

CS01	: GIỎ CHẮN RÁC	AB05-A/B	: MÁY THỔI KHÍ
WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ GOM	FT	: BỒN LỌC ÁP LỰC
WP03-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA	CT01	: BỒN HÓA CHẤT DINH DƯỠNG
SM04-A/B	: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ ANOXIC	CT02	: BỒN HÓA CHẤT CHLORINE
WP05-A/B	: BƠM TUẦN HOÀN BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	DP01	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DINH DƯỠNG
SP06-A/B	: BƠM BÙN BỂ LẮNG	DP02	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE
WP07-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ TRUNG GIAN	FM	: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR		
☐	TRÌNH DUYỆT	FOR APPROVAL
☐	THẨM KẾ	FOR INSPECTION
☒	THI CÔNG	FOR CONSTRUCTION
☐	BÁO GIÁ	FOR ESTIMATE
☐	HOÀN CÔNG	AS - BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH

Lê Thị Minh

CHẤP THUẬN - NGÀY
APPROVED BY - DATE

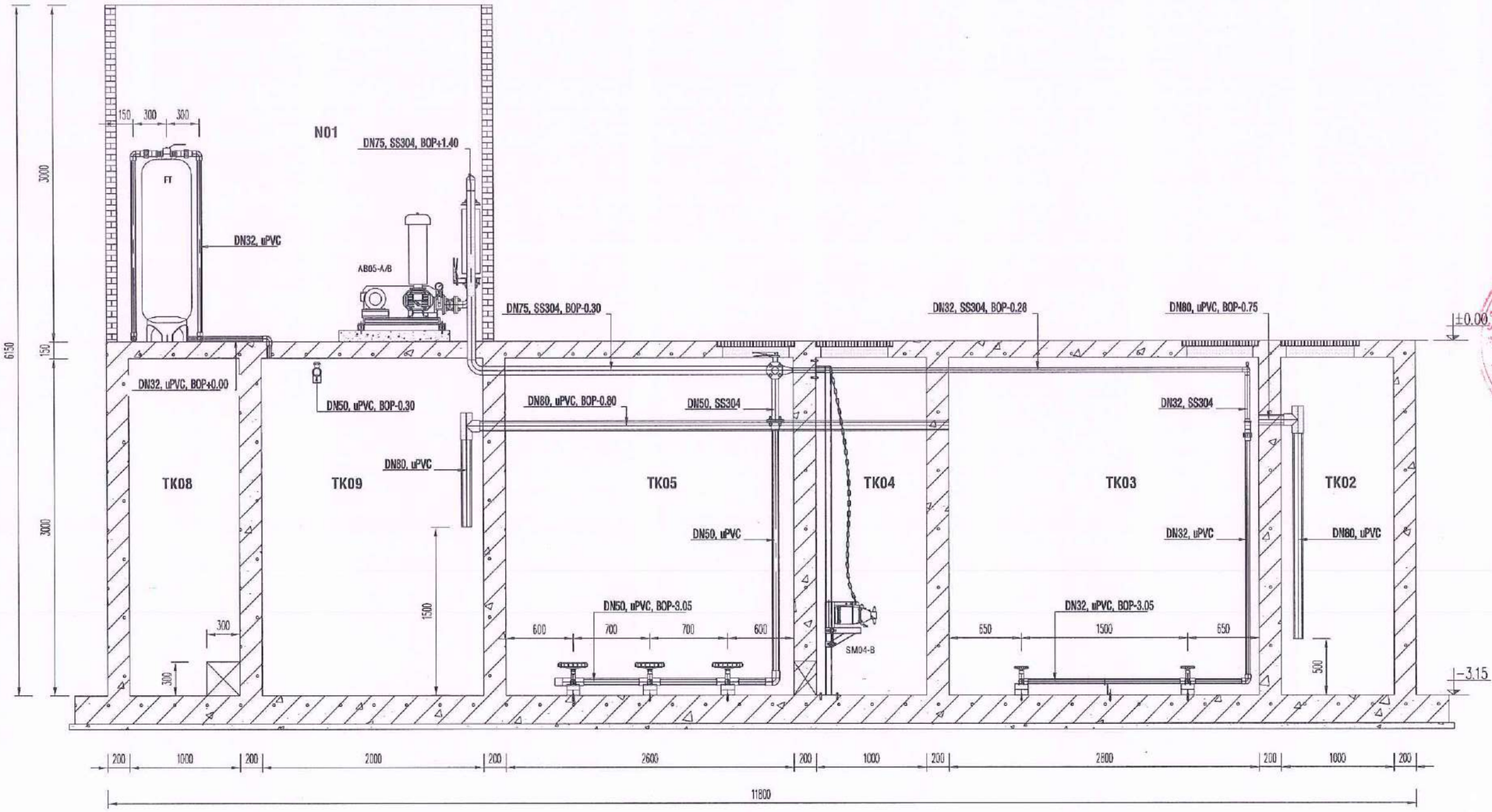
CÔNG TY TNHH MAN HỢP NHẤT
Đ/C: 67/20/11 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028 39 856 330 Fax: 028 39 856 663

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	
ĐỖ QUỐC TÍN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / MAJOR ENG.	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN	
VẼ / DRAWN BY	
KS. TRỊNH PHÚ LÂM	
KIỂM / CHECKED BY	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN	

DỰ ÁN / PROJECT	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG XUẤT 70M³/NGÀY
ĐỊA ĐIỂM / LOCATION	KCN ĐỒNG XOÀI II
HẠNG MỤC / ITEM	NHÀ ĐIỀU HÀNH & BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE	MẶT CẮT CÔNG NGHỆ A-A

SỐ HIỆU DỰ ÁN / PROJECT No.	HT019_2022
SỐ HIỆU BẢN VẼ / DRAWING No.	CN-08
PHIÊN BẢN / REV.	0
NGÀY PHÁT HÀNH / ISSUED DATE	07.03.2024

MẶT CẮT CÔNG NGHỆ B-B



GHI CHÚ:

HẠNG MỤC XÂY DỰNG

TK01	: BỂ GOM	TK06	: BỂ LẮNG
TK02	: BỂ TÁCH MỠ	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK03	: BỂ ĐIỀU HÒA	TK08	: BỂ KHỬ TRÙNG
TK04	: BỂ ANOXIC	TK09	: BỂ CHỨA BÙN
TK05	: BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	N01	: NHÀ ĐIỀU HÀNH

HẠNG MỤC THIẾT BỊ

CS01	: GIỎ CHẮN RÁC	AB05-A/B	: MÁY THỔI KHÍ
WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ GOM	FT	: BỒN LỌC ÁP LỰC
WP03-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA	CT01	: BỒN HÓA CHẤT DINH DƯỠNG
SM04-A/B	: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ ANOXIC	CT02	: BỒN HÓA CHẤT CHLORINE
WP05-A/B	: BƠM TUẦN HOÀN BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	DP01	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DINH DƯỠNG
SP06-A/B	: BƠM BÙN BỂ LẮNG	DP02	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE
WP07-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ TRUNG GIAN	FM	: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ
NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

☐	TRÌNH DUYỆT	FOR APPROVAL
☐	THẨM KẾ	FOR INSPECTION
☒	THI CÔNG	FOR CONSTRUCTION
☐	BÁO GIÁ	FOR ESTIMATE
☐	HOÀN CÔNG	AS - BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ
CLIENT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH
DỰ ÁN LÊ MINH

CHẤP THUẬN - NGÀY
APPROVED BY - DATE

Lê Thị Minh

CÔNG TY TNHH MSN HỢP NHẤT
M & N HỢP NHẤT

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	
ĐỖ QUỐC TÍN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ MAJOR ENG.	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN	
VẼ DRAWN BY	
KS. TRỊNH PHÚ LÂM	
KIỂM CHECKED BY	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN	

DỰ ÁN
PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG XUẤT 70M³/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM
LOCATION

KCN ĐỒNG XOÀI II

HẠNG MỤC
ITEM

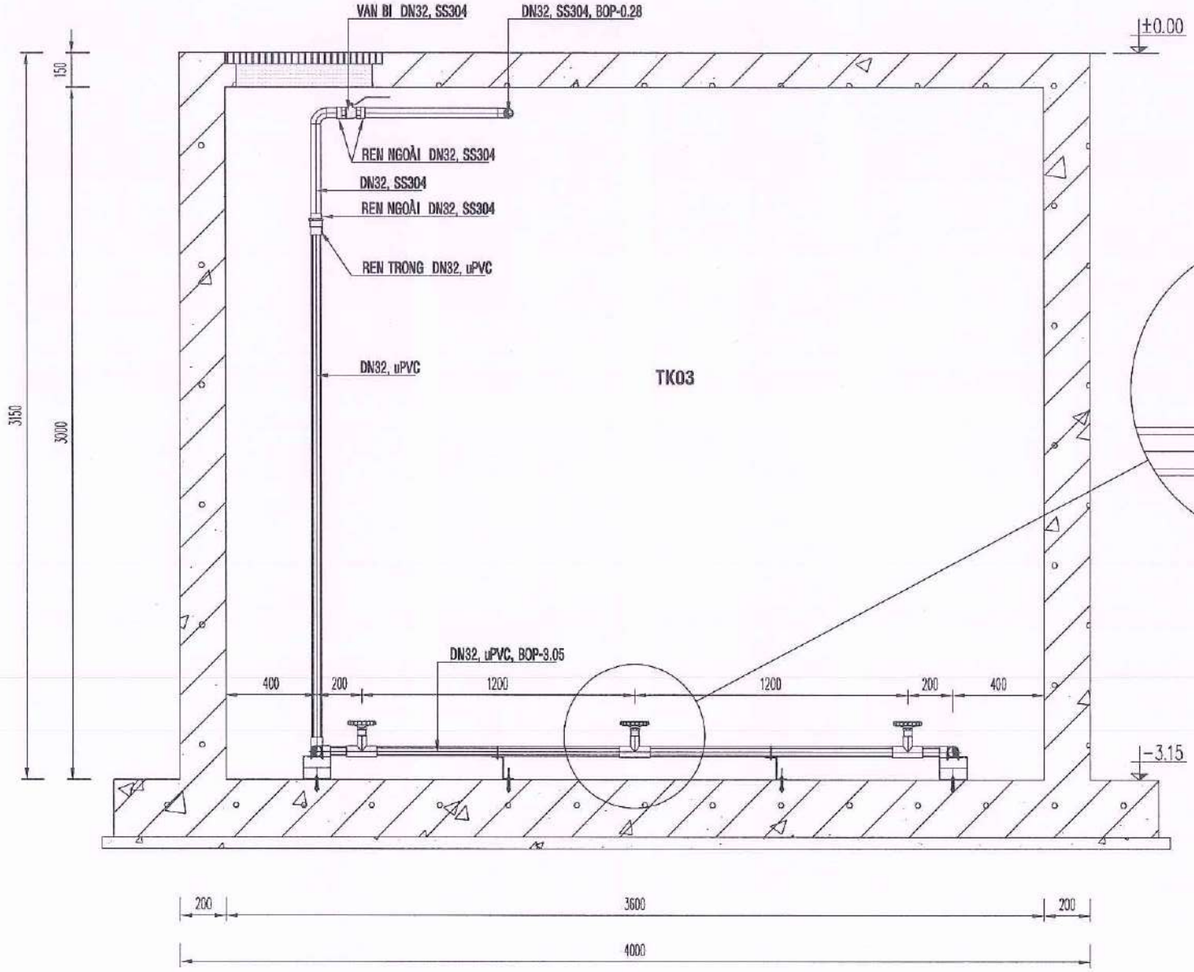
NHÀ ĐIỀU HÀNH & BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

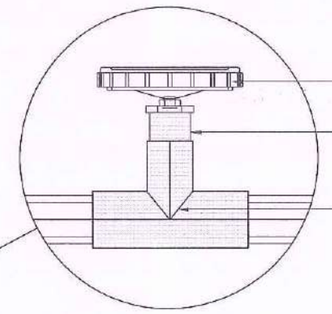
TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

MẶT CẮT CÔNG NGHỆ B-B

SỐ HIỆU DỰ ÁN PROJECT No.	HT019_2022
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING No.	CN-09
PHIÊN BẢN REV.	0
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUED DATE	07.03.2024

MẶT CẮT CÔNG NGHỆ 1-1





GHI CHÚ:

HẠNG MỤC XÂY DỰNG

TK01	: BỂ GOM	TK06	: BỂ LẮNG
TK02	: BỂ TÁCH MỠ	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK03	: BỂ ĐIỀU HÒA	TK08	: BỂ KHỬ TRÙNG
TK04	: BỂ ANOXIC	TK09	: BỂ CHỨA BÙN
TK05	: BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	N01	: NHÀ ĐIỀU HÀNH

HẠNG MỤC THIẾT BỊ

CS01	: GIỎ CHẮN RÁC	AB05-A/B	: MÁY THỔI KHÍ
WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ GOM	FT	: BỒN LỌC ÁP LỰC
WP03-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA	CT01	: BỒN HÓA CHẤT DINH DƯỠNG
SM04-A/B	: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ ANOXIC	CT02	: BỒN HÓA CHẤT CHLORINE
WP05-A/B	: BƠM TUẦN HOÀN BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	DP01	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DINH DƯỠNG
SP06-A/B	: BƠM BÙN BỂ LẮNG	DP02	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE
WP07-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ TRUNG GIAN	FM	: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ
NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

☐	TRÌNH DUYỆT	FOR APPROVAL
☐	THẨM KÊ	FOR INSPECTION
☑	THI CÔNG	FOR CONSTRUCTION
☐	BÁO GIÁ	FOR ESTIMATE
☐	HOÀN CÔNG	AS - BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ
CLIENT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH

CHẤP THUẬN - NGÀY
APPROVED BY - DATE

Lê Chí Minh

CÔNG TY TNHH MSN HỢP NHẤT

M & N HỢP NHẤT

ĐC: 67/20/11 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028 38 956 338 Fax: 028 38 956 340

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR
ĐỖ QUỐC TÍN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
MAJOR ENG.
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN

VẼ
DRAWN BY
KS. TRỊNH PHÚ LÂM

KIỂM
CHECKED BY
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỀN

DỰ ÁN
PROJECT
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG XUẤT 70M³/NGÀY

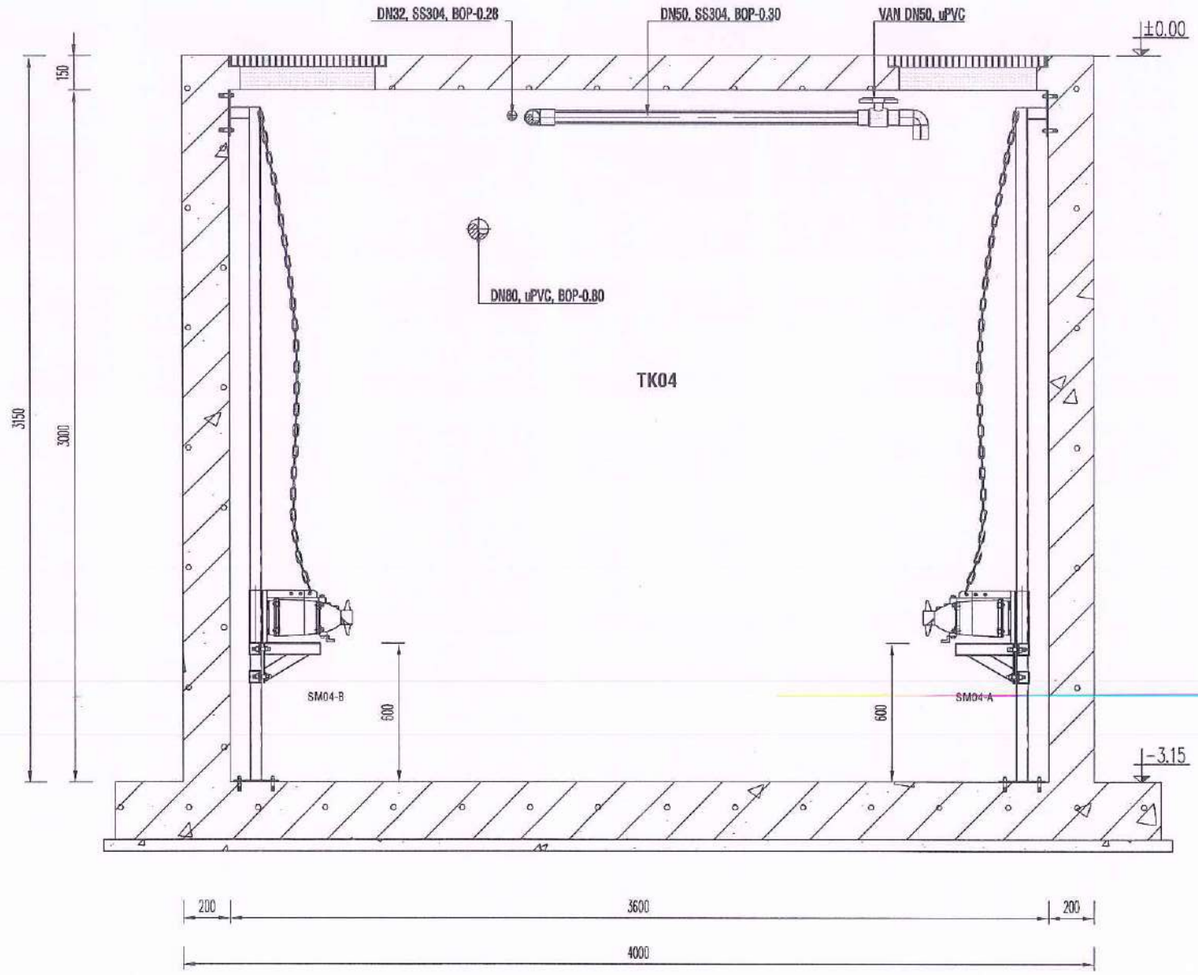
ĐỊA ĐIỂM
LOCATION
KCN ĐÔNG XOÀI II

HẠNG MỤC
ITEM
NHÀ ĐIỀU HÀNH & BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE
MẶT CẮT CÔNG NGHỆ 1-1

SỐ HIỆU DỰ ÁN PROJECT No.	HT019_2022
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING No.	CN-10
PHIÊN BẢN REV.	0
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUED DATE	07.03.2024

MẶT CẮT CÔNG NGHỆ 2-2



GHI CHÚ:

HẠNG MỤC XÂY DỰNG			
TK01	: BỂ GOM	TK06	: BỂ LẮNG
TK02	: BỂ TÁCH MỠ	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK03	: BỂ ĐIỀU HÒA	TK08	: BỂ KHỬ TRÙNG
TK04	: BỂ ANOXIC	TK09	: BỂ CHỨA BÙN
TK05	: BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	N01	: NHÀ ĐIỀU HÀNH

HẠNG MỤC THIẾT BỊ			
CS01	: GIỎ CHẮN RÁC	AB05-A/B	: MÁY THỔI KHÍ
WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ GOM	FT	: BỒN LỌC ÁP LỰC
WP03-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA	CT01	: BỒN HÓA CHẤT DINH DƯỠNG
SM04-A/B	: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ ANOXIC	CT02	: BỒN HÓA CHẤT CHLORINE
WP05-A/B	: BƠM TUẦN HOÀN BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	DP01	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DINH DƯỠNG
SP06-A/B	: BƠM BÙN BỂ LẮNG	DP02	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE
WP07-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ TRUNG GIAN	FM	: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

☐	TRÌNH DUYỆT	FOR APPROVAL
☐	THẨM KẾ	FOR INSPECTION
☒	THI CÔNG	FOR CONSTRUCTION
☐	BÁO GIÁ	FOR ESTIMATE
☐	HOÀN CÔNG	AS - BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH

M.S.D.N: 3801198646 CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH TỈNH BÌNH PHƯỚC

Lê Thị Minh

CHẤP THUẬN - NGÀY / APPROVED BY - DATE

CÔNG TY TNHH MAN HỢP NHẤT

CÔNG TY TNHH M & N HỢP NHẤT

ĐC: 522/5/21 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028 36 066 338 Fax: 028 39 856 962

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	
ĐỖ QUỐC TÍN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / MAJOR ENG.	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYÊN	
VẼ / DRAWN BY	
KS. TRỊNH PHÚ LÂM	
KIỂM / CHECKED BY	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYÊN	

DỰ ÁN / PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG XUẤT 70M³/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION

KCN ĐỒNG XOÀI II

HẠNG MỤC / ITEM

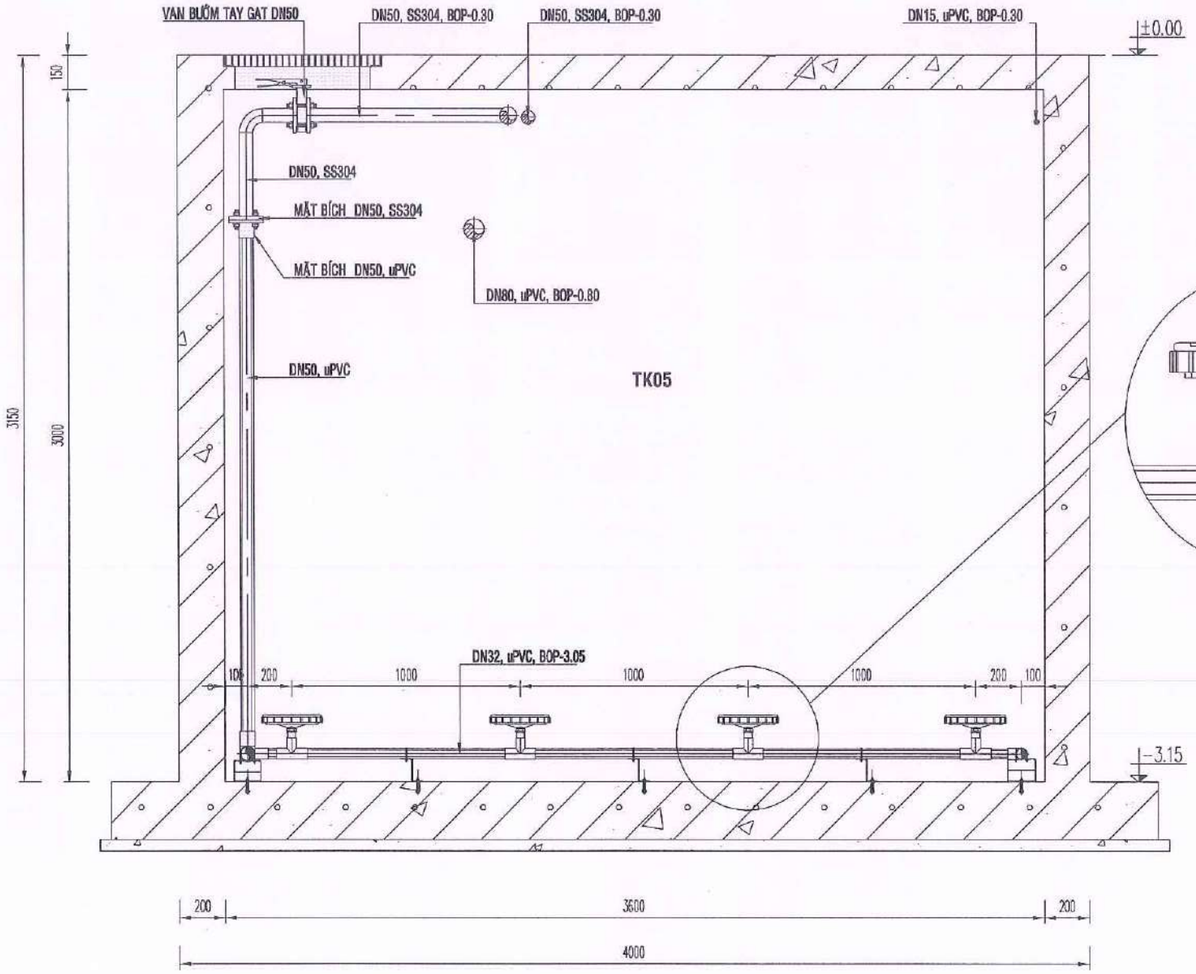
NHÀ ĐIỀU HÀNH & BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

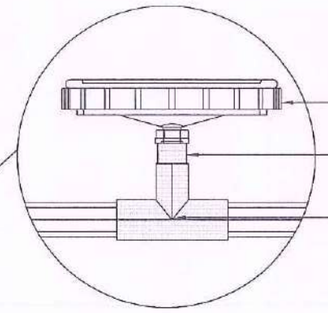
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT CẮT CÔNG NGHỆ 2-2

SỐ HIỆU DỰ ÁN / PROJECT No.	HT019_2022
SỐ HIỆU BẢN VẼ / DRAWING No.	CN-11
PHIÊN BẢN / REV.	0
NGÀY PHÁT HÀNH / ISSUED DATE	07.03.2024

MẶT CẮT CÔNG NGHỆ 3-3





GHI CHÚ:

HẠNG MỤC XÂY DỰNG			
TK01	: BỂ GOM	TK06	: BỂ LẮNG
TK02	: BỂ TÁCH MỠ	TK07	: BỂ TRUNG GIAN
TK03	: BỂ ĐIỀU HÒA	TK08	: BỂ KHỬ TRÙNG
TK04	: BỂ ANOXIC	TK09	: BỂ CHỨA BÙN
TK05	: BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	N01	: NHÀ ĐIỀU HÀNH

HẠNG MỤC THIẾT BỊ			
CS01	: GIỎ CHẮN RÁC	AB05-A/B	: MÁY THỔI KHÍ
WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ GOM	FT	: BỒN LỌC ÁP LỰC
WP03-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA	CT01	: BỒN HÓA CHẤT DINH DƯỠNG
SM04-A/B	: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ ANOXIC	CT02	: BỒN HÓA CHẤT CHLORINE
WP05-A/B	: BƠM TUẦN HOÀN BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	DP01	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DINH DƯỠNG
SP06-A/B	: BƠM BÙN BỂ LẮNG	DP02	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE
WP07-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ TRUNG GIAN	FM	: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ / NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

☐	TRÌNH DUYỆT	FOR APPROVAL
☐	THẨM KẾ	FOR INSPECTION
☒	THI CÔNG	FOR CONSTRUCTION
☐	BÁO GIÁ	FOR ESTIMATE
☐	HOÀN CÔNG	AS - BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN LÊ MINH

Lê Thị Minh

CHẤP THUẬN - NGÀY / APPROVED BY - DATE

CÔNG TY TNHH M&N HỢP NHẤT

CÔNG TY TNHH M&N HỢP NHẤT
Đ/C: 672/25/11 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028 38 956 330 Fax: 028 39 656 662

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	
ĐỖ QUỐC TÍN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / MAJOR ENG.	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỂN	
VẼ / DRAWN BY	
KS. TRỊNH PHÚ LÂM	
KIỂM / CHECKED BY	
KS. NGUYỄN QUỐC TUYỂN	

DỰ ÁN / PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG XUẤT 70M³/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION

KCN ĐỒNG XOÀI II

HẠNG MỤC / ITEM

NHÀ ĐIỀU HÀNH & BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT CẮT CÔNG NGHỆ 3-3

SỐ HIỆU DỰ ÁN / PROJECT No.	HT019_2022
SỐ HIỆU BẢN VẼ / DRAWING No.	CN-12
PHIÊN BẢN / REV.	0
NGÀY PHÁT HÀNH / ISSUED DATE.	07.03.2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP
HUỲNH VĂN

ĐỊA CHỈ: SỐ 59/20 TRẦN BÌNH TRỌNG, PHƯỜNG BÌNH LỢI TRUNG, TP HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

VĂN PHÒNG GIAO DỊCH: SỐ 68 ĐƯỜNG 15 - KHU ĐÔ THỊ VẠN PHÚC - TP. HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM

MTS : 0316310872 - DĐ : 0927.5555.72 Email: air@huynhvansolution.com

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI SƠN

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

CÔNG TRÌNH : HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI IN

ĐỊA ĐIỂM : LÔ D1 ĐẾN D14, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

TP. HỒ CHÍ MINH 10.2025

Huynh Van
Solution for future

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP
HUỲNH VĂN

ĐỊA CHỈ: SỐ 59/20 TRẦN BÌNH TRỌNG, PHƯỜNG BÌNH LỢI TRUNG, TP HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

VĂN PHÒNG GIAO DỊCH: SỐ 68 ĐƯỜNG 15 - KHU ĐÔ THỊ VẠN PHÚC - TP. HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM

MTS : 0316310872 - DĐ : 0927.5555.72 Email: air@huynhvansolution.com

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI SƠN

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

CÔNG TRÌNH : HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI IN

ĐỊA ĐIỂM : LÔ D1 ĐẾN D14, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

TP. HỒ CHÍ MINH 10.2025

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI IN

DỰ ÁN: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI IN

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: LÔ D1 ĐẾN D14, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

M.S.D.N: 3801083966 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
P. ĐỒNG XOÀI - T. ĐỒNG NAI

CHEN JHIH YUAN

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

M.S.D.N: 0316310872 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Văn Việt

NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng..11...Năm 2025...

Người lập	Chỉ huy trưởng	Tư vấn giám sát	Chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Hoàn Phước	Nguyễn Tấn Nghiệp		CHEN JHIH YUAN

DANH MỤC BẢN VẼ

STT	TÊN	KÝ HIỆU
0	DANH MỤC BẢN VẼ	KT-00
1	MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG 1&2	KT-01
2	MẶT BẰNG HỆ THỐNG 1	KT-02
3	MẶT CẮT B/(1-2) HỆ THỐNG 1	KT-03
4	MẶT BẰNG HỆ THỐNG 2	KT-04
5	MẶT CẮT E/(3-4) HỆ THỐNG 2	KT-05
6	MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI 1&2	KT-06
7	MẶT CẮT 4/(D-E) & MẶT CẮT 1/(A-B)	KT-07
8	CHI TIẾT QUẠT LY TÂM	KT-08
9	CHI TIẾT THÙNG THAN	KT-09
10	CHI TIẾT CHỤP HÚT	KT-10

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIẦY DÉP GRAND GAIN

GIÁM ĐỐC:
CHEN JHIH YUAN

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI HƠI MỰC IN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 dẫn D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành TP. Đồng Xoài - tỉnh Đồng Phước

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

Huynh Van
Solution for future

TRỤ SỞ: Số 59/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIÁM ĐỐC:
HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ:
HUỲNH VĂN VIỆT

KIỂM TRA:
NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN:
NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HẠNG MỤC:
THIẾT KẾ CƠ SỞ

TÊN BẢN VẼ:
DANH MỤC BẢN VẼ

HỒ SƠ:	BVTK	HOÀN THÀNH:	5/2025
TỈ LỆ:	1/100	BẢN VẼ SỐ:	**KT-00**

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

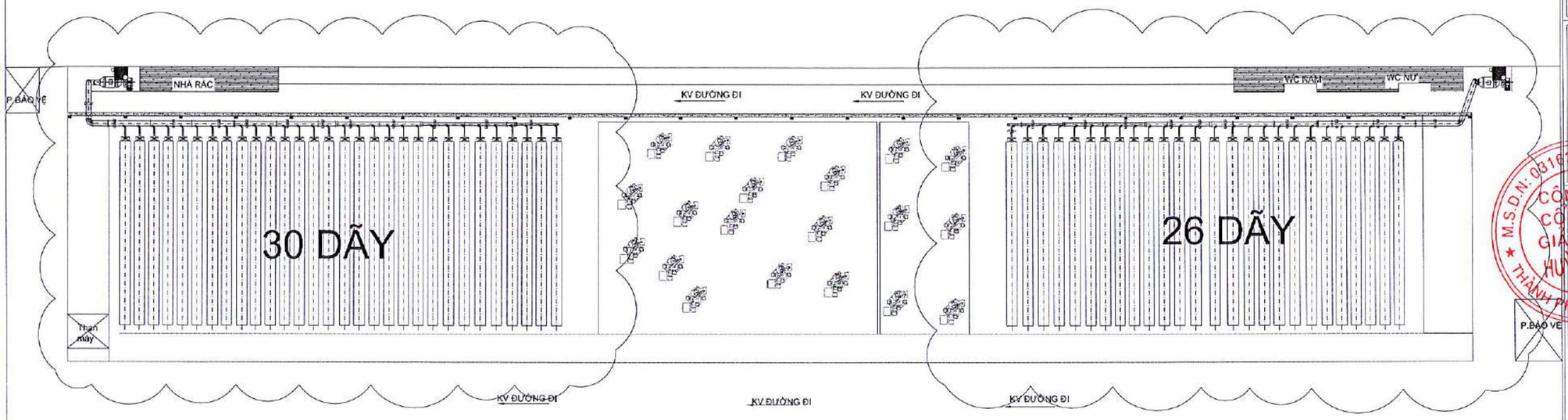
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.11.....Năm 2025

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Hoàn Phước	Nguyễn Tấn Nghiệp		CHEN JHIH YUAN

HỆ THỐNG 01

HỆ THỐNG 02



MẶT BẰNG TỔNG THỂ

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

GIÁM ĐỐC:
CHEN JHIH YUAN

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI HƠI MỰC IN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành TP. Đồng Xoài - tỉnh Đồng Phước

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

Huynh Van
Solution for future

Trụ sở: CB 59/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIÁM ĐỐC:
HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ:
HUỲNH VĂN VIỆT

KIỂM TRA:
NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN:
NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HẠNG MỤC:
THIẾT KẾ CƠ SỞ

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG 1&2

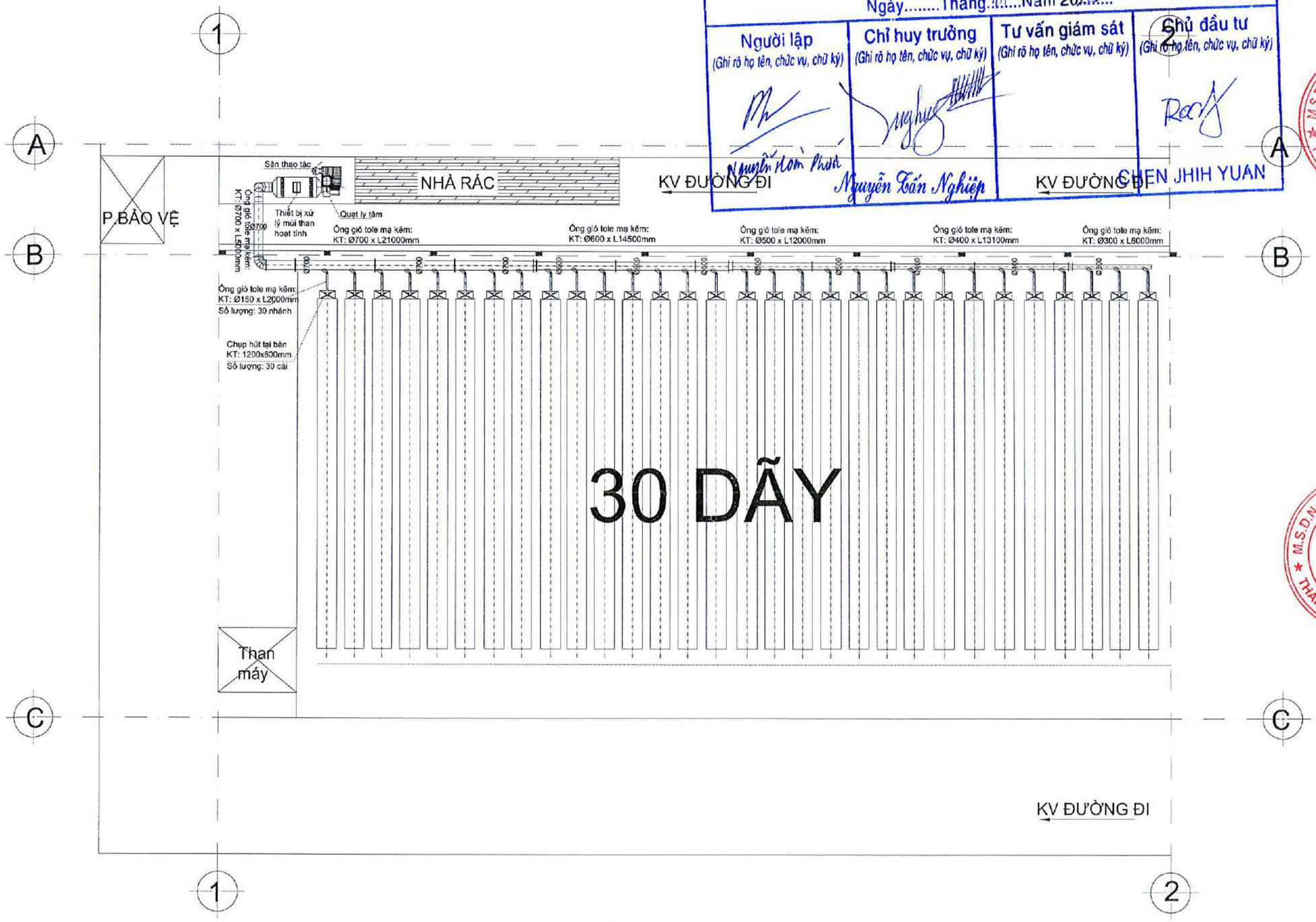
HỒ SƠ:	BVTK	HOÀN THÀNH: 5/2025
TỈ LỆ:	1/100	BẢN VẼ SỐ: **KT-01**

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.11...Năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng	Tư vấn giám sát	Chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Hoàn Phước	Nguyễn Tấn Nghiệp		CHEN JHIH YUAN



MẶT BẰNG HỆ THỐNG 1

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

GIÁM ĐỐC:
CHEN JHIH YUAN

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI HƠI MỰC IN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành TP. Đồng Xoài - tỉnh Đồng Phước

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

Huynh Van

TRỤ SỞ: Số 59/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIÁM ĐỐC:
HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ:
HUỲNH VĂN VIỆT

KIỂM TRA:
NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN:
NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HẠNG MỤC:
THIẾT KẾ CƠ SỞ

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG HỆ THỐNG 1

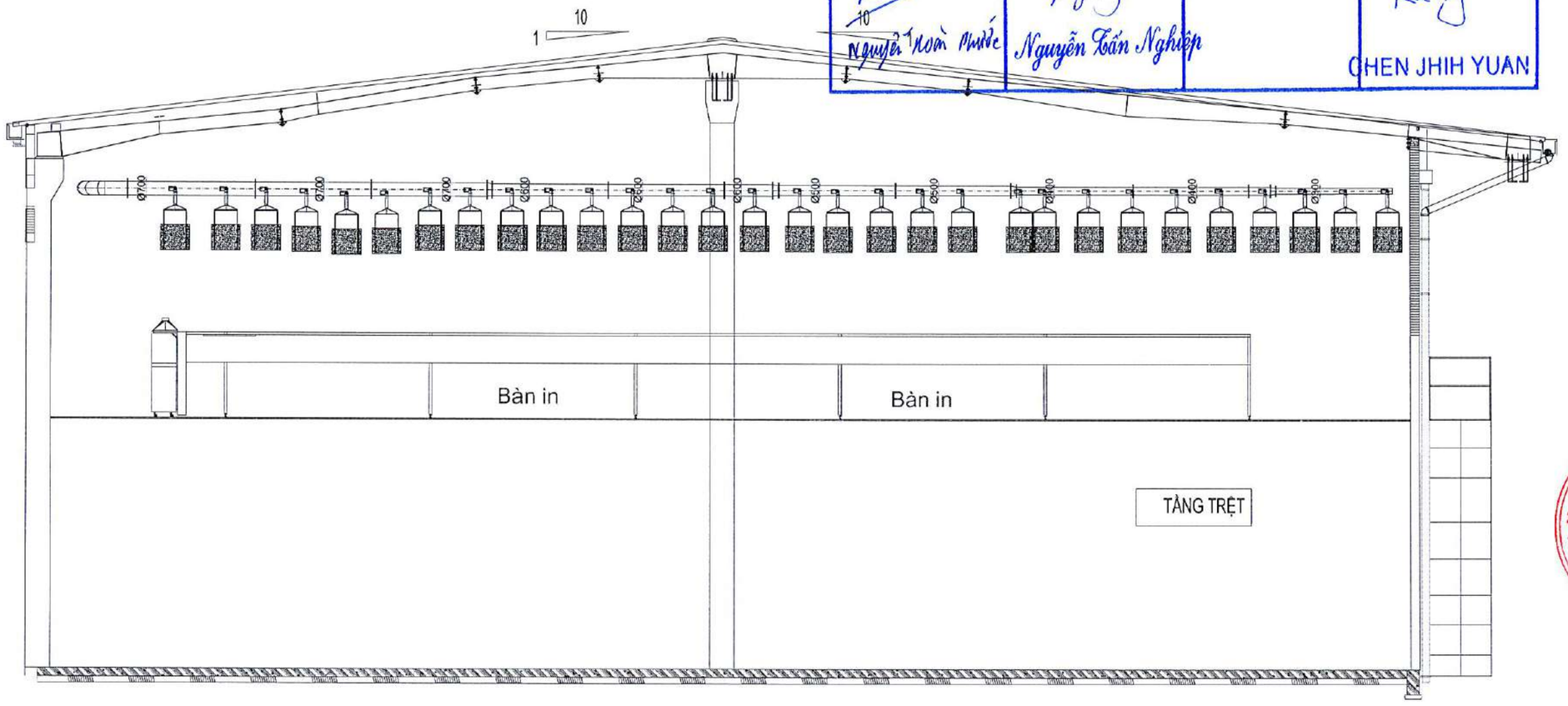
HỒ SƠ:	BVTK	HOÀN THÀNH:	5/2025
TỈ LỆ:	1/100	BẢN VẼ SỐ:	**KT-02**

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.11...Năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng	Tư vấn giám sát	Chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Hoàn Phước	Nguyễn Tấn Nghiệp		CHEN JHIH YUAN



MẶT CẮT B/(1-2)
HỆ THỐNG 1

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

GIÁM ĐỐC:
CHEN JHIH YUAN

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI HƠI MỰC IN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành TP. Đồng Xoài - tỉnh Đồng Phước

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

Huynh Van
Solution for future

TRỤ SỞ: Số 59/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIÁM ĐỐC:
HUỲNH VĂN VIỆT

THIẾT KẾ:
HUỲNH VĂN VIỆT

KIỂM TRA:
NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN:
NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HẠNG MỤC:
THIẾT KẾ CƠ SỞ

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT B/(1-2)
HỆ THỐNG 1

HỒ SƠ:	BVTK	HOÀN THÀNH: 5/2025	
TỈ LỆ:	1/100	BẢN VẼ SỐ:	**KT-D3**

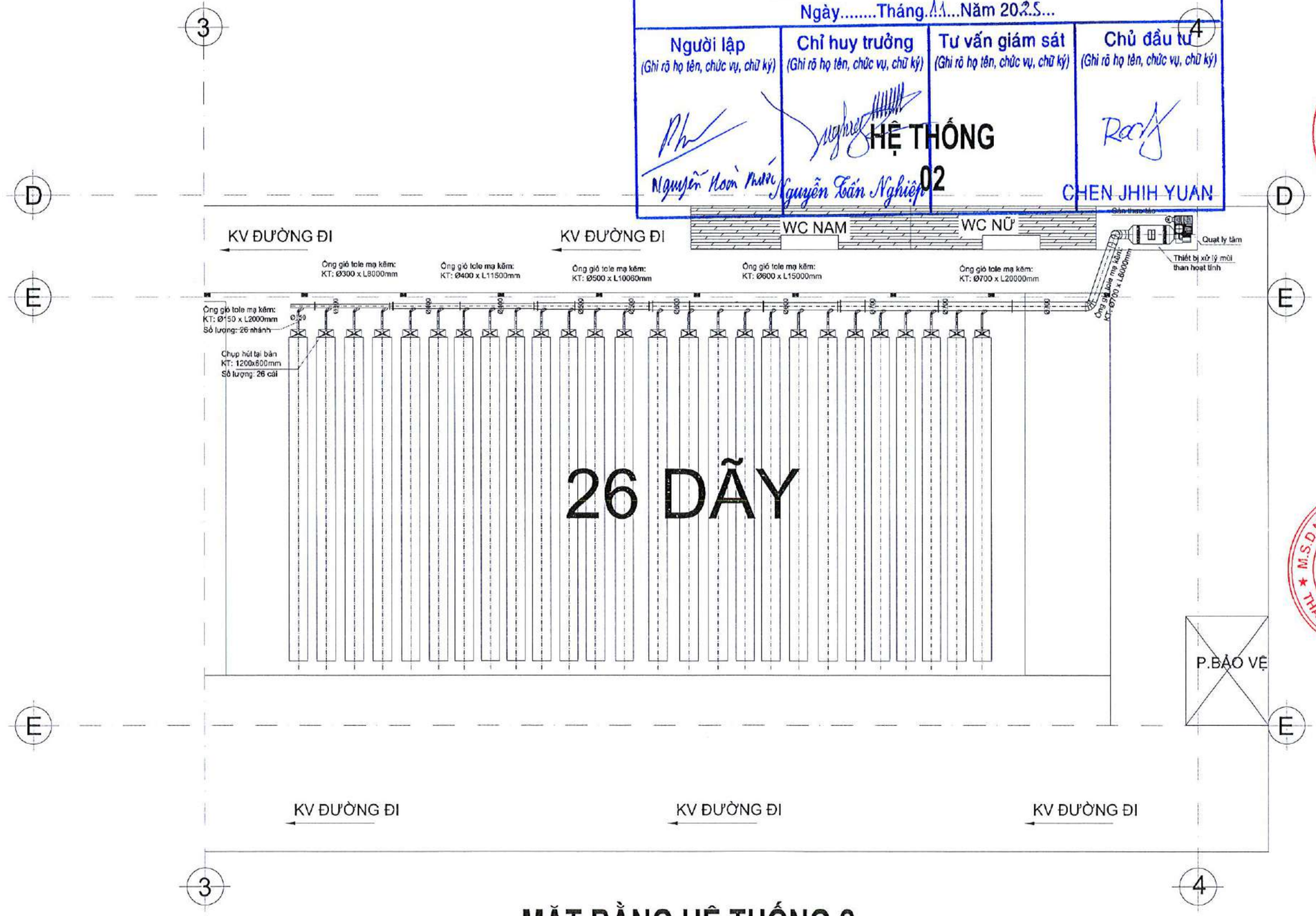
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.11...Năm 2025...

Người lập	Chỉ huy trưởng	Tư vấn giám sát	Chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Hoàn Phước	Nguyễn Tấn Nghiệp		CHEN JHIH YUAN

HỆ THỐNG 02



MẶT BẰNG HỆ THỐNG 2

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

GIÁM ĐỐC:
CHEN JHIH YUAN

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI HƠI MỰC IN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành TP. Đồng Xoài - tỉnh Đồng Phước

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN
Huynh Van
Solution for future
Trụ sở: Số 58/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIÁM ĐỐC: HUỲNH VĂN VIỆT

THIẾT KẾ: HUỲNH VĂN VIỆT

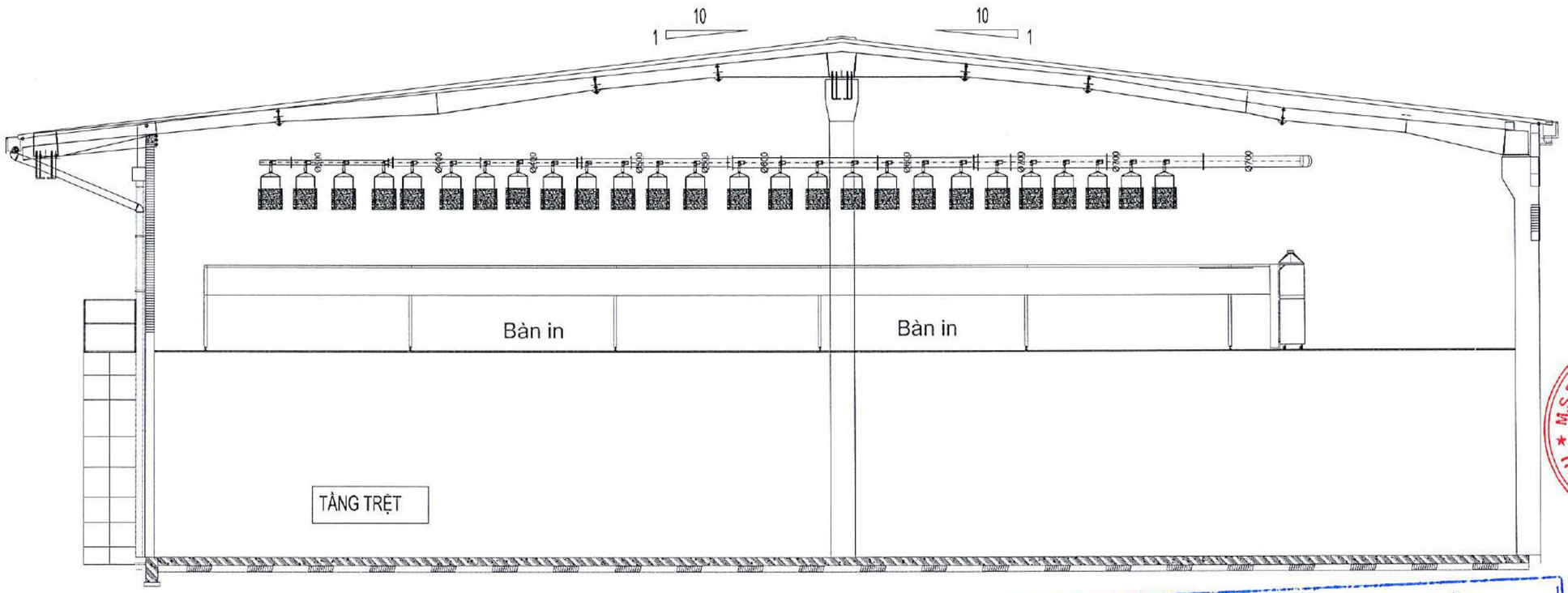
KIỂM TRA: NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN: NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HẠNG MỤC: THIẾT KẾ CƠ SỞ

TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG HỆ THỐNG 2

HỒ SƠ:	BVTK	HOÀN THÀNH: 5/2025
TỈ LỆ:	1/100	BẢN VẼ SỐ: KT-04



MẶT CẮT E/(3-4)
HỆ THỐNG 2

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.11....Năm 2025...

Người lập	Chỉ huy trưởng	Tư vấn giám sát	Chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Hoàn Phước	Nguyễn Tấn Nghiệp		CHEN JHIH YUAN

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

M.S.D.N: 3600108396 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN P.ĐỒNG XOÀI - T.ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC:
CHEN JHIH YUAN

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI HƠI MỰC IN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành TP. Đồng Xoài - tỉnh Đồng Phước

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

Huynh Van
Solution for future

Địa chỉ: 65A/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

M.S.D.N: 0314... CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC:
HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ:
HUỲNH VĂN VIỆT

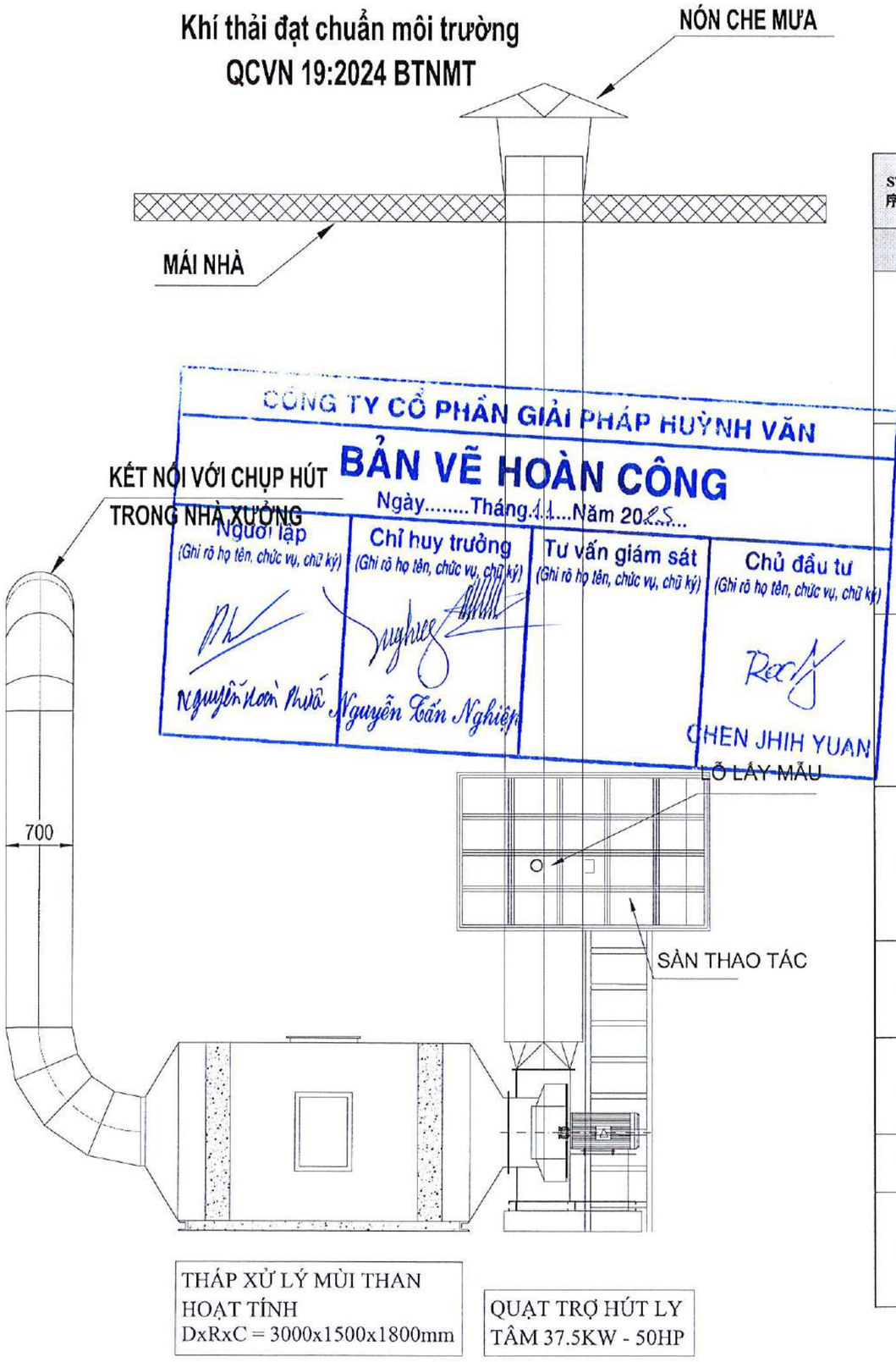
KIỂM TRA:
NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN:
NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HẠNG MỤC:
THIẾT KẾ CƠ SỞ

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT E/(3-4)
HỆ THỐNG 2

HỒ SƠ:	BVTK	HOÀN THÀNH: 5/2025
TỈ LỆ:	1/100	BẢN VẼ SỐ: **KT-05**



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.11...Năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng	Tư vấn giám sát	Chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký)
Nguyễn Hoàn Phước	Nguyễn Tấn Nghiệp		CHEN JHIH YUAN

STT 序号	HẠNG MỤC 项目
	HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI IN Q=40.000 (M3/H)废气处理系统 IN Q = 40,000 (立方米/小时)
1	**Tháp xử lý mùi Than hoạt tính** **活性炭除味塔** KT: DxRxC: 3000x1500x1800 mm 尺寸：DxRxC：3000×1500×1800 毫米 活性炭层：100×100 毫米 处理风量：Q = 4,000 m³/h 电机：100% 铜线，保修 12 个月
2	**Quạt ly tâm: 50HP (37.5kW)** 离心风机：50HP（37.5kW） 型号：F.105 材质：CT3 钢板厚 2mm 风量：40,000 m³/h 压力：2000 Pa 转速：1450 rpm 电机：三相，380V/50Hz，100% 铜线 保修 12 个月
3	**Tủ điện điều khiển Quạt 50HP: biến tần 37.5kW** **50HP 风机控制电箱：变频器 37.5kW** 配有：MCCB 断路器、接触器、热继电器、启动/停止按钮、急停按钮、相序指示灯（R,S,T）、电压表、电流表 电缆线：3×25mm² 从主电箱至控制电箱 控制箱与主机之间的距离不超过 5 米 主电箱至控制箱的电缆已包含在内
4	**Chụp hút mùi bàn in lụa** Kích thước: WxLxH: 1200x600x300(mm) 尺寸：WxLxH：1200×600×300 毫米 Họng thoát khí: D150mm 排气口直径：D150 毫米 Mặt hong hút có lưới chắn vuông 10mmx10mm 侧面吸气口配有 10mm×10mm 方形滤网
5	**Ống thải, phụ kiện: D800mmxH800mm** **副配件排气管：D800mm×H800mm** 主排气口直径：Ø800 毫米 采样口：2 个，间距 90–110mm 标准：TT10-BTNMT
6	**Đỡ bệ tôn đặt hệ thống** **系統安裝支撐架** Kích thước: L5000×W2000×H1500mm 尺寸：L5000×W2000×H1500 毫米
7	**Sàn thao tác lấy mẫu khí thải đầu ra theo chuẩn TT10-BTNMT** 废气出口采样平台（符合 **TT10-BTNMT** 标准）
8	**Ống gió phụ kiện ống gió:** Ống gió hộp kênh: D1500mm–D800mm dày 0.6mm–1.2mm 通风风管：D1500mm–D800mm，厚度 0.6mm–1.2mm Phụ kiện (giám, co, măng sông, bích, bịt, đỡ...) 配件（缩口、弯头、连接器、法兰、封头、支架...）

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

M.S.D.N: 3601083966 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN P. ĐỒNG XOÀI-T. ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC: CHEN JHIH YUAN

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI HƠI MỰC IN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành TP. Đồng Xoài - tỉnh Đồng Phước

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

Huynh Van Solution for future

TRỤ SỞ: Số 59/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

M.S.D.N: 0315310872 CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC: HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ: HUỲNH VĂN VIỆT

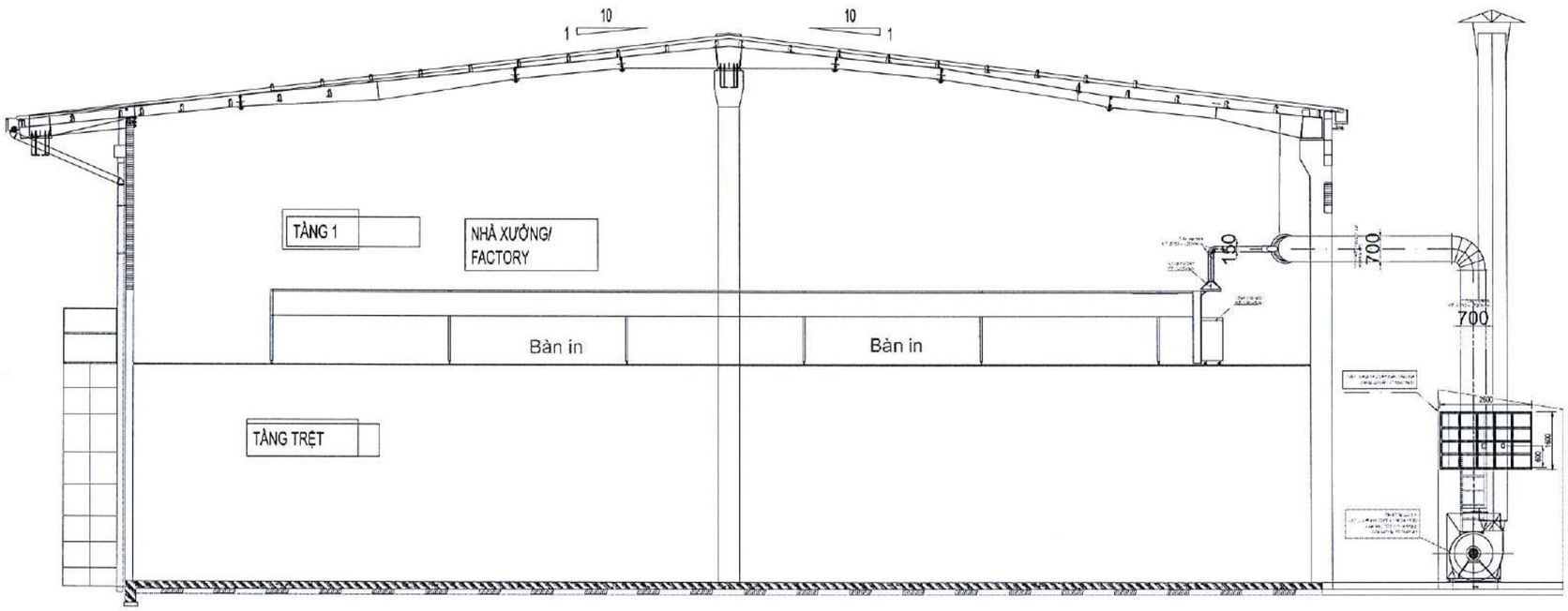
KIỂM TRA: NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN: NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

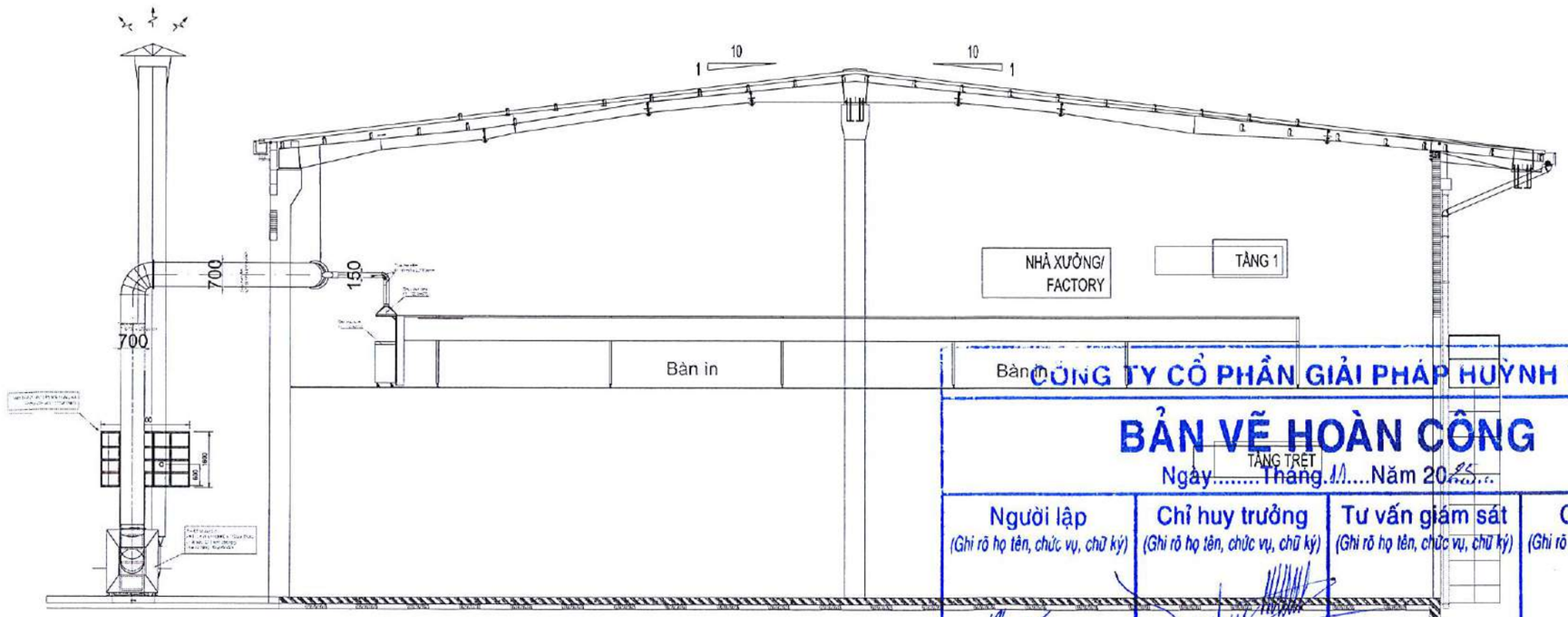
HẠNG MỤC:
THIẾT KẾ CƠ SỞ

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI 1&2

HỒ SƠ:	BVTK	HOÀN THÀNH: 5/2025
TỈ LỆ:	1/100	BẢN VẼ SỐ: **KT-06**



MẶT CẮT 4/ (D-E)



MẶT CẮT 1/(A-B)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.11....Năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng	Tư vấn giám sát	Chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Hoàn Phước	Nguyễn Tấn Nghiệp		CHEN JHIH YUAN

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIẦY DÉP GRAND GAIN

GIÁM ĐỐC:
CHEN JHIH YUAN

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI HƠI MỰC IN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành TP. Đồng Xoài - tỉnh Đồng Phước

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

Huynh Van
Solution for Future

TRỤ SỞ: Số 59/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIÁM ĐỐC:
HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ:
HUỲNH VĂN VIỆT

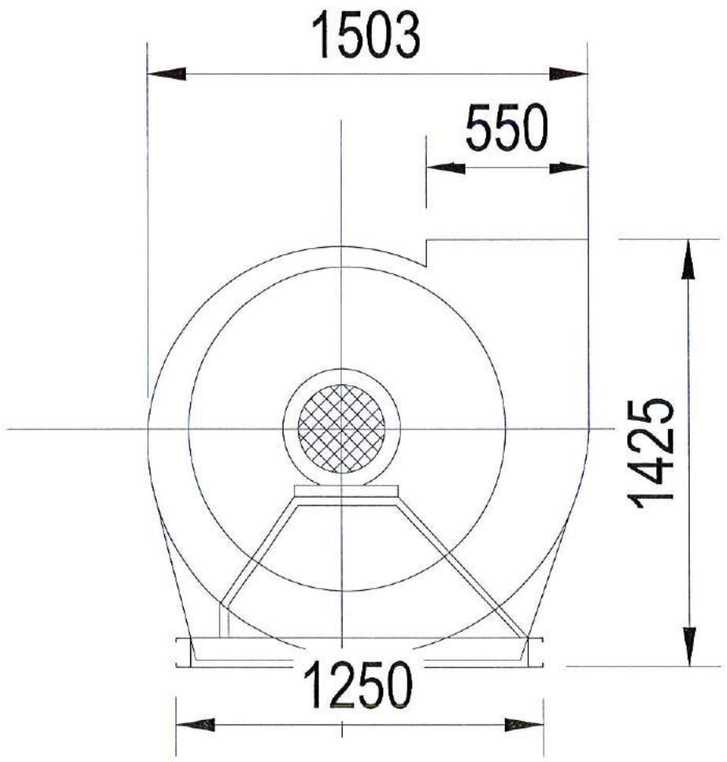
KIỂM TRA:
NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN:
NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

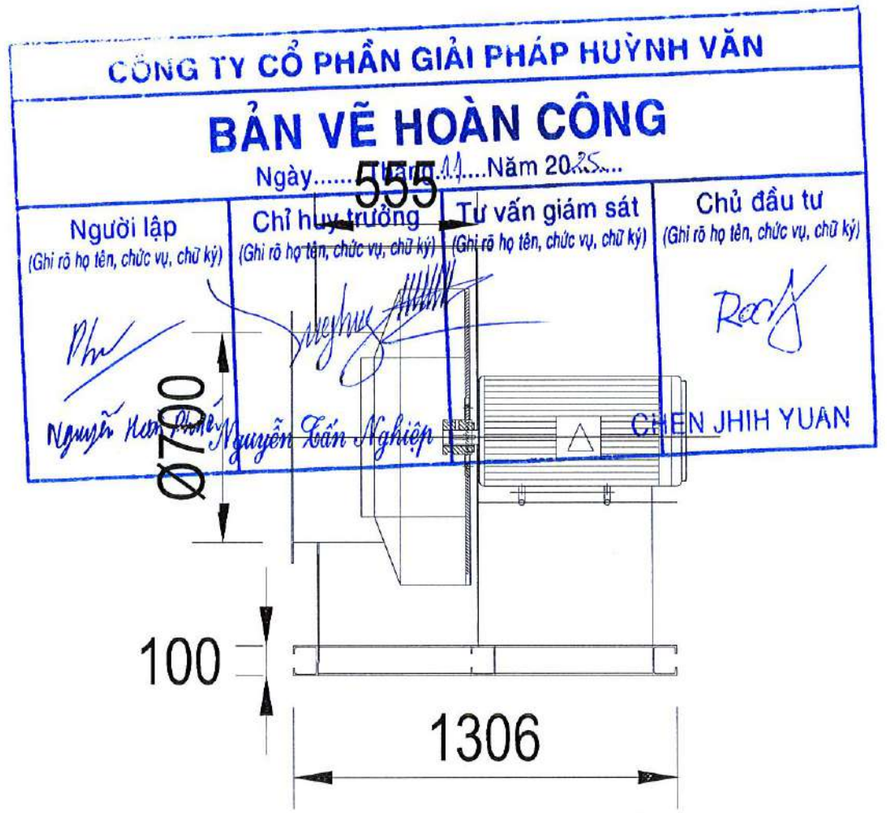
HẠNG MỤC:
THIẾT KẾ CƠ SỞ

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT 4/(D-E)
MẶT CẮT 1/(A-B)

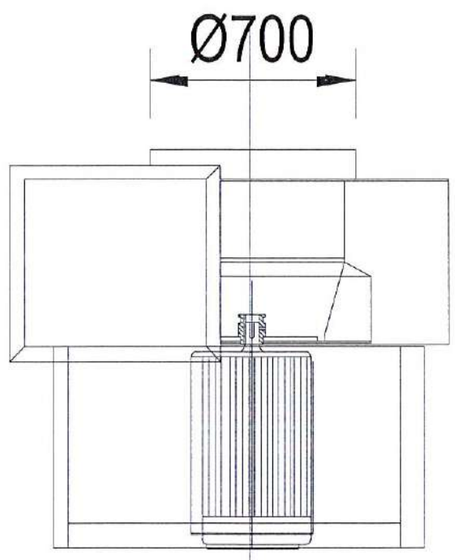
HỒ SƠ:	BVTK	HOÀN THÀNH: 5/2025
TỈ LỆ:	1/100	BẢN VẼ SỐ: **KT-07**



MẶT ĐỨNG QUẠT LY TÂM



MẶT CẠNH QUẠT LY TÂM



MẶT BẰNG QUẠT LY TÂM

Quạt ly tâm: 50HP (37.5kW).
- Model: F-105
- Vật liệu: Thép CT3
- Lưu lượng:40,000 m3/h
- Vòng quay: 1450 m/s
-Tần số: 50hz

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

M.S.D.N: 3801083966 C.T.T.N.H.H. SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN P. ĐỒNG XOÀI - T. BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC:
CHEN JHIH YUAN

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI HƠI MỰC IN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành TP. Đồng Xoài - tỉnh Đồng Phước

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN
Huynh Van
Solution for Future
Trụ sở: Số 9a/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

M.S.D.N: 0316310827 CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC:
HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ:
HUỲNH VĂN VIỆT

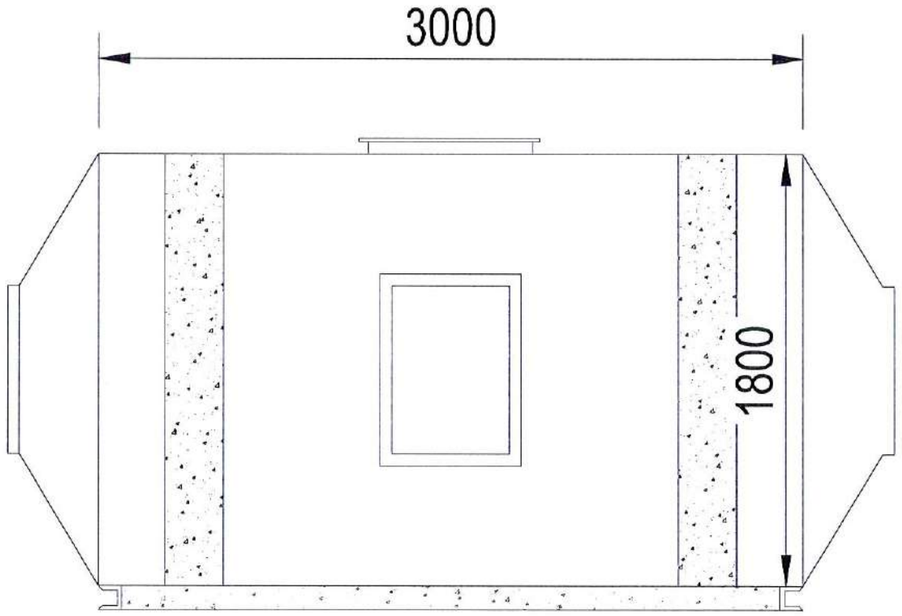
KIỂM TRA:
NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN:
NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

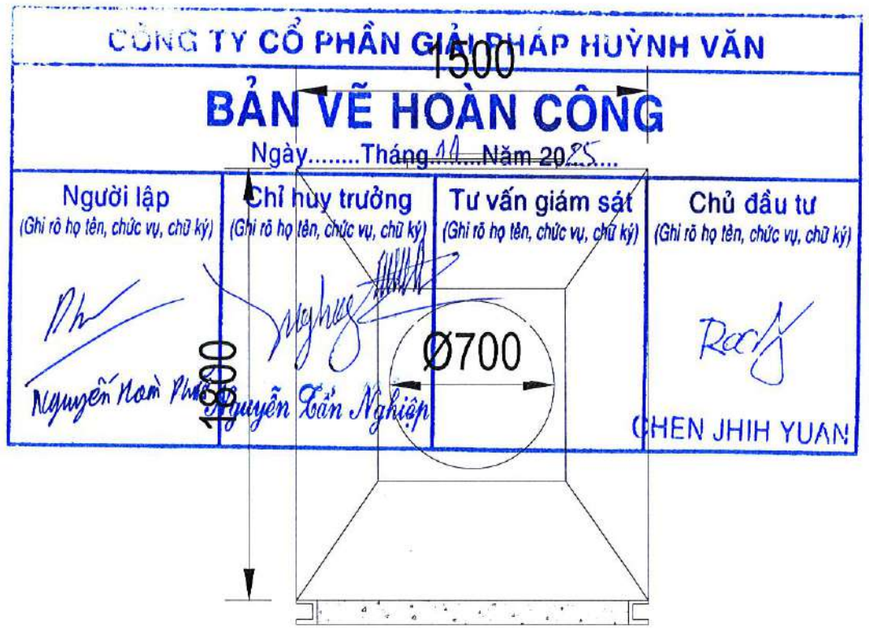
HẠNG MỤC:
THIẾT KẾ CƠ SỞ

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT QUẠT LY TÂM

HỒ SƠ:	BVTK	HOÀN THÀNH: 5/2025
TỈ LỆ:	1/100	BẢN VẼ SỐ: KT-D8



MẶT ĐỨNG THÙNG THAN



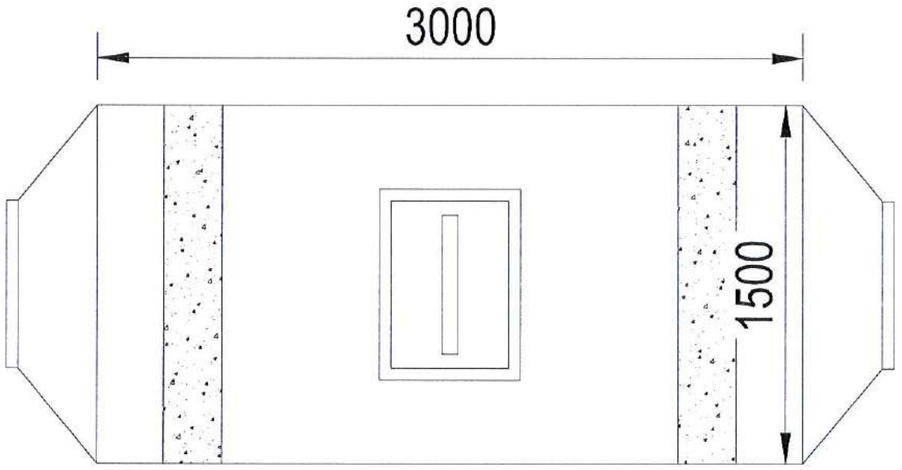
MẶT CẠNH THÙNG THAN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng 11 Năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng	Tư vấn giám sát	Chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Hoàn Phước	Nguyễn Tấn Nghiệp		CHEN JHIH YUAN



MẶT BẰNG THÙNG THAN

THIẾT BỊ XỬ LÝ:
- KT: L x W x H (3000 x 1500 x 1800)
- Vật liệu: CT3 sơn chống gỉ
- Lưu Lượng: 40.000m3/h

THIẾT BỊ LỌC:
-Than tổ ong
-Kích thước: 100x100mm
- Số lớp lọc: 2 lớp

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

GIÁM ĐỐC:
CHEN JHIH YUAN

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI HƠI MỰC IN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành TP. Đồng Xoài - tỉnh Đồng Phước

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN
Huynh Van
Solution for future
Trụ sở: Số 59/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIÁM ĐỐC:
HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ:
HUỲNH VĂN VIỆT

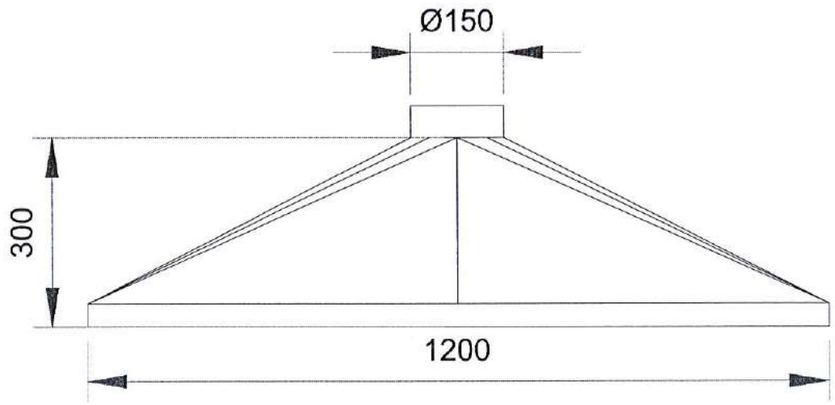
KIỂM TRA:
NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN:
NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HẠNG MỤC:
THIẾT KẾ CƠ SỞ

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT THÙNG THANG

HỒ SƠ:	BVTK	HOÀN THÀNH: 5/2025
TỈ LỆ:	1/100	BẢN VẼ SỐ: **KT-09**



MẶT ĐỨNG CHỤP HÚT

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

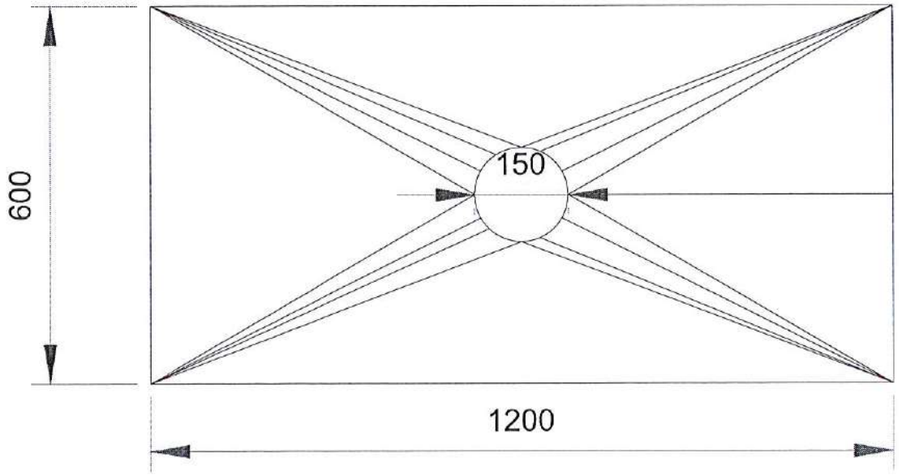
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....11.....Năm 2025.....

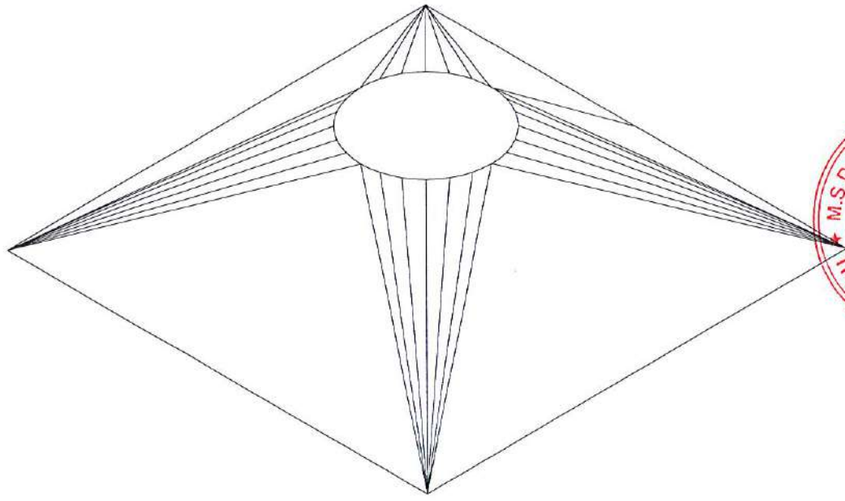
Người lập	Chỉ huy trưởng	Tư vấn giám sát	Chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Hoàn Phước	Nguyễn Tấn Nghiệp		CHEN JHIH YUAN



MẶT CẠNH CHỤP HÚT



MẶT BẰNG CHỤP HÚT



Chụp hút :
- Vật liệu: Tole mạ kẽm
- Kích thước: (L x W x H) 1200x600x300 mm
- Số lượng: 56 cái

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

M.S.D.N: 3801083962 C.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN P. ĐỒNG XOÀI T. BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC:
CHEN JHIH YUAN

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI HƠI MỰC IN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 cụm D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành TP. Đồng Xoài - tỉnh Đồng Phước

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN
Huynh Van Solution for future
Lô 32-34-36 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

M.S.D.N: 0316310... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC:
HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ:
HUỲNH VĂN VIỆT

KIỂM TRA:
NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN:
NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HẠNG MỤC:
THIẾT KẾ CƠ SỞ

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CHỤP HÚT

HỒ SƠ:	BVTK	HOÀN THÀNH: 5/2025
TỈ LỆ:	1/100	BẢN VẼ SỐ: KT-10

Huynh Van
Solution for future

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP
HUỲNH VĂN

ĐỊA CHỈ: SỐ 59/20 TRẦN BÌNH TRỌNG, PHƯỜNG BÌNH LỢI TRUNG, TP HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

VĂN PHÒNG GIAO DỊCH: SỐ 68 ĐƯỜNG 15 - KHU ĐÔ THỊ VẠN PHÚC - TP. HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM

MTS : 0316310872 - DĐ : 0927.5555.72 Email: air@huynhvansolution.com

BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TỪ BÀN PHA SƠN XƯỞNG B

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

CÔNG TRÌNH : ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG B

ĐỊA CHỈ: LÔ D1 ĐẾN D14, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

TP. HỒ CHÍ MINH 11.2025

Huynh Van
Solution for future

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP
HUỲNH VĂN

ĐỊA CHỈ: SỐ 59/20 TRẦN BÌNH TRỌNG, PHƯỜNG BÌNH LỢI TRUNG, TP HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

VĂN PHÒNG GIAO DỊCH: SỐ 68 ĐƯỜNG 15 - KHU ĐÔ THỊ VẠN PHÚC - TP. HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM

MTS : 0316310872 - DĐ : 0927.5555.72 Email: air@huynhvansolution.com

BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TỪ BÀN PHA SƠN XƯỞNG B

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

CÔNG TRÌNH : ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ XƯỞNG B

ĐỊA CHỈ: LÔ D1 ĐẾN D14, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

TP. HỒ CHÍ MINH 11.2025

BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TỪ BÀN PHA SƠN XƯỞNG B

DỰ ÁN: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TỪ BÀN PHA SƠN

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: LÔ D1 ĐẾN D14, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

M.S.D.N: 3801...6 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN P.ĐỒNG XOÀI-T.ĐỒNG NAI

CHEN JHIH YUAN

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

M.S.D.N: 0316310872 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC
Huỳnh Văn Việt

THÁNG 11 NĂM 2025

DANH MỤC BẢN VẼ

STT	SỐ HIỆU BẢN VẼ	HẠNG MỤC	TỈ LỆ
1	KT-00	DANH MỤC BẢN VẼ	NTS
2	KT-01	KHU VỰC BỐ TRÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI XƯỞNG B	NTS
3	KT-02	MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI XƯỞNG B	NTS
4	KT-03	MẶT CẮT NHÀ XƯỞNG B	NTS
5	KT-04	MẶT CẮT HỆ THỐNG KT 1	NTS
6	KT-05	MẶT CẮT HỆ THỐNG KT 2 & KT 3	NTS
7	KT-06	MẶT CẮT HỆ THỐNG KT 4	NTS
8	KT-07	MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH	NTS
9			
10			
11			
12			
13			
14			

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
01		
02		
03		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

M.S.D.N: 3801083966 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN - P. ĐỒNG XOÀI - T. ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC

CÔNG TRÌNH:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI _XƯỞNG B

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TỪ BÀN PHA SƠN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, Khu công nghiệp Đồng Xoài II, Phường Đồng Xoài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

TỔNG THẦU:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

Huynh Van

Solution for future

Trụ sở: 55-57-59 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

M.S.D.N: 0315210... - CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC

HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ:

HUỲNH VĂN VIỆT

KIỂM TRA:

NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN:

NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HỒ SƠ

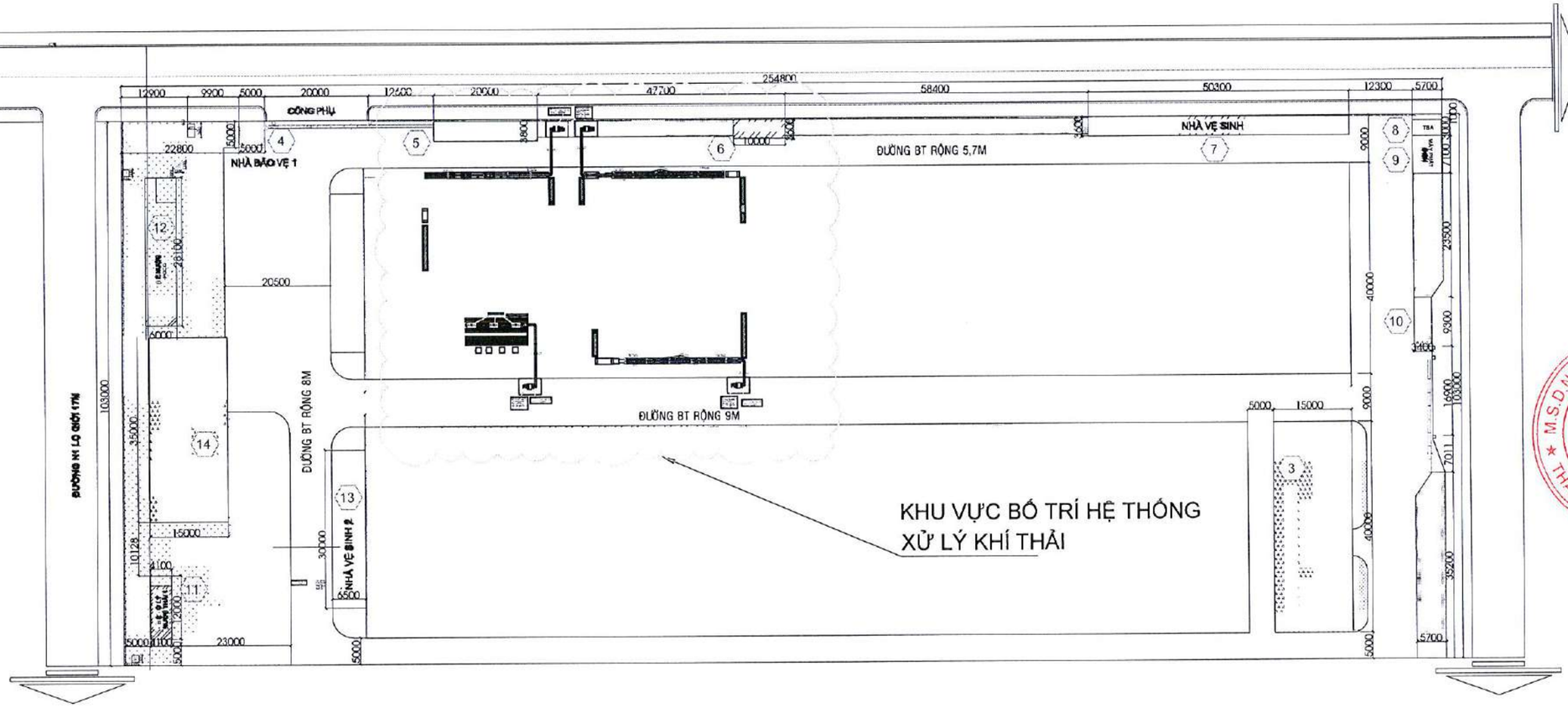
- THIẾT KẾ CƠ SỞ
BASIC DESIGN DRAWING
- BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
TECHNICAL DESIGN DRAWING
- BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
CONSTRUCTION DRAWING
- BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ:

Danh mục

HOÀN THÀNH: 11/2025

TỈ LỆ: 1/100 BẢN VẼ SỐ: KT-00



MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG B

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
01		
02		
03		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

M.S.D.N: 3801083966-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
P.ĐỒNG XOÀI-T.ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TRÌNH:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI _XƯỞNG B

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TỪ BẢN PHA SƠN

ĐỊA ĐIỂM: Lô 01 dãn D14, Khu công nghiệp Đồng Xoài II, Phường Đồng Xoài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

TỔNG THẦU:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

Huynh Van
Solution for future

Địa chỉ: 58/59/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

M.S.D.N: 0312...
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC: HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ: HUỲNH VĂN VIỆT

KIỂM TRA: NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN: NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HỒ SƠ

- THIẾT KẾ CƠ SỞ
BASIC DESIGN DRAWING
- BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
TECHNICAL DESIGN DRAWING
- BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
CONSTRUCTION DRAWING
- BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ:

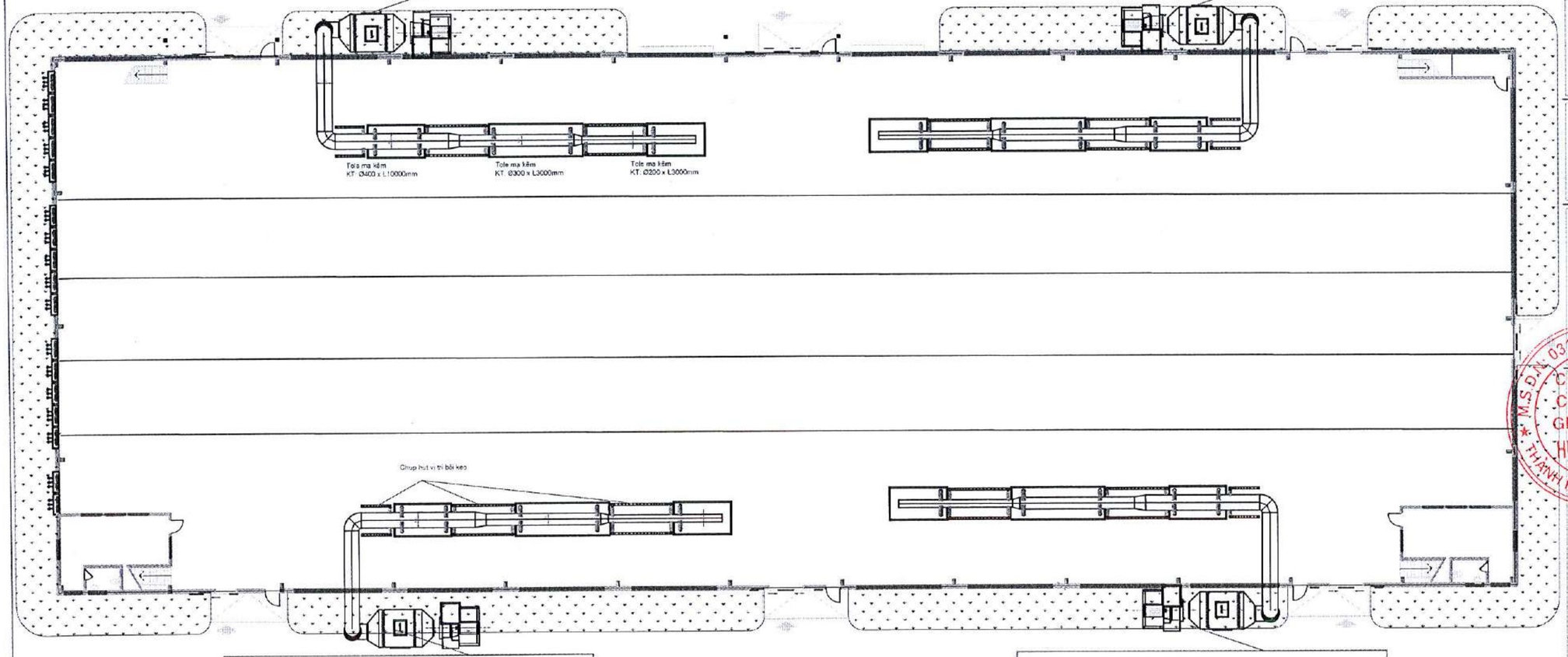
MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG XLKT NHÀ XƯỞNG B

HOÀN THÀNH: 11/2025

TỈ LỆ: 1/100 BẢN VẼ SỐ: KT-01

HỆ SỐ KT1:
+ Quạt ly tâm:
- Lưu lượng: 10.000 CMH
- Áp suất: 1350 Pa
- Vòng quay: 1450 r/min
- Công suất: 7.5 kW, 3P, 380V/50Hz
+ Thùng than hoạt tính
- Lưu lượng: 7.500 CMH
- Kích thước: LxWxH; 1.8 m x 1.2 m x 1.2m
- Vật liệu: Thép CT3, sơn chống gỉ

HỆ SỐ KT2:
+ Quạt ly tâm:
- Lưu lượng: 10.000 CMH
- Áp suất: 1350 Pa
- Vòng quay: 1450 r/min
- Công suất: 7.5 kW, 3P, 380V/50Hz
+ Thùng than hoạt tính
- Lưu lượng: 7.500 CMH
- Kích thước: LxWxH; 1.8 m x 1.2 m x 1.2m
- Vật liệu: Thép CT3, sơn chống gỉ



HỆ SỐ KT4:
+ Quạt ly tâm:
- Lưu lượng: 10.000 CMH
- Áp suất: 1350 Pa
- Vòng quay: 1450 r/min
- Công suất: 7.5 kW, 3P, 380V/50Hz
+ Thùng than hoạt tính
- Lưu lượng: 7.500 CMH
- Kích thước: LxWxH; 1.8 m x 1.2 m x 1.2m
- Vật liệu: Thép CT3, sơn chống gỉ

HỆ SỐ KT3:
+ Quạt ly tâm:
- Lưu lượng: 10.000 CMH
- Áp suất: 1350 Pa
- Vòng quay: 1450 r/min
- Công suất: 7.5 kW, 3P, 380V/50Hz
+ Thùng than hoạt tính
- Lưu lượng: 7.500 CMH
- Kích thước: LxWxH; 1.8 m x 1.2 m x 1.2m
- Vật liệu: Thép CT3, sơn chống gỉ

MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG B

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
01		
02		
03		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
M.S.D.N: 3801083966 - C.T.T.N - CÔNG TY - SẢN XUẤT GIÀY DÉP - GRAND GAIN - P. ĐỒNG XOÀI - T. ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI _XƯỞNG B

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TỪ BÀN PHA SƠN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, Khu công nghiệp Đồng Xoài II, Phường Đồng Xoài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN
Huynh Van Solution for future
TRỤ SỞ: Số 59/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
M.S.D.N: 0310... - CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC: HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ: HUỲNH VĂN VIỆT

KIỂM TRA: NGUYỄN TẤN NGHIỆP

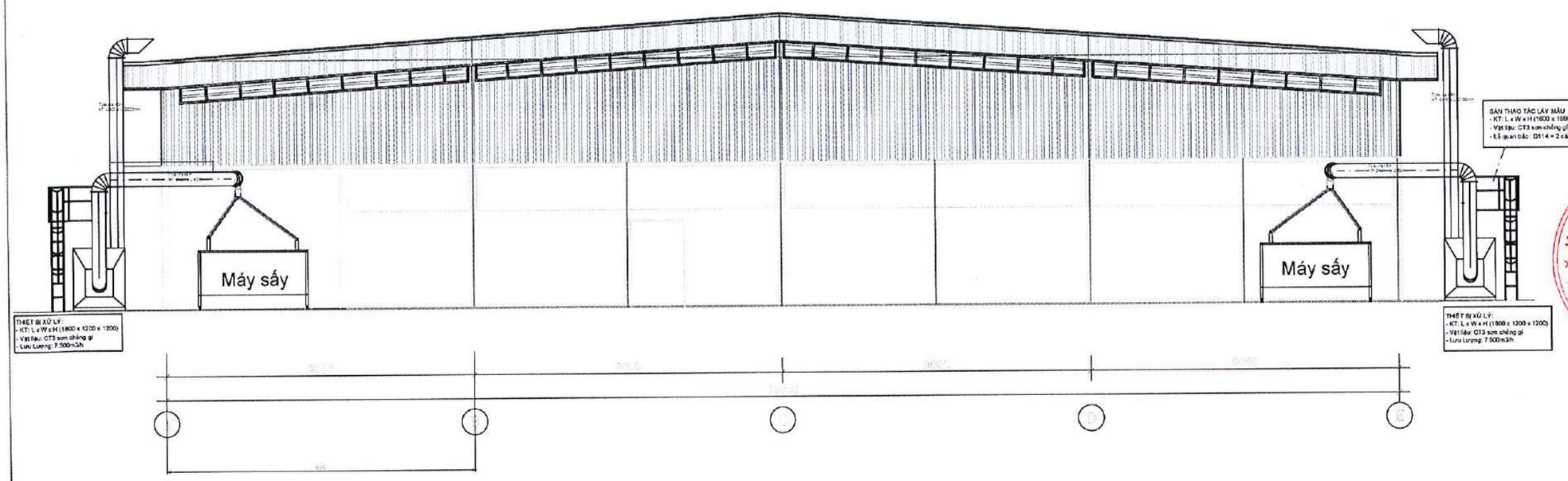
THỂ HIỆN: NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HỒ SƠ
- THIẾT KẾ CƠ SỞ — BASIC DESIGN DRAWING
- BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT — TECHNICAL DESIGN DRAWING
- BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG — CONSTRUCTION DRAWING
- BẢN VẼ HOÀN CÔNG — AS BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG XLKT NHÀ XƯỞNG B

HOÀN THÀNH: 11/2025

TỈ LỆ: 1/100 BẢN VẼ SỐ: KT-02



MẶT CẮT NHÀ XƯỞNG B

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
01		
02		
03		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TRÌNH:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI _XƯỞNG B

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TỪ BÀN PHA SƠN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, Khu công nghiệp Đồng Xoài II, Phường Đồng Xoài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

TỔNG THẦU:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

Huynh Van
Solution For Future

Tầu Sơn: Số 35/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIÁM ĐỐC: HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ: HUỲNH VĂN VIỆT

KIỂM TRA: NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN: NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

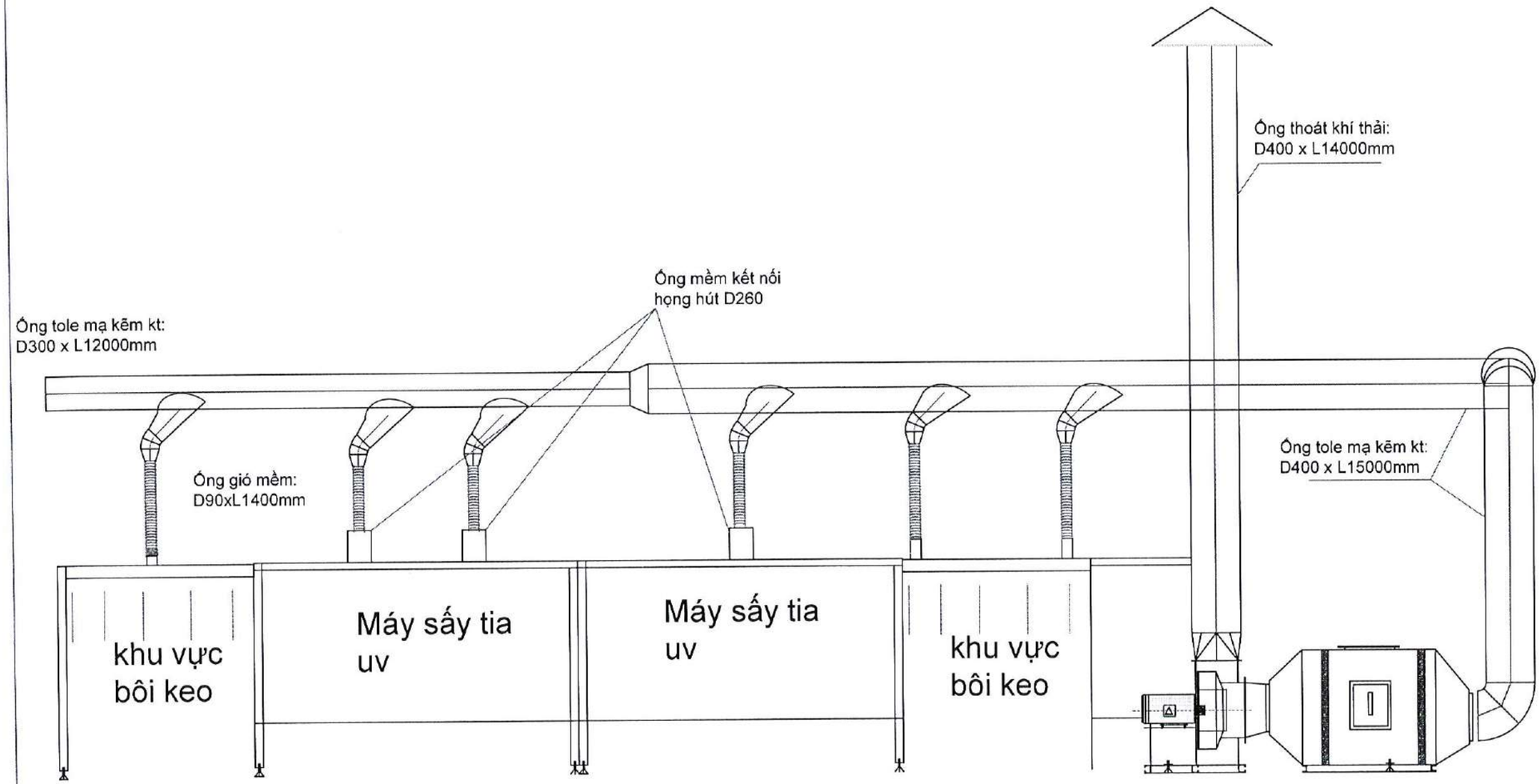
HỒ SƠ	
	- THIẾT KẾ CƠ SỞ BASIC DESIGN DRAWING
	- BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT TECHNICAL DESIGN DRAWING
	- BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG CONSTRUCTION DRAWING
	- BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT NHÀ XƯỞNG B

HOÀN THÀNH: 11/2025

TỈ LỆ: 1/100 BẢN VẼ SỐ: **KT-03**



THIẾT BỊ XỬ LÝ:
- KT: L x W x H (1800 x 1200 x 1200)
- Vật liệu: CT3 sơn chống gỉ
- Lưu Lượng: 7.500m3/h

HỆ THỐNG KT 1

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
01		
02		
03		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI _XƯỞNG B

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TỪ BÀN PHA SƠN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, Khu công nghiệp Đồng Xoài II, Phường Đồng Xoài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

Trụ sở: Số 59/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIÁM ĐỐC: HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ: HUỲNH VĂN VIỆT

KIỂM TRA: NGUYỄN TẤN NGHIỆP

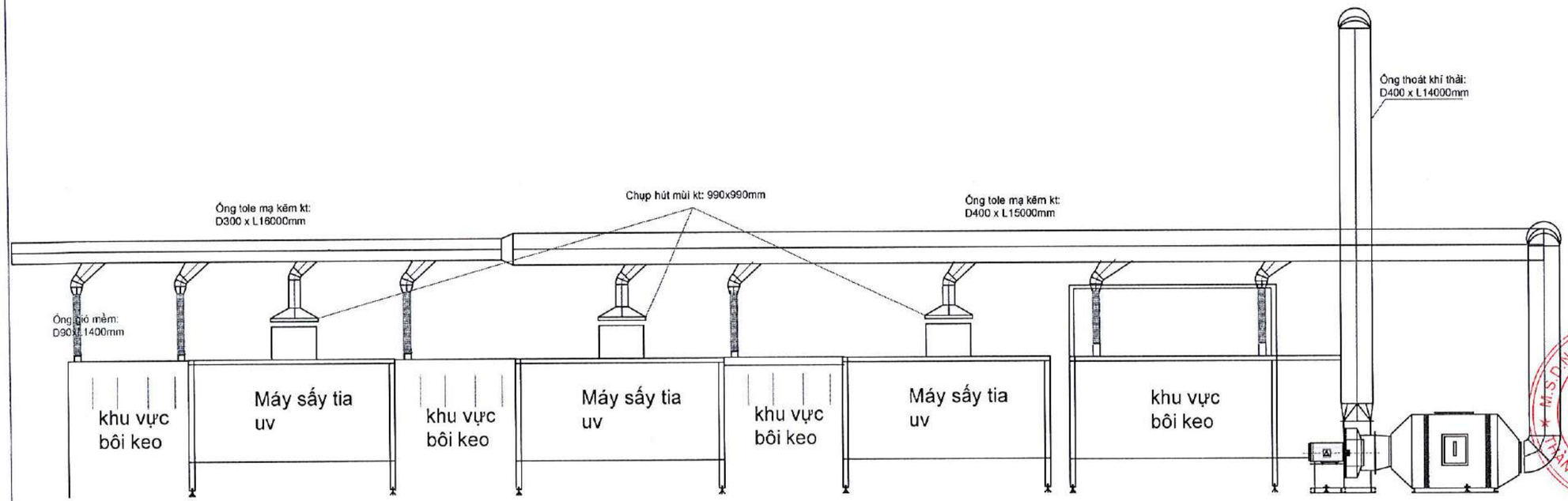
THỂ HIỆN: NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HỒ SƠ	
	- THIẾT KẾ CƠ SỞ BASIC DESIGN DRAWING
	- BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT TECHNICAL DESIGN DRAWING
	- BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG CONSTRUCTION DRAWING
	- BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT
HỆ THỐNG KT 1

HOÀN THÀNH: 11/2025

TỈ LỆ: 1/100 BẢN VẼ SỐ: KT-04



THIẾT BỊ XỬ LÝ:
- KT: L x W x H (1800 x 1200 x 1200)
- Vật liệu: CT3 sơn chống gỉ
- Lưu Lượng: 7.500m3/h

HỆ THỐNG KT 2 & KT 3

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
01		
02		
03		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

GIÁM ĐỐC

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI _XƯỞNG B

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TỪ BÀN PHA SƠN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, Khu công nghiệp Đồng Xoài II, Phường Đồng Xoài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

Huynh Van
Solution for Future

Trụ sở: Số 59/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIÁM ĐỐC: HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ: HUỲNH VĂN VIỆT

KIỂM TRA: NGUYỄN TẤN NGHIỆP

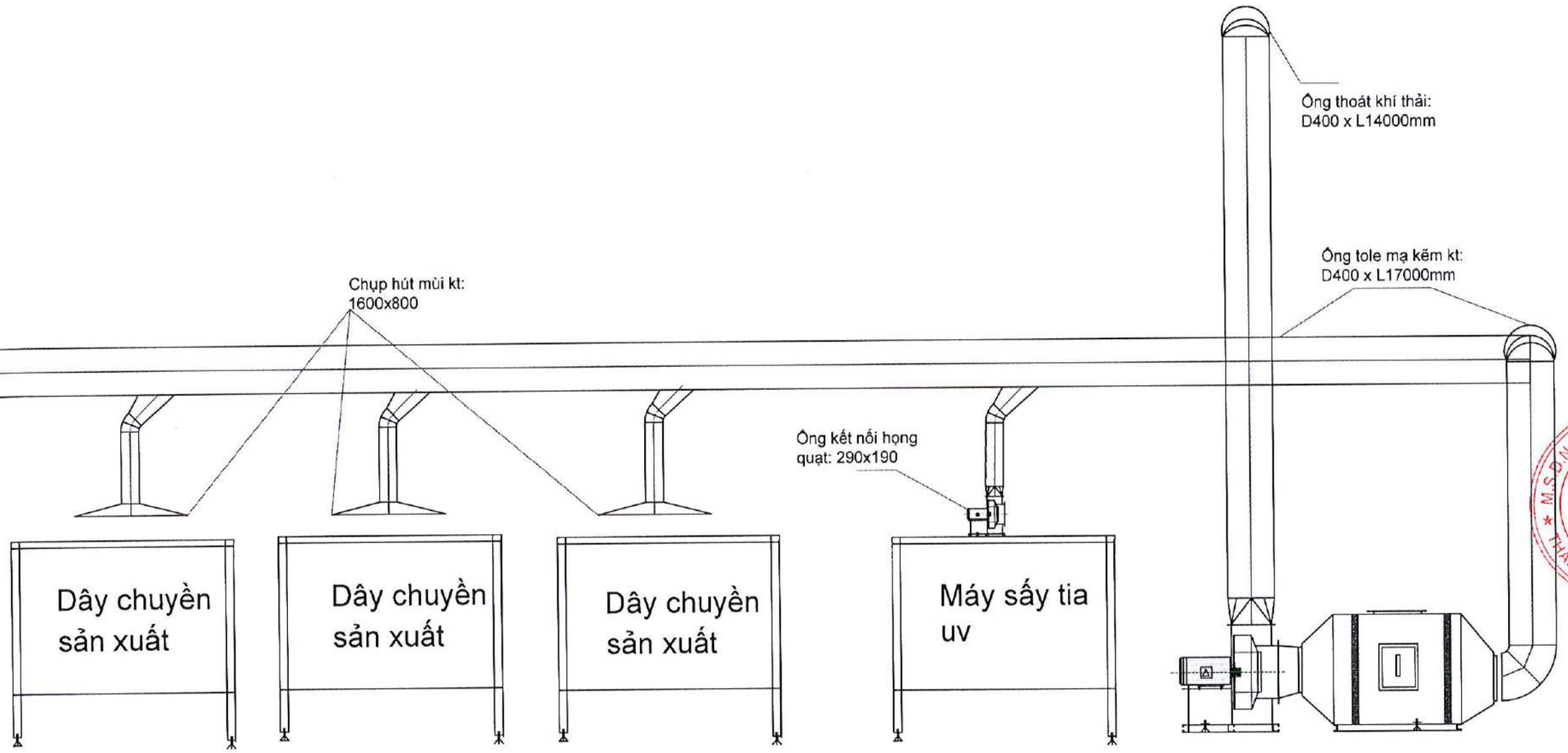
THỂ HIỆN: NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HỒ SƠ
- THIẾT KẾ CƠ SỞ
BASIC DESIGN DRAWING
- BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
TECHNICAL DESIGN DRAWING
- BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
CONSTRUCTION DRAWING
- BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT
HỆ THỐNG KT 2 & KT 3

HOÀN THÀNH: 11/2025

TỈ LỆ: 1/100 BẢN VẼ SỐ: KT-05



THIẾT BỊ XỬ LÝ:
- KT: L x W x H (1800 x 1200 x 1200)
- Vật liệu: CT3 sơn chống gỉ
- Lưu Lượng: 7.500m3/h

HỆ THỐNG KT 4

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
01		
02		
03		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

GIÁM ĐỐC

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI _XƯỞNG B

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TỪ BÀN PHA SƠN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, Khu công nghiệp Đồng Xoài II, Phường Đồng Xoài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

Huynh Van Solution for future

TRỤ SỞ: Số 59/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

GIÁM ĐỐC: HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ: HUỲNH VĂN VIỆT

KIỂM TRA: NGUYỄN TẤN NGHIỆP

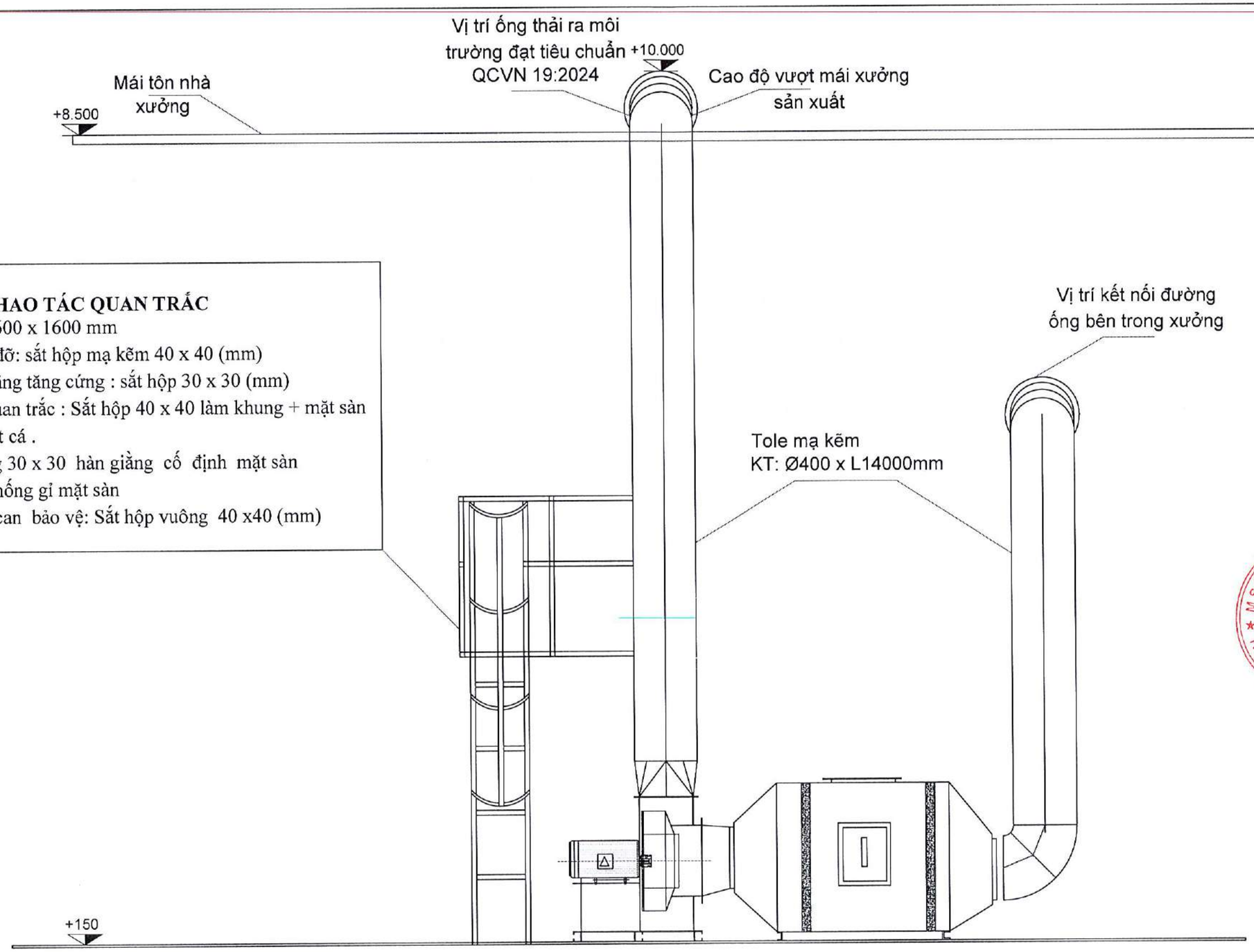
THỂ HIỆN: NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HỒ SƠ	
	- THIẾT KẾ CƠ SỞ BASIC DESIGN DRAWING
	- BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT TECHNICAL DESIGN DRAWING
	- BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG CONSTRUCTION DRAWING
	- BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT
HỆ THỐNG KT 4

HOÀN THÀNH: 11/2025

TỈ LỆ: 1/100 BẢN VẼ SỐ: KT-06



SÀN THAO TÁC QUAN TRẮC

-KT: 1600 x 1600 mm

- Chân đỡ: sắt hộp mạ kẽm 40 x 40 (mm)
- Sắt giằng tăng cứng : sắt hộp 30 x 30 (mm)
- Sàn quan trắc : Sắt hộp 40 x 40 làm khung + mặt sàn lưới mắt cá .
- Vuông 30 x 30 hàn giằng cố định mặt sàn
- Sơn chống gỉ mặt sàn
- Lang can bảo vệ: Sắt hộp vuông 40 x40 (mm)

Quạt ly tâm: 10HP (7.5kW).

- Vật liệu: Thép CT3 dày 2mm
- Lưu lượng:10,000 m3/h
- Áp suất: 1350 Pa
- Vòng quay : 1450 r/min
- Motor: 3pha, 380V/50Hz.
- Motor mới 100%
- Bảo hành 12 tháng.

THIẾT BỊ XỬ LÝ:

- KT: L x W x H (1800 x 1200 x 1200)
- Vật liệu: CT3 sơn chống gỉ
- Lưu Lượng: 7.500m3/h

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	NỘI DUNG
01		
02		
03		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

GIÁM ĐỐC:

M.S.D.N: 3801083966-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN P.ĐỒNG XOÀI-T.ĐỒNG NAI

CÔNG TRÌNH:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI _XƯỞNG B

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TỪ BÀN PHA SƠN

ĐỊA ĐIỂM: Lô D1 đến D14, Khu công nghiệp Đồng Xoài II, Phường Đồng Xoài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

TỔNG THẦU:
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN

Huynh Van Solution for future

B10-07, Số 59/20 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

M.S.D.N: 0312... CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP HUỲNH VĂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC: HUỲNH VĂN VIỆT

CHỦ TRÌ: HUỲNH VĂN VIỆT

KIỂM TRA: NGUYỄN TẤN NGHIỆP

THỂ HIỆN: NGUYỄN HOÀN PHƯỚC

HỒ SƠ

- THIẾT KẾ CƠ SỞ BASIC DESIGN DRAWING
- BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT TECHNICAL DESIGN DRAWING
- BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG CONSTRUCTION DRAWING
- BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH

HOÀN THÀNH: 11/2025

TỈ LỆ: 1/100 BẢN VẼ SỐ: KT-07